

LỜI GIỚI THIỆU

Trong không khí phấn khởi cùng cả nước chào mừng các ngày lễ lớn của dân tộc trong năm 2018; đặc biệt là tiến tới kỷ niệm 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai, toàn thể cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Đồng Nai ra sức thi đua lập thành tích, hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng và Ngành giao phó. Tôi rất vui mừng được tham gia cuộc thi “Tìm hiểu về giá trị Văn hóa - Lịch sử Đồng Nai năm 2018” do UBND tỉnh Đồng Nai tổ chức; qua đó tôi có dịp được tìm hiểu sâu hơn về những giá trị văn hóa – lịch sử, nhân vật lịch sử, sự kiện lịch sử, văn hóa và con người Đồng Nai qua các thời kỳ; đồng thời cũng nâng cao nhận thức về vai trò và trách nhiệm của bản thân, gia đình và tập thể cán bộ chiến sỹ Công an tỉnh Đồng Nai trong góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa - lịch sử của đất Đồng Nai trong thời gian tới.

Do tư duy và nhận thức của bản thân còn hạn chế; song song với việc phải nghiên cứu nhiều thông tin, tài liệu từ nhiều nguồn ở nhiều lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội; nên để đánh giá những nội dung theo đúng yêu cầu của bộ đề thi thì chắc hẳn sẽ có nhiều thiếu sót, hạn chế. Với tinh thần cầu thị, tôi rất mong nhận được ý kiến góp ý của Quý Ban Giám khảo để qua đó nâng cao nhận thức của bản thân về tư tưởng chính trị, kiến thức về văn hóa xã hội trong thời gian tới.

Câu 1: Trong 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa-Đồng Nai, nhân dân Đồng Nai đã trải qua các cuộc kháng chiến và cảm nhận của bản thân về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa-Đồng Nai

I. Vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai từ khi hình thành năm 1698 đến năm 1858:

1. Khai sơn mở cõi:

Đồng Nai là vùng đất “thiên thời- địa lợi- nhân hòa”, mà dân gian thường gọi là “đất lành chim đậu”. Có thể nói, đây một vùng đất đa dân tộc, đa tôn giáo, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Nơi đây là điểm hội tụ các cộng đồng cư dân, giao lưu lịch sử - văn hóa và phát triển kinh tế liên tục trải qua các thời kỳ. Trên mảnh đất giàu truyền thống Đồng Nai, đời đời thế hệ con cháu vẫn còn khắc ghi công khai sơn phá thạch của bậc vĩ nhân Đức Thượng Đẳng Thần Nguyễn Hữu Cảnh trên mảnh đất Cù Lao Phố - chứng nhân cho một quá trình phát triển về lịch sử- văn hóa- xã hội hào hùng của vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai, là cái nôi văn hóa của một vùng đất thái bình. Đây là sự khởi sinh cho sự phát triển vượt bậc của vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai, ở đây có sự giao thoa văn hóa, có tình hữu nghị đoàn kết giữa các dân tộc anh em, có sự cạnh tranh phát triển kinh tế, các giai tầng trong xã hội hình thành rõ rệt. Và hơn nữa đây là một mốc son đánh dấu sự hình thành và phát triển của vùng đất Phước Long xưa trên bản đồ Đại Việt.

Trong hành trình xuôi phương Nam của dân tộc Việt Nam, nhiều vị minh quân bằng tầm nhìn chiến lược hợp với quy luật phát triển, đã kịp thời đưa ra những quyết sách có ý nghĩa ngàn năm. Mùa Xuân Mậu Dần 1698, Chúa Nguyễn Phúc Chu đã cử Thống suất Chưởng cơ Lê Thành Hầu Nguyễn Hữu Cảnh vào Nam kinh lược. Nguyễn Hữu Cảnh rời Phú Xuân đi vào xứ Đồng Nai với một sứ mạng lớn lao là: thiết lập cương thổ quốc gia ở vùng đất mới; thực hiện chính sách có tầm chiến lược là “định vùng an dân” với hai chủ trương quan trọng: Khai hoang mở cõi và ổn định, dàn xếp biên cương. Đây là một quyết sách sáng suốt ở tầm thông tuệ - mà bây giờ với độ lùi của lịch sử, chúng ta có thể xem như một tế cáo với tổ tiên Đại Việt và là một tuyên cáo với thế giới rằng: cương thổ quốc gia Đại Việt đã được xây dựng một cách hòa bình. Đây cũng là cơ sở pháp lý, mà nói như giáo sư Trần Văn Giàu, đó là “*tám giấy thế vì khai sinh*” cho một vùng đất mới vốn còn rất hoang vu vì người Việt đã đến vùng đất phương Nam “khai cơ lập nghiệp”, dựng ấp lập làng, quần cư sinh sống xưa kia như những chủ nhân của vùng đất mới. Cho nên khi vào đất Đồng Nai, công việc đầu tiên của Nguyễn Hữu Cảnh là ban bố một quyết định xác định nền hành chính quốc gia. Với quyết định này, Nguyễn Hữu

Cảnh đã hợp nhất vùng đất Đồng Nai - Gia Định- Mỹ Tho vào không gian thống nhất của nước Đại Việt. Có thể hình dung việc mở cõi phương Nam, từ những dấu chân đầu tiên hồi cuối thế kỷ XVI – XVII đến khi Nguyễn Hữu Cảnh xác định cương thổ quốc gia là một quá trình phát triển hòa bình, chung sống hòa bình và cùng phát triển hòa bình với cư dân bản địa; lưu dân người Việt từ chỗ là kiều dân đã cùng với các tộc người khác trở thành thân dân của chúa Nguyễn. Từ đó, các Chúa Nguyễn và các triều vua Nguyễn tiếp tục ban hành các văn bản về hệ thống hành chính quốc gia thông suốt từ kinh đô Phú Xuân đến miền Đồng Nai – Gia Định – Cửu Long, tạo ra một chỉnh thể quốc gia thống nhất từ Lạng Sơn cho đến Cà Mau.

Ông chủ trương mở rộng phát triển giao thương để Cù Lao phước thêm sầm uất và trở thành thương cảng lớn vào bấy giờ ở xứ Đàng Trong. Đây được xem là một cảng trên sông (cách biển 100km) phát triển mạnh nhất từ năm 1738 đến năm 1775. Ông đã tạo lập được một thiết chế quản lý hành chính phục vụ cho công cuộc xây dựng, phát triển kinh tế xã hội ở vùng đất mới- chính thức đưa vùng đất trù phú Đồng Nai- Gia Định về với lãnh thổ Đại Việt. Người dân sống theo trật tự xã hội và có điều kiện phát triển kinh tế thực thi chính sách dân tộc độc đáo: khai thác tiềm năng của cộng đồng người Hoa và ổn định về mặt xã hội. Vùng đất hoang hóa một thời nay đã trở nên trù phú, người dân có cuộc sống sung túc, nhà cửa mọc lên nhiều, đất đai mở rộng ngàn dặm vuông. Người dân đã biết cách khai thác những thế mạnh về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên kết hợp với sự sáng tạo về phương thức sản xuất để tạo nên những sản vật có giá trị và đạt năng suất cao nổi tiếng cả nước.

2. Đồng Nai trong cuộc chiến Tây Sơn- Nguyễn Ánh

Khi chính quyền phong kiến chúa Nguyễn được thiết lập ở Đồng Nai vào cuối thế kỷ XVII, thì tiến độ phong hóa dân cư gia tăng và chiều hướng này phát triển khá đều đặn cho đến khi bùng phát phong trào khởi nghĩa của nông dân Tây Sơn. Cuộc khởi nghĩa Tây Sơn đã đánh thức cả một khối dân cư nông thôn từ lâu vẫn chìm lặn dưới sự thống trị của guồng máy phong kiến họ Nguyễn. Kể từ năm 1771, diễn ra một hình thái phong hóa mới mang màu sắc chính trị: đó là cuộc đấu tranh xã hội giữa những thành phần dân cư làm phen dậu cho chúa Nguyễn và những người dân bất khuất nhận thức rõ tình cảnh bị áp bức của mình để rồi hưởng ứng khởi nghĩa đứng hẳn trong phong trào Tây Sơn. Khi phong trào khởi nghĩa nông dân Tây Sơn vùng dậy vào năm 1771, cơ cấu quyền lực chính trị ở các thôn xã ở Đồng Nai mới trở thành một trong những trọng điểm chiến lược mà chúa Nguyễn phải quan tâm một cách đặc biệt, nhất là từ khi chúa tô nhà Nguyễn đã bị

Tây Sơn đánh bật ra khỏi vùng Thuận Quảng và buộc phải thoát chạy vào Nam. Trong cuộc chiến kéo dài gần 10 năm giữa Tây Sơn và Nguyễn Ánh, đất Gia Định nói chung, vùng Đồng Nai – Biên Hòa nói riêng là nơi diễn ra các trận đánh ác liệt, không tránh khỏi những tàn phá nặng nề. Mười năm chiến tranh có gây ra sự xáo trộn nhất định trong đời sống kinh tế - xã hội ở đây, nhiều nơi ruộng đất bỏ phế không có người cày. Sau khi chiếm hẳn Gia Định, để xây dựng nơi đây thành căn cứ hậu cần phục vụ cho cuộc chiến chống Tây Sơn, Nguyễn Ánh đặc biệt lưu tâm đến việc khai khẩn đất hoang hóa. Chính nhờ những biện pháp thúc giục và khích lệ mà Gia Định nói chung, vùng Đồng Nai – Biên Hòa nói riêng đã được khai thác mở mang thêm nhiều trong những năm cuối thế kỷ XVIII.

3. Đồng Nai từ năm 1802 đến năm 1858:

Năm Nhâm Tuất (1802), chúa Nguyễn Ánh lên ngôi hoàng đế, lấy hiệu Gia Long, đóng đô ở Phú Xuân (Huế). Sau khi lên ngôi vua, Gia Long bắt tay ngay vào cuộc cải cách hành chính: phân định lại ranh giới; sắp xếp và kiện toàn từng bước các đơn vị hành chính trên cả nước. Lúc này Gia Định phủ đổi là Gia Định trấn. Đứng đầu Gia Định trấn là một tổng trấn. Đương thời, vùng đất thuộc tỉnh Đồng Nai ngày nay nằm trong địa phận tổng Phúc Chánh (còn gọi là Phước Chánh) và tổng Long Thành của huyện Phúc Long (còn gọi là Phước Long) thuộc dinh Trấn Biên của Gia Định trấn.

Tình hình xã hội trong giai đoạn này vận động trên cơ sở một nền kinh tế tuy chưa tiên tiến nhưng đang phát triển. Trong đó, nông nghiệp là nền tảng và đang có những chuyển biến mới; các nghề thủ công về cơ bản chưa tách khỏi nông nghiệp nhưng đã có bước phát triển quan trọng và từng lúc, từng nơi đã xác lập vị trí độc lập tương đối của mình; kinh tế hàng hóa và hoạt động thương nghiệp ngày thêm phong phú đa dạng... Sự vận động ấy tiếp nối sự vận động của xã hội của nhiều tộc người sống gần gũi bên nhau mới vượt qua thời kỳ chiến tranh và cùng chung hưởng cảnh thái bình dưới sự chi phối của chính quyền nhà nước phong kiến và ở một mức độ nhất định, nó đáp ứng phần nào những đòi hỏi cụ thể về sự phát triển của vùng đất Đồng Nai lúc đó.

Sự quản lý xã hội ngày một chặt chẽ hơn theo phạm trù thiết chế xã hội phong kiến, triển khai trên vùng đất mới khai phá – mà những chủ nhân là lớp dân cư mới và sự thích ứng vận hành của nó là một thiết chế năng động không rập khuôn như ở miền Bắc, miền Trung. Thiết chế ấy, trên thực tế lịch sử đã không đối chọi với những thiết chế xã hội cổ truyền của lớp cư dân bản địa trên vùng đất này mà từng bước thu hút nó vào guồng máy vận hành chung. Những “paley” của

người Châu Ro, những “bon” của người Mạ, những “palei” của người Chăm, những “poh” của người Stiêng, những “ban”, “tộc” của người Hoa vào những năm đầu thế kỷ XIX vẫn giữ được vị trí độc lập của nó. Sự độc lập ấy trở nên “tương đối” và giảm theo năm tháng. Vùng đất Đồng Nai trong những năm từ 1802 đến 1858 thái bình hơn so với nhiều miền quê khác trên cả nước; có dấu ấn và ảnh hưởng của Hào khí Đồng Nai trong đó; góp phần làm đậm nét bản sắc văn hóa Đồng Nai.

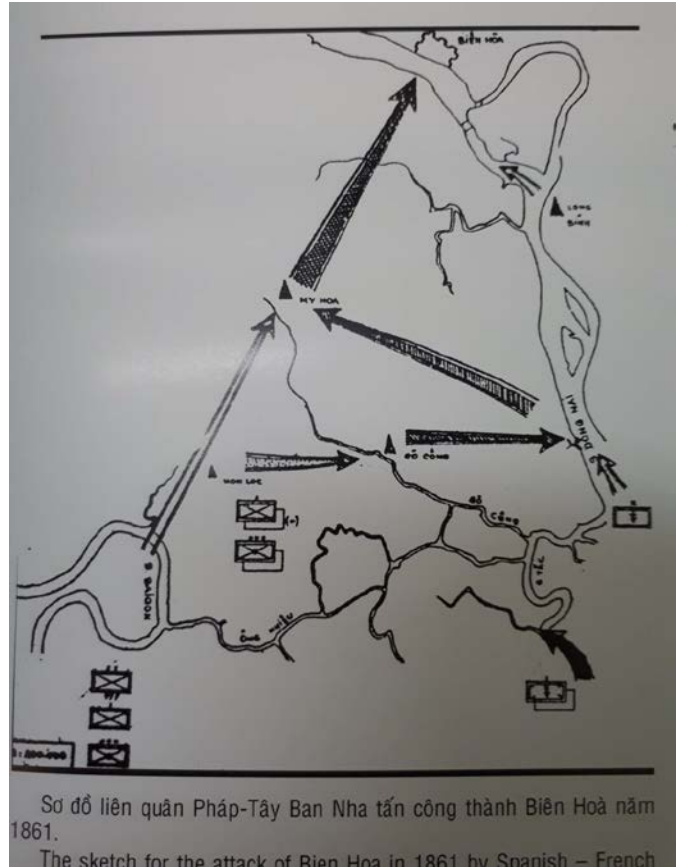
II. KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP (1861- 1945)

1. Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ nhất

1.1. Giai đoạn Thực dân Pháp xâm lược Biên Hòa từ 1861 đến 1965 (Cuộc khởi nghĩa của các sĩ phu yêu nước):

Ngày 31/8/1858, dưới quyền chỉ huy của đô đốc De Genouilly, 15 chiến thuyền của liên quân Pháp – Tây Ban Nha với 850 quân Tây Ban Nha và 1.500 quân Pháp (trong đó có 2 đại đội gồm bọn Việt Gian, thổ phi, một số giáo dân) kéo vào vịnh Đà Nẵng nổ súng, đổ bộ và chính thức mở màn xâm lược nước ta. Âm mưu đánh nhanh thắng nhanh bị thất bại do sức kháng cự của quân dân Đà Nẵng. Sau năm tháng giằng co, sa lầy ở mặt trận Đà Nẵng, Pháp để lại đây một đại đội và vài tàu chiến, còn lại đại bộ phận kéo vào Nam đánh chiếm Nam kỳ. Ngày 04/2/1859, De Genouilly tập trung 2000 quân Pháp và Tây Ban Nha ở Vũng Tàu. Ngày hôm sau, quân Pháp từ biển tiến công đồn Phúc Thắng (núi Ghềnh Rái Biên Hòa), vị trí tiền tiêu của Gia Định. Ngày 10/02/1859, liên quân Pháp - Tây Ban Nha đã phá tan hệ thống phòng thủ của ta tại Vũng Tàu, mở ra một cửa ngõ quan trọng để tiến sâu vào lãnh thổ Nam Kỳ. Ngày 11/2/1859, chiến hạm Pháp dưới sự chỉ huy của R.De Genouilly pháo kích vào Cần Giờ. Sau 4 tiếng đồng hồ chiến đấu, pháo đài ta sụp đổ hoàn toàn, binh sĩ tổn thất hàng ngàn, nhiều kho trại bốc cháy, chiến thuyền bị phá hủy, quân quan hỗn loạn. Ngày 13/9/1859, chiến hạm liên quân Pháp – Tây Ban Nha vượt sông Lòng Tàu. Ngày 15/2/1859, địch chiếm Nhà Bè. Ngày 17/2/1859, quân Pháp – Tây Ban Nha tiến công thành Gia Định.

Trong khi quân triều đình ở Gia Định do Tôn Thất Hiệp “án binh bất động” quân Trương Định đã tung ra đánh du kích trong nội ngoại vi thành Gia Định. Tháng 01/1861, Bonard chuẩn đô đốc thay Charner đến Sài Gòn tuyên bố “Chúng ta sẽ tiến công Biên Hòa nếu cần sẽ tiến công Huế”. Ngày 04/2/1861, sau khi kết thúc chiến tranh với Trung Quốc, liên quân Pháp và Tây Ban Nha (500 quân) do tướng Charner chỉ huy tiến công đồn Chí Hòa do Nguyễn Tri Phương chỉ huy. Chỉ trong một ngày, đại đồn Chí Hòa bị đánh chiếm. Nguyễn Tri Phương rút quân về Biên Hòa để phòng thủ. Ngày 24/10/1861, quân Pháp – Tây Ban Nha tấn công đồn Chí Hòa. Trận chiến diễn ra quyết liệt, hai bên thiệt hại khá nhiều. Quân Pháp tiến đánh bằng nhiều đạo quân, chia ra nhiều hướng với thế vũ khí hơn hẳn nên đã chiếm đồn Chí Hòa sau hai ngày giao tranh.



Khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi đến Biên Hòa lo việc chống Pháp song thấy thế của kẻ thù mạnh nên đã cử người gặp Đô đốc Charner nghị hòa. Song cuộc nghị hòa bất thành. Trong khi đó, quân dân Biên Hòa vẫn kiên quyết đánh giặc. Quân Pháp tổ chức tràn vào Biên Hòa đều bị quân dân đánh lui hai lần tại khu vực suối Sâu (nay thuộc tỉnh Bình Dương). Tại hai làng An Thạnh và Bình Chuẩn quân Pháp cũng bị quân ta do phó Đề đốc Lê Quang Tiến chỉ huy tập kích, cản ngăn cuộc dò đường. Tháng 10/1861, phó Đô đốc Bonard sang Việt Nam thay Charner đã quyết tâm đánh chiếm Biên Hòa.

Tỉnh Biên Hòa lúc này bao gồm cả tỉnh Đồng Nai, Bình Phước, Bà Rịa-Vũng Tàu và tỉnh Bình Phước ngày nay. Tỉnh thành Biên Hòa do tuần thủ Nguyễn Đức Hoan phụ trách, có khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi, được vua Tự Đức phái vào tiếp viện phòng thủ Biên Hòa sau khi Nguyễn Tri Phương bị thương phụ trách. Từ Sài Gòn lên Biên Hòa có hai đường thủy và bộ. Trên đường bộ có hai đồn án ngữ là Mỹ Hòa và Gò Công Trao Trảo (nay thuộc địa phận phường Thạnh Mỹ Lợi,

quận 9, TP.Hồ Chí Minh). Căn cứ Mỹ Hòa cách Biên Hòa 8km có khoảng gần 3.000 quân đóng giữ. Sông Đồng Nai đã ngăn bởi một kè đá và 9 vật cản bằng gỗ rất chắc. Ngoài ra, hai bên bờ sông còn được bố trí nhiều đồn nhỏ để hỗ trợ lẫn nhau.

Ngày 13/12/1861, tướng Bonard chỉ huy trưởng quân Pháp ở Sài Gòn đã ký huấn lệnh về kế hoạch đánh chiếm Biên Hòa. Theo huấn lệnh này, lực lượng đánh chiếm Biên Hòa gồm đại đội khinh binh, do đại tá Foucault chỉ huy; đạo quân trừ bị gồm 300 lính thủy quân lục chiến, 100 quân Tây Ban Nha và hai đại bác do đại tá Domenech Giego chỉ huy, đạo quân thứ ba gồm hạm thuyền (2 hạm thuyền) và lực lượng đổ bộ do thiếu tá Lebris chỉ huy. Trong kế hoạch, địch chia làm ba bước, trong đó có việc đánh chiếm Bến Gỗ để làm bàn đạp tiến quân về Biên Hòa. Mục đích chính của cuộc đánh chiếm là nhằm ngăn chặn các cuộc nổi dậy của phong trào kháng chiến và đề phòng những cuộc tiến công của quân triều đình Huế từ hướng Bình Thuận vào hòng giữ vững sự đô hộ... và ở lại lâu dài của người Pháp

Ngày 14/12/1861, quân Pháp tiến đánh tỉnh Biên Hòa bằng cả đường bộ và đường thủy. 7 giờ 30 cùng ngày, Gò Công Trao Trảo rơi vào tay giặc (đại tá Comte chỉ huy). Ngày 15/12/1861, quân Pháp do Comte và Diego tiến lên đồn Mỹ Hòa, quân triều đình rút chạy. Trên đường sông Đồng Nai, hai cánh quân do Lebris và Harel chỉ huy gặp sự chống trả khá quyết liệt của quân triều đình. Tàu Alarme trúng 54 phát thần công, gãy cả cột buồm. Phá được cản, quân Pháp tiến đánh phá các pháo đài ven sông, quân triều đình chống trả đến giữa đêm thì rút chạy.

Sáng ngày 17/12/1861, quân thủy bộ của Pháp đã đến trước tỉnh thành Biên Hòa. Địch thân đô đốc Bonard theo chiến hạm Ondline chỉ huy trận tấn công, Chỉ sau ba loạt đạn pháo bắn rất quyết liệt, tuần thủ Nguyễn Đức Hoan và án sát Lê Khai Cẩn đã bỏ thành rút chạy, khâm sai đại thần Nguyễn Bá Nghi mang quân chạy ra Bình Thuận. Quân ta suốt ngày kháng cự dũng mãnh. Đêm 17 quân ta rút quân khỏi thành; ngày 18/12/1861, quân Pháp chiếm được thành Biên Hòa. Ngày 28/12/1861, Long Thành hoàn toàn rơi vào tay giặc.

Như vậy, chỉ sau 04 ngày, chỉ với 1000 quân, thực dân Pháp đã dễ dàng chiếm lấy tỉnh thành Biên Hòa, trong lúc quan quân triều đình nhà Nguyễn ở Biên Hòa có đến 15.000 quân phòng giữ. Ngày 7/1/1862, quân Pháp đánh chiếm Phước Tuy, Bà Rịa. Từ đó, 3 tỉnh Nam Kỳ: Gia Định, Định Tường và Biên Hòa bị thực dân Pháp chiếm đóng. Trên đất Đồng Nai đương thời, quân Pháp chiếm đóng tỉnh lỵ Biên Hòa, huyện lỵ Nghĩa An, huyện lỵ Bình An (Thủ Dầu Một), huyện lỵ Long Thành, phủ lỵ Phước Tuy (Bà Rịa), Vũng Tàu. Với mục đích ngăn chặn các cuộc nổi dậy của phong trào kháng chiến địa phương và đề phòng những cuộc tiến công

của quân triều đình Huế từ hướng Bình Thuận, quân Pháp xây dựng các hệ thống đồn lũy kiên cố, cùng các tiền đồn trọng yếu trên địa phận Biên Hòa. Đồng thời chúng tàn phá nhiều làng mạc dân cư, hủy nhiều công trình văn hóa, tín ngưỡng ở Biên Hòa như Văn miếu Trấn Biên, Miếu Hội đồng, các di tích đình, chùa. Lúc này, Quân Pháp vẫn sử dụng địa giới phân chia tỉnh của triều Nguyễn có từ năm 1832.

Số quân của triều đình còn lại ở Biên Hòa do Hiệp tán quân vụ Thân Văn Nhiếp và Khâm phái quân vụ Nguyễn Túc Trung theo lệnh triều đình rút về Tân Hòa để hiệp cùng quân Trương Định. Nhưng do Túc Trung sợ giặc không dám mở rộng chiến đấu ngoài Tân Hòa, nên Trương Định đưa nghĩa quân ra hoạt động vượt khỏi căn cứ.

Tháng 02 Nhâm Tuất 1862, thế lực của nghĩa quân Trương Định phát triển mạnh và được nhân dân Biên Hòa, miền Đông ủng hộ tích cực. Một số văn thân ở Biên Hòa như Nguyễn Thành Ý (tri phủ Phước Tuy) tùy phái Phan Trung, mỗi người đã mộ được 2000 quân kéo đến hợp tác với nghĩa quân Trương Định.

Đỗ Trình Thụy, nguyên là tri huyện Long Thành đã bị triều đình cách chức, mộ được 300 nghĩa quân, cùng nghĩa quân Trương Định tấn công đồn Thuận Tắc (Gò Công). Ông và 18 nghĩa quân đã hy sinh tại mặt trận.

Như vậy, khi người Pháp nổ súng tấn công chiếm thành Biên Hòa vào năm 1861, người Biên Hòa – Đồng Nai đứng trước một sự thử thách mới, khó khăn gấp bội lần cuộc chiến đấu với thiên nhiên, thú dữ; quan quân triều đình cứ án binh bất động tại Bình Thuận, nhân dân Biên Hòa vẫn sôi dục lòng căm thù quân xâm lược, đi theo ngọn cờ kháng chiến của các sỹ phu yêu nước lãnh đạo. Bởi quân xâm lăng là người đến từ phương Tây với dã tâm xâm lược bằng tàu sắt, súng đồng; còn người dân Biên Hòa – Đồng Nai chỉ có thanh gươm, cái rựa, cây sào. Nhưng để bảo vệ đất đai của Tổ quốc mà cha ông ta đã dày công khai phá, người Đồng Nai đã nhất tề đứng dậy trong tư thế của người chủ của quê hương, phải giữ đất, giữ nước. Vì biết rằng nước đã mất thì nhà cũng tan, sinh mạng cũng không còn hoặc sẽ làm thân nô lệ, nên dù “*Bến Nghé cửa tiền tan bọt nước - Đồng Nai tranh ngói nhuộm màu mây*” thì cũng phải quyết chí đánh giặc cứu nước, cứu nhà, giữ lấy từng tấc đất thiêng liêng mà tiền hiền dày công khai khẩn, hậu hiền vất vả khai tâm. Tầng lớp các nho sỹ trước vận mệnh thời cuộc cũng đã tách mình ra khỏi giai cấp thống trị, đứng hẳn về phía nhân dân, nêu cao truyền thống chống ngoại xâm với ý thức gìn giữ chủ quyền đất nước. Giữa lúc cao trào kháng chiến chống Pháp của nhân dân miền Đông Nam kỳ làm cho giặc Pháp khốn đốn thì triều đình Huế ký hòa ước Nhâm Tuất (05/06/1862) với Pháp nhượng 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ cho Pháp là

Biên Hòa, Gia Định, Định Tường. Cho nên mặc dù triều đình Tự Đức yếu hèn ký hòa ước dâng ba tỉnh miền Đông cho giặc Pháp và không cho quân triều đình động binh chống giặc, nhưng nhân dân Đồng Nai – Bến Nghé – Cửu Long vẫn bày tỏ sự bất trung. Vì trung với vua thì sẽ mất nước, mất cái hồn dân tộc – mà trung như vậy là kiêu ngu trung đón hèn. Thế là những “người dân lân, dân ấp quen ruộng cuộc cày” đã biến lòng yêu nước sôi sục trong tin thành sức mạnh của lòng kiêu hãnh làm người nghĩa sĩ đứng lên chống giặc ngoại xâm. Khi Trương Định còn đang suy nghĩ lưỡng lự giữa “trung quân và ái quốc”, thì những người “dân lân, dân ấp” ấy, vốn không án triệu của triều đình, đã thay mặt hồn thiêng sông núi phương Nam phong cho người vốn xuất thân từ dân chài làm “Bình Tây đại nguyên soái”. Trong lịch sử từ cổ chí kim, chưa có thấy có trường hợp “phong hàm nguyên soái” bằng một “quyết định miệng” nhất hô bá ứng của lòng người như nhân dân ở xứ phương Nam vừa mở cõi này đã làm. Quyết định phong nguyên soái cho Trương Định để giương cao ngọn cờ đại nghĩa chống Tây là một quyết định sáng suốt, hợp với lòng trời, lòng người. Quyết định phong nguyên soái cho Trương Định là của đại đa số nhân dân lục tỉnh – Đồng Nai, vốn đã từng cam chịu thân phận “ngựa té Đồng Nai” cho “rồng châu ngoài Huế”. Họ bất trung vì triều đình bất nghĩa, không dám bảo vệ “dân đen giữa hồi lửa đỏ”.

Ngay sau khi chiếm được 3 tỉnh miền Đông Nam kỳ, thực dân Pháp thiết lập bộ máy cai trị ở Biên Hòa, đứng đầu là viên thống đốc do một sỹ quan cao cấp từ chuẩn đô đốc trở lên đảm nhận. Biên Hòa do một viên quan tham biện chủ tỉnh là sỹ quan cai quản. Sau khi chiếm được tỉnh Biên Hòa, chúng vẫn giữ nguyên các đơn vị hành chính như cũ gồm hai phủ Phước Long và Phước Tuy và 4 huyện: Phước Chánh, Bình An, Long Thành, Phước An.

Đêm 17/12/1862 rạng sáng ngày 18/12/1862, nghĩa quân Trương Định với 1200 tay súng chia làm hai mũi đánh chiếm đồn Đồng Môn (Long Thành), tên tri huyện tay sai của thực dân Pháp bị bắt sống. Trưa ngày 18 - 12 nghĩa quân đốt cháy chiến thuyền Lorcha số 10 đang do thám gần phủ Phước Tuy. Khoảng 100 nghĩa quân trang bị đầy đủ vũ khí tập kích diệt gọn một toán tuần tra địch, chỉ có 1 tên chạy thoát.

Từ ngày 01/1/1863 đến năm 1865, quân Pháp ra sức bình định, chiếm đóng nhưng vấp phải sự kháng cự mạnh mẽ của quân và dân Biên Hòa, tinh đoàn kết giữa đồng bào Kinh – Thượng, tinh thần bất khuất và ý chí độc lập dân tộc đã làm chùn bước giặc Pháp. Nghĩa quân do các sỹ phu yêu nước lãnh đạo nổi lên tấn công mạnh vào các đồn lũy, tàu bè, các toán tuần tiễu của kẻ thù. Nghĩa quân ở Biên Hòa gồm cả người Việt và người dân tộc liên tục tiến công các vị trí quân Pháp ở đông

bắc Biên Hòa, thực sự gât khó khăn và nhiều thiệt hại cho chúng. Đặc biệt phong trào toàn dân kháng chiến ở Biên Hòa rất phát triển. Trong “*Lịch sử cuộc chinh phạt ở Nam Kỳ năm 1861*”, tác giả Leopold Pallu de la Barriere viết “Thực tế đâu đâu cũng là trung tâm kháng chiến chia nhỏ ra vô cùng, có bao nhiêu người An Nam thì có bấy nhiêu người kháng chiến”. Tinh thần kháng chiến của nghĩa quân được địch thú nhận “Người Việt Nam đã tỏ ra dạn dày chiến đấu, họ đã đảo lộn: giờ đây họ tiến công chúng ta ngay trong những vị trí của chúng ta”. Đầu tháng 01/1863, nghĩa quân ở Biên Hòa đã phá hoại, cắt đứt đường dây điện thoại Biên Hòa- Bà Rịa- Sài Gòn- Cap Saint Jacques. Hạ tuần tháng 01/1863, nghĩa quân Biên Hòa gồm cả người Việt, người dân tộc đã tiến công các căn cứ giặc Pháp, làm cho chúng không dám ra khỏi đồn lũy. Tinh thần gan dạ đoàn kết chiến đấu của đồng bào Kinh và Thượng thể hiện rất cao trong kháng chiến. Chính phủ Pháp thú nhận: “Quân khởi nghĩa đã thành công trong việc lôi kéo những bộ lạc người Thượng ở biên giới Biên Hòa, Bà Rịa; trước đó, những bộ lạc này vẫn đứng ngoài cuộc chiến đấu. Việc tham gia của những bộ lạc này vẫn đứng ngoài cuộc chiến đấu. Việc tham gia của những bộ lạc này, chứng tỏ cuộc khởi nghĩa ở Biên Hòa đã có một sự trợ lực quan trọng”.

Ngày 20/8/1864, do tên đội Huỳnh Công Tấn phản bội, địch đánh úp căn cứ nghĩa quân Trương Định ở Tân Phước; không để bị bắt, ông đã dùng gươm tự sát. Khi đó ông mới 44 tuổi. Sau khi Trương Định mất, Phan Chính rút về Giao Loan (Rừng Lá, ranh giới Biên Hòa- Bình Thuận) xây dựng căn cứ. Con trai Trương Định là Trương Quyền, 20 tuổi, cũng đưa nghĩa quân về phối hợp với Phan Chính. Ngoài căn cứ Giao Loan, nghĩa quân Biên Hòa còn xây dựng căn cứ Bàu Cá (Trảng Bom). Nhân dân Biên Hòa và các tỉnh miền Đông đã về đây để tham gia chiến đấu, thường xuyên tấn công địch ở Biên Hòa- Gia Định. Nhiều đồn lũy của Pháp ở Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Tây Ninh đã bị tấn công, nhiều nơi quân Pháp phải bỏ đồn rút về Sài Gòn. Biên Hòa được xem như một trung tâm xuất phát của phong trào dân chúng nổi dậy đánh vào quân Pháp xâm lược và lan tỏa về các tỉnh khác ở Nam Kỳ.

Đầu năm 1865, thiếu tá De Larousse chỉ huy quân Pháp tấn công vào căn cứ Giao Loan. Phó tướng Lê Quang Quyền tử trận. Địch phải khó khăn vì các chướng ngại do nghĩa quân xây dựng và chịu nhiều tổn thất. Căn cứ Giao Loan bị thất thủ. Đồng thời một cánh quân Pháp cũng đánh chiếm căn cứ Bàu Cá. Phan Chính rút chạy, một thời gian sau ra hàng giặc Pháp. Trương Quyền đưa nghĩa quân về Tây Ninh phối hợp cùng nghĩa quân của Pô-Cam-Pô tiếp tục kháng chiến. Cuộc kháng chiến ở Biên Hòa do các văn thân lãnh đạo tạm thời lắng lại.

Trong lúc triều đình Huế đã ký hiệp ước Nhâm Tuất 1864, nhân dân Biên Hòa và miền Đông vẫn kiên quyết chiến đấu. Điều này cho thấy tinh thần và ý chí độc lập của nhân dân Biên Hòa và nhân dân ba tỉnh miền Đông là rất cao. Do nhiều nguyên nhân của lịch sử, phong trào kháng Pháp của nhân dân Biên Hòa trong bối cảnh chung của cả nước không đạt đến mục tiêu đánh bại quân xâm lược, nhưng tinh thần chiến đấu bất khuất của họ đã tô thắm trang sử hào hùng truyền thống đấu tranh chống ngoại xâm của dân tộc ta. Nhìn lại cuộc kháng chiến của nhân dân Nam kỳ lục tỉnh chống Pháp, có ý kiến cho rằng: “Giá như triều đình lúc bấy giờ không phải ở trong tay bọn vua chúa đầu hàng và phản bội mà ở trong tay những người kẻ tục sự nghiệp yêu nước và anh dũng của Nguyễn Huệ thì phong trào kháng chiến chống Pháp lúc bấy giờ ở Nam bộ chắc còn mạnh mẽ hơn nhiều, nhất là đã được lãnh đạo thống nhất và kiên trì đấu tranh cho đến thắng lợi, đồng thời phong trào ấy chắc được ủng hộ kiên quyết của cả nước, như vậy đất Đồng Nai anh dũng đã từ đó trở nên bức thành đồng ngăn chặn bọn cướp nước phương Tây xâm phạm đất nước chúng ta ở Nam bộ và do đó đã bảo vệ vẹn toàn độc lập và thống nhất của Tổ quốc”.

Năm 1884, triều đình Huế lại ký hòa ước Pa-tơ-nốt, biến nước ta thành thuộc địa của Pháp; mở đầu cho thời kỳ khai thác, bóc lột thuộc địa của tư bản Pháp ở Việt Nam. Nhân dân Biên Hòa và miền Đông Nam bộ bước vào một giai đoạn đấu tranh giành độc lập trong điều kiện triều đình Huế đã trở thành vương triều bù nhìn. Trong điều kiện đó, các tổ chức hội kín đã ra đời và phát triển ở Biên Hòa.

1.2. Cách mạng tháng Tám 1945 ở Biên Hòa



Trung tâm TP. Biên Hòa đầu thế kỷ 20

Ngày 9/3/1945, phát xít Nhật đảo chính Pháp độc chiếm Đông Dương. Sáng 10/3/1945 ở Biên Hòa, bộ máy thống trị Pháp lọt vào tay Phát xít Nhật từ tỉnh đến quận. Các tổ chức, đảng phái thân Nhật đẩy mạnh các hoạt động lừa bịp nhân dân, tuyên truyền nền độc lập giả hiệu của chính phủ Trần Trọng Kim. Chúng vơ vét sức người, sức của trắng trợn, tàn bạo, chúng mổ bụng moi gan hàng trăm người yêu nước. Đời sống của nhân dân Biên Hòa càng khốn đốn. Được Đảng cộng sản tuyên truyền giáo dục và tổ chức nên các tầng lớp nhân dân, nhất là quần chúng lao động sục sôi tinh thần cách mạng, quyết tâm vùng lên đánh đổ bọn phát xít và tay sai giành lại đất nước.

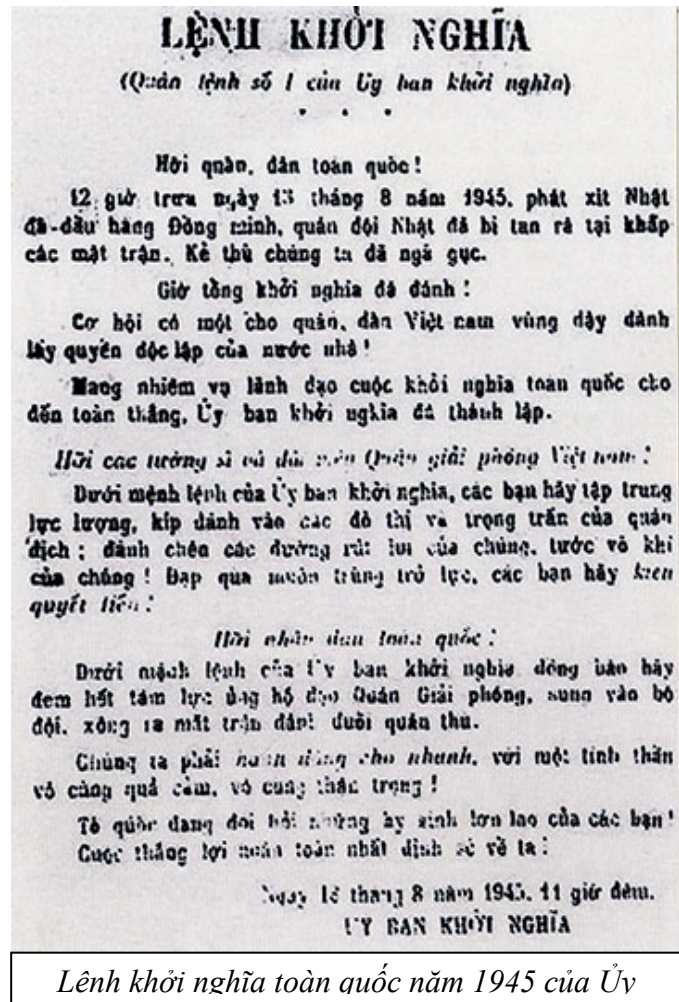
Đêm 9.3.1945 Hội nghị Ban Thường vụ TW Đảng nhận định cuộc đảo chính của Nhật sẽ tạo ra cuộc khủng hoảng chính trị sâu sắc, tạo nên một khí thế cách mạng, nhiều điều kiện tổng khởi nghĩa chín muồi. Hội nghị vạch rõ kẻ thù chủ yếu là phát xít Nhật và bè lũ tay sai của chúng và phát động phong trào chống Nhật cứu nước, tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc. Tháng 5/1945, tổ chức Thanh niên Tiền phong được thành lập do Huỳnh Thiệp Nghệ làm thủ lĩnh. Tổ chức tập hợp đông đảo lực lượng quần chúng không chỉ có thanh niên mà người già, phụ nữ cùng tham gia đông đảo, tạo nên một khí thế sôi nổi, sục sôi cách mạng trong các tầng lớp nhân dân. Đảng kịp thời lãnh đạo tổ chức xây dựng các hình thức hoạt động hợp pháp công khai và trở thành lực lượng chính trị đông đảo trong khởi nghĩa giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám ở Biên Hòa.

Cũng trong tháng 05/1945, tại ấp Vĩnh Cửu, xã Tam Hiệp, quận Châu Thành, Biên Hòa, Liên tỉnh ủy miền Đông triệu tập cuộc họp cán bộ Đảng toàn miền Đông để phổ biến chủ trương của Trung ương về tình hình mới, trọng tâm là vấn đề chuẩn bị lực lượng để tham gia cuộc tổng khởi nghĩa trên phạm vi toàn quốc. Tháng 07/1945, tại Chùa Tân Mai, quận Châu Thành, đồng chí Hà Huy Giáp đại diện Xứ ủy Nam Kỳ đã họp với các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Biên Hòa để phổ biến chủ trương của Xứ ủy là gấp rút xây dựng phát triển các tổ chức đoàn thể Việt Minh, nắm chắc lực lượng Thanh niên Tiền Phong, chuẩn bị phát động quần chúng nhân dân trong toàn tỉnh nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền.

Ngày 15/8/1945, Nhật Hoàng tuyên bố đầu hàng quân đội Đồng Minh vô điều kiện. Nhận được tin này sĩ quan và binh lính Nhật ở Biên Hòa hoang mang cực độ, chính quyền bù nhìn tinh bị tê liệt. Tin này được lan truyền nhanh chóng, đã thổi bùng ngọn lửa cách mạng, không khí khởi nghĩa sôi động khắp nơi. Đó là điều kiện khách quan có tác động đến khởi nghĩa, nếu không tổ chức, xây dựng lực lượng cách mạng quần chúng tại chỗ, thì Đảng bộ không thể nắm thời cơ để phát động toàn dân nổi dậy. Thông qua nhiều mối quan hệ, ta còn vận động được nhiều công chức, viên chức trong bộ máy tay sai ngã theo cách mạng, vận động một số binh lính nguy giao vũ khí, xây dựng các đội tự vệ để bảo vệ cách mạng, bảo vệ quần chúng, sẵn sàng hỗ trợ nhân dân nổi dậy khi thời cơ đến.

Ngày 19/8/1945, cuộc khởi nghĩa ở Hà Nội đã giành được thắng lợi rực rỡ. Ngày 20/8/1945, Xứ ủy Nam kỳ họp hội nghị tại Chợ Đệm để phổ biến kế hoạch khởi nghĩa ở Nam bộ.

Ngày 23/8/1945, tại căn nhà số 2 dãy phố Sáu Sứ, xã Bình Trước, quận Châu Thành, Biên Hòa, đồng chí Hoàng Minh Châu chủ trì cuộc họp với các đồng chí cán bộ trong tỉnh để bàn kế hoạch khởi nghĩa giành chính quyền, trọng điểm là tỉnh lỵ Biên Hòa. Ngay trong đêm 23 rạng sáng ngày 24/8/1945, trong nội thành thị xã Biên Hòa, cờ đỏ sao vàng, cờ đỏ búa liềm của Việt Minh và cờ vàng sao đỏ của Thanh niên Tiền Phong đã được treo ở ủy ban khởi nghĩa, ở hãng BIF, nhà ga, bưu điện. Trụ sở Ủy ban khởi nghĩa đặt gần ga xe lửa Biên Hòa luôn tấp nập các đoàn cán bộ ở các địa phương về nhận chỉ thị khởi nghĩa. Lúc này, hầu hết các tầng lớp nhân dân đều sục sôi cách mạng, tinh thần quyết tâm giành độc lập dâng cao hơn bao giờ hết.

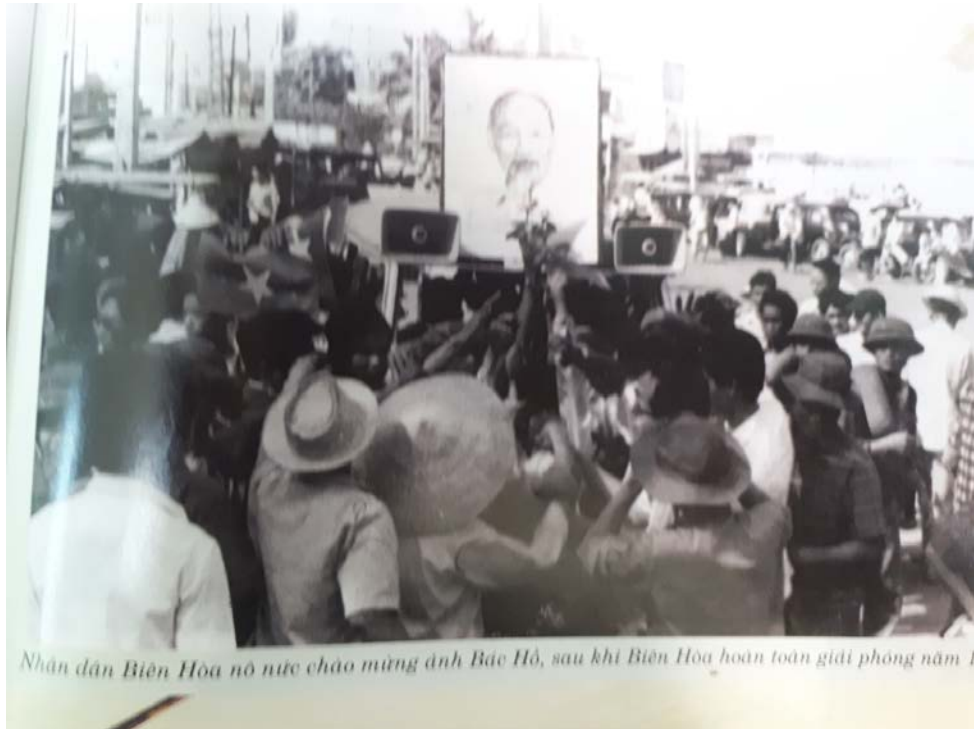


Lệnh khởi nghĩa toàn quốc năm 1945 của Ủy

Sáng sớm ngày 24/8/1945, dưới sự lãnh đạo của chi bộ nhà máy cưa BIF, chi bộ ga xe lửa Biên Hòa, công nhân và nhân dân các ấp Tân Mai, Lân Thành, Vĩnh Thị đã nổi dậy làm chủ các cơ sở trên, đồng thời lập lực lượng xung kích làm lực lượng nòng cốt cho cuộc khởi nghĩa Biên Hòa. Đêm 24/8/1945, tại rạp hát Trần Diễm (thị xã Biên Hòa), một cuộc mít tinh lớn được tổ chức với hàng trăm quần chúng tham gia. Các đồng chí trong Ủy ban khởi nghĩa đã diễn thuyết, kêu gọi đồng bào tham gia Mặt trận Việt Minh, tham gia khởi nghĩa cướp chính quyền. Suốt đêm, 24/8/2018, lực lượng Thanh niên xung kích rầm rập đi tuần tra trên các đường phố thị xã. Lực lượng cách mạng đã làm chủ nội thành và ngoại thành Biên Hòa. Ở Long Thành, ủy ban khởi nghĩa đã huy động công nhân cao su, nhân dân các xã quanh thị trấn Long Thành kéo về quận giành chính quyền trong ngày 24/8/1945. Ngày 25/8/1945, lực lượng xung kích đã chiếm giữ hầu hết các công sở trong thị xã Biên Hòa.

Sáng 26/8/1945, đồng chí Nguyễn Văn Nghĩa và hàng trăm đồng bào ở nội ô Biên Hòa kéo đến bao vây Tòa bố Biên Hòa (nay là trụ sở UBND tỉnh Đồng Nai). Cờ đỏ sao vàng xuất hiện lần đầu tiên ngay trung tâm đầu não của chính quyền tay sai của phát xít Nhật. 11 giờ cùng ngày, các đồng chí Hoàng Minh Châu, Huỳnh Văn Hớn và một số đồng chí trong Ủy Ban khởi nghĩa tiếp tục đến Tòa bố buộc tỉnh trưởng bù nhìn Nguyễn Văn Quý bàn giao chính quyền về tay nhân dân. Sau khi tiếp quản, ta bắt tên cò Phước chỉ huy lực lượng cảnh sát Biên Hòa, thu 300 súng, và quản lý công sở, kho tàng. Lực lượng xung kích nhanh chóng chiếm lĩnh, tiếp quản các cơ quan, công sở còn lại ở quận Châu Thành. Sáng 27/8/1945, hàng vạn quần chúng đã đổ về quảng trường Sông Phố tham dự lễ mít tinh chào mừng thắng lợi CMT8/1945.

Kết thúc cuộc mít tinh là lễ tuyên thệ, gần một vạn người thay mặt cho hơn 15 vạn đồng bào trong tỉnh đã long trọng đưa cao nắm tay thề sẵn sàng hy sinh tính mạng, tài sản, kiên quyết bảo vệ nền độc lập tự do của Tổ quốc, bảo vệ những thành quả của cách mạng vừa giành được. Đến 12 giờ trưa, cuộc mít tinh kết thúc, quần chúng phấn khởi hô vang khẩu hiệu: “Việt Nam độc lập muôn năm”, “Việt Minh muôn năm”... tiếp tục diễu hành tỏa về các địa phương biểu dương lực lượng. Tỉnh Biên Hòa từ thị xã đến nông thôn, nhà máy, đồn điền thực sự là một ngày hội lớn. Khắp các nẻo đường, đâu đâu cũng sôi động cả một rừng người và cả một rừng cờ, ai ai cũng hân hoan cảm động đến trào nước mắt.



Thắng lợi của cách mạng Tháng 8/1945 đã giúp cho Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa càng khẳng định được niềm tin sâu sắc. Tin ở sức mạnh chân lý của chủ nghĩa Mác- Lênin, tin ở sự lãnh đạo của Đảng Cộng Sản Việt Nam và Bác Hồ, tin ở sức mạnh đại đoàn kết dân tộc. Từ thân phận nô lệ lầm than, nhân dân tỉnh Biên Hòa đã cùng cả nước đứng dậy đập tan bộ máy thống trị của giặc, giành độc lập tự do cho Tổ quốc. Cách mạng Tháng 8 năm 1945 là một sự kiện vĩ đại, mở ra một bước ngoặt cho cách mạng Việt Nam. Từ một nước thuộc địa nửa phong kiến, Việt Nam thành một nước độc lập, nhân dân ta từ một cuộc sống nô lệ trở thành người dân tự do. Với nhân dân Biên Hòa, không khí độc lập, tự do cuốn hút mọi người từ nông thôn, thị xã, đồn điền vào việc xây dựng cuộc sống mới.

2. Kháng chiến chống thực dân Pháp lần thứ hai từ 1946-1954

2.1. Trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa (02/01/1946)

Tại Nam bộ, thực dân Pháp liên tục gây hấn và khiêu khích. Đêm 22 rạng 23/9/1945, thực dân Pháp nổ súng tiến công Sài Gòn mở đầu cuộc chiến tranh xâm lược nước ta một lần nữa. Tin thực dân Pháp xâm lược ở Sài Gòn làm nhân dân Biên Hòa sục sôi ý chí chiến đấu “thà chết tự do còn hơn sống nô lệ”.

Cuối tháng 10/1945, được tăng viện, thực dân Pháp phá vỡ vòng vây quanh Sài Gòn. Mục tiêu lần chiếm kế tiếp là Biên Hòa, tỉnh có vị trí quan trọng để mở đường chiếm các tỉnh miền Đông Nam bộ, ra cực Nam Trung bộ và Tây Nguyên. Trước đó, Tỉnh ủy, Ủy ban nhân dân Biên Hòa một mặt xây dựng lực lượng vũ

trang; đưa lực lượng vũ trang Kinh- Thượng xuống cùng nhân dân Sài Gòn- Gia Định chống Pháp; chuyển các cơ quan lãnh đạo về Tân Uyên và các vùng ven thị xã như Bình Đa, Hồ Cạn, xây dựng căn cứ du kích để chiến đấu lâu dài đồng thời hạ lệnh “tiêu thổ kháng chiến”, thực hiện “vườn không nhà trống”, bất hợp tác với giặc Pháp.

Ngày 25/10/1945, quân Anh - Ấn có xe thiết giáp mở đường vượt cầu Gành đánh chiếm tỉnh lỵ Biên Hòa rồi giao lại cho Thực dân Pháp. Chúng rải quân chiếm giữ các đầu mối giao thông, chiếm thành Săng Đá và các cơ quan, công sở như: Tòa bố, bưu điện, kho bạc, tòa án... và xây dựng bộ máy tay sai ở thị xã. Tuy nhiên, phạm vi chiếm đóng của thực dân Pháp đến cuối tháng 12/1945 vẫn là khu vực xã Bình trước, giới hạn bởi các con đường 16 (đi Tân Uyên), đường 24 (đi Vĩnh cửu), quốc lộ I (về Sài Gòn), đường 15 (đi Long Thành). Các ấp ven thị xã như Lân Thị, Gò Me, Vĩnh Thị, Núi Đất..., các xã ven như Hiệp Hòa, Tân Vạn, Tam Hiệp, Tân Phong..., các đội du kích, tự vệ chiến đấu và xung phong cảm tử Châu Thành vẫn liên tục hoạt động, đột nhập thị xã và các xã ven, các xã dọc lộ 1, 15 diệt tề trừ gian, gây cho địch nhiều thiệt hại về người. Trong lúc đó, tại Biên Hòa, từ cuối tháng 10/1945, nhiều lực lượng vũ trang đã về đứng chân: Liên chi 2-3 Bình Xuyên ở hướng Rừng Sác, Vệ quốc đoàn Biên Hòa (bộ đội Huỳnh Văn Nghệ) ở Tân Uyên và Châu Thành, Xung phong cảm tử ở quận Châu Thành ở Bình Thảo (Bình Phước); Vệ quốc đoàn Châu Thành ở Thiện Tân, Vệ quốc đoàn Long Thành, lực lượng trường du kích Vĩnh Cửu; quân Nam tiến ở Xuân Lộc.

Thị xã Biên Hòa lúc này được thực dân Pháp xây dựng, tổ chức thành một trung tâm chỉ huy đánh phá phong trào cách mạng ở miền Đông với nhiều cơ quan quân sự quan trọng. Cơ quan tuyên truyền của địch không ngớt ca ngợi “thành quả” lấn chiếm, mở rộng của Pháp nằm trong chiến lược “đánh nhanh, chiếm nhanh và bình định nhanh” Nam bộ.

Để đập tan luận điệu tuyên truyền của thực dân Pháp, khẳng định sự tồn tại và phát triển của lực lượng kháng chiến ở miền Đông, cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân, Tư lệnh chiến khu 7 quyết định tổ chức trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa. Đây là một chủ trương táo bạo và cần thiết. Công tác trinh sát, nghiên cứu địch trong thị xã được giao cho Vệ quốc đoàn Biên Hòa. Phân đội 4 do Nguyễn Chúc Sắc chỉ huy, phân đội trưởng phân đội 5 là Lê Thoa cùng các chiến sỹ công tác thành nhiều lần hóa trang, bí mật lọt vào nội ô tỉnh lỵ để nghiên cứu các mục tiêu, lên sơ đồ các điểm đóng quân của Pháp, các công sở của địch, trọng điểm là thành Săng Đá, sở hiến binh, bưu điện, nhà ga Biên Hòa, cầu Gành, hăng dầu...

Các lực lượng tham gia cuộc tập kích bao gồm: Vệ quốc đoàn Biên Hòa, Vệ quốc đoàn quận Châu Thành, liên quân Hóc Môn- Gia Định, liên chi 2-3 Bình Xuyên.

Cuối tháng 12/1945, các lực lượng vũ trang của ta từ Tân uyên, Gia Định, rừng Sác bí mật điều quân áp sát tỉnh lỵ Biên Hòa trên các hướng Hóa An, Tân Phong, Bình Đa... Đêm 1 rạng sáng ngày 2/1/1946, các lực lượng vũ trang đồng loạt tấn công vào thành Sắn Đá, các công sở như Tòa bố, bưu điện, nhà ga, đốt cháy nhà thông tin và các đồn địch ở đầu cầu Gành... Thực dân Pháp hoàn toàn bất ngờ; bọn Việt gian tay sai vừa mới ra mặt đều trốn chạy. Tuy không chiếm giữ được một mục tiêu cụ thể nào, nhưng trận tập kích đầu tiên vào tỉnh lỵ Biên Hòa của Vệ quốc đoàn Biên Hòa có sự phối hợp của nhiều lực lượng vào một đô thị ở Nam bộ khi thực dân Pháp trở lại xâm lược nước ta lần thứ hai, lại gây một tiếng vang chính trị rất lớn. “Tiếng súng Biên Hòa” đã đập tan lời tuyên truyền huyền hoang của thực dân là Việt Minh đã bị tiêu diệt. Thu hút nhân dân vùng địch tạm chiếm, hội tụ về Biên Hòa, chiến khu Đ để tham gia kháng chiến. Trận tiến công vào thị xã Biên Hòa đánh dấu một bước trưởng thành của lực lượng vũ trang miền Đông về mặt lãnh đạo và chỉ huy tập trung, thống nhất.

2.2. Đánh địch phản bội Hiệp ước 6-3

Ngày 06/3/1946, hiệp ước sơ bộ giữa Pháp và Việt Nam được ký kết. Hiệp ước thể hiện chủ trương “Hòa để tiến” của Chủ tịch Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, hòa với Pháp để đuổi Tưởng, gạt bớt kẻ thù, tạo điều kiện cho cả nước chuẩn bị bước vào cuộc kháng chiến lâu dài. Tại Biên Hòa, thực dân Pháp ra sức xây dựng bộ máy tay sai từ tỉnh xuống quận, xã. Song song, địch tổ chức nhiều cuộc càn quét, khủng bố các vùng ven thị xã, thị trấn, các đồn điền, xây dựng đồn bót trên các lộ giao thông, các sở cao su. Trong các cuộc hành quân, thực dân Pháp bắn giết nhân dân bừa bãi, đốt phá cướp bóc tài sản nhân dân, hãm hiếp phụ nữ.

Tháng 3/1946, ở Biên Hòa, quân Pháp tiếp tục chiếm đóng các cơ sở cao su lớn ở Xuân Lộc, uy hiếp các căn cứ kháng chiến ở vùng này. Với khoảng 500 quân, chúng mở trận càn đầu tiên vào vùng tự do của ta vào Long Thành (vùng chảo Phước Thọ- Phước An). Vệ quốc đoàn Long Thành đã phân thành từng quân đội, luôn ra phía sau, thọc sâu chia cắt đội hình quân địch, đánh nhanh rút nhanh. Ta đã phá hủy một số xe GMC, bắt sông 7 tên lính lê dương, địch phải dùng máy bay ném bom, bắn phá để mở đường. Ta vẫn bám sát chúng đánh nhiều trận nhỏ, tiêu diệt địch. Chúng phải bỏ võ trận càn. Tại quận Châu Thành, giặc Pháp đã đóng lên vùng tả ngạn sông Đồng Nai và đóng thêm một số đồn bót ở cả hai bờ sông của vùng phụ cận thị xã.

Ngày 15/3, địch huy động 5.000 quân có không quân yểm trợ, tấn công Chiến khu Tân Uyên. Chúng hành quân bằng cả đường bộ và cả đường sông, hình thành nhiều cánh trên một khu vực rộng. Từ Biên Hòa lên Cây Đào tỏa ra thành một vòng cung lớn ôm hết các xã bên tả ngạn sông, quân địch từ bắc Tân Ba kéo lên, từ Phước Hòa theo đường 16 đổ xuống, phối hợp với quân chiếm đóng Thủ Dầu Một, từ Tân Long xuyên rừng đánh thẳng vào Bình Hòa- Đất Cuốc- Mỹ Lộc. Lực lượng hành quân đường sông theo dòng Đồng Nai lên thẳng Tân Tịch hội quân với cánh từ Cây Đào lên (quãng bến đò Bà Miêu) tuần tra kiểm soát đến tận sở Ông Đội (Lạc An) nhằm ngăn chặn bộ đội ta vượt thoát qua sông Đồng Nai và Sông Bé. Xã gong kim xiết chặt dần. Chúng lùng sục kỹ lưỡng từng khu vực và thực hiện chính sách: Đốt sạch, phá sạch, giết sạch. Nhà cửa tài sản của nhân dân như lúa thóc, trâu bò, ruộng mía... đều bị giặc thẳng tay triệt phá.

Lúc này Vệ quốc đoàn Biên Hòa phát triển lên 4 trung đội (1 trung đội tương ứng đại đội ngày nay) đã phối hợp với lực lượng vũ trang bảo vệ Khu 7 tổ chức đánh địch nhiều trận. Có trận đánh quân đổ bộ bằng đường sông. Có trận đánh địch hành quân trên đường bộ, làm chậm bước tiến của giặc. Ban đêm du kích cùng bộ đội tập kích địch đóng ngoài công sự. Tiếng súng nổ suốt ngày đêm. Quân địch bị đánh, bị quấy rối liên tục. Tuy vậy bộ đội ta chưa đánh được trận nào có hiệu quả lớn. Chiến khu Tân Uyên bị địch tàn phá. Và chúng đã đóng thêm một số đồn ngay giữa chiến khu và cả hai bờ sông, hình thành một vành đai Tân Uyên, chia cắt Tân Uyên với quân xung quanh.

Sau trận này, Bộ Chỉ huy Khu 7 rời Mỹ Lộc vào Giáp Lạc- Bưng Ký- Lạc An. Các cơ quan đóng quân phân tán thành 3 khu vực. Mỗi khu vực mang một mật danh: chiến khu A, B, C. Ban Chỉ huy Vệ quốc đoàn Biên Hòa vẫn đóng ở Tân Hòa- Mỹ Lộc và gọi căn cứ là Chiến khu Đ.

Ở Biên Hòa, tháng 4/1946, đại diện quân Pháp và Bộ Chỉ huy Chiến khu 7 đã thỏa hiệp tiếp xúc và thương thuyết để đình chỉ xung đột theo Hiệp định sơ bộ 6 tháng 3. Bộ Tư lệnh Khu 7 nhận định đây chỉ là hành động nhằm che đậy dã tâm xâm lược của giặc Pháp, đồng thời để tránh sức ép của dư luận tiến bộ đang lên án chúng. Nhưng đây chỉ là dịp để ta tranh thủ dư luận vạch mặt kẻ thù, có thêm thời gian để củng cố, xây dựng lực lượng.

Cuộc thương thuyết ở Miếu Bà Cô vừa kết thúc, thì ngày 19/4, giặc Pháp mở một cuộc hành quân chớp nhoáng vào khu vực Tân Tịch- Thường Lang- Lạc An, nơi chúng tin chắc là khu vực 7 vẫn còn đóng. Bộ đội ta chặn đánh địch quyết liệt để bảo vệ cơ quan đầu não, diệt gọn 2 tiểu đội lê dương, bắn cháy một xe quân sự. Địch phải rút lui.

Đầu tháng 6/1946, giặc Pháp lại huy động 8.000 quân tiến công Chiến khu Tân Uyên. Sau hiệp định sơ bộ, đây là lần thứ hai địch mở cuộc hành quân lớn vào căn cứ này nhằm tiêu diệt lực lượng vũ trang của ta, đập tan bộ máy lãnh đạo chiến tranh ở miền Đông Nam bộ và Biên Hòa. Lấy Tân Uyên và Tân Tịch làm bàn đạp, giặc Pháp mở nhiều mũi tấn công quân càn sâu vào rừng lên tận Đất Cuốc, Bình Cơ, Bình Mỹ, Bà Đã, Hàng Dài, Thuộc Nghĩa. Ở tả ngạn sông Đồng Nai, từ miếu Bà Cô, giặc tiến lên Tân Tịch- Đại An- Cây Gáo và càn sâu vào căn cứ du kích Đồng Lách, nơi có 2 trung đội (4 và 5) Vệ quốc đoàn Biên Hòa thường xuyên đứng chân hoạt động.

Các trung đội Vệ quốc đoàn bước đầu đã có kinh nghiệm chống càn. Lần này ta tập trung lực lượng đánh địch ở hướng chính, làm chậm bước tiến quân của giặc. Bộ đội ta liên tục bám sát, quấy rối địch hạn chế giặc sức tạo, bảo vệ cơ quan Bộ chỉ huy Khu 7, chuyển dần ra ngoài vòng vây địch. Đêm tới, các trung đoàn lại phân tán lực lượng phối hợp cùng du kích bất ngờ tập kích địch ở nhiều điểm đóng quân dã ngoại không có công sự che chắn vững chắc. Ở An Lạc, ta đã bắn rơi một máy bay SPITFIRE (do Thiếu tá Bacbie lái) bằng súng đại liên 12 ly 7. Chiếc máy bay rơi cách thị trấn Long Thành 4 km, du kích Long Thành thu một khẩu súng ngắn 12 ly. Ở Long Thành, giặc cũng lần chiếm từng bước. Chính sách khủng bố của chúng cũng tàn bạo không kém ở Châu Thành. Đến trung tuần tháng 6, giặc đóng đồn bót sâu vào vùng tự do của ta. Chúng dựng lại hội tề và tổ chức thân binh. Bị địch chia cắt, khó liên lạc với nhau, quận Long Thành tạm thời chia địa bàn quân thành 4 khu vực để hoạt động.

Sau trận càn tháng 5/1946 vào chiến khu Tân Uyên, địch ra sức bình định có trọng điểm. Trước hết, chúng nhằm vào các vùng căn cứ của ta, đánh phá quyết liệt các cơ quan đầu não của ta và quận. Biên Hòa đứng trước khó khăn mới. Ở chiến khu Đ (Tân Uyên), áp lực quân sự của địch vẫn không giảm. Hoạt động tuần tiễu và càn quét nhỏ của giặc quanh chiến khu ngày một tăng. Các trung đội Vệ quốc đoàn không còn nằm trong dân được nữa phải tạm lánh vào rừng lập căn cứ. Các cơ quan kháng chiến của tỉnh và các quận chưa củng cố. Chính quyền của ta ở nhiều xã tan vỡ hoặc tê liệt. Chiến trường có nguy cơ bị chia cắt. Việc tiếp tế nuôi quân gặp nhiều khó khăn trở ngại. Lương thực ngày một cạn kiệt.

Tháng 6/1946, Bộ Chỉ huy Khu 7 mở hội nghị tại Đồng Tháp bàn việc thống nhất tổ chức và chỉ huy lực lượng vũ trang toàn khu. Hội nghị đã quyết định tổ chức các chi đội Vệ quốc đoàn hoạt động trên địa bàn từng tỉnh và quy định mỗi chi đội tổ chức theo 4 cấp: tiểu đội, phân đội, trung đội, đại đội. Theo quyết định này, ở Biên Hòa, bộ đội quận Long Thành, Châu Thành, Tân Uyên tập trung lại

mang phiên hiệu Chi đội 10. Chi đội gồm có 3 đại đội A, B, C, số quân trên 1.000 người với khoảng 500 súng các loại. Đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ từ trung đội trở xuống phần đông xuất thân từ công nhân; chiến sĩ – ngoài một số là thành phần bần nông, còn lại hầu hết là thanh niên công nhân cao su.

Từ sau tạm ước ngày 14/9, hình thái chiến trường tại Biên Hòa cũng có thay đổi. Địch bị thiếu quân nên không những không mở rộng được chiếm đóng mà còn co lại, án ngữ ở những khu vực quan trọng. Chúng buộc phải rút một số đồn bót mà trước kia chúng đã cắm sâu vào căn cứ Tân Uyên cũng như Long Thành. Vùng căn cứ của ta được khôi phục, mở rộng dần trở lại. Bộ máy chính quyền tỉnh, quận được chỉnh đốn một bước. Phong trào cơ sở chuyển biến tốt dần lên. Du kích một số xã đã làm chủ được tình hình địa phương cả ban đêm lẫn ban ngày. Địch chỉ hành quân tuần tiễu, càn quét nhỏ nhưng khi chúng rút về đồn bót thì lại bị lực lượng vũ trang ta áp sát bao vây lại. Các quận quân sự đẩy mạnh việc truy quét bọn tề, điệp. Ở Châu Thành và Xuân Lộc, việc trừ gian diệt tề được tiến hành ráo riết. Tinh thần bọn tay sai ngày càng sa sút.

Cũng trong thời gian này, Chi đội 10 có bước phát triển mới về tổ chức. Các đại đội A, B, C được bố trí đứng chân hoạt động trên địa bàn từng quận và đã phục kích, tập kích đánh địch nhiều trận. Đại đội B đánh phục kích kiên 2 trận trên đường Cây Đào- Rạch Đông, đánh đồn điền Bình Lộc, diệt bót miếu Bà Cô (Thiên Tân), phục kích địch trên lộ 8 diệt cả tiểu đội lính lê dương Pháp vào tháng 12/1946

Kết thúc năm đầu kháng chiến chống thực dân Pháp, với tinh thần “thà chết tự do hơn sống nô lệ”, Đảng bộ và quân dân Biên Hòa, Bà Rịa đã vượt qua khó khăn, thử thách, vừa chiến đấu vừa xây dựng, phát triển lực lượng về mọi mặt. Các căn cứ kháng chiến (Tân Uyên, Long Mỹ, Bình Đa) đã đứng vững trước sự tấn công ác liệt của kẻ thù. Công tác diệt tề, trừ gian, khôi phục và phát triển cơ sở quần chúng củng cố chính quyền nhân dân đạt được hiệu quả có ý nghĩa chính trị lớn.

2.3. Đánh đường sắt:

Tháng 12 – 1946, cuộc kháng chiến toàn quốc bùng nổ. Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, do phải mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, thực dân Pháp phải rút bỏ bớt nhiều đồn bót đóng sâu trong vùng căn cứ của ta, tăng cường lực lượng để tăng viện cho chiến trường miền Bắc.



Ban chỉ huy đội 10 năm 1947- 1948

Biên Hòa nằm trên các tuyến đường chiến lược quan trọng như quốc lộ 20, quốc lộ 1, đường sắt xuyên Việt, là những đường giao thông vận chuyển quân sự của địch từ Nam ra Bắc. Ban chỉ huy chi đội 10 chủ trương mở một loạt trận đánh giao thông để tiêu diệt tiêu hao sinh lực địch. Từng trung đội, đại đội của chi đội 10 tổ chức một số trận đánh giao thông trên liên tỉnh lộ số 2, liên tỉnh lộ 24, quốc lộ 15, đồng thời tiến công một số đồn bót lẻ của địch như Cây Gáo, Bình Lộc (1 - 1947), bót La Ngà (6 - 1947). Chi đội 10 chỉ đạo đưa các trung đội về cơ sở phối hợp cùng các Ban công tác liên thôn củng cố, dẫn dắt các đội du kích xã và mặt khác để lại một số trung đội ở địa bàn xung yếu cùng du kích giữ căn cứ. Chi đội chủ trương vừa tập trung tác chiến vừa huấn luyện, lấy thực tế chiến đấu để xây dựng và huấn luyện chiến sĩ. Khắc phục điểm yếu về vũ khí, ban chỉ huy chủ trương chọn mục tiêu tiến công là các đoàn xe lửa vì địch chuyển quân, thiết bị ra Bắc chủ yếu phải dùng đường sắt, tuyến phục kích tương đối ngắn, thông tin liên lạc của địch còn hạn chế.

Về vũ khí, chi đội chỉ có loại mìn tạo từ đầu đạn pháo 75 ly, nên đề ra cách đánh là kết hợp dùng mìn chế tạo từ đầu đạn pháo 75 ly, với việc tháo ốc vít các thanh tà vẹt với đường ray, chờ khi xe lửa địch đến thì nổ mìn đồng thời cột dây kéo mạnh đường ray làm đầu xe lửa trật bánh sắt phải dừng lại để bộ đội xung phong.

2.3.1. **Đánh trận Bảo Chánh (19/5/1947) và Trảng Táo (6/1947)**

Tháng 5/1947, Ban chỉ huy chi đội 10 tập trung cả ba đại đội (thiếu) gồm 6 trung đội tổ chức đánh đường sắt tại Xuân Lộc. Từ tháng 5 đến tháng 7/1947, chi đội đã đánh 4 trận. Hai trận mở đầu ở Bảo Chánh 1 (19/5/1947) và Trảng Táo (6/1947) cách đánh là dùng mìn 75 ly kết hợp dây kéo.

Trận Bảo Chánh 1, đầu xe lửa của địch bị trật bánh khỏi đường ray phải dừng lại, quân ta xung phong diệt địch thu nhiều vũ khí. Trận Gia Huynh bộ đội ta men theo bờ rừng truy kích, diệt được wagông bọc thép, thu nhiều súng đạn.



Chuẩn bị trận địa phục kích trong trận đánh xe lửa Bảo Chánh

Trận Bảo Chánh II (tháng 6/1947), quả mìn 50 kg do Binh công xưởng chế tạo được Ban chỉ huy chi đội đưa vào sử dụng. Theo kế hoạch, ta đánh vào đoàn tàu thứ hai (vì tin là đoàn tàu thứ nhất không dám quay trở lại ứng cứu). Một tình huống ngoài dự kiến xảy ra. Mỗi đoàn tàu, địch dùng đến hai đầu máy: một đầu máy kéo và một đầu máy đẩy. Do đó khi đầu máy đẩy xuất hiện, bộ đội lại tưởng là đầu đoàn tàu thứ hai, nổ mìn đánh. Đoàn tàu thứ hai cách 200 mét. Ban chỉ huy phải lệnh cho bộ đội vận động tấn công diệt wagông bọc thép và rút lui an toàn.

Sau loạt trận đánh đường sắt ở Xuân Lộc, toàn chi đội rút về chiến khu Đ rút kinh nghiệm và bước vào đợt huấn luyện mới. Qua thực tế chiến đấu và tiếp thu lý thuyết mới về sản xuất mìn, binh công xưởng đã chế tạo ra loại mìn lôm - gọi là bazomine vừa gọn nhẹ nhưng có sức công phá lớn.

Tháng 12/1947, theo chỉ đạo thống nhất từ Bộ Tư lệnh khu, tỉnh đội dân quân Biên Hòa thành lập do Cao Văn Bỏ (từ chi đội 10 bổ sung) làm Tỉnh đội trưởng, hai tỉnh đội phó là Nguyễn Văn Trị (thường vụ Tỉnh đoàn) và Nguyễn Thị Nguyệt

(thường vụ Liên hiệp phụ nữ tỉnh). Nguyễn Văn Lai (tỉnh ủy viên) làm chính trị viên. Các Ban công tác liên thôn sát nhập theo địa bàn quận trở thành quân đội dân quân, các xã thành xã đội dân quân, bộ đội địa phương quận, du kích xã được hình thành trên cơ sở du kích của các ban công tác liên thôn trước đây. Chi đội 10 và hệ thống tinh đội dân quân, quân đội dân quân, du kích xã hợp thành tổ chức 3 thứ quân khá vững chắc ở Biên Hòa.

Sau đợt huấn luyện, ban chỉ huy chi đội 10 tổ chức một loạt trận đánh giao thông đường bộ từ quy mô nhỏ nâng dần lên đánh tập trung lớn. Tiêu biểu là hai trận đánh giao thông ở Phước Cang- Long Thành (tháng 11/1947) và trận giao thông Đồng Xoài (quốc lộ 14 ngày 19/12/1947).

2.3.2. Trận đánh giao thông đường sắt Bàu Cá (tháng 14/07/1947)

Tại trận đánh giao thông đường sắt tại Bàu Cá ngày 14/07/1947, chi đội 10 đã tập trung lực lượng 400 người, 300 súng trường, 30 tiểu liên, 8 trung liên, 2 đại liên, 6 phóng lựu đạn và 2 quả bom điện nặng 150kg, phục kích đoàn xe lửa địch. Địa điểm phục kích là hai quả đồi cách nhau khoảng 300 mét, theo kế hoạch ta đánh vào cả hai đoàn tàu ở trận địa A và B. Theo tin tình báo, có hai đoàn tàu chở lính Pháp từ chiến trường Nam bộ tăng viện cho chiến trường phía Bắc sẽ chạy qua khu vực Bàu Cá.

Chi đội 10 điều nghiên, lên phương án tấn công đoàn xe lửa địch tại địa điểm Bàu Cá. Lúc 12 giờ ngày 14/7/1947, khi đoàn tàu thứ nhất của địch lọt vào ổ phục kích, chi đội 10 cho nổ địa lôi phá hủy đầu tàu buộc đoàn tàu địch dừng lại. Từ nơi ẩn phục, bộ đội dùng lựu đạn, súng tấn công diệt 200 lính Pháp (kể cả bảo vệ đoàn tời và lính Pháp- Trong đó có 2 sĩ quan Pháp quân hàm cấp úy). Ta thu 60 súng các loại (1 trung liên, 3 tiểu liên Thompson, 11 tiểu liên, 40 súng trường, 5 súng ngắn), 3 máy vô tuyến điện và nhiều lương thực. Đoàn tàu thứ 2 của địch hoảng sợ bỏ chạy về hướng Trảng Bom. Đây là một trận đánh thu nhiều thắng lợi và lực lượng vũ trang nhanh chóng rút về căn cứ an toàn.

Cùng với những trận đánh giao thông đường sắt khác tại Bảo Chánh, Trảng Táo, Gia Huynh, trận đánh thắng ở Bàu Cá chứng tỏ sự tiến bộ lớn mạnh của lực lượng vũ trang chi đội 10 – Biên Hòa về công tác chỉ huy, thực hành tác chiến: tập trung quân lớn, hành quân cơ động, bày bố chiến trường bất đã đem lại hiệu quả, đặc biệt trong công tác chế tạo mìn để đánh giao thông đường sắt. Trong điều kiện thiếu thốn về vũ khí, Binh công xưởng Chi đội 10 đã chế tạo được mìn thu được từ chiến lợi phẩm dùng để đánh lại địch gây cho chúng nhiều thiệt hại

2.4. Trận Đồng Xoài (19/12/1947)

Cuối năm 1947, được sự đồng ý của Ủy Ban kháng chiến hành chính Nam bộ, tỉnh Biên Hòa thành lập huyện Sông Bé (Bà Rá cũ) giáp với chiến khu Đ, bao gồm Đồng Xoài, Bù Đăng, Phước Long Ngày 19/12/1947, kỷ niệm một năm ngày Toàn quốc kháng chiến, Ban chỉ huy Chi đội 10 chủ động mở trận đánh Đồng Xoài trên lộ 14. Chi đội tập trung 8 trung đội với ý định diệt đoàn xe lớn của địch. Ta dùng mìn lữ Bazoomin để diệt xe AM. Ta chỉ tiêu hủy được một xe chở xăng, 9 xe chở lính và bắt sống một số tù binh, thu 2 khẩu trung liên, 7 tiểu liên pháo 37 ly.

Sau trận Đồng Xoài, binh công xưởng chi đội rút kinh nghiệm tăng lượng thuốc nổ để nâng cao hiệu quả Bazoomin.

Đầu năm 1950, sát cánh với chi đội 10, lực lượng du kích mở rộng phạm vi hoạt động đánh đồn Tà Bể, cách ngã tư Đồng Xoài khoảng 2km, diệt 3 xe vận tải, đánh tại cống Bô Mua chiếm hoàn toàn 2 xe và thu toàn bộ chiến lợi phẩm. Sau những đòn tấn công của bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang địa phương, thực dân Pháp buộc phải co cụm lực lượng về tập trung bảo vệ những khu quan trọng. Địch siết chặt kiểm soát các thôn ấp buôn sóc nghi ngờ có nuôi giấu cán bộ và tham gia kháng chiến. Tuy nhiên, hành động tàn bạo của kẻ thù không làm đồng bào nao núng, quần chúng tham gia kháng chiến ngày càng đông hơn.

2.5 Trận thắng giao thông La Ngà (01/03/1948)

Sau khi thất bại nặng nề trên chiến trường Việt - Bắc thu đông năm 1947 Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh sang bình định lần chiếm vùng tự do, căn cứ kháng chiến ở Nam bộ, củng cố bộ máy tay sai ở vùng tạm chiếm. Mục đích bình định của chúng là nhằm mở rộng vùng chúng tạm kiểm soát, đẩy lực lượng kháng chiến ra xa, xây dựng vành đai trắng; tăng cường cướp đoạt tài nguyên thiên nhiên, biến dự trữ của ta thành dự trữ của chúng, phong tỏa kinh tế kháng chiến, cắt đứt giao thông tiếp tế của ta, thực hiện phương châm “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh, dùng người Việt đánh người Việt”. Chúng bắt đầu chiến dịch De Latour: xây dựng hàng loạt tháp canh, đồn bót trên các trục lộ giao thông số 1, 15, 16, 24..., sử dụng chiến thuật “điểm và đường” để bảo vệ giao thông của chúng, cắt đứt giao thông của ta. Địch liên tục mở các cuộc hành quân càn quét đánh phá vào Chiến khu Đ, căn cứ Rừng Lá, Bình Lộc, rừng Sác Phước An, Chiến khu Bình Đa, Hồ Cạn... nhằm tìm diệt cơ quan chỉ huy kháng chiến, đánh phá các binh công xưởng và dự trữ kinh tế kháng chiến.

Năm 1947, về phía cách mạng, chính quyền rút về hoạt động ở vùng Tân Uyên. Được sự chấp thuận của Ủy Ban Kháng chiến hành chính Nam bộ, tỉnh Biên Hòa thành lập quận Sông Bé ở phía Đông và Đông Bắc chiến khu Đ. Tại chiến khu Đ, binh công xưởng chi đội 10 đã sản xuất các loại lựu đạn gài, đập lôi để bố trí xây dựng các làng xã trong căn cứ chống địch càn quét. Phối hợp với chiến trường chung, nhằm phá kế hoạch Thu- Đông năm 1947-1948 của Pháp ở Việt Bắc, Tỉnh ủy Biên Hòa

chỉ đạo lực lượng vũ trang chuẩn bị tiến công ra ngoài căn cứ, chủ yếu đánh giao thông địch nhằm vào các đoàn xe công voa. Chi đội 10 Biên Hòa đã mở một loạt trận phục kích giao



Chiến khu Đ xưa

thông diệt nhiều sinh lực địch, nổi bật nhất là trận đánh giao thông Đồng Xoài quốc lộ 14 ngày 19/7/1947 kỷ niệm 1 năm ngày toàn quốc kháng chiến.

Đầu tháng 02/1948, Ban Chỉ huy chi đội 10 nhận được tin quân báo (Bùi Trọng Nghĩa, trưởng chi quân báo chi đội) từ nội thành cho hay cuối tháng 2 hoặc đầu tháng 3, thực dân Pháp sẽ tổ chức một cuộc hội nghị quân chúng ở Đà Lạt. Một đoàn công voa sẽ hộ tống các sĩ quan, công chức cao cấp của thực dân và nguy quyền ay sai từ Sài Gòn đi dự hội nghị ở Đà Lạt. Cân nhắc khá kỹ các điều kiện cần thiết, Ban chỉ huy đội quyết định tổ chức trận phục kích giao thông trên quốc lộ 20 để đánh đoàn công voa này.

Ban trinh sát chi đội 10 liên tục bám quốc lộ 20 theo dõi các đoàn công voa địch đi về Biên Hòa, Đà Lạt, nắm chắc quy luật tổ chức đội hình các đoàn xe, tốc độ, thời gian cũng như khoảng cách từng xe một. Từ quy luật này, Ban chỉ huy quyết định tổ chức trận địa dài 9km trên quốc lộ 20 chia làm 3 trận địa A, B, C,

đảm bảo chặn đầu, khóa đuôi cả đoàn xe. Trận địa giả được bố trí cách 3km ở phía đông quốc lộ 20 với những đồng lửa lớn để thu hút lực lượng địch lên tiếp viện bằng không quân. Ban chỉ huy đã giao nhiệm vụ cho Huyện đội Châu Thành, Xuân Lộc, bố trí bộ đội, du kích huyện bắn tỉa địch từ ngã ba Dầu Giây, cách trận địa gần 50km, đôn ngã cây hai bên đường, đào đường, đắp chướng ngại vật để kéo dài thời gian hành quân của địch.

Đêm 26/02/1948, chi đội 10 cùng liên quân 17 của quân khu 7 hành quân từ chiến khu Đ lên quốc lộ 20. Một bộ phận khác từ Xuân Lộc cũng hành quân lên Định Quán. Đêm 28/02/1948, lực lượng đến điểm tập kết và bố trí trên ba trận địa. Sở chỉ huy trận đánh đặt trên đồi 100 ở km 107.

Sáng
01/3/1948,
đoàn công
voa 70
chiếc của
Pháp có xe
thiết giáp đi
đầu khởi
hành từ Sài
Gòn. Khi
đến Hồ
Nai, du
kích quận
Châu
Thành bắt
đầu hoạt
động, bắn
tỉa, quấy



Xác xe quân Pháp bị hỏng nặng trong trận giao thông La Ngà 1947

rối, ngã cây ra đường... Đoàn xe địch phải thường xuyên dừng lại để lính hộ tống dọn đường, rà mìn, bắn trả lại du kích. Tinh thần địch hết sức căng thẳng, mỗi mét. Quá 12 giờ, đoàn xe địch mới đến được ngã ba Dầu Giây rẽ vào quốc lộ 20. Đến 14 giờ 20 phút, đoàn xe mới đến La Ngà.



Tượng đài chiến thắng La Ngà

15 giờ 02 phút, chiếc thiết giáp đi đầu bị trúng mìn ở trận địa A, tung bổng lên khỏi mặt đất, lao thêm hơn 10 mét rồi bốc cháy, nằm bẹp dí trên đường. Đoàn xe địch phía sau vẫn tiến vào trận địa. 15 giờ 17 phút, mìn ở trận địa C lại nổ khóa đuôi đoàn xe địch. Cả đoàn công voa bị cắt làm ba khúc. Chi đội 10 và liên quân 17 từ các điểm cao dọc lộ xung phong mãnh liệt. Đại liên, trung liên, lưu đạn... của bộ đội làm cháy cả chục xe địch ngay phút đầu. Trận đánh diễn ra ác liệt và nhanh chóng trong vòng 55 phút. Ta tiêu hủy hoàn toàn 59 xe địch, 150 lính lê dương bỏ mạng, 25 sĩ quan Pháp bị giết, trong đó có đại tá De Serigne chỉ huy bán lữ đoàn lê dương thứ 13 của Pháp, đại tá Patrius phó tham mưu trưởng quân Pháp ở Nam Đông Dương. Trận đánh đã kết thúc mà trên đoạn đường dài 9km vẫn còn khói lửa nghi ngút, tiếng nổ của đạn, bánh xe thỉnh thoảng lại vang lên giữa núi rừng. Trung úy Pháp Jeffrey bị thương gãy chân đã được săn sóc, đưa về chiến khu Đ điều trị cho đến khi lành vết thương và sau này được trao trả tại bót Cây Đào ở Vĩnh Cửu. Ngày 05/3, Đờ la- Tua tổ chức cuộc hành quân lớn vào Chiến khu Đ. Trong 02

ngày 05 và 06/3, du kích các xã Tân Hòa, Mỹ Lộc... liên tục bám đánh địch diệt hơn 60 tên. Các trung đội từ La Ngà vừa về căn cứ đã chiến đấu ngay và lập thành tích xuất sắc. Ngày 13/3 tại dốc Bà Nghiêm, Trung đội 7 Đại đội C diệt 20 tên thu nhiều vũ khí, trong đó có 01 máy bộ đàm loại mới vừa trang bị cho quân Pháp. Hơn 100 lính lê dương chết và bị thương trong trận trả thù này. Trận phản kích vào Chiến khu Đ của Đờ la- tua không làm giảm được ảnh hưởng chính trị to lớn của trận La Ngà. Quốc hội Pháp một lần nữa lại chất vấn Chính phủ Pháp về trận La Ngà, gây dư luận xôn xao ở nước Pháp. Bọn thực dân đầu sỏ ở Đông Dương hoảng hốt, lo sợ. Tên Đại tá Talles, chỉ huy khu vực Đồng Nai Thượng tự tử.

Chiến thắng La Ngà không chỉ thu thắng lợi lớn về quân sự, mà thực tế lời kể của hàng trăm hành khách (được bộ đội ta chăm sóc vết thương, phóng thích sau trận đánh) khi trở về Sài Gòn đã làm các tầng lớp trung lưu, tư sản ở Sài Gòn hiểu được chính nghĩa cách mạng. Từ vùng tạm chiếm ngày càng có nhiều người thoát ly ra khi kháng chiến, giúp đỡ, ủng hộ, tiếp tế cho kháng chiến. Chiến thắng La Ngà giành thắng lợi lớn, gây tiếng vang trong và ngoài nước, là trận đánh giao thông lớn nhất bấy giờ ở Nam Bộ, thể hiện rõ ý chí chiến đấu và chính nghĩa của cách mạng; là một sự kiện tiêu biểu cho ý chí chiến đấu bất khuất, tinh thần anh dũng, tự lực, tự cường, chủ nghĩa nhân đạo cách mạng, sự gắn bó keo sơn giữa quân và dân Biên Hòa- Đồng Nai. Bác Hồ thay mặt Chính phủ đã tặng thưởng Huân chương quân công Hạng II cho các đơn vị tham chiến trận La Ngà.



*Các đồng chí lãnh đạo tỉnh, cùng các đại biểu dâng hương trước
Tượng đài chiến thắng La Ngà*

2.6. Các trận đánh Tháp canh

2.6.1. Trận phá tháp canh cầu Bà Kiên- Tân Uyên (19/03/1948)

Chiến công vang dội của quân ta trong trận phá tháp canh của tổ du kích Tân Uyên chứng tỏ sự thông minh và sáng tạo của quân đội Biên Hòa - Đồng Nai. Sau nhiều ngày nắm quy luật địch, đêm 18 rạng ngày 19/3/1948, tổ du kích Tân Uyên 4 đồng chí do Trần Công An chỉ huy đã bí mật vượt hàng rào, tiếp cận tường tháp canh cầu Bà Kiên (Tân Uyên). Các đồng chí du kích ở trên, dùng bùn non bôi lên người; dùng thang cây leo lên tường tháp, dùng lựu đạn đánh vào cả 3 tầng tháp canh diệt 14 lính gác, thu 08 súng và 20 lựu đạn.

Trận đánh tháp canh cầu Bà Kiên của du kích Tân Uyên gây tiếng vang lớn, Lần đầu tháp canh Đờ La-tua bị đánh hạ. Với lối đánh bí mật, tiếp cận, lợi dụng sơ hở của địch để tiến công mục tiêu, du kích Tân Uyên, Biên Hòa đã mở ra một cách đánh mới để hạ tháp canh. Cách đánh đó đòi hỏi lòng gan dạ, dũng cảm, trí thông minh, sáng tại biết khắc phục khó khăn, biết tìm sơ hở của địch mà đánh.



Cố Đại tá Trần Công An tiếp cố Đại tướng Võ Nguyên Giáp trong lần Đại tướng đến thăm nhà



Dị tích tháp canh Cầu Bà Kiên nơi diễn ra trận đánh đêm ngày 18 rạng sáng ngày 19 tháng 3 năm 1948 (Ảnh tư liệu)



Bia tưởng niệm các chiến sĩ đặc công tại Căn cứ

2.6.2. Đánh hệ thống Tháp canh Đờ-la-tua năm 1950

Cuối năm 1949, hệ thống tháp canh của giặc Pháp đã dựng lên dày đặc dọc lộ giao thông, lấn sâu vào vùng độc lập và di tích của ta. Nhiệm vụ đánh tháp canh, phá chiến thuật Đờ-la-tua trở nên cấp thiết. Tháng 11/1949, Bộ Tư lệnh Khu 7 giao trách nhiệm cho đồng chí Nguyễn Văn Lung. Tham mưu trưởng Khu triệu tập cuộc hội nghị bàn về chuyên đề đánh tháp canh. Tại hội nghị, 30 đồng chí gồm những cán bộ, chiến sĩ đã từng lăn lộn với chiến trường đã trình bày những suy nghĩ của mình nhằm tìm tòi, sáng tạo cách đánh tháp canh phù hợp với khả năng thực tế của ta lúc bấy giờ.

Đầu năm 1950, thực dân Pháp đẩy mạnh chiến lược “lấy chiến tranh nuôi chiến tranh”. Đến tháng 2/1950, huyện Xuân Lộc hoàn toàn trở thành vùng địch tạm chiếm. Địch từng bước kiểm soát được giao thông đường bộ, lấn dần vào vùng căn cứ, gây cho ta nhiều khó khăn về vận chuyển, giao liên... Thực hiện nghị quyết quân sự Xứ ủy Nam bộ, tháng 9/1949 đã đề ra nhiệm vụ cấp bách là phải phá thế bao vây của địch, đánh bại hệ thống tháp canh của giặc Pháp. Với quyết tâm cao, tinh thần vượt khó, quân và dân Biên Hòa đã sáng tạo nên cách đánh đặc công, mở đường cho việc hình thành binh chủng đặc công- binh chủng đặc biệt tinh nhuệ của QĐND Việt Nam anh hùng. Đêm 21 rạng sáng 22/3/1950, 50 tổ chiến sĩ đã đồng loạt tập kích vào 50 tháp canh của địch ở Biên Hòa. Tất cả tháp canh đều bị đánh thủng một lỗ từ 0,8 đến 1,5m. Tiếp đó, sau khi cải tiến vũ khí và cách đánh, ta đã dùng FT và bê ta để đánh sập lần lượt các tháp canh Đờ-la-tua, cầu Bà Kiên, Vàm Giá. Trên hướng rừng Sác, ta bám trụ để đánh phá giao thông trên sông Lòng Tàu-con đường thủy huyết mạch từ Vũng Tàu về Sài Gòn. Ngày 26/5/1950, lần đầu tiên trung đoàn 300 dùng ngư lôi đánh chìm tàu Xanh Lu-bet-biê trọng tải 7.000 tấn. Đây là những chiến công rất lớn đóng góp một phần không nhỏ vào cục diện chung của cách mạng thời bấy giờ.

Đêm 21 rạng sáng 22/3/1950, trên chiến trường Biên Hòa các tổ du kích đồng loạt đánh vào 50 tháp canh dọc lộ 16, 15 và Quốc lộ 1. Tường tháp canh bị thủng một lỗ với đường kính 0,6m đến 1,5m, song tháp canh không cái nào bị sập. Bọn lính giữ tháp trên sàn cao 7m đều bị chết, nhưng tên lính gác ở nóc tháp vẫn sống và dùng súng trường, lựu đạn đối phó với ta. Tuy chưa giành được thắng lợi, nhưng trận đánh đã gây một tác động mạnh đối với địch. Tên tướng Săng-xông (thay Đờ-la-tua) phải đến Biên Hòa trấn an tinh thần quân nguy. Sáng ngày 23/3, Sở thông tin quân đội Pháp đã ra thông báo thú nhận: “Đêm 21 rạng 22/3, du kích quân khởi cuộc tiến công thành linh các tháp canh dài theo các đường lộ ở Biên Hòa. Trên 30 tháp canh đồng bộ bị tấn công và nhiều chỗ bị tấn công mãnh liệt”.

Để đánh một đòn cân não vào kẻ địch tạo điều kiện cho công tác địch vận, ta cũng ra một bản thông cáo đem rải trên các đường giao thông có nhiều đồn bót tháp canh địch nói về một loại vũ khí đánh tháp canh có sức công phá lớn của quân đội ta là FT và đây mới là FT1, sẽ xuất hiện loại vũ khí có sức công phá còn lớn hơn

Quân dân Biên Hòa- Đồng Nai, qua chín năm kháng chiến với bao gian khổ hy sinh, mất mát, đau thương, vượt bao thử thách góp phần vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, làm rạng danh đất “Miền Đông gian lao mà anh dũng” của Nam bộ thành đồng Tổ quốc mà Bác Hồ đã phong tặng từ những ngày đầu kháng chiến.

2.7. Trận tấn công Yếu khu quân sự Trảng Bom năm 1951 Yếu khu Trảng Bom là căn cứ quân sự quan trọng của thực dân Pháp ở Biên Hòa. Căn cứ này án ngữ trên quốc lộ 1 vừa để bảo vệ vùng đô thị Biên Hòa, Sài Gòn, vừa kiểm soát và ngăn chặn cách hoạt động của quân cách mạng trên tuyến giao liên chiến lược từ Chiến khu Đ xuống phía Long Thành- Bà Rịa; đồng thời xúng là nơi xuất quân tiến đánh các căn cứ cách mạng ở khu vực Biên Hòa- Long Khánh. Yếu khu có 4 lô cốt ở 4 góc và một đồn lớn ở trung tâm, có hàng rào kẽm gai nhiều lớp bao bọc. Tại đây, quân Pháp bố trí một lực lượng quân gồm: đại đội lính Âu Phi và các đồn bót phụ cận như sở cao su Vườn Ngô, Ga xe lửa mỗi nơi một trung đội lính.



Di tích Yếu khu quân sự Trảng Bom, H. Trảng Bom

Tỉnh đội Thủ Biên tổ chức trận tấn công địch vào Yếu khu Trảng Bom. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ - Tỉnh đội trưởng trực tiếp chỉ huy trận đánh. Các lực lượng tham gia chiến đấu đã được động viên chính trị chu đáo, thấu hiểu ý nghĩa trận đánh và được giao nhiệm vụ cụ thể rõ ràng. Sau một thời gian điều nghiên kỹ càng, vào lúc 17 giờ ngày 20/1/1951, trận tấn công bắt đầu. Tham gia trận đánh gồm tiểu đoàn 303, đại đội Lam Sơn, đội biệt động tỉnh Thủ Biên. Lực lượng vũ trang cách mạng cải trang đi trên hai chiếc xe cam nhông bất ngờ dừng trước cổng yếu khu Trảng Bom. Bộ đội từ trên xe nhanh chóng tiến vào cổng, tiêu diệt tên lính gác, dùng bộc phá đánh phá các lô cốt và chiếm xe thiết giáp. Cùng lúc đó, tiểu đoàn 303 và đại đội Lam Sơn đánh chiếm các vị trí trong khu trung tâm căn cứ quân sự địch và đồn lính tại khu vực sân banh. Bị tấn công bất ngờ, lính địch không kịp chống trả. Một số bị tiêu diệt ngay tại chỗ, một số bị thương, bỏ chạy. Lực lượng vũ trang cách mạng làm chủ yếu khu trong vòng một tiếng đồng hồ và sau đó rút về cứ. Kết quả trận đánh quân cách mạng tiêu diệt 50 tên lính Âu- Phi, bắt sống 50 tên và thu 200 vũ khí các loại, nhiều tấn đạn dược, lương thực thực phẩm, quân trang quân dụng.

Đây là trận tập kích táo bạo, bất ngờ của lực lượng vũ trang Thủ Biên, giành thắng lợi lớn và làm cho quân Pháp bị tổn thất nặng nề. Trận đánh này thành công do quá trình điều nghiên và kế hoạch tác chiến được xây dựng kỹ càng. Trong quá trình điều nghiên thực tế, có sự đóng góp tích cực của các cơ sở cách mạng tại địa phương như: gia đình bà Nam Chùng, Năm Mỹ đã đào hầm bí mật, tiếp tế, nắm tin tức cho các đội trinh sát. Chiến thắng Trảng Bom đã thể hiện ý chí và quyết tâm cao, tư tưởng chủ động tiến công địch, mưu trí, sáng tạo, trong cách đánh của các lực lượng vũ trang Biên Hòa.

3. Phối hợp chiến trường cả nước, giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp:

Tháng 5/1954, tướng Navar Tổng tham mưu trưởng khối Bắc Đại tây dương, được chính phủ Pháp cử làm tổng chỉ huy quân viễn chinh PHÁP ở Đông Dương, đề ra kế hoạch Na-va.

Đối phó với âm mưu của Pháp, tháng 9/1953, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc tiến công chiến lược đông xuân 1953-1954 theo phương hướng chiến lược: Tránh chỗ mạnh, đánh chỗ yếu, đánh chắc thắng. Chiến trường Nam bộ, Bộ Chính trị chủ trương lợi dụng địch tập trung trên chiến trường miền Bắc, đẩy mạnh du kích chiến tranh, tiêu hao, tiêu diệt sinh lực địch, đẩy mạnh công tác địch ngụy vận, mở rộng vùng căn cứ.

Tại Thủ Biên, đến cuối năm 1953, thực dân Pháp rút 3 tiểu đoàn tinh nhuệ tăng cường ra chiến trường miền Bắc. Tổng số quân địch toàn tỉnh cuối năm 1953 còn 26.000. Để bổ sung quân số, địch tăng cường bắt lính. Tính đến tháng 4/1953, toàn tỉnh địch bắt 573 thanh niên đi lính. Do số quân giảm và do ta tấn công, địch rút bỏ 4 bót, 17 tháp canh để tổ chức những đơn vị cơ động và phòng thủ trên các trục giao thông chính. Mức độ càn quét của địch vào vùng căn cứ giảm.

Tỉnh Thủ Biên đề ra các nhiệm vụ chính là đẩy mạnh du kích chiến tranh, mở rộng công tác địch ngụy viên, mở rộng căn cứ kháng chiến. Đến tháng 4/1954, phong trào quần dân xây dựng làng chiến đấu được đẩy mạnh. Nhân dân chiến khu Đ dọc sông Đồng Nai rào trên 1.000 mét dây thép gai kết hợp hầm chông hố đinh, lựu đạn gài góp phần hạn chế hoạt động địch.

Lực lượng vũ trang tỉnh đẩy mạnh hoạt động tiến công, áp sát địch. Tại Vĩnh Cửu, bộ đội bao vây bót Cây Đào, Rạch Đông, áp sát bót Mà Miêu (Bình Long, Lợi Hòa), đánh địch tuần ruồng. Tại Xuân Lộc, đội vũ trang tuyên truyền khôi phục được cơ sở trong các sở cao su, tiến công các tháp canh, bót, tua của địch trên quốc lộ 20. Tháng 4/1954, tiểu đoàn 300 phục kích diệt đội biệt kích do tên ác ôn Suacot chỉ huy tại Phú Mỹ (Long Thành). Các căn cứ Phước An, Bình Đa, Hồ Cạn, Đại An được khôi phục lại.

Phối hợp chiến trường chung trong Đông Xuân 1953- 1954, lực lượng vũ trang toàn tỉnh thực hiện 137 trận đánh lớn nhỏ, loại 1.148 tên, làm bị thương 194 tên, bắt sống 11, thu 183 súng các loại, phá hủy 19 xe, đánh sập 3 bót, 5 tháp canh, bức rút 25 tháp canh khác. Các đội vũ trang tuyên truyền tổ chức 147 cuộc đột nhập tuyên truyền, diệt tề trừ gian vùng tạm bị chiếm. Căn cứ chiến khu Đ hoàn toàn do ta làm chủ, mở ra giáp sông Đồng Nai về phía Nam, phía Bắc đã mở vượt qua sông Bé, phía tây giáp lộ 16.

Ngày 20/7/1954, Hiệp định Geneve được ký kết. Để tạo thuận lợi cho việc thi hành hiệp định, Tỉnh ủy Thủ Biên chỉ đạo đình chỉ mọi hoạt động vũ trang trên địa bàn tỉnh.

Như vậy, trải qua hơn 3.000 ngày kháng chiến đầy hy sinh gian khổ nhưng rất đáng tự hào. Đảng bộ và quần dân Biên Hòa, Bà Rịa đã phát huy cao độ lòng yêu nước, tinh thần đấu tranh cách mạng kiên cường, vừa chiến đấu vừa xây dựng lực lượng, lập nên những chiến công xuất sắc, làm tròn nhiệm vụ trên một địa bàn chiến lược phía đông và đông nam Sài Gòn góp phần cùng cả nước đánh bại thực dân Pháp xâm lược.

Chín năm kháng chiến thắng lợi bắt nguồn từ đường lối quân sự, đường lối chiến tranh nhân dân, toàn dân, toàn diện, lâu dài của Đảng, sự vận dụng đúng đắn

sáng tạo của Đảng bộ vào tình hình cụ thể của chiến trường. Suốt chín năm kháng chiến, Đảng bộ Biên Hòa, Bà Rịa đã chủ trương kiên quyết dựa hẳn vào nhân dân, từng bước tổ chức và phát động toàn dân đánh giặc, có lực lượng vũ trang làm nòng cốt, lần lượt đánh bại mọi âm mưu, biện pháp chiến tranh của địch. Nổi bật, quân và dân Biên Hòa đã tìm tòi sáng tạo cách đánh gặc công góp phần kinh nghiệm của mình cùng với tình bạn làm phá sản hệ thống tháp canh Đờ-la-tua của địch. Trong quá trình kháng chiến với phương châm và phương thức hoạt động khác nhau, nhân dân và các lực lượng vũ trang địa phương đã đánh địch trên khắp cả 3 vùng, căng kéo lực lượng địch, tạo thế để bảo vệ vùng căn cứ, giữ vững và mở rộng vùng du kích, thu hẹp vùng bị địch tam chiếm. Lực lượng đặc công, biệt động kết hợp với cơ sở cách mạng, cơ sở mật trong lòng địch ta đá đánh sâu, đánh hiểm, đánh thị xã, thị trấn, kho tàng địch và đã để lại những bài học kinh nghiệm quý giá.

Chín năm kháng chiến chống Pháp thắng lợi và những kinh nghiệm chủ yếu trong việc tổ chức chỉ đạo tiến hành chiến tranh đã đặt nền móng vững chắc để Đảng bộ và quân dân Biên Hòa, Bà Rịa giành thắng lợi trong cuộc đấu tranh chống kẻ thù mới- đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai của chúng.

III. CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG ĐẾ QUỐC MỸ VÀ BÈ LŨ TAY SAI (từ tháng 07/1954 đến tháng 12/1975)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp mà đỉnh cao là chiến dịch Điện Biên Phủ buộc Chính phủ Pháp ký Hiệp định Giơ – ne – vơ ngày 20/7/1954. Đất nước tạm chia làm hai miền: lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, miền Bắc hoàn toàn được giải phóng, miền Nam tạm thời đặt dưới quyền quản lý của đối phương. Năm 1956 sẽ tổng tuyển cử thống nhất nước nhà. Thế nhưng đế quốc Mỹ đã âm mưu thôn tính miền Nam, thôn tính Đông Dương nhằm ngăn chặn phong trào giải phóng dân tộc, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, tiền đồn của Mỹ ở Đông Nam Á. Chúng đào tạo và đưa Ngô Đình Diệm về Việt Nam thiết lập bộ máy thống trị từ Trung ương đến địa phương, làm tay sai đắc lực cho đế quốc Mỹ. Tháng 11/1954, chúng cử tướng Collin sang miền Nam làm “Đại sứ” và thực hiện kế hoạch 6 điểm của chính quyền Ai-xan-hao nhằm áp đặt chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ, âm mưu biến miền Nam nước ta thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự của chúng. Nhân dân ta đứng trước một kẻ thù mới: Đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm.

Về phía ta, tình hình cách mạng miền Nam đã thay đổi, nhiệm vụ chính trị chuyển từ kháng chiến vũ trang sang đấu tranh chính trị đòi dân sinh, dân chủ, đòi thi hành Hiệp định. Trong bối cảnh đó, tâm tư tình cảm của nhân dân miền Nam

nói chung và Biên Hòa nói riêng luôn biến động: vui vì chiến tranh kết thúc, miền Bắc được hoàn toàn giải phóng; nhưng băn khoăn lo lắng lực lượng vũ trang, cán bộ cách mạng ra Bắc tập kết khi Đế quốc Mỹ dựng chính quyền tay sai để chống phá cách mạng. Tuy nhiên, nhân dân và đồng bào các dân tộc ở Biên Hòa, đã hết lòng tham gia kháng chiến, ủng hộ kháng chiến, bảo vệ các cơ quan lãnh đạo của Liên tỉnh ủy miền Đông, Khu ủy miền Đông, Xứ ủy Nam bộ, trung ương cục Miền Nam. Cuộc chiến tranh giành độc lập chủ quyền lãnh thổ của quân dân Biên Hòa-Đồng Nai trong suốt 30 năm kháng chiến cực kỳ gian khổ và khốc liệt, nhưng dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng bộ địa phương đã phối hợp rất nhịp nhàng, kịp thời cùng chiến trường toàn miền Nam, góp phần đánh bại 5 chiến lược chiến tranh của Đế quốc Mỹ và tay sai, đã lập nên nhiều chiến công vang dội. Chính quyền cách mạng đã đề ra những phương án, kế hoạch lãnh đạo quân và dân Biên Hòa từng bước đập tan âm mưu đen tối và tội ác của chúng qua những chiến công vang dội trong suốt cuộc trường kỳ kháng chiến chống Đế quốc Mỹ giải phóng đất nước như:

1. Đấu tranh chống kẻ thù mới: Đế quốc Mỹ và tay sai

1.1. Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 2/12/1956 là một nét son chói lọi, là sự tiếp nối truyền thống hào hùng, đấu tranh kiên cường bất khuất của Đảng và nhân dân ta.

Ngay sau khi hiệp định Giơ-ne-vơ vừa được ký kết (tháng 7/1954), đế quốc Mỹ đã công khai phá hoại. Chúng thiết lập ngay bộ máy cai trị, lập chính phủ bù nhìn, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới và tiền đồn chống cộng của chúng ở Đông Nam Á. Với sự chỉ đạo của quan thầy, ngụy quyền Ngô Đình Diệm liên tục mở các chiến dịch “tố cộng, diệt cộng”, mở rộng hệ thống nhà tù để giam cầm, đày ải, truy bức các bộ, đảng viên và đồng bào yêu nước ở miền Nam. Hàng năm, hàng ngàn cán bộ, chiến sĩ cách mạng bị địch bắt đưa về giam giữ ở các nhà tù khắp miền Nam, trong đó có nhà tù Tân Hiệp, Biên Hòa.

Tháng 7/1956, Mỹ - Diệm mở chiến dịch Trương Tấn Bửu đánh phá khốc liệt nhằm đàn áp phong trào và tiêu diệt cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng. Chúng dùng lực lượng chủ lực kết hợp với bọn bảo an dân vệ, công an cảnh sát chà đi xát lại hầu hết các xã ấp ở Biên Hòa, tập trung là các đồn điền cao su, các vùng căn cứ

kháng chiến ở Tân Uyên, Vĩnh Cửu, Long Thành... Nhiều cán bộ, đảng viên lãnh đạo của tỉnh Biên Hòa sa vào tay giặc. Hàng trăm cán bộ, đảng viên và quân chúng cơ sở khắp các huyện thị ở Biên Hòa bị địch bắt bớ, tù đày.

Nhà tù Tân Hiệp là một trong 6 nhà tù lớn nhất của chế độ VNCH ở miền Nam (Côn Đảo, Phú Quốc, Chí Hòa, Thủ Đức, Phú Lợi và Tân Hiệp). Nhà tù được xây dựng trên địa bàn ấp Tân Hiệp, xã Bình Trước, quận Đức Tu, tỉnh Biên Hòa, nay là phường Tân Tiến thuộc thành phố Biên Hòa. Toàn bộ khu vực nhà tù nằm trên một khu đất cát hình chữ nhật, địa hình ảm thấp, có tổng diện tích là 36.000m². Phía đông nhà tù giáp cụm dân cư Tân Hiệp, phía tây giáp rạch Đồng Tràm, phía nam giáp đường xe lửa Bắc-Nam, phía bắc giáp Quốc lộ 1 (đối diện với Bệnh viện Tâm thần Biên Hòa)



Đến tháng 11/1956, kế hoạch nổi dậy phá khám Tân Hiệp cơ bản đã hình thành. Đảng ủy nhà tù do đồng chí Nguyễn Duy Đán (Nguyễn Trọng Tâm, nay là anh hùng lực lượng vũ trang) làm bí thư hạ quyết tâm thực hiện kế hoạch đã đề ra. Công tác tiến hành được chuẩn bị tuyệt đối bí mật, chặt chẽ và chu đáo. Đội xung kích gồm các đồng chí khỏe mạnh, có kinh nghiệm chiến đấu do đồng chí Nguyễn Văn Cội, nguyên là huyện đội phó huyện Củ Chi làm đội trưởng, Lê Minh Toàn chính trị viên. Tổ liên lạc dẫn đường có 6 đồng chí do đồng chí Ngô Văn Quảng, nguyên bí thư huyện ủy Vĩnh Cửu làm tổ trưởng. Đồng chí Nguyễn Văn Chuộng được Đảng ủy cử làm trưởng đoàn vượt ngục trở về căn cứ. Giờ G nổi dậy phá khám được Đảng ủy quyết định vào chiều ngày chủ nhật 02/12/1956.



Dãy xà lim nhà lao Tân Hiệp

17 giờ 40 phút, tất cả các đồng chí trong lực lượng xung kích đều đã ở trong tư thế sẵn sàng. 17 giờ 50 phút, khi tên lính trực vừa đánh keng báo cho tù nhân vô trại, thì tiếng hô “*xung phong*” vang dậy khắp nơi. Các mũi xung kích nhanh chóng tiến thẳng đến các mục tiêu đã được phân công. Tổ xung kích do các đồng chí Lê Toàn Thư, Nguyễn Văn Cội trực tiếp chỉ huy đã xông thẳng vào kho vũ khí, bắt trời tên trưởng trạm gác toàn bộ vũ khí trong kho. Cùng lúc một tổ khác xông vào nhà tên Tỉnh giám đốc trại giam, khống chế hẳn và số lính lái xe, bảo vệ, sau đó tiến vào văn phòng trại giam bắt trời tên thượng sĩ chỉ huy lính bảo an, cắt đứt đường dây điện thoại. Chỉ trong 15 phút đầu, lực lượng xung kích hoàn toàn làm chủ tình hình. Bọn chỉ huy trại giam và toàn bộ lính canh gác bị bất ngờ và vô cùng hốt hoảng, chỉ lo bảo toàn tính mạng nên chưa có hành động chống trả nào.

Cuộc nổi dậy phá khám diễn ra trong vòng 40 phút. Đến 18 giờ 30 phút, toàn bộ số tù nhân còn lại đều bị gom vào lại các trại. Do điện thoại ở nhà tù bị cắt đứt

ngay phút đầu, tên phó giám đốc trại giam phải luôn lánh hốt hoảng chạy bộ đến Bộ Tư lệnh sư đoàn dã chiến số 4 (cách đó 1 km) để cấp báo và xin cứu viện. Vì vậy, một giờ sai cuộc nổi dậy, địch mới báo động được các nơi trong thị xã. 19 giờ, bọn lính sư 4 dã chiến mới tới được trại giam cùng với bọn bảo an, hiến binh lo ổn định tình hình và nhận lệnh truy đuổi.

Sau khi thoát khỏi trại giam, các đồng chí đã chia làm nhiều đoàn để tìm về căn cứ và các cơ sở cách mạng ở các địa phương trong toàn miền. Mặc dù địch tăng cường lực lượng truy đuổi bố ráp gắt gao, một số đồng chí đã anh dũng hy sinh hoặc kiệt sức trên đường chạy, nhưng nhờ sự đùm bọc che chở của nhân dân, sự chuẩn bị của tổ chức Đảng, cơ sở bên ngoài, không một ai nản lòng thoái chí.



Di tích cấp quốc gia Nhà lao Tân Hiệp

Cuộc nổi dậy phá khám Tân Hiệp ngày 02/12/1956 là một nét son chói lọi, là sự tiếp nối truyền thống đấu tranh kiên cường của Đảng và nhân dân ta. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy bí mật nhà tù, gần 500 Đảng viên cộng sản và đồng bào yêu nước bị kẻ thù giam giữ đã lập nên kỳ tích anh hùng. Với tay không, tự nổi dậy phá khám, cướp súng địch để trở về với Đảng, với dân. Trong lịch sử đấu tranh cách mạng của nhân dân ta, đây là cuộc nổi dậy phá khám để tự giải phóng có quy mô lớn nhất, đưa được số lượng lớn cán bộ cốt cán của Đảng về với cách mạng và thu

được một số lượng vũ khí khá lớn (41 súng các loại). Thắng lợi này là nguồn bổ sung to lớn và vô cùng quý báu đối với lực lượng cách mạng miền Nam nói chung và các tỉnh miền Đông Nam Bộ nói riêng trong những ngày đầu chuẩn bị cho khởi nghĩa vũ trang tiến lên Đồng Khởi tại miền Nam.

1.2. Trận đánh vào phái đoàn cố vấn quân sự Mỹ (MAAG) ở nhà máy cưa BIF (Nhà Xanh) ngày 07/7/1959.



Từ năm 1912 đến năm 1945, Nhà Xanh là một biệt thự Pháp xây dựng làm văn phòng của Công ty kỹ nghệ và lâm nghiệp Biên Hoà (gọi tắt là BIF: Bien Hoa Industrielle et Forestière). Năm 1907, Nhà máy BIF được thành lập trên cơ sở trại cưa của Blonded (Blông-den) - là một cơ sở công nghiệp đầu tiên ở tỉnh Biên Hoà. Đây là một kiến trúc kiểu Pháp có hai tầng. Đây là nhà máy có phong trào công nhân phát triển mạnh và nơi sớm hình thành tổ chức Công hội đỏ và chi bộ Đảng Cộng sản vào những năm 30 thế kỷ 20. Trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược, nhà máy có hàng trăm công nhân thoát kỳ đi kháng chiến, số công nhân ở lại đều tham gia tích cực ủng hộ kháng chiến. Trong chín năm thực dân Pháp lấy nhà máy làm bộ chỉ huy tiêu khi Biên Hòa, trụ sở phòng nhì Pháp để tìm kếp đánh phá phong trào kháng chiến ở Biên Hòa và các tỉnh miền Đông.

Ngày 01/7/1958 dưới sức ép của chính quyền Ngô Đình Diệm, chủ nhà máy phải bán cơ sở này cho Trần Lệ Xuân lập ra “công quản khai thác nhà máy của BIF”. Sau đó, văn phòng nhà máy trở thành cư xá của chuyên gia cố vấn quân sự Mỹ trong phái đoàn MAAG (Mission Army American Group), làm nhiệm vụ cố vấn, huấn luyện cho sư đoàn 7 ở Biên Hòa.

Đánh Mỹ, diệt cố vấn Mỹ, ý định táo bạo đó bắt đầu hình thành trong suy nghĩ của một số cán bộ lãnh đạo Liên tỉnh ủy miền Đông từ những tháng đầu năm 1959. Tháng 2/1959, đồng chí Nguyễn Văn Hoa (Năm Hoa) đại đội phó C250, nguyên là Thị ủy viên thị xã Biên Hòa cùng một số chiến sĩ trong đơn vị được Liên Tỉnh ủy miền Đông cử vào thị xã Biên Hòa để nắm tình hình đoàn cố vấn quân sự Mỹ. Sau khi bắt kiên lạc và trao đổi nhiệm vụ với đồng chí Trương Văn Lễ bí thư Thị ủy Biên Hòa, các đồng chí thống nhất chọn mục tiêu tiến công là đoàn cố vấn Mỹ ở BIF.

Tháng 5/1959, Mỹ- Diệm ban hành luật 10/59 lê máy chém đi khắp miền Nam gây nhiều tội ác với đồng bào ta, hành hình cán bộ, đảng viên không cần xét xử. Thế nhưng, Mỹ - Diệm càng điên cuồng khủng bố dã man, thì lòng căm thù của nhân dân ta đối với bọn chúng càng cao, ý chí cách mạng càng thêm kiên định.

Cuối tháng 6/1959, Liên Tỉnh ủy và Ban quân sự miền Đông thông qua phương án trận tập kích vào cư xá bọn cố vấn quân sự Mỹ ở Biên Hòa. Ngày giờ được ấn định vào 19 giờ ngày 07/7/1959. Chiều tối chiều 05/7/1959, từ căn cứ chiến khu Đ, phân đội đặc công gồm 6 đồng chí Hưng, Huê, Bé, Phú, Sắc do Nguyễn Văn Hoa chỉ huy nhận lệnh xuất phát. Khoảng 19 giờ ngày 07/7/1959, phân đội đặc công C250 hóa trang như một toán lính đi tuần từ Gò Me dọc theo bờ ruộng tiến thẳng vào khu cư xá. Các ám hiệu, tín hiệu của cơ sở cho thấy bí mật vẫn đảm bảo. Khi bọn lính đến phiên đổi gác, các chiến sĩ đặc công nhanh chóng theo lối cổng phụ tiến vào áp sát khu cư xá. Hai đồng chí Sắc và Huê mang theo mìn theo lối cửa hông, lợi dụng lúc địch tắt đèn xem phim, đưa mìn vào đặt sẵn trong phòng. Nhưng khi các anh vào phòng, đèn bỗng bật sáng. Cuốn phim thứ nhất đã kết thúc, tên trung sĩ Ovmand mở công tắc đèn để thay phim. Trước tình huống bất ngờ, đồng chí Năm Hoa ra lệnh nổ súng. Hai cố vấn quân sự Mỹ là Thiếu tá Buis và trung sĩ Ovmand trúng đạn chết tại chỗ, đại úy Boston bị thương. Không giờ khắc sinh tử và không để cho địch kịp thời phản ứng và nhận rõ thời cơ diệt địch đã đến, đồng chí Huê chấp nhận hy sinh. Anh hô to : “Chấm điện!”. Đồng chí Sắc ở phía sau chập mạnh hai đầu dây khối pin. Một tiếng nổ lớn làm rung chuyển cả khu vực cư xá. Đồng chí Huê anh dũng hy sinh, đồng chí Sắc bị thương.

Bốn đồng chí còn lại xông vào nhà quét vài loạt đạn vào nơi có tiếng kêu gào, rên la của bọn Mỹ và nhanh chóng diu đồng chí Sắc và đưa sĩ tử rút ra ngoài.

Trận đánh chỉ diễn ra chưa đầy 15 phút. Tất cả các đơn vị địch không phản ứng kịp. Theo phương án định sẵn, các chiến sĩ đặc công rút về khu an toàn; nhanh chóng cất giấu vũ khí, thay đổi trang phục, trở lại cuộc sống bình thường của người dân đô thị.



2. Biên Hòa từ Đồng Khởi đến phá ấp chiến lược (1961-1965)

2.1. Đồng Khởi:

Sau những đợt đánh phá khốc liệt của địch, đến cuối năm 1959, tỉnh Biên Hòa chỉ còn lại 1 chi bộ Đảng bí mật ở Thái Hòa, 1 chi bộ ở vùng Bù Cháp, Lý Lịch và một số đảng viên hoạt động đơn tuyến. Trong tình thế hiểm nghèo tương chừng như không thể vượt qua được ấy, số cán bộ đảng viên và cơ sở còn lại vẫn kiên cường, giữ vững ý chí cách mạng, vượt qua nhiều cam go, thử thách để gầy dựng lại cơ sở, khôi phục phong trào đấu tranh.

Đầu tháng 2/1960 tại rừng Thái Hòa (Tân Uyên), Tỉnh ủy Biên Hòa họp triển khai Nghị quyết 15 và Nghị quyết Xứ ủy Nam bộ. Biên Hòa gặp nhiều khó khăn, Tỉnh ủy chỉ còn 5 đồng chí. Các huyện thị trong tỉnh, số cán bộ đảng viên còn lại ít ỏi. Tỉnh ủy chủ trương sử dụng lực lượng vũ trang của tỉnh tiến hành đợt vũ trang tuyên truyền, trọng điểm là các xã vùng chiến khu Đ khẩn trương mở rộng địa

bàn hoạt động xuống các huyện. Tháng 3/1960, với sự hỗ trợ của bộ đội tỉnh, nhân dân các xã Thường Lang, Tân Tịch, Tân Hòa, Mỹ Lộc... đồng loạt nổi dậy diệt tề trừ gian, trấn áp bọn phản cách mạng. Làn sóng khởi nghĩa nhanh chóng lan khắp vùng. Trong thời gian ngắn ta giành quyền làm chủ trên một vùng rộng lớn, thanh niên thoát ly gia nhập lực lượng vũ trang.

Tháng 9/1960, hai tỉnh Biên Hòa và Thủ Dầu Một được Xứ ủy quyết định sáp nhập làm tỉnh Thủ Biên (đ/c Lê Quang Chữ là Bí thư), các huyện trong tỉnh Biên Hòa được sắp xếp lại. Tháng 7/1961, Xứ ủy quyết định tách tỉnh Thủ Biên. Tỉnh Biên Hòa được lập lại bao gồm các huyện Vĩnh Cửu, Long Thành, Nhơn Trạch, huyện Cao su Bình Sơn và thị xã Biên Hòa. Lực lượng vũ trang của tỉnh lấy phiên hiệu đại đội 240 (C240). Tháng 9/1961, bộ đội chủ lực Miền đánh tiểu khu Phước Thành giành thắng lợi. Lần đầu tiên ta đánh chiếm, giải phóng một tỉnh lỵ, mở rộng vùng căn cứ cách mạng; tác động trực tiếp đến địa bàn tỉnh Biên Hòa.

2.2. Phá áp chiến lược

Phong trào Đồng Khởi đẩy nguy quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ sụp đổ, đế quốc Mỹ ngoan cố leo thang thực hiện chiến lược “chiến tranh đặc biệt”. Tháng 11-1961, Tổng thống và Hội đồng an ninh Mỹ chính thức thông qua kế hoạch Staley – Taylor; sử dụng nhiều biện pháp, nhiều âm mưu thâm độc trên các mặt: chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa mà trong đó “xương sống” của chương trình “bình định” là gom dân lập ấp chiến lược.

Đầu năm 1962, trên chiến trường Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh, địch bắt đầu tiến hành thí điểm kế hoạch “bình định” lập “ấp chiến lược”. Tháng 3/1962, Mỹ - Diệm mở chiến dịch “Mặt trời mọc” tung lực lượng liên tiếp mở hàng chục cuộc hành quân, càn quét với quy mô từ cấp đại đội đến cấp trung đoàn khủng bố bắn giết gom dân, khoanh dân vào các ấp chiến lược. Ở tỉnh Biên Hòa, Long Khánh địch xây dựng nhiều loại hình ấp chiến lược khác nhau: vùng nông thôn, rừng núi, thị xã, thị trấn, vùng đồn điền cao su, vùng di cư Thiên Chúa giáo... Ở nông thôn địch gom dân, xúc tát dân về các trục lộ giao thông, các khu định cư chung quanh các căn cứ quân sự, rồi cưỡng bức nhân dân đào hào, dựng hào, đắp lũy. Địch kiểm soát gắt gao việc đi lại, lục xét kỹ lưỡng những ai chứng tình nghi là cơ sở cách mạng. Đồng bào hầu như bị tước đoạt quyền sống. Ấp chiến lược thực sự là trại giam, là cứ điểm quân sự của địch.

Trước âm mưu và thủ đoạn mới của Mỹ - ngụy, Thường vụ Trung ương Cục miền Nam đề ra ba mặt công tác trọng tâm lúc này là: kiên quyết phá ấp chiến lược gom dân của địch; ra sức mở rộng căn cứ địa vững mạnh toàn diện; khẩn trương

xây dựng lực lượng vũ trang. Trong ba mặt công tác ấy, công tác phá áp chiến lược là quan trọng nhất. Từ giữa năm 1962, phong trào đấu tranh 3 mũi giáp công: vũ trang, chính trị, binh vận được phát động rộng khắp trên hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch.



Áp chiến lược của Mỹ

Tháng 6/1962, nhân dân và du kích, lực lượng vũ trang huyện, bộ đội tỉnh (C240) bao vây bức hàng đồn Gò Cát. Thắng lợi bức hàng đồn Gò Cát, phá khu trừ mật Phước An (huyện Nhơn Trạch) và phong trào du kích chiến tranh phát triển ở các xã Tam An, Tam Phước (huyện Long Thành), Phú Hội, Phú Hữu (huyện Nhơn Trạch)... đã kết hợp chặt chẽ ba mũi giáp công đánh địch, phá áp chiến lược tạo thế cho dân bung ra sản xuất làm ăn. Với những trận đánh liên tiếp làm cho địch không xây dựng và củng cố bộ máy tề ngụy, ta làm thất bại kế hoạch gom dân lập áp chiến lược vùng Long Khánh, khai thông tuyến hành lan liên lạc chiến khu Đ và Bà Rịa – Vũng Tàu. Cuộc đấu tranh chống địch gom dân, lập áp chiến lược của quân và dân Biên Hòa, Long Khánh diễn ra giằng co quyết liệt trong suốt những tháng cuối năm 1962.



Lùa dân vào Ấp chiến lược

Tại mặt trận Phước An, nơi trọng điểm bình định của địch ở khu lòng chảo Nhơn Trạch. Tại đây, địch đã tập trung xây dựng “ấp chiến lược” Hang Nai. Bằng các biện pháp mị dân đi đôi với rún ép, địch đã buộc nhân dân hai ấp Vũng Gấm và Bảo Bông phải dồn về khu tập trung Hang Nai. Huyện ủy Nhơn Trạch và chi bộ xã Phước An đã lãnh đạo nhân dân phá vỡ kế hoạch lập ấp chiến lược ngay từ lúc chúng bắt đầu thực hiện. Các cuộc đấu tranh chính trị của nhân dân Bảo Bông, Vũng Gấm diễn ra liên tục. Đồng bào đưa yêu sách đòi tự do đi lại làm ăn, viện lý do là hầu hết bà con trong vùng đề làm nghề sông nước kiếm sống nên không thể tập trung về khu đồn dân, kiên quyết bám đất, bám làng. Bất lực trước lý lẽ sắc bén của đồng bào, địch phải dùng tới súng đạn, lưới lê. Chúng đã tập trung lính ở đồn Gò Cát, đồn Vũng Gấm, chi khu Nhơn Trạch tốp bao vây từng nhà, quăng đồ dân lên xe chở đi trước rồi thúc người lên sau. Cuộc đấu tranh chống xúc tát dân diễn ra quyết liệt. Phối hợp với mũi đấu tranh chính trị, mũi vũ trang cũng hoạt động tích cực. Du kích xã đêm đêm đột nhập vào ấp vận động nhân dân đốt nhà để tạo có không có chỗ ở để về đất cũ.

Tháng 6/1962, chi bộ xã Phước An đã lãnh đạo nhân dân trong xã và du kích phối hợp với lực lượng huyện (Trung đội 195), bộ đội tỉnh (C240) bao vây bức hàng đồn Gò Cát, do 1 trung đội lính dân vệ đóng giữ. Hơn 500 đồng bào Phước An kê dao, người gậy đốt đuốc sáng rực trời bao chặt đồn, phát loa giải thích chính sách khoan hồng của Mặt trận, kêu gọi binh lính ra hàng. Du kích dân quân dùng ống bắn khí đá và ống tre quay đạn chì bắn vào đồn, bên ngoài nhân dân dùng xe cho nổ máy bật đèn pha sáng trưng. Bọn lính trong đồn hoảng sợ không dám chống trả, Suốt 7 ngày đêm liên, lực lượng du kích và thanh niên đào hào, công sự chiến đấu khép chặt vòng vây. Lính địch đói khát lớp chạy trốn, lớp ra hàng. Ta thu 10 khẩu súng các loại, cùng đạn dược và toàn bộ quân trang quân dụng. Hai ấp Bà Bông và Bà Trường được hoàn toàn giải phóng.

Ở Vĩnh Cửu, Huyện ủy chủ trương chỉ đạo điểm phá ấp chiến lược ở Đại An từ đó phát động rộng ra toàn huyện. Đại An là một xã nằm bên bờ sông Đồng Nai, một trong những vị trí chiến lược quan trọng, án ngữ tuyến hành lang liên lạc của ta từ Chiến khu Đ về các tỉnh phía Đông (Biên Hòa, Bà Rịa, Long Khánh). Địch chọn Đại An để xây dựng ấp chiến lược kiểu mẫu. Chúng đã đưa về ấp Thái An (giáo xứ Thiên chúa giáo di cư) một tình báo đóng vai linh mục cai quản xứ đạo để mê hoặc và lừa mị giáo dân. Chúng buộc nhân dân phải lao động ngày đêm, hoàn thành việc rào ấp chiến lược trong một thời gian ngắn.

Để lãnh đạo nhân dân phá ấp chiến lược, Huyện ủy đã tăng cường nhiều cán bộ từ Trị An xuống Đại An, củng cố lại chi bộ xã và lực lượng du kích mật ở địa phương, chuẩn bị địa bàn cho lực lượng vũ trang huyện trụ bám. Cuối tháng 6/1962, bộ đội huyện Vĩnh Cửu (C270) phục kích đánh địch ở Gò Chùa (Đại An) diệt và làm bị thương 6 tên, đồng thời liên tục bao bố địch quanh ấp chiến lược hỗ trợ cho cán bộ, du kích đột nhập vào ấp tháo gỡ trái, phát động nhân dân bung ra phá ấp chiến lược. Tháng 7/1962, được cơ sở trong ấp phục vụ nắm tình hình, bộ đội huyện và du kích xã đã nổ súng tấn công vào các đồn bót địch ở Đại An. Địch bị bất ngờ chống cự yếu ớt, vứt súng lợi sông Đồng Nai trốn chạy. Đến hôm sau, chúng mới tập hợp lực lượng chiếm trở lại Đại An, đồng thời bắt nhân dân tu sửa những mảng ấp chiến lược bị phá banh. Sau Đại An, các xã Thiện Tân, Tân Định, Lợi Hòa... phong trào chống phá gom dân lập ấp chiến lược cũng đã diễn ra hết sức quyết liệt. Địch phải tập trung lực lượng kể cả chủ lực để đối phó.

Đầu năm 1963, tại Biên Hòa địch xây dựng 162 ấp, tỉnh Long Khánh 43 ấp. Gần 70% nhân dân các làng xã, công nhân các đồn điền cao su bị dồn vào các “trại tập trung”. Vùng giải phóng của ta bị thu hẹp.

Tháng 3/1963, trung ương Cục miền Nam và khu ủy miền Đông chủ trương sát nhập 2 tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa thành tỉnh Bà Biên nhằm khắc phục những khó khăn về địa bàn, tập trung lực lượng, phối hợp mở hành lang chiến lược, xây dựng và phát triển căn cứ cách mạng. Hưởng ứng phong trào “thi đua Ấp Bắc, giết giặc lập công”, Tỉnh ủy Bà Biên chủ trương đẩy mạnh cuộc đấu tranh chống phá kế hoạch bình định nông thôn của địch bằng hai lực lượng: chính trị và quân sự, kết hợp 3 mũi tiến công phá ấp chiến lược giữ vững và mở rộng vùng giải phóng. Cuộc đấu tranh quyết liệt chống địch gom dân lập ấp chiến lược của quân và dân ta trong năm 1963 đã làm phá sản cơ bản kế hoạch của Mỹ - ngụy “bình định miền Nam trong vòng 18 tháng” - Ngô Đình Diệm và bè lũ tay sai tỏ ra bất lực, đế quốc Mỹ phải “thay ngựa giữa dòng”. Ngày 01/11/1963, Tổng thống Ngô Đình Diệm bị lật đổ; ngụy quyền ở Sài Gòn lâm vào thời kỳ khủng hoảng nghiêm trọng với nhiều cuộc đảo chính quân sự.

Để phù hợp với yêu cầu và nhiệm vụ mới, tháng 12/1963, trung ương Cục tách tỉnh Bà Biên tổ chức lại tỉnh Biên Hòa, tỉnh Bà Rịa. Năm thời cơ, Tỉnh ủy Biên Hòa chủ trương phát động phong trào nổi dậy kết hợp chặt chẽ 3 mũi quân sự, chính trị, binh vận, kiên quyết phá ấp chiến lược, mở rộng vùng giải phóng. Hai huyện Long Thành và Nhơn Trạch với sự hỗ trợ của đại đội 240, quần chúng nổi dậy phá banh toàn bộ ấp chiến lược; du kích và quần chúng bao vây đồn bót địch, ta làm chủ ngày đêm ở các xã Phước An, Phước Thọ, Phước Thiên, Phước Nguyên, Phú Hội, Phú An

Tại Vĩnh Cửu, huyện ủy chọn xã Đại An làm điểm phá ấp chiến lược. Đêm 24/01/1964 hàng rào ấp chiến lược Đại An phút chốc biến thành vòng lửa cháy sáng 1 góc trời. Chiều 02/2/1964, bộ đội tỉnh Biên Hòa cùng với bộ đội huyện Vĩnh Cửu và du kích các xã đảo công sự sát chân đồn trị An, đốt cầu 20, cắt đứt lộ 24. Đến 12 giờ đêm, hàng trăm đồng bào cầm đuốc chia làm nhiều hướng tuần hành quanh chân đồi Trị An. Tiếng súng tiếng loa vãn lên náo động. Bọn lính hoảng sợ cực độ. Nhiều tên lính lén lút xuống đồi xin hàng, nhiều tên cố sống cố chết chạy về Đại An. 5 giờ sáng ngày 03/2/1964, bọn lính còn lại trên đồn buộc phải liều mạng rút chạy. Hai tên trưởng và phó đồn ác ôn bị ta bắt sống. Xã Trị An hoàn toàn giải phóng.

Tiếp đó, đêm 03/2/1964, ta bao vây tiến công đồn Kim Liên. Đêm 04/2/1964, toàn bộ lính ở đồn Kim Liên rút về Đại An. Cùng ngày, bọn lính trên các tua, bót cầu 18, 19, 20 cũng tháo chạy. Nhân dân dùng cuốc xẻng phá móng, giật sập cầu, vất đứt giao thông nhiều đoạn trên lộ 24. Thế là đồn Kim Liên tiền đồn quan trọng án ngữ chiến khu Đ phía tả ngạn sông Đồng Nai của địch bị ta tiêu

diệt. Ngày 14/2/1964, địch đổ quân phản kích chiếm lại đồn Kim Liên. Ngày 30/2/1964, chúng tiếp tục điều một tiểu đoàn lính bảo an với sự yểm trợ của máy bay và xe tăng từ tiểu khu Biên Hòa đến đóng tạo Trại An và bố trí một đại đội lính bảo an, một đại đội lính biệt động quân chốt giữ. Từ đó chúng bung ra càn quét đánh phá, khôi phục các đồn bót dọc theo lộ 24 lên Cây Gáo tiếp giáp với Quốc lộ 20.

Tại Xuân Lộc, tháng 4/1963, kết hợp cả lực lượng bên trong và bên ngoài ta tổ chức tiến công diệt đồn dân vệ và phá banh áp chiến lược Hưng Nghĩa, bắt sống toàn bộ ban tề (gồm 13 tên thu 13 súng). Tại xã Bảo Vinh (ven thị xã Long Khánh), du kích và tự vệ mật được chi bộ mật lãnh đạo đã nghiên cứu tổ chức phá “áp chiến lược” Bảo Vinh C. Cán bộ, du kích thay nhau vào đột áp, bí mật gỡ hàng chục trái mìn, lựu đạn trang bị cho du kích đánh địch và vận động nhân dân tiếp tục phá. Một số đoạn hào khi phá xong, du kích gài trái trở lại rồi báo cho đồng bào biết. Bọn địch kéo đến, bắt dân rào lại. Đồng bào đấu tranh kiên quyết không làm lấy có “sợ lựu đạn nổ”. Sau nhiều lần bị đánh phá, địch phải bỏ luôn áp chiến lược Bảo Vinh C. Bà con phần khởi gọi áp này là “áp giải phóng độc đáo”. Tháng 6/1963, Trung đội vũ trang tuyên truyền huyện Xuân Lộc (đơn vị 130) cải trang như lính bảo an nguy, tập kích địch ở Suối Cát giữa ban ngày, bắt và làm tan rã hoàn toàn một trung đội dân vệ, thu 13 súng các loại.

Thất bại nặng nề, kế hoạch Stanley – Taylor hoàn toàn bị phá sản, nguy quyền Sài Gòn đứng trước nguy cơ bị sụp đổ. Để cứu vãn tình hình, tổng thống Johnson đưa ra kế hoạch (Johnson – MC Namara) với âm mưu “bình định” có trọng điểm miền Nam trong vòng hai năm (1964 - 1966). Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, Mỹ - nguy huy động cả lực lượng tổng trừ bị nguy (lính nhảy dù và thủy quân lục chiến) tổ chức nhiều cuộc hành quân vào vùng căn cứ, lấn chiếm vùng giải phóng, mở rộng, củng cố đồn bót hai bờ sông Đồng Nai, hỗ trợ tề nguy khôi phục các áp chiến lược bị ta phá, lập lại vành đai để bảo vệ các căn cứ sân bay, kho tàng của chúng ở Biên Hòa và Sài Gòn.

Ngày 28/1/1964, địch tổ chức một trận càn quét lớn vào căn cứ của Tỉnh ủy Biên Hòa ở Suối Cả (Long Thành). Chúng sử dụng phi cơ, pháo binh bắn phá ác liệt vào các mục tiêu dạn dưng cho bộ binh tiến quân. Suốt 3 ngày đêm bao vây, càn quét, địch hy vọng sẽ tiêu diệt được bộ máy lãnh đạo của Biên Hòa nhưng đến ngày thứ tư, cuộc càn quét không đạt kết quả, địch rút quân.

Thực hiện nhiệm vụ của Trung ương Cục, Khu ủy và Bộ Tư lệnh khu miền Đông quyết tâm đánh bại hoàn toàn âm mưu bình định của địch. Giữa năm 1964,

lực lượng vũ trang quân khu kết hợp với bộ đội địa phương các tỉnh miền Đông và du kích diệt gọn tiểu đoàn 37 biệt động nguy, giải phóng hàng loạt xã, mở rộng vùng giải phóng ở chiến khu Đ. Đầu tháng 7/1964, bộ đội quân khu tấn công tiêu diệt đồn Cây Gáo. Trên quốc lộ 20, lực lượng vũ trang phối hợp cùng nhân dân nổi dậy tiếp tục phá banh các ấp chiến lược Thanh Giang, Thanh Bình, Phú Cát, Bàu Đồi, Đồng Hiệp... tạo thành một vùng giải phóng rộng lớn từ Trị An đến Túc Trung.

Đêm 12/9/1964, tiểu đoàn 800 (Quân khu) kết hợp với bộ đội địa phương tấn công tiêu diệt chi khu Hiếu Liêm. Đây là một chi khu mới, được Mỹ nguy xây dựng từ cuối năm 1959 nằm ở Vàm Sông Bé và vàm sông Đồng Nai, án ngữ phía Nam chiến khu Đ. Cùng với đồn Trị An, hệ thống ấp chiến lược Đại An, Lạc An, tạo thành một vành đai bảo vệ sân bay Biên Hòa về phía Bắc (cách Biên Hòa 25km đường chim bay). Đặc công bí mật cắt rào, đại đội trợ chiến vùng ĐKZ mở cửa cho bộ đội xung phong. Một đại đội bảo an bị diệt, 18 tên bị bắt sống. Ta thu hơn 100 súng các loại và làm chủ hoàn toàn huyện lỵ.

Cuối tháng 9/1964, bộ đội địa phương huyện Vĩnh Cửu và du kích các xã hỗ trợ quần chúng nhân dân phá ấp chiến lược Thiện Tân, Bình Long, Lợi Hòa, Tân Phú. Sau 57 ngày đêm bao vây và đánh viện binh, đêm 19/11/1964, lần thứ 2 xã Trị An hoàn toàn giải phóng. Tại Long Thành và Nhơn Trạch đầu năm 1964, hầu hết các ấp chiến lược đều bị phá. Cuối năm 1964, thế và lực của cách mạng ở tỉnh Biên Hòa và Long Khánh có những bước phát triển đáng kể. Lực lượng chính trị, quân sự lớn mạnh, phong trào phá ấp chiến lược phát triển ở hầu hết các xã trong tỉnh.

2.3. Chiến thắng sân bay Biên Hòa:

Sân bay Biên Hòa được Pháp xây dựng trước năm 1945. Ban đầu chỉ là một sân bay dân dụng của Pháp. Đến năm 1943, phát xít Nhật xây dựng thành sân bay quân sự, đồng thời là xưởng sửa chữa máy bay thuộc xã Tân Phong. Năm 1958, Mỹ bắt đầu mở rộng xây dựng thành sân bay quân sự lớn ở miền Nam. Đến năm 1964, thành sân bay quân sự tối tân nhất ở Đông Nam Á lúc bấy giờ. Sân bay Biên Hòa cách Sài Gòn 30km về phía Đông Bắc, rộng khoảng 49km² với 2 đường băng dài 3.600m và 1.000m. Sân bay được trang bị hệ thống radar, hệ thống chỉ huy liên lạc tối tân. Bên trong sân bay có 6 khu rộng chứa từ 170-190 máy bay, thường xuyên

có 500 sĩ quan, phi công, nhân viên kỹ thuật và hàng trăm binh lính Mỹ - nguy đồn trú bảo vệ. Hệ thống phòng thủ sân bay được địch bố trí kiên cố và nghiêm ngặt gồm nhiều lớp hàng rào kẽm gai với chiều rộng gần 1km, bãi mìn, lựu đạn dày đặc và nhiều lô cốt, bót gác xung quanh. Lực lượng bảo vệ sân bay gồm đại đội pháo binh, một đại đội thiết giáp, một đến hai tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn quân khuyển. Bên cạnh sân bay có một tiểu đoàn quân Mỹ và một tiểu đoàn lính bảo an nguy thường xuyên tuần tra canh gác. Từ năm 1966 trở đi, sân bay là căn cứ của sư đoàn 23 không quân Sài Gòn.

Tháng 4/1964, Bộ Tư lệnh miền đã có chủ trương mở trận tập kích vào sân bay Biên Hòa tạo điều kiện mở một chiến dịch vào cuối năm. Đoàn pháo binh U80 của Miền và chiến khu Đ phối hợp thực hiện. Đêm 31/10/1964, 7 khối đạn cối 81 ly, 2 khẩu đội ĐKZ 75 ly, 2 khẩu pháp bộ binh 70 ly với 176 quả đạn đã bí mật chiếm lĩnh trận địa. 23 giờ 20 phút ngày 31/10/1964, các loạt pháo nổ đồng loạt vào các mục tiêu trong sân bay Biên Hòa. Khi máy bay địch từ Tân Sơn Nhất lên bắn chi viện xuống các đường bắn, các chiến sĩ pháo binh đã rút về chiến khi Đ an toàn. Kết quả ta bắn cháy, làm hư hại nặng 59 máy bay các loại, trong đó 21 máy bay ném bom B57, 11 phóng pháo cơ Xca-rai-đơ, một máy bay do thám U2, 3 máy bay lên thẳng, 1 kho đạn pháp 105 ly, 1 đài quan sát sân bay..., nhiều sĩ quan kỹ thuật, binh lính chết. Trận tập kích vào sân bay Biên Hòa là đòn đánh bất ngờ, gây choáng váng cho địch. Các báo chí phương Tây đều đưa tin với nội dung: “Nếu Việt cộng đã đánh được sân bay Biên Hòa thì họ có thể đánh bất cứ đâu họ muốn.”

Chiến thắng này có ý nghĩa quan trọng, góp phần đánh bại chiến lược chiến tranh đặc biệt của Đế quốc Mỹ, cũng là trận mở đầu cho hàng loạt trận tiến công vào sân bay chiến lược Biên Hòa sau này của các lực lượng vũ trang giải phóng miền Nam. Từ 1965 đến khi kết thúc thắng lợi kháng chiến chống Mỹ, các lực lượng vũ trang quân giải phóng ở Biên Hòa đã liên tục tiến công sân bay với mức độ hỏa lực mạnh hơn, tiêu diệt nhiều sinh lực địch và phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh của Mỹ và nguy quyền, hỗ trợ đắc lực cho chiến trường toàn miền Nam giành thắng lợi hoàn toàn.



Cảnh đổ nát trên sân bay Biên Hòa 1967

2.4. Chiến dịch Bình Giã

Cuối năm 1964, chiến tranh nhân dân phát triển rộng, mạnh trên địa bàn hai tỉnh Biên Hòa và Bà Rịa- Long Khánh đã tạo thuận lợi cho một chiến dịch của quân chủ lực Miền thọc sâu về phía đông Sài Gòn- chiến dịch sao đỏ mang tên là “chiến dịch Bình Giã” (chiến dịch đầu tiên của quân giải phóng miền Nam).

Bình Giã là một xã nằm cạnh lộ 2, cách thị xã Bà Rịa 18km về phía bắc; bắc giáp xã Ngãi Giao, nam giáp xã Bình Ba, đông giáp xã Xuyên Mộc, tây giáp xã lý Phước Thạnh. Xã có 3 ấp, với số dân 5.726 người, trong đó 99% là đồng bào di cư Thiên chúa giáo. Địch lợi dụng tôn giáo hòng mê hoặc nhân dân, chống phá cách mạng. Chúng xây dựng Bình Giã thành một ấp chiến lược kiên cố với lực lượng quân sự mạnh, gồm 147 tên dân vệ được biên chế thành liên trung đội, trang bị 2 súng trung liên, 124 súng cacbin, 14 súng thomson, 6 súng garang, cùng với 108

thanh niên chiến đấu được trang bị súng ống đầy đủ. Ngoài ra còn có một đại đội biệt động quân gồm 131 tên, thường xuyên đóng dã ngoại để bảo vệ ấp chiến lược.

Trước khi mở màn chiến dịch, ta đã mở một đợt hoạt động quân sự ở vùng Long Khánh- Nhơn Trạch (Biên Hòa) nhằm đánh lạc hướng và thu hút lực lượng địch, đảm bảo bí mật cho việc chuyển quân của các đơn vị chủ lực, tạo yếu tố bất ngờ, chắc thắng cho chiến dịch. Ngày 15/11/1964 trên đường 15 (đoạn xã Phước Hòa- phía đông năm thị trấn Long Thành) lực lượng quân khu (T1) đã phục kích đánh 1 đoàn xe quân sự của địch, tiêu diệt 12 xe trong đó có 4 xe thiết giáp, thu 52 súng các loại. Đại đội Công binh tỉnh Biên Hòa liên tục tổ chức đánh giao thông địch, diệt hàng chục tên, bắt sống 4 tên cố vấn Mỹ, thu hàng chục tấn gạo và quân trang quân dụng.



Đêm 02/12/1964, chiến dịch bắt đầu. Đại đội 445 và đại đội 440 với sự hỗ trợ của Tiểu đoàn 1 (Trung đoàn 716) tiến công địch ở ấp chiến lược Bình Giã. Sau khi diệt được 60 tên bảo an dân vệ, làm chủ 2/3 ấp, lực lượng ta đào công sự trú lại. Tiểu đoàn 1 (E761) có hỏa lực pháo binh trợ chiến tiến công bao vây chi khu Đức Thạnh. Địch đã điều quân chủ lực đến giải vây. Trong đợt đầu từ ngày 01/12 đến 09/12/1964, bộ đội chủ lực Miền đã đánh tiêu hao nặng Tiểu đoàn Biệt động quân 38, tiêu diệt hoàn toàn chi đoàn xe bọc thép số 13 tại ấp Suối Nghệ (trên lộ số 2). Phối hợp với chiến dịch, Tỉnh ủy hai tỉnh: Biên Hòa, Bà Rịa- Long Khánh đã chỉ đạo ngay bộ đội địa phương các huyện, du kích và nhân dân các xã bằng 3 mũi tiến công bao vây bức hàng bức rút đồn bót địch giải phóng xã ấp.

Ngày 27/12/1964, Đại đội 440 kết hợp với C25 phục kích đánh 2 đại đội hạ sĩ quan (học viện nguy) trên đoạn đường Long Hải- Đá Giăng (lộ 44), bắn cháy 4 xe bọc thép, diệt 120 tên trong đó có 2 cố vấn Mỹ, bắt sống 18 tên, thu 18 súng, 2 máy thông tin PRC25. Tại Huyện Xuân Lộc, được sự giúp đỡ của bộ đội chủ lực khu, ngay từ những ngày đầu chiến dịch, du kích và bộ đội địa phương đã phối hợp tiến công địch ở các xã trên lộ số 1, 2, giải phóng xã Cẩm Đường, Thừa Đức, Bình Phú, bao vây bức rút đồn Bảo Chánh, thu hơn 200 súng các loại, bắt sống hàng chục tên dân vệ, tề xã, tề ấp. Ở Long Thành, đội vũ trang huyện Cao Su và du kích cải trang dùng 6 xe chở công nhân đi cạo mũ và bất ngờ tiến công đồn lính biệt kích A16 đóng tại xã Bình Sơn bắt sống 19 tên, thu hơn 1 khẩu súng các loại. Tiểu đoàn 800 (T1) cùng lực lượng vũ trang địa phương tập kích diệt đồn Tam An, giải phóng xã.

Ngày 28/12/1964, ta tiến công vào Bình Giã lần thứ hai. Lúc này ngoài lực lượng biệt động quân, máy bay trực thăng, xe thiết giáp M.113, địch buộc phải điều cả một tiểu đoàn thủy quân lục chiến- lực lượng dự bị chiến lược đi ứng cứu. Trung đoàn 761 bộ đội chủ lực Miền đã tiêu diệt hoàn toàn tiểu đoàn này. Trong lúc đó, ở phía tây lộ 2, Trung đoàn 762 hỗ trợ cho du kích cùng nhân dân địa phương nổi dậy đánh một số đồn bót địch ở Đức Mỹ, An Phú..., bọn dân vệ các xã lộ dọc lộ 2 hoàn toàn tan rã.



*Tượng đài Chiến Thắng Bình Giã tại thị trấn Ngã Giao
huyện Châu Đức*

Ngày 03/1/1965, chiến dịch Bình Giã kết thúc thắng lợi sau hơn 1 tháng chiến đấu. Chiến dịch Bình Giã đã thể hiện rõ sự phát triển vượt bậc của chiến tranh nhân dân ở địa phương và dân quân du kích, giữa tiến công quân sự và nổi dậy của quần chúng, tạo nên sức mạnh tổng hợp, đánh địch trên các địa bàn góp phần giành thắng lợi có ý nghĩa chiến lược. Chiến thắng Bình Giã đánh dấu sự thất bại cơ bản chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ ngụy...

3. Đánh Mỹ diệt ngụy trong Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”

3.1. Thế trận mới – Chiến lược “Chiến tranh cục bộ”

Tháng 11/1964, Johnson đắc cử tổng thống. Năm 1965, Mỹ quyết định triển khai 44 tiểu đoàn chiến đấu vào miền Nam Việt Nam. Mỹ chuyển chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*” sang chiến lược “*chiến tranh cục bộ*”, hy vọng tìm được thắng lợi ở miền Nam Việt Nam bằng quân sự. Đế quốc Mỹ đề ra chiến lược 3 giai đoạn dự định thắng ta trong 2 năm rưỡi với trên 40 vạn quân Mỹ. Trọng điểm “tìm và diệt” của Mỹ là miền Đông Nam bộ, trong đó có Biên Hòa, Long Khánh.

Ngày 01/5/1965, Mỹ đưa lữ dù 173 và 1 tiểu đoàn quân hoàng gia Úc vào đóng ở sân bay Biên Hòa nhằm mục đích càn quét khu vực sân bay, đẩy lùi chủ lực ta ra xa, yểm trợ cho việc triển khai quân Mỹ và xây dựng căn cứ, kho tàng cho quân viễn chinh. Sân bay Biên Hòa được mở rộng, nâng cấp thành sân bay chiến lược quân sự.

Ngày 21/7/1965, đế quốc Mỹ lập Bộ Tư lệnh hậu cần số 1, đóng tại Long Bình. Ngày 15/3/1966, Mỹ lập bộ tư lệnh dã chiến II tại kho Long Bình để chỉ huy quân viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Long Bình với một vùng đất rộng trên 19km² nằm kẹp giữa Biên Hòa- Sài Gòn, quốc lộ 15 và sông Đồng Nai được Mỹ xây dựng thành tổng kho hậu cần tiếp nhận và đảm bảo phương tiện chiến tranh thuộc loại lớn nhất miền Nam. Ngoài tổng kho Long Bình, Mỹ còn mở rộng xây dựng kho bom Thành Tuy Hạ ở Nhơn Trạch. Tháng 9/1966, Mỹ xây dựng căn cứ thiết giáp số 11 ở Suối Râm (Long Khánh). Biên Hòa còn có căn cứ Nước Trong (Long Thành), hậu cứ sư đoàn 18 bộ binh, căn cứ liên đoàn biệt động... Ngoài ra, chiến trường Biên Hòa còn có căn cứ lính chur hầu Thái Lan ở Long Thành, trung đoàn hoàng gia Úc ở Núi Đất, một tiểu đoàn pháo Tân Tây Lan hoạt động chiến trường Bà Rịa- Long Khánh.

Ở thời điểm này, địch đã hình thành 2 tiểu khu quân sự Biên Hòa, Long Khánh và 5 chi khu, yếu khu, quân bảo an gồm 4 tiểu đoàn, 35 đại đội, 54 trung đội dân vệ và trên 200 đồn, bót, tua, tháp canh.

Tại thị xã Biên Hòa có sở chỉ huy đoàn 3 vùng III chiến thuật, nha cảnh sát miền Đông, Trung tâm chiêu hồi và lực lượng yểm trợ quân đoàn 3. Tại sân bay

Biên Hòa có 2 không đoàn số 23, 33 và 2 lữ đoàn thiết giáp 1 và 5; 4 tiểu đoàn pháo binh (số 32, 35, 38, 52); hai lữ đoàn công binh (số 5 và 30); hai hải đoàn (305 và 25); 3 hai thuyền và 5 đội tuần giang; một tiểu đoàn truyền tin; một tiểu đoàn quân cảnh; tiểu đoàn 31 vận tải; tiểu đoàn 16 công vụ; 3 quân y viện...

Từng thời gian, địch còn có khả năng yểm trợ không quân từ Tân Sơn Nhất, các lực lượng tổng trừ bị như sư đoàn dù, thủy quân lục chiến ngụy và các đơn vị của khu 33 chiến thuật, và bộ máy ngụy quyền từ tỉnh xuống quận, xã, ấp, cảnh sát dã chiến, mật vụ, binh định nông thôn và nhân dân tự vệ. Với một bộ máy đàn áp quy mô của Mỹ- ngụy, tỉnh lỵ Biên Hòa, tỉnh lỵ Long Khánh trở thành phố quân sự phục vụ chiến tranh.

3.2. Trận đánh bảo vệ căn cứ cách mạng huyện Nhơn Trạch tại khu Lòng Chảo năm 1966

Địa đạo Phước An là căn cứ Huyện uỷ Nhơn Trạch được xây dựng trong thời kỳ chống Mỹ cứu nước, trước kia thuộc xã Phước An, nay thuộc xã Long Thọ. Vùng Phước An nguyên sinh là vùng chảo, được mệnh danh là “Thủ đô của Long Thành kháng chiến chống Pháp”. Thực hiện chủ trương bám trụ chiến đấu, lãnh đạo phong trào cách mạng địa phương, Huyện Uỷ Nhơn Trạch cho triển khai xây dựng hệ thống địa đạo. Điểm được chọn là khu vực Phước An, vùng có nhiều tre rừng và cây cao. Kế hoạch đào địa đạo sẽ bắt đầu tại khu vực Hang Nai – rừng Lòng Chảo rồi đào xuống các xã Phước An, Phước Thiện, Phước Thọ, Phú Hội... từ xã này đào thông qua xã kia tạo thành hệ thống địa đạo liên hoàn khép kín trong lòng đất. Từ ngày 19/5/1963 đến cuối năm 1964, hệ thống địa đạo được đào 1,5km với nhiều ngõ ngách, hầm bí mật. Phía trên địa đạo là căn cứ Huyện uỷ được bố trí như một tam giác đều, mỗi cạnh dài 70m với ba mặt là giao thông hào sâu 2m, rộng 1,2m tạo thành hệ thống giao thông khép kín. Từ năm 1972, địa đạo Phước An ở Nhơn Trạch trở thành nơi bám trụ dài ngày của 500 cán bộ chiến sĩ Đoàn 10 Rừng sác, là nơi xuất phát đánh địch ở các hướng sông Lòng Tàu, kho bom Thành Tuy Hạ... gây cho địch nhiều tổn thất nặng nề.



Lối vào đường hầm Địa đạo Nhơn Trạch

Cuối năm 1965, địch phát hiện căn cứ của huyện Nhơn Trạch tại khu Lòng Chảo. Trước tình thế đó, huyện Nhơn Trạch chuyển các bộ phận vào địa đạo và chỉ đạo các xã, các lực lượng vũ trang trên địa bàn chuẩn bị mọi mặt để đánh địch nếu chúng tấn công.

Ngày 27/1/1966 (mùng 7 Tết Bính Ngọ), quân Mỹ tổ chức tấn công vào căn cứ huyện Nhơn Trạch. Địch huy động một lực lượng hùng hậu và tiến đánh từ nhiều hướng: lữ đoàn 199 lính Mỹ đổ bộ xuống Bàu Điều (cách căn cứ huyện Nhơn Trạch khoảng 1,5km), xe tăng, xe thiết giáp từ quận lỵ Long Thành chạy vào tỉnh lộ 17 và 19, chúng rẽ sang đường ủi Phước Lai rồi tỏa ra hướng Bàu Bông, Vũng Gấm. Một cánh quân từ Thành Tuy Hạ tràn lộ Tân Tường, tiến đánh từ phía tây lên. Cùng lúc đó hàng trăm trực thăng đổ quân rải từ Sở Ngựa đến ấp Bào Boongh để tràn vào khu Hang Nai. Từ 3 mặt khép lại, toàn bộ khu vực Hang Nai nằm trong vòng vây của địch. Trong căn cứ lúc này được bố trí tổng cộng có 28 người, vũ khí gồm tiểu liên tôm-xông và cạc-bin, 1 khẩu trung liên, 2 khẩu B40 còn lại chủ yếu là mìn DDH10 và DDH8. Dựa vào địa đạo, các chiến sĩ bình tĩnh chờ giặc đến thật gần mới bắn. Cùng một lúc, lực lượng chiến đấu trong căn cứ cho nổ 08 trái B40, làm 02 xe tăng của địch bốc cháy. Địch tập trung hỏa lực và gọi pháo bắn uy hiếp,

máy bay đến trút bom. Các chiến sĩ rút xuống địa đạo. Im tiếng bom, tiếng pháo, địch chia làm nhiều mũi xông lên nhưng đều bị đánh bật lại. Đến 11 giờ trực thăng loại trinh sát và loại phóng hỏa tiến đến chà xát. Các chiến sĩ tập trung gần chục tay súng bắn rơi 2 máy bay địch. 5 đợt lính Mỹ phản kích tấn công vẫn không vào được khu căn cứ Hang Nai. Ngày thứ hai rồi ngày thứ ba, địch tăng quân, tăng hỏa lực, tổ chức nhiều đợt tấn công nhưng bị lực lượng cách mạng đánh trả quyết liệt, không vào được khu căn cứ.

Cuộc càn của địch sang ngày thứ bảy (tức ngày mùng 02/2/1966). Địch tổ chức tấn công cuối cùng vào khu Hang Nai. Trước lúc tấn công địch cho bắn hơn 3.000 trái pháo, máy bay đến cày bom liên tiếp nhiều đợt. Một đoạn địa đạo trong căn cứ bị trúng bom bị sập làm 05 đồng chí của ta hy sinh.

Kết quả trận đánh địch càn vào căn cứ, lực lượng cách mạng huyện Nhơn Trạch tại khu Hang Nai đã diệt 167 tên xâm lược Mỹ, làm nhiều tên bị thương, bắn rơi 6 trực thăng, 5 xe tăng. Mục đích của địch nhằm đánh và tiêu diệt đầu não lãnh đạo của cách mạng Nhơn Trạch nhưng bất thành. Lính địch chỉ phá được một số ụ giao thông hào ở phía ngoài và ở một số ấp xung quanh. Khu căn cứ Hang Nai vẫn đứng vững.

Sau ngày giải phóng miền Nam, hệ thống địa đạo Phước An chỉ còn lại 3 đoạn nhỏ chạy theo hướng Tây- Nam với tổng chiều dài 194m và một số miệng lỗ thông hơi không hoàn chỉnh. Mặc dù vậy ý nghĩa lịch sử của căn cứ cách mạng này là rất lớn. Để bảo tồn và phát huy tác dụng di tích địa đạo Nhơn Trạch, hiện nay trên khu đất rộng 2,5 ha đối diện với đền thờ liệt sĩ tọa lạc tại ấp 5, xã Long Thọ. Hệ thống địa đạo Phước An của Huyện Nhơn Trạch được Bộ Văn hóa Thông tin- Thể thao và Du lịch xếp hạng là di tích lịch sử cấp quốc gia theo Quyết định số 04/2001/QĐ-BVHTT) ngày 19/1/2001.

3.3. Đánh tổng kho Long Bình – sân bay Biên Hòa

3.3.1. Đánh tổng kho Long Bình

Từ năm 1965, đế quốc Mỹ tiến hành san ủi rừng lập tổng kho Long Bình để đảm bảo hậu cần cho lực lượng viễn chinh Mỹ ở miền Nam. Đây là kho hậu cần lớn nhất của Mỹ ở miền Nam, cung ứng bom đạn và các thiết bị chiến tranh cho quân đội Mỹ ở miền Nam.

Kho liên hiệp hậu cần Long Bình chiếm diện tích khoảng 24km², cách thành phố Biên Hòa 7km, Sài Gòn 30km về hướng Đông, phía bắc có một dãy đồi gồm 16 mỏm nối tiếp nhau chạy dài từ bắc xuống nam theo hình cánh cung. Phía nam có sông Đồng Nai châu từ thành phố Biên Hòa xuống tây nam căn cứ Long Bình

đổ ra sông Lòng Tàu. Phía đông có sông Buông chảy từ đông sang tây. Phía bắc có đường quốc lộ I và đường sắt đi Long Khánh. Phía tây giáp xa lộ Biên Hòa- Sài Gòn. Kho liên hợp Long Bình là khu kho dự trữ quan trọng, ngoài bom đạn, xăng dầu, còn tập trung nhiều loại thiết bị và phương tiện chiến tranh khác. Long Bình là khu dự trữ quan trọng, ngoài bom đạn, xăng dầu, còn tập trung nhiều loại thiết bị và phương tiện chiến tranh khác. Long Bình còn là nơi đóng các bộ chỉ huy của Mỹ như: Bộ Tư lệnh hậu cần số 1, bộ tư lệnh lục quân, bộ tư lệnh dã chiến 2... Lực lượng chiếm đóng và bảo vệ thường xuyên tại đây có 2.000 tên Mỹ, chủ yếu là nhân viên kỹ thuật, lực lượng bảo vệ, vận tải, sửa chữa...



Khu vực chứa vũ khí của Tổng kho Long Bình bị phá hủy.

Ngày 22/6/1966, sáu đồng chí đặc công U1 (Biên Hòa) chia làm ba tổ vượt qua lớp hàng rào, lọt vào khu kho đồi 53. Cứ cách 1 hoặc 2 kho các anh đặt một quả mìn. Sau khi các chiến sĩ đặt xong mìn, rút khỏi mục tiêu, khu kho đồi 53 bắt đầu nổ tung. Tiếng nổ làm chấn động cả Biên Hòa và Sài Gòn, nổ liên tục đến ngày hôm sau. Bốn mươi quả đạn đại bác ở khu kho đồi 53 bị phá hủy. Đây là trận tiến công đầu tiên vào tổng kho Long Bình của Mỹ phá hủy và gây thiệt hại nặng cho địch, ta giành thắng lợi, mở đầu cho hàng loạt trận tiến công sau này của đặc công Biên Hòa. Đặc công Biên Hòa đã được Trung ương Cục, Quân ủy Miền tặng huân chương Quân công hạng 3 cho đơn vị và 4 huân chương Chiến công hạng 3 cho các chiến sĩ đã lập công đầu. Trong 3 tháng 10,11,12/1966, để hỗ trợ toàn Miền đánh

bại cuộc phản công chiến lược mùa khô lần thứ hai của Mỹ, đặc công U1 đã ba lần tấn công kho Long Bình, phá hủy 353.000 quả đạn pháo 105, 155, 175 ly.

Tháng 2/1967, khi Đế quốc chuẩn bị mở trận càn Junction City vào căn cứ bắc Tây Ninh, các lực lượng đặc công Biên Hòa liên tục tấn công vào hai mục tiêu sân bay Biên Hòa và kho Long Bình. Khi đội 1 tấn công sân bay Biên Hòa, thì đội 2 đặc công U1 đánh vào khu kho đồi 53 với 4 quả mìn hẹn giờ. 2 giờ 45 phút ngày 4/2/1967, khu kho đồi 53 lại bị nổ tung, tiếng nổ kéo dài suốt 30 giờ. Ta hủy 40 dãy kho với 800.000 quả đạn đại bác của Mỹ.

Địch chưa hết bàng hoàng trước các trận đánh của đặc công thì đầu tháng 3/1967, biệt động thị xã Biên Hòa đã đánh vào kho xăng dầu Biên Hòa nằm cách cầu Gành 200 mét, dùng mìn hẹn giờ làm nổ tung 2 bồn chứa xăng dầu và 200 phuy xăng, thiêu hủy hàng triệu lít xăng dầu.

Đợt đánh của đặc công, biệt động Biên Hòa cuối năm 1966, đầu năm 1967 đã thực sự đánh thủng “dạ dày” của Mỹ, phá hủy một khối lượng lớn phương tiện chiến tranh của chúng, hỗ trợ đặc lực cho chiến trường toàn Miền. Thắng lợi lớn của đặc công Biên Hòa chào mừng một sự kiện lớn: “Bình chủng đặc công quân đội nhân dân Việt Nam chính thức thành lập ngày 13/6/1967”.

3.3.2. Đánh sân bay Biên Hòa

Ngày 01/4/1965, Tổng thống Johnson và Hội đồng an ninh quốc gia Mỹ đã ra quyết định tăng lực lượng yểm trợ từ 18.000 tên lên 20.000 tên, triển khai 4 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ Mỹ để thăm dò khả năng đưa quân chư hầu Nam Triều Tiên, Thái Lan, Úc Đại Lợi, Tân Tây Lan vào miền Nam Việt Nam. Ngày 17/7/1965, Johnson quyết định triển khai 44 tiểu đoàn Mỹ vào miền Nam Việt Nam, thông qua chiến lược “tìm diệt” của Oét-mo-len và kế hoạch 3 giai đoạn. Với quyết định này, đế quốc Mỹ đã chính thức thực hiện chiến lược “chiến tranh cục bộ”. Trên chiến trường miền Nam, Mỹ- ngụy nâng cấp sân bay Biên Hòa thành sân bay quân sự hiện đại nhất Đông Nam Á.

Bộ Chỉ huy quân sự Miền xác định sân bay quân sự Biên Hòa là mục tiêu tiến công quan trọng hàng đầu, bố trí và giao nhiệm vụ cho đoàn pháo binh U80 do tiểu đoàn trưởng Trần Mân chỉ huy trận đánh. Lực lượng pháo gồm hai khẩu sơn pháo 75, hai khẩu DKZ 75, 4 khẩu cối 82. 21 giờ ngày 23/8/1965, bộ đội ta tới vị trí tập kết và triển khai kế hoạch chiến đấu. Bốn khẩu cối 82 ly (của Tiểu đoàn 34 Miền) được cài đặt ở cù lao Thạnh Hội, cách sân bay 2.800 mét. Hai khẩu pháo 75 ly và hai khẩu DDKZ75 ly được đặt ở Hóa An, cách sân bay 1.000 mét. Tại Tân Tịch ta xây một trận địa giả với 20 khối bộc phá nghi binh thu hút địch.



Toàn cảnh Sân bay Biên Hòa do Mỹ xây dựng

0 giờ sáng ngày 24/8/1965, dưới sự chỉ huy của đồng chí Lương Văn Nho và Nguyễn Hồng Sâm, 8 khẩu pháo, cối nã dồn dập 300 quả đạn vào các mục tiêu trong sân bay như đường băng, khu chứa máy bay, kho bom, kho dầu. Lửa từ sân bay bốc cao làm sáng rực cả một vùng. Toàn bộ sân bay Biên Hòa bị tê liệt.



Tùng đoàn trực thăng Mỹ từ sân bay Tân Sơn Nhất bay lên rọi đèn sáng trung. Trận địa nghi binh của ta ở Tân Tịch nổ tung khói bốc p. Địch bị mắc lừa. Máy bay trực thăng quần đảo và bắn rôt kết vào trận địa giả. Trong khi đó, các đơn vị pháo binh của ta nhanh chóng rút về căn cứ an toàn.

Đây là trận pháo kích thắng lợi lần thứ hai vào sân bay Biên Hòa. Ta phá hủy 68 máy bay các loại, 8 dàn hỏa tiễn, 22 bồn dầu, 30 xe ô tô bị đốt cháy, 300 tên Mỹ ngụy bị tan xác. Chiến thắng vang dội sân bay Biên Hòa đã giáng một đòn đau vào vào đế quốc Mỹ khi chúng vừa đặt chân vào đất miền Đông; khẳng định quyết tâm và khả năng đánh Mỹ của các lực lượng cách mạng. Nó làm rõ thêm cách đánh sâu đánh hiểm vào hậu cứ, kho tàng của Mỹ, diệt sinh lực địch và phương tiện chiến tranh của chúng.

Ngày 05/6/1966, trung đoàn pháo 274 được thành lập nằm trong đội hình đoàn pháo binh 274 (tên lửa ĐKB) tiến công sân bay Biên Hòa. Quân khu miền Đông huy động toàn bộ cán bộ quân dân chính Đảng mang vác đạn pháo từ Mã Đà xuống tận bờ sông Đồng Nai để phục vụ trận đánh.

23 giờ đêm 11 rạng sáng 12/5/1967, các khẩu ĐKB với 119 quả đạn nổ đồng loạt vào sân bay Biên Hòa. Hợp đồng tác chiến với trung đoàn 274 còn có 6 khẩu cối 82 ly (336 đạn), 61 khẩu ĐKZ (95 đạn) của trung đoàn 3 bộ binh và tiểu đoàn Phú Lợi. Địch hoàn toàn bất ngờ. Pháo tên lửa ta lần đầu tiên xuất hiện ở chiến trường miền Đông, phá hủy 150 máy bay các loại và nhiều phương tiện chiến tranh và sinh lực của Mỹ- ngụy. Trung đoàn được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương quân công giải phóng hạng III.

3.4. Tấn công kho Thành Tuy Hạ và đánh tàu trên sông Lòng Tàu:

3.4.1. Đánh địch trên sông Lòng Tàu

Tháng 6/1966, đặc khu rừng Sác (đoàn 10 đặc khu Rừng Sác) được thành lập. Nhiệm vụ: đánh tàu chở hàng trên sông Lòng Tàu, đảm bảo một hướng tiến công vào đầu não, sào huyệt cuối cùng của địch và đánh cảng quân sự nhằm phá hủy các phương tiện chiến tranh, nhiên liệu của địch; hỗ trợ phong trào cách mạng tại địa phương; xây dựng bàn đạp hành lang, tạo thế vững chắc để có thể hoạt động trong mọi điều kiện.

Đầu tháng 7/1966, kế hoạch đánh tàu địch trên sông Lòng Tàu được triển khai, lực lượng bố trí ở hai khu: đoạn sông từ ngã ba sông Đồng Tranh đến Đỗ Hòa và đoạn từ sông Lôi Giang đến vàm sông Giàn Xay. Ta bắn cháy một tàu chở 10.000 tấn và bốn tàu tuần tiểu, 2 tàu quét mìn, 1 tàu hộ tống.



Hình ảnh tái hiện các chiến sĩ Đặc công rừng sác đang chuẩn bị vũ khí

Tháng 8/1966, theo lệnh của Bộ Chỉ huy Đoàn 10 tổ chức trận đánh lớn trên sông Lòng Tàu. Lần đầu tiên, ta sử dụng hai quả thủy lôi K.B, mỗi quả nặng trên một tấn bố trí trận địa ở Vàm ngã Bảy và phối hợp với các trận địa trên bờ. Ba chiếc tàu hàng quân sự của Mỹ từ cảng Vũng Tàu vào sông Lòng Tàu. Mục tiêu chọn đánh là chiếc tàu đi sau cùng mang tên Baton ruge Victory. Địch đã phản kích quyết liệt suốt 7 ngày. Pháo binh Đoàn 10 bám trụ đánh trả, bắn cháy thêm 7 tàu trong đó có chiếc trọng tải 8.000 tấn.

Baton Ruge Victory là tàu vận tải hậu cần của sư đoàn 4 Mỹ đã bị ta đánh chìm trên sông Lòng Tàu mang theo 45 thủy thủ, gần 100 thiết giáp M113, 3 máy bay phản lực còn trong kiện và một khối lượng quân dụng, lương thực lớn đủ cho 1 sư đoàn Mỹ sử dụng trong cả chiến dịch mùa khô.

3.4.2. Tấn công kho Thành Tuy Hạ

Thành Tuy Hạ là kho dự trữ bom đạn lớn của Mỹ ở miền Nam, có tính chất trung chuyển đi các nơi. Kho nằm về phía đông nam Sài Gòn khoảng 18km, kẹp giữa hai con lộ 25 và 19 thuộc huyện Nhơn Trạch, Biên Hòa (cũ). Kho có chiều dài

1,5km, rộng 1km. Phía bắc, sát hàng rào kho có lộ 25 từ cảng Cát Lái xuống kho Long Bình. Tàu trong tải 6.000 tấn ra vào cảng dễ dàng. Phía đông, kho giáp rừng cao su, rừng chồi Phú Hội, có nhiều trắng trồng. Phía nam có nhiều khoảng rừng trồng, ruộng và các ấp chiến lược: Soài Minh, Ông Kèo ven lộ 19. Phía tây có ấp chiến lược Phước Lý và lộ 19. Bao bọc quanh kho là 14 lớp hàng rào kẽm gai tổng hợp, chia làm 3 tuyến phòng thủ. Mỗi tuyến đều có hệ thống lô cốt, hầm hào và nhiều chướng ngại vật.

Lực lượng địch bảo vệ kho có một tiểu đoàn bộ binh, một tiểu đoàn quân cụ, một trung đội cảnh sát và khoảng 100 chó béc giê, một số xe jeep có gắn đại liên để cơ động tuần liểu quanh kho. Kho còn được yểm trợ của lực lượng giang thuyền (18 chiếc) từ Nhà Bè, Cát Lái đến kho Long Bình. Từ năm 1965, sông Lòng Tàu trở thành đường vận chuyển chiến lược của Mỹ để đưa thiết bị chiến tranh vào miền Nam. Hàng ngày có đến 30 tàu vận tải quân sự 6.000 đến 13.000 tấn ra vào sông Lòng Tàu.

Đêm 11/11/1966, lực lượng đặc công do Nguyễn Hữu Hòa chỉ huy đã vượt qua các lớp rào kẽm gai với nhiều bãi mìn, lựu đạn. Mười sáu khối thuốc nổ hẹn giờ được gắn vào các kho bom, chất nổ. Kho bom Thành Tuy Hạ nổ tung, hơn 10.000 tấn bom đạn, 33 dãy nhà kho bị phá hủy. 23 giờ ngày 11/12/1966, đội đặc công đoàn 10 với 24 khối chất nổ C4 hẹn giờ và dụng cụ chiến đấu thả người theo dòng nước. Cả tổ vào khu kho vào lúc 3 giờ ngày 12/12. Đến 19 giờ, cả tổ vào khu vực đánh. 2 giờ 55 phút ngày 13/12/1972 kho bom Thành Tuy Hạ lại nổ tung, cháy liên tục đến ngày 14/12, phá hủy 8 dãy nhà (80 gian), gồm 47 gian kho đại pháo 105 ly chiếm 109.557m³, 14 gian kho bom CBU chiếm 33.937 m³, 19 gian kho chứa bom khác chiếm 60.192 m³. Tính về trọng lượng, ta đã phá hủy 18.057 tấn, bằng 80% số lượng bom đạn của kho.

Sau trận tháng 11, địch tăng cường phòng thủ kho càng nghiêm ngặt hơn, lập thêm nhiều hàng rào thiếc cao 2,5 mét, chôn sâu xuống đất 3 tấc quanh chu vi kho, không thể cắt được. Địch tăng cường phục kích giữa hai lớp rào, cách 15 mét lại có đèn cao áp soi sáng.

16 giờ ngày 10/12/1967, chiến sĩ đặc công đoàn 10 do đội trưởng Quyết chỉ huy lên đường từ khu lòng chảo (Nhơn Trạch) đến bàn đạp thị trấn. 23 giờ 11/12, đội đặc công với 24 khối chất nổ C4 hẹn giờ và dụng cụ chiến đấu thả người theo dòng nước. Các chiến sĩ đặt khối thuốc nổ theo cách nổ lan truyền từ trong ra với các dãy 1, 5, 5, 7, 9. Vào lúc 2 giờ 55 phút ngày 13/12/1972, kho bom Thành Tuy Hạ lại nổ tung. Tiếng nổ làm chấn động cả Sài Gòn và cháy liên tục đến 14/12 mới

châm dứt. Ta đã phá hủy 8 dãy nhà (80 gian) gồm 47 kho đạn pháo 105 ly chiếm 109.557 mét khối; 14 gian kho bom CBU chiếm 33.937 mét khối. Tính về trọng lượng, đặc công đã phá hủy 18.057 tấn, bằng 80% số lượng bom đạn của khi kho.

Bộ chỉ huy Miền đã tặng thưởng 1 huân chương Quân công hạng 3 cho tổ chiến đấu và 5 huân chương Chiến công cho 5 chiến sĩ đặc công.



Các chiến sĩ Đặc công rừng Sác trong một trận xuất kích

3.7. Phối hợp đánh địch ở Sài Gòn

Quân báo của ta nắm tin tức chính xác ngày 01/11/1966, địch sẽ tổ chức quốc khánh lớn nhằm phô trương sức mạnh của quân đội Sài Gòn, lễ đài thiết lập ở khu nhà thờ Đức Bà trước dinh Độc lập.

Theo đề nghị của Bộ chỉ huy quân khu Sài Gòn- Gia Định, Bộ chỉ huy đoàn 10 nhanh chóng tổ chức đội pháo binh gồm 8 pháo thủ tham gia trận pháo kích vào buổi lễ quốc khánh của ngụy quyền Sài Gòn, phối hợp cùng với các trận địa pháo cối Nhà Bè, quận 3, quận 1. Đêm 31/10/1966, đội pháo lách lủn lách bí mật tập kết vào trận địa cách mục tiêu từ 5.000 đến 6.000 mét trên bờ Rạch Vạ, xã An Phú quân Thủ Đức. Đây là điều bất ngờ với địch.

6 giờ sáng 01/11/1966, địch mở cuộc hành quân về hướng Thủ Đức nhưng không phát hiện được trận địa pháo của ta. Lễ diễu binh của địch bắt đầu từ lúc tên Thủ tướng Nguyễn Cao Kỳ đọc diễn văn. Theo hiệu lệnh khẩu ĐKZ 75 của đoàn 10 bắn liên tục 12 quả đạn pháo vào mục tiêu lễ đài. Cùng lúc pháo Nhà Bè bắn phá các mục tiêu khác. Sáu trận địa bộc phá nghi binh đồng thời phát nổ. Bộ đội, du kích Thủ Đức nổ súng kèm chân địch để đội pháo Đoàn 10 rút lui an toàn.

Đạn pháo Đoàn 10 bắn tập trung vào mục tiêu. Quan khách dự lễ quốc khánh có tổng thống Nguyễn Văn Thiệu, đại sứ Mỹ, tướng Oét-mo-rơ-len nhón nháo chui xuống gầm lễ đài. Các đơn vị diễu hành chạy tán loạn. Phóng viên hãng thông tấn AFP nhận xét: “Đường đạn đại bác bắn rất chính xác trong chu vi đường kính 300 mét thuộc khu diễu binh”. “Đây là đòn lớn đánh vào các kế hoạch của chính phủ định phô trương ở thành phố Sài Gòn” và “Cuộc pháo kích đã gây ra những cảnh hoảng sợ khủng khiếp và chứng tỏ rằng Việt Cộng đã có thể mang vũ khí nặng vào thủ đô Nam Việt Nam”.

3.8. Tiến công và nổi dậy Xuân Mậu Thân 1968:

Trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc, cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân 1968 là một sự kiện quan trọng có ý nghĩa chiến lược, làm phá sản chiến lược “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải ngồi vào bàn Hội nghị tại Pari và từng bước rút quân viễn chinh Mỹ ra khỏi miền Nam Việt Nam.

Tháng 10/1967, Bộ Chính trị Trung ương Đảng đã có nghị quyết mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy, tiến công vào toàn bộ các đô thị của địch ở miền Nam Việt Nam. Cùng với quân dân toàn miền Nam, trong cuộc tiến công và nổi dậy xuân 1968, quân và dân Đồng Nai đã tiến công đồng loạt vào các thị xã, thị trấn làm chủ được địa bàn. Tuy nhiên, thắng lợi và ác liệt nhất là ở thành phố Biên Hòa. Thị xã Biên Hòa, một trọng điểm của chiến trường miền Đông, các mục tiêu tiến công quan trọng là: sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình, Bộ tư lệnh 2 dã chiến Mỹ (trong khu vực Long Bình), quân đoàn 3 ngụy, Nha cảnh sát miền Đông.

Lúc này, trên chiến trường Biên Hòa, Bà Rịa- Long Khánh địch có 3 lữ đoàn Mỹ, gồm: Lữ đoàn dù 173, Lữ đoàn 199 bộ binh và Lữ đoàn 314 bộ binh), 2 trung đội pháo binh Mỹ (105 ly, 155 ly) ở Gia Ray, Trung đoàn 11 thiết giáp ở Suối Râm. Quân Úc còn đủ một trung đoàn bộ binh và các đơn vị phối thuộc ở Châu Đức và Long Đất. Quân ngụy có 05 tiểu đoàn, 46 đại đội bảo an, 5 tiểu đoàn lính thủy đánh bộ và dù, Sư đoàn 18 bộ binh (gồm 3 trung đoàn số 43, 48, 52), 2 trung đoàn pháo, 01 trung đoàn thiết giáp, 7 đại đội trợ chiế, 2 tiểu đoàn biệt động quân, 3 đại đội lực lượng đặc biệt, Sư đoàn 3 không quân ở Biên Hòa.



Dư luận Quốc tế phản đối cuộc chiến tranh của Mỹ tại Việt Nam

2 giờ sáng ngày 31/1/1968 (đêm 30 tết Mậu Thân), trận địa pháo trung đoàn ĐKB tại Hiếu Liêm đúng giờ G ngày N đã bắn cấp tập vào sân bay Biên Hòa, làm hiệu lệnh cho cuộc tiến công và nổi dậy ở Biên Hòa. Ngay phút đầu, đoàn pháo 274 đã bắn trên 120 viên đạn pháo tên lửa trúng khu nhân viên kỹ thuật, sở chỉ huy sân bay, kho xăng, kho đạn trong sân bay Biên Hòa. Những cột khói lớn bốc lên từ sân bay xen lẫn với tiếng nổ, ánh chớp của lửa đạn.

Đại đội 1 thuộc tiểu đoàn 1 đặc công Biên Hòa, tiểu đoàn 1 thuộc trung đoàn 4 có biệt động dẫn đường đã tấn công vào sân bay, dùng B40 phá hủy 120 máy bay các loại. Máy bay Mỹ từ sân bay Tân Sơn Nhất đã lên phản kích ác liệt, xe tăng địch từ Hóc Bà Thức tấn công vào sườn bám trụ đánh trả máy bay, xe tăng, bộ binh của địch. Đại đội 1 đã kiên cường bám trụ đánh trả máy bay, xe tăng, bộ binh của địch và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao, diệt và làm bị thương hàng trăm tên. Đại đội 1 đã hi sinh anh dũng trong sân bay, chỉ còn 1 đồng chí trở về.

Đặc công sư 5 và biệt động thị xã đã tiến công phía tây sở chỉ huy quân đoàn 3. Tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn 5, sư 5 và đặc công sư đoàn tiến đánh Bộ tổng tư lệnh dã chiến II ở Long Bình. Đại đội 6 tiến công vào sân bay phá hủy nhiều máy bay trực thăng. Tiểu đoàn 2 đặc công U1 do đồng chí Nguyễn Văn Thái (Tư Già) chỉ huy đột nhập khu kho đồi 53, đặt trái mìn đã phá hủy 127 kho chứa bom đạn của Mỹ. Tiếng nổ kéo dài mấy ngày sau chưa dứt

Tại các vùng ngoại và nội ô như: Hiệp Hòa, ấp Bình Đa, Lân Thành, Tân Thành... cơ sở tại chỗ nổi dậy treo cờ, rải truyền đơn kêu gọi nhân dân, diệt một số tên tay sai ác ôn.

Rạng sáng 31/1/1968, bộ đội huyện Vĩnh Cửu và 1 đơn vị của sư 5 chủ lực tiến công bao vây chi khu Công Thanh, làm chủ khu vực thị trấn 4 ngày, nhân dân ở Tân Phú, Bình Long nổi dậy diệt ác giành chính quyền làm chủ. Du kích Thiện Tân, Tân Định, Đại An tiến công đồn bót, diệt bọn dân vệ, ác ôn... Bộ đội huyện và lực lượng sư 5 bám trụ bắn máy bay, xe tăng địch phản kích, bắn cháy 8 xe tăng, thiết giáp và mở vòng vây vượt sông Đồng Nai về chiến khu Đ



Gói bộc phá chuẩn bị tác chiến

Sáng mùng 3 Tết (02/2/1968), Bộ chỉ huy Mặt trận cho các lực lượng rút khỏi thị xã để củng cố đội hình tiếp tục đánh địch phản kích và chuyển hướng đánh địch ở khu vực Định Quán (đường 20).

Trên mặt trận phân khu 4: rạng sáng ngày 31/1/1968, pháo binh ta nã đạn vào chi khu Long Thành. Bộ đội địa phương tiến công địch ở Nhà Mồ, Phước Long, Cầu Đen, bao vây cục cảnh sát khu vực Phước Hải, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ thị trấn Long Thành. Lực lượng du kích các xã tấn công tất cả các đồn bót của địch. Ở cao su Bình Sơn (Long Thành) chi bộ Đảng lãnh đạo đại đội du kích phối hợp bộ đội cao su, công nhân bao vây địch ở nhà máy, làm chủ suốt 3

ngày liền. Đoàn 10 Rừng Sác tiến công diệt đồn Phú Hữu (Nhơn Trạch), đồn bảo an Lý Nhơn, phát động quần chúng nổi dậy làm chủ ở ấp 6 chiến lược.

Mặt trận Long Khánh: cuộc tiến công và nổi dậy chậm hơn 1 ngày so với Biên Hòa và phân khu 4. Rạng sáng ngày 02/2/1968, tiểu đoàn 440 tổ chức hai mũi tiến công vào các mục tiêu trụ sở tình báo CIA, tiểu khu Long Khánh, khu chợ, khu thông tin, tập kích dinh tỉnh trưởng, chiếm một số tua, chốt của địch. Cụm pháo của địch ở sân bay thị xã Long Khánh bị phá hủy ngay từ đầu bởi pháo của tiểu đoàn 440.

Từ căn cứ Suối Râm (lộ 2), trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ cho 100 xe tăng phản kích nhằm giải tỏa thị xã Long Khánh. Ta chặn đánh địch quyết liệt, bắn cháy 12 xe.

Tại xa Bảo Vinh A, trung đội dân vệ mang súng trở về với cách mạng, cùng du kích tiến công làm tan rã đơn vị bảo an Bảo Vinh. Xã Bảo Bình, du kích cùng nhân dân nổi dậy tiến công bứt rút đồn bảo an Suối Cát. Các sở cao su dọc lộ 1, lộ 2 như Cẩm Mỹ, Ông Quế, Hàng Gòn, Suối Tra... di kích mật, công nhân nổi dậy chiến khu trung tâm sở.



Quân giải phóng trong Cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân Mậu

Sau những đòn bị tiến công bất ngờ, đến đây quân địch đã dần dần củng cố lực lượng, tăng cường phòng thủ trên các địa bàn, nhất là các thị xã, thị trấn, đặc

biệt là ở các hậu cứ, kho tàng, sân bay Biên Hòa và ven sông Sài Gòn. Đồng thời chúng tiến hành các cuộc càn quét nhằm đẩy lực lượng ta ra xa.

Từ ngày 18/2 đến tháng 3/1968, theo chủ trương của trên, các lực lượng vũ trang trên địa bàn U1, Phân khu 4, Biên Hòa, Ba Rịa- Long Khánh vẫn bám các vùng ven, căn cứ tiếp tục đánh địch. Như vậy, trong đợt một tiến công và nổi dậy Xuân 1968, bộ đội ta đã đánh vào hầu hết các thị xã, thị trấn, sân bay, kho tàng, hậu cứ của địch, đã tiêu hao, tiêu diệt nhiều sinh lực địch và phương tiện chiến tranh của chúng, đã diệt trừ được những tên ác ôn, phát động quần chúng nổi dậy và làm chủ trên một số địa bàn, góp phần làm thắng lợi trên toàn miền. Tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa đánh vào khu kho đồi 53, phá hủy 127 dãy nhà kho bom đạn. Đặc công Biên Hòa (tiểu đoàn 1) cùng sư đoàn 5 (chủ lực Miền), trung đoàn ĐKB pháo binh Miền tiến công vào sân bay quân sự Biên Hòa, phá hủy 120 máy bay các loại.

Ngày 05/5/1968, các lực lượng được lệnh tấn công và nổi dậy đợt 2

Mở màn, Trung đoàn 4 Sư 5 tổ chức diệt gọn Tiểu đoàn 2 Trung đoàn 43, Sư đoàn 18 nguy trên lộ 20, đồng thời tiến công diệt yếu khu Túc Trung, Trung đoàn 724 ĐKB Miền pháo kích vào sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, Bộ Tư lệnh dã chiến 2 của Mỹ. Tại vùng trọng điểm Long Đất, ngày 05/5, lực lượng vũ trang huyện tiến công địch ở thị trấn và chi khu Đất Đỏ. Địch chống trả quyết liệt. Quân Úc, quân nguy có xe tăng yểm trợ, đánh ngay vào căn cứ Minh Đạm. Bộ đội huyện và du kích xã dùng mìn E3 gài đánh địch trên núi và đánh xe cơ giới của chúng đang ủi phá dưới đồng bằng. Như vậy, cuộc tiến công ở chi khu Đất Đỏ đã chuyển sang đánh địch càn quét bảo vệ căn cứ Minh Đạm. Đầu tháng 8/1968, Tiểu đoàn 445 diệt gọn 1 tiểu đoàn thuộc Sư đoàn 18 nguy trên lộ 52 gây tác động mạnh đến tinh thần địch.

Lúc này cũng là lúc cuộc tiến công và nổi dậy bước vào đợt 3. Đêm 17/8, trung đoàn chủ lực khu liên tục đánh địch trên đường số 2, thu hút và kìm chân Trung đoàn 11 thiết giáp Mỹ. Ngày 19/8, trung đoàn phục kích diệt Tiểu đoàn 1 bộ binh cơ giới Mỹ trên lộ 2.

Đêm 22/8, lực lượng vũ trang tỉnh, huyện đồng loạt tiến công vào thị xã Bà Rịa, Thị xã Long Khánh, chi khu Long Điền, Đất Đỏ, yếu khu Túc Trung, yếu khu Gia Ray và 26 đồn bót khác. Hậu cứ Trung đoàn 43 Sư 18 nguy, Bộ chỉ huy nguy ở Long Khánh bị pháo kích. Ở hướng Biên Hòa, các lực lượng vũ trang Vĩnh Cửu, Trảng Bom đã bám căn cứ Đại An, Bàu Hàm chống địch càn quét.



Bộ đội cùng du kích địa phương trên đường vào chiến dịch Mậu Thân

Xuân Mậu Thân 1968, lần đầu tiên lực lượng quân giải phóng đã xuất hiện và tiến công địch tại thị xã Biên Hòa và các thị trấn, huyện lỵ trong tỉnh. Cuộc tiến công đồng loạt cho thấy tinh thần dũng cảm của quân giải phóng. Nhiều tấm gương chiến đấu dũng cảm của bộ đội được nhân dân khâm phục. Tấm lòng của nhân dân Biên Hòa thể hiện rõ trong việc tiếp tế lương thực, che giấu chiến sĩ, chỉ đường cho bộ đội về căn cứ. Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân ta ở Biên Hòa đã cùng với toàn miền Nam giáng một đòn nặng nề vào kẻ thù, đe dọa ý chí xâm lược của Đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh. Cuộc tiến công và nổi dậy của quân dân ta ở Biên Hòa đã cùng với toàn miền Nam giáng một đòn nặng nề vào kẻ thù, đe dọa ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, buộc chúng phải xuống thang chiến tranh.

4. Góp phần đánh bại chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh”

4.1. Đợt tiến công Xuân Kỷ Dậu (1969) trên địa bàn tỉnh Biên Hòa, Long Khánh

Cuộc tiến công và nổi dậy xuân Mậu Thân (1968) làm phá sản “chiến tranh cục bộ” của đế quốc Mỹ. Đế quốc Mỹ phải chấp nhận ngồi vào bàn đàm phán tại hội nghị Paris, đồng thời từng bước xuống thang chiến tranh, chúng chuyển từ chiến lược “chiến tranh cục bộ” sang chiến lược chiến tranh “Việt Nam hóa chiến

tranh”, dùng người Việt đánh người Việt với sự yểm trợ của Mỹ để kéo dài chiến tranh ở Việt Nam.

Sau ba đợt mở các cuộc tiến công vào hầu hết các đô thị miền Nam, ta tuy giành được thắng lợi về mặt chiến lược, nhưng lực lượng bị tổn thất. Sau một thời gian củng cố lực lượng, Trung ương Cục miền Nam quyết định mở tiếp đợt tiến công đánh bồi, đánh nhồi Xuân 1969. Tham gia đợt tiến công xuân Kỷ Dậu trên địa bàn Biên Hòa – Long Khánh, phân khu 4 gồm các lực lượng: sư đoàn 5 chủ lực Miền, lực lượng đặc công U1, trung đoàn 33 và trung đoàn 4 và lực lượng phân khu 4, biệt động thị xã Biên Hòa, các lực lượng vũ trang địa phương.

Mặt trận thị xã Biên Hòa: Mục tiêu then chốt là sân bay Biên Hòa và sở chỉ huy Bộ tư lệnh quân đoàn 3 ngụy, tổng kho Long Bình, ty cảnh sát Biên Hòa.

0 giờ ngày 23/2/1969, đội biệt động thị xã Biên Hòa và một đại đội của sư đoàn 5 ở Gò Me tiến công Ty cảnh sát Biên Hòa, chiếm được ga xe lửa và một số mục tiêu chính trong ty cảnh sát.

Ở tổng kho Long Bình, Đại đội 9 tiểu đoàn 2 đặc công Biên Hòa vào được trong tổng kho Long Bình đánh phá hủy dãy nhà kho ở đồi 53. Địch dùng một trung đoàn xe thiết giáp kết hợp với trực thăng vũ trang bao vây. Đại đội 9 anh dũng chiến đấu diệt nhiều sinh lực địch trong khu kho Long Bình suốt 7 ngày đêm, nhưng vì lực lượng không cân sức, nhiều cán bộ chiến sĩ hy sinh. Trung đoàn 4, trung đoàn 33 đánh địch từ bên ngoài. Lực lượng ta chuyển hướng đánh địch ở ngã ba Thái Lan và Long Thành tiêu diệt nhiều sinh lực địch.

Đại đội đặc công U1 đánh vào nhà giam Tân Hiệp bị địch phục kích, đã đánh trả quyết liệt, đại đội bị nhiều tổn thất. Do không vào được mục tiêu Kho Long Bình, sân bay Biên Hòa và quân đoàn 3, sư đoàn 5 chuyển hướng sang lộ 20 Định Quán đánh tiêu diệt sư đoàn 18 ngụy.

Cuộc tiến công xuân Kỷ Dậu (1969) vào thị xã Biên Hòa gây cho địch những thiệt hại trong giai đoạn đầu chuyển sang chiến lược: “Việt Nam hóa chiến tranh”. Ta gặp phải những tổn thất: Quân số, vũ khí tiếp tục bị tiêu hao. Các cơ sở, tự vệ mật, biệt động vùng đô thị bị lộ, bị đánh dạt ra. Để củng cố lực lượng và giữ thế đứng chân ở các vùng ven, Bộ chỉ huy Miền điều sư đoàn 5 tiến công ở địa bàn Long Khánh.

Mặt trận Long Khánh: đêm 19/5/1969 biệt động, trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh phối hợp với sư đoàn 5 tiến công đồn Hoàng Diệu, phá hủy hầu hết trận địa pháo và gây thiệt hại nặng cho địch. Ngày 25/5, sư đoàn 5 tập kích yếu khu Gia Ray, bắn cháy 4 xe tăng diệt 30 tên địch. Trung đoàn thiết giáp số 11 địch đóng tại suối Râm phối hợp với một đại đội bảo an cứu nguy cho Gia Ray, lọt vào trận

địa phục kích của ta ở Suối Cát, ngã ba Ông Đôn; ta bắn cháy 8 thiết giáp, diệt hàng chục lính bảo an, buộc địch phải mở đường máu tháo chạy. Cuối tháng 5 đến đầu tháng 6/1969, sư đoàn 5 liên tục tổ chức bố trí lực lượng tiến công địch ở Tâm Bung, Khe Giao (quốc lộ 20) và Trà Tân 3 (lộ 3), đánh quy chiến đoàn 43 và chiến đoàn 52 sư đoàn 18 ngụy, đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn Mỹ.

Được sự hỗ trợ của bộ đội chủ lực, lực lượng vũ trang địa phương ở các xã Bảo Chánh, Suối Cát, Tân Phong, Bảo Vinh, Bảo Liệt... phối hợp với bộ đội huyện Xuân Lộc tiến công địch liên tục, phá rã hàng mảng hàng rào “áp chiến lược”, bức rút 1 đồn bảo an, giải tán nhiều toán “phòng vệ dân sự”. Quân Mỹ can vào Bình Lộc, du kích địa phương đánh trả diệt gần một trung đội. Du kích xã Bảo Chánh mưu trí, sáng tạo dùng mìn DH10 phá tan một máy bay trực thăng HU1A. Ban binh vận tỉnh phối hợp nộ đội huyện, du kích đánh chiếm đồn dân vệ Tân Thủy, diệt và bắt hết tề ấp, tề xã, thu toàn bộ vũ khí.

Ở mặt trận Long Thành, trung đoàn 4 phối hợp với bộ đội địa phương đánh thiệt hại nặng một tiểu đoàn lính Thái Lan tại Bình Sơn, làm chúng không tổ chức hành quân lùng sục.

4.2. Chiến dịch “CD” năm 1970 tiêu diệt sinh lực địch

Ngày 29/4, Mỹ huy động 6 sư đoàn quân ngụy (thuộc 2 Quân khu 3 và 4), cùng 2 sư đoàn Mỹ mở rộng chiến tranh sang Campuchia. Ba nước Đông Dương lại trở thành một chiến trường thống nhất chống Đế quốc Mỹ xâm lược. Bộ đội chủ lực miền được lệnh sang giúp cách mạng Campuchia phản công lại quân địch. Quân ngụy Sài Gòn bị sa lầy và chúng phải cầm lại hàng chục tiểu đoàn ở chiến trường Campuchia.

Trong thời gian này, thực hiện Chỉ thị của Bộ chỉ huy Miền, Bộ Tư lệnh T7 mở chiến dịch “CD” nhằm tiêu diệt bộ phận sinh lực địch, củng cố, phát triển địa bàn đứng chân hướng đông bắc Sài Gòn, làm cơ sở cho chủ lực miền về hoạt động, đồng thời hỗ trợ cho địa phương đẩy mạnh chiến tranh du kích phá lỏng bộ máy kìm kẹp của địch ở một số ấp, xã trọng điểm trên địa bàn Bà Rịa- Long Khánh. Biên Hòa- Xuân Lộc được chọn làm địa bàn trọng điểm của chiến dịch.

Tháng 5/1970, 2 tiểu đoàn của Trung đoàn 4 vây ép đồn Bình Lộc và phục kích đánh quân viện ở bắc lộ 1. Bộ đội ta đã diệt gần hết 1 tiểu đoàn của Sư đoàn 18 ngụy, bắt sống nhiều tù binh. Trên lộ 2, Trung đoàn 33 đã tiêu diệt 2 đồn cấp trung đội ở Hàng Gòn và Bảo Bình, đồng thời đánh thiệt hại 2 đại đội địch đi hành quân giải tỏa.

Ngày 23/7, Tiểu đoàn 6 đặc công đã cùng lực lượng địa phương đã tập kích trường huấn luyện biệt kích ở núi Thi, diệt 175 tên địch, 1 cố vấn Mỹ. Địch bị căng

kéo đôi phó, chớp thời cơ, du kích đột nhập vào 4 ấp Bảo Vinh A, Bảo Vinh, Bảo Liệt, Bảo Hòa, bắt sống 8 phòng vệ dân sự, diệt 2 tên ác ôn. Hàng trăm đồng bào phối hợp với du kích phá banh 2.000 mét rào gai, trên 400 cọc sả rào quanh các ấp, rải truyền đơn, thư cảnh cáo bọn “phượng hoàng”. Ở các xã Ấp Suối Chồn, Tân Phong, Ngãi Giao, Cẩm Mỹ... du kích cũng phối hợp với bộ đội địa phương phá rã gần 100 phòng vệ dân sự, diệt 3 tên ác ôn.

Với sự hỗ trợ đắc lực của bộ đội chủ lực T7, trong đợt hoạt động này ra đã phá rã bộ máy kìm kẹp của địch ở một số xã, ấp (huyện Xuân Lộc, lộ 2) và giải phóng 3 ấp: Bình Lộc, Bảo Bình, Suối Tre. Mặc dù thành tích không lớn, nhưng đây là bài học về tính kiên cường bám trụ, liên tục bung ra đánh phá bình định, giữ vững địa bàn của bộ đội chủ lực quân khu, các lực lượng vũ trang địa phương và cán bộ, đảng viên huyện Xuân Lộc, huyện Cao su.

Ở hướng Biên Hòa, ta mở được lõm chính trị ở phía bắc và đông sân bay Biên Hòa, củng cố lại lực lượng mật trong thị xã, gây dựng thêm cơ sở ở khu kỹ nghệ. Bộ đội chủ lực quân khu, lực lượng vũ trang U1 đã đánh địch hỗ trợ cho nhiệm vụ diệt ác ôn phá lỏng thể kìm kẹp của địch ở một số ấp trên địa bàn 2 huyện Trảng Bom, Vĩnh Cửu.

Chiến dịch “CD” đã góp phần chặn đứng kế hoạch “*bình định phát triển*” của địch ở Xuân Lộc, Long Đất, Biên Hòa. Ta đã chuyển được trên 100 ấp lên thể tranh chấp với địch ở nhiều mức độ và loại khỏi vòng chiến đấu gần 3.600 tên địch, nổi bật nhất là ta đã củng cố được địa bàn Xuân Lộc. Đặc biệt ở vùng Long Khánh, liên lộ 2 đã giải phóng được 3 ấp Bình Lộc, Bảo Bình, Suối Tre. Điểm nổi bật là lực lượng chủ lực T7 hỗ trợ có hiệu quả cho bộ đội huyện, du kích diệt ác ôn, phá rã nhiều bộ máy kìm kẹp của địch, xây dựng được một số lực lượng ngay trong vùng kiểm soát của chúng.

4.3. Cuộc chiến trong lòng địch:

Vào năm 1971 trước khi triệt thoái toàn bộ quân sự Mỹ, quân chủ hầu về nước, địch tổ chức một số cuộc càn quét lớn đánh vào các căn cứ quan trọng của ta ở Biên Hòa và Long Khánh. Tháng 01/1971 hàng ngàn quân Mỹ, quân ngụy có xe tăng, pháo binh yểm trợ càn quét khu vực núi Sóc Lu hùng tiêu diệt cơ quan Tỉnh ủy U1 Biên Hòa. Tỉnh đội Biên Hòa đánh lui hàng chục lần phản kích của địch trong suốt một ngày, loại khỏi vòng chiến đấu hơn 100 tên địch bảo vệ cho thị ủy rút lui khỏi căn cứ an toàn.

Tháng 05/1971, Trung ương cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường: sáp nhập phân khu 5 và U1 (Biên Hòa) thành phân khu Thủ Biên; các

huyện Long Thành, Nhơn Trạch và 1 số huyện của Sài Gòn thành phân khu Bà Rịa; đều trực thuộc Trung ương Cục miền Nam.

Quán triệt Chỉ thị 01 của Trung ương Cục (tháng 04/1971), phân khu ủy Thủ Biên và Thị ủy Biên Hòa chủ trương phối hợp chặt chẽ ba thứ quân (bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích); ba lực lượng (quân sự, chính trị và binh vận) tác chiến trên các địa bàn trọng điểm, nhằm phá lỏng, phá rã bộ máy kèm kẹp của địch trên diện rộng, tạo thế làm chủ liên hoàn vùng căn cứ, hành lang, mở nhiều lõm chính trị ven các thị trấn, thị xã.

Nhằm nối thông hành lang chiến lược Biên Hòa- Bà Rịa- Long Khánh về chiến khu Đ, tháng 6/1971, phân khu Bà Rịa tập trung lực lượng đánh địch ở lộ 2, loại khỏi vòng chiến đấu 1.873 tên địch.

Ở Định Quán, Xuân Lộc, các lực lượng vũ trang địa phương đẩy mạnh các hoạt động diệt ác ôn. Ta diệt 14 tên ác ôn, phá rã hàng chục toán phòng vệ dân sự các ấp từ Hưng Lộc đến ngã ba Ông Đồn (quốc lộ 1).

Hành lang từ chiến khu Đ xuống Long Thành, rừng Sác được nối thông. Bộ chỉ huy quân sự Miền đã kịp thời bổ sung cho phân khu Bà Rịa và Thủ Biên 260 tân binh, 44 đặc công thủy. Đoàn hậu cần 814 cùng với đoàn hậu cần 500 (phân khu Bà Rịa) đã tiếp tục cắm sâu lực lượng ở Định Quán (quốc lộ 20), đông lộ 2, Phước Thái (Long Thành), Long Hội Mỹ (Long Đất)... Những khó khăn về lương thực, thực phẩm, được dần dần giảm bớt. Mũi đầu tranh chính trị, binh vận được đẩy mạnh. Ta sử dụng nhiều phương thức, biện pháp sáng tạo để phân hóa làm tan rã lực lượng địch.

Ở Biên Hòa chú trọng xây dựng cơ sở “nội tuyến” trong các cơ quan đầu não của địch. Những cơ sở trong lòng địch giúp ta nắm tình hình địch chính xác, đánh địch có hiệu quả. Ta tổ chức cơ sở nắm các nghiệp đoàn xe lô, xích lô, nghiệp đoàn hút toác, khuôn vác. Trong khu công nghiệp Biên Hòa ta lãnh đạo đấu tranh đòi thành lập các nghiệp đoàn Cogido, Vicasa, Vykinco, Ethernic... tập hợp lực lượng công nhân đấu tranh.

Chi bộ Bửu Long lãnh đạo công nhân của 18 cơ sở xây đá ở khu vực Bửu Long, Tân Thành yêu sách đòi phụ cấp độc hại, đòi tăng lương; hình thức đấu tranh đình công nhiều ngày gây thiệt hại cho các chủ nhà máy. Để đẩy mạnh phong trào đấu tranh kết hợp giữa công nhân, nông dân và tạo thế hợp pháp, Thị ủy Biên Hòa chỉ đạo cho các chi bộ khu vực Bình Đa- Tam Hiệp vận động thành lập nghiệp đoàn nông dân Biên Hòa.

Trò bầu cử “độc diễn” của Nguyễn Văn Thiệu tháng 10/1971 là mục tiêu đấu tranh ngày càng sôi nổi của nhân dân.

Tại Long Thành ngày 16/9/1971, một biểu ngữ lớn vắt ngang qua quốc lộ 51 “Đả đảo Trò bầu cử độc diễn của Nguyễn Văn Thiệu”. Ngày 23/9/1971, ở thị xã Long Khánh thường vụ Thị ủy trực tiếp chỉ đạo cuộc biểu tình hơn một nghìn người. Địch dùng máy bay bắn vào đoàn biểu tình làm cho 2 người chết và hàng chục người bị thương. Bất chấp sự đàn áp, cuộc biểu tình diễn ra quyết liệt, náo động cả thị xã, lên án hành động giết người man rợ của địch. Tại Biên Hòa, Thị ủy chỉ đạo mở cuộc vận động vạch trần bộ máy phản động của chính quyền Sài Gòn. Ngày 03/10/1971, gần một ngàn công nhân, nông dân, học sinh biểu tình chống trò hề bầu cử của Thiệu từ Tam Hiệp lên Biên Hòa. Địch đưa lực lượng cảnh sát dã chiến đàn áp. Cuộc biểu tình biến thành cuộc đấu tranh quyết liệt với địch.

Để phối hợp với mũi đấu tranh chính trị binh vận, mũi hoạt động quân sự của ta cũng diễn ra dồn dập và đạt được nhiều thắng lợi. Ngày 15/9/1971 trung đoàn 33 phục kích diệt địch tại đường Hàm Ninh (Xuân Lộc) diệt 40 địch, phá hủy 8 xe quân sự. Đêm 17/9/1971 tiểu đoàn 6 đặc công tập kích chi khu Định Quán diệt 90 tên, trong đó có 6 cố vấn Mỹ.

Cuối tháng 9 đầu tháng 10/1971, pháo binh Biên Hòa pháo kích sân bay Biên Hòa và Bộ tư lệnh quân đoàn 3 nguy, phá hủy một số máy bay, diệt 107 tên địch.

Tại căn cứ Hoàng Diệu (Long Khánh) sáng 03/10/1971, địch đang tập trung bầu cử, trung đoàn 33 ta pháo kích dồn dập, diệt 21 tên địch, phá tan cuộc bầu cử. Lực lượng trinh sát của phân khu Bà Rịa tập kích một đại đội Mỹ tại Trà Tân (Bắc lộ 1) diệt 35 tên, bắn rơi 01 máy bay.

Trên chiến trường Rừng Sác, trong ba năm liên bị địch phản kích quyết liệt, Đoàn 10 tuy hy sinh trên 400 cán bộ, chiến sỹ, nhưng vẫn kiên cường bám trụ, tiên công liên tục hoàn thành mọi chỉ tiêu tác chiến cấp trên giao từng tháng, từng quý; liên tiếp pháo kích vào nội ô Sài Gòn đánh chìm tàu địch trên các bến cảng. Chiến công nối tiếp chiến công, trung đoàn 10 đặc công rừng Sác đã được Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên dương danh hiệu đơn vị Anh hùng năm 1973.

Trải qua thời kỳ khó khăn ác liệt, lực lượng vũ trang và nhân dân Biên Hòa-Long Khánh- Bà Rịa đã kiên cường chiến đấu đánh tan các cuộc hành quân, ngăn chặn âm mưu bình định, làm tan rã bộ máy kềm kẹp của địch; củng cố và phát triển ba thứ quân trên vùng chiến lược, cùng toàn Miền chuyển sang thời kỳ tiến công chiến lược trên toàn chiến trường.

4.3. Chiến dịch Nguyễn Huệ năm 1972

4.3.1. Những trận tấn công của quân dân cách mạng trong đợt 2 chiến dịch Nguyễn Huệ cuối năm 1972 trên địa bàn Thống Nhất

Ngày 31/3/1972, chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ, trọng điểm của chiến dịch là Lộc Ninh (Bình Phước) và Tây Ninh; Biên Hòa, Bà Rịa-Long Khánh là hươc phối hợp. Những thắng lợi của chiến dịch Lộc Ninh, Tây Ninh đã tác động và cổ vũ lớn đến tinh thần quân và dân các xã dọc lộ 1 và lộ 20 thuộc địa bàn Thống Nhất (lúc bấy giờ thuộc Trảng Bom)

Ngày 12/6/1972, lực lượng cách mạng tổ chức 1 trận đánh quy mô cấp tiểu đoàn vào địch ở Bàu Hàm 1. Tham gia trận đánh gồm có đại đội bộ binh huyện, đại đội công binh, đại đội pháo của phân khu chi viện. Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt kéo dài gần 1 ngày. Địch từ Tiểu khu Long Khánh tăng viện lên 3 đại đội bảo an để giải tỏa Sông Thao. Trận đánh càng trở nên ác liệt. Lực lượng cách mạng hy vọng 2 người và bị thương 11 người nhưng đã tiêu diệt và làm bị thương gần 100 lính địch. Trận đánh này được Bộ chỉ huy Miền tặng thưởng Huân chương chiến công hạng 3.

Đêm ngày 03/10/1972, đại đội 9 pháo Trung đoàn 33 bắn hỏa tiễn vào đồn Sông Thao, phá sập công Hưng Nghĩa, đồng thời đại đội 24 đặc công (E33) tập kích kiệt gọn đồn Hưng Lộc, mở đường cho tiểu đoàn 7 và bộ đội huyện đánh chiếm ấp Hưng Lộc. Tiểu đoàn 9 (E33) cùng bộ đội huyện, du kích xã đánh chiếm 2 ấp Sông Thao và Bàu Hàm (xã Bàu Hàm), chi bộ mật đã phát động quần chúng nổi dậy cùng du kích diệt ác ôn, phá rã các đội phòng vệ dân sự, giải phóng 2 ấp. Từ tiểu khu Long Khánh, địch điều 2 đại đội bảo an thuộc liên đội 3/26 và hai trung đội dân vệ lên giải vây. Tiểu đoàn 8 (E33) chặn đánh địch quyết liệt đẩy lùi 3 đợt phản công, diệt gọn 1 trung đội dân vệ, đánh thiệt hại nặng 1 đại đội bảo an, bẻ gãy cuộc hành quân giải tỏa của địch diệt 80 tên. Quốc lộ 1 hoàn toàn bị cắt đứt.

Ngày 12/10/1972, trung đoàn 33 tiến công vào cụm pháo binh của địch ở Sông Thao, phá hủy khẩu pháo 105 ly, 1 cối 81 ly, diệt nhiều địch (trong đó có 3 thiếu tá, 4 đại úy, 5 trung úy), phá hủy hoàn toàn khu thông tin.

Cuộc tiến công quân sự và phong trào của quần chúng đã đem lại kết quả khả quan trong việc mở cửa khẩu hậu cần trên địa bàn huyện. Trong 6 tháng cuối năm 1972, tỉnh và huyện mở cửa khẩu ở Bàu Cá, Bàu Hàm 1, Hưng Lộc, nối hành lang giao liên từ chiến khu Đ qua lộ 20, lộ 1 tạo điều kiện cho bước “chồm lên chiếm lĩnh” trước khi hiệp định Paris được ký kết.

4.3.2. Đánh kho tàng, hậu cứ sân bay địch

Mùa xuân 1972, chiến dịch toàn miền, chiến dịch Nguyễn Huệ nổ ra ở miền Đông Nam bộ. Tiểu đoàn 1 và 2 đặc công Biên Hòa được Bộ Chỉ huy Miền quyết định điều động làm nòng cốt để xây dựng đoàn đặc công 113. Đầu tháng 8 năm

1972, Bộ Tư lệnh miền Nam bố trí Trung đoàn 4 đứng chân ở Long Thành – Nhơn Trạch, trung đoàn 33 đứng chân ở Trảng Bom - Hồ Nai. Đoàn đặc công 113 đánh kho tàng hậu cứ ở Biên Hòa.

Ngày 12/8/1972, tiểu đoàn 9 đặc công đoàn 113 gồm 57 chiến sĩ chia làm 3 mũi đột nhập vào khu kho đồi 53 Tổng kho Long Bình. Từ 2 giờ 40 phút đến 4 giờ 30 phút ngày 13/8/1972, khu kho đồi 53 bị nổ tung, phá hủy 15.000 tấn bom đạn, 200 tấn thuốc nổ và một số kho tàng, nhiên liệu khác, phá hủy 17 gian nhà lính, 300 lính Mỹ chết.

Ngày 10/9/1972 cơ sở nội tuyến của Ban Binh vận Trung ương Cục được chuyển giao cho Thị ủy Biên Hòa là H16 dùng một quả mìn hẹn giờ do công binh Biên Hòa chế tạo giấu trong đế giày qua mắt địch, gài vào một trái bom trong kho bom tại sân bay. 03 giờ 45 phút ngày 11/9/1972, quả mìn nổ, kích nổ cả kho bom, lập tức từ trận địa pháo ở dốc Ông Hoàng, tiểu đoàn pháo 174 nã đạn dồn dập vào sân bay để đánh lạc hướng điều tra của địch, bảo vệ nội tuyến. Ta phá hủy 4 kho bom, 200 máy bay diệt 24 sĩ quan Mỹ, 46 sĩ quan ngụy và nhiều nhân viên kỹ thuật, giặc lái. Sân bay Biên Hòa bị tê liệt suốt một tuần lễ .

Đêm 12/11/1972, đoàn 113 pháo kích sân bay Biên Hòa phá hủy 23 máy bay, hai kho bom đạn, diệt gần 100 tên địch. Đêm 14/12 đặc công 113 đột nhập vào bãi đỗ xe ở cao điểm 53 tổng kho Long Bình gài 61 quả mìn tiêu hủy gần 200 xe quân sự.

Những trận đánh vang dội ở tổng kho Long Bình và sân bay Biên Hòa thể hiện rõ khả năng phối hợp, hiệp đồng tác chiến giữa đặc công Miền, cơ sở nội tuyến và lực lượng vũ trang tại chỗ gây thiệt hại nặng nề cho địch.

Trên đoạn quốc lộ 1 (Hồ Nai - Trảng Bom – Hưng Lộc) trung đoàn 33 phối hợp với lực lượng vũ trang địa phương, du kích và nhân dân tiến hành thực hiện chủ trương “mở mảng, mở vùng”. Đêm 3/10, trung đoàn 33 tập kích diệt đồn Hưng Lộc, tiểu đoàn 7 và bộ đội huyện đánh chiếm giải phóng ấp Hưng Lộc, bức hàng đồn Lò Than- Sông Thao, làm chủ trận địa pháo Sông Thao, diệt 110 tên địch.

Ở huyện Xuân Lộc ta liên tục tiến công địch, vùng giải phóng được nói rộng, tạo thế liên hoàn ở hướng đông thị xã Long Khánh. Ta uy hiếp mạnh đường giao thông huyết mạch về Sài Gòn, tạo thế chia cắt và áp sát lực lượng vào 2 thị xã: Biên Hòa và Long Khánh.

Với quyết tâm đánh địch chia lửa với hậu phương đang bị máy bay Mỹ ném bom bắn phá, đêm 11/11/1972, 4 chiến sĩ đặc công Đoàn 10 (đại đội C32) với 16 khối thuốc nổ đột nhập kho bom Thành Tuy Hạ phá hủy toàn bộ khu hóa chất và kho bom napal. Tiếp theo đêm 12/12, Đoàn đặc công Rừng Sác với 5 chiến sĩ lại

đánh trận thứ hai, đặt 25 khối thuốc nổ phá hủy gần như toàn bộ kho bom Thành Tuy Hạ với 60.000 quả bom, 106.000 mét khối đạn pháo, đặc biệt có 33.000 mét khối loại bom CBU.

Từ năm 1969 đến năm 1972, 04 năm kiên cường bám trụ, vượt lên gian khổ, hy sinh ác liệt của cuộc chiến tranh, quân và dân Biên Hòa- Bà Rịa- Long Khánh đã giữ vững được địa bàn chiến lược cực kỳ quan trọng – hướng đông bắc Sài Gòn. Cùng với chủ lực Quân khu và Miền, đập tan các cuộc phản kích của địch, từng bước đánh bại âm mưu chiến thuật của địch.

Từ bị động, ta chuyển sang thế chủ động phản công, mở rộng vùng giải phóng, đồng thời tiến công hàng loạt kho tàng, hậu cứ, sân bay, tiêu diệt sinh lực, phá hủy phương tiện chiến tranh, gây cho địch nhiều tổn thất, góp phần cùng với toàn miền giành thắng lợi quyết định trong cuộc tiến công chiến dịch Nguyễn Huệ 1972. Các đơn vị tham gia trận đánh đã được tặng thưởng 1 huân chương Quân công giải phóng 3, 1 huân chương Chiến công giải phóng hạng 2, 16 huân chương Chiến công giải phóng cho các chiến sĩ.

5. Chống địch lấn chiếm bình định- thu hồi mở rộng vùng giải phóng:

5.1. Địch vi phạm Hiệp định Paris:

Ngày 27/1/1973 Hiệp định Paris về “chấm dứt chiến tranh, lập lại hòa bình ở Việt Nam” được ký kết. Đế quốc Mỹ phải rút quân viễn chinh và quân chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, chấm dứt chiến tranh xâm lược Việt Nam, chấm dứt can thiệp vào nội bộ của miền Nam Việt Nam.

Chính quyền Sài Gòn (Thiệu) được Mỹ giúp sức triển khai hàng loạt kế hoạch phá hoại Hiệp định hòa bình. Đầu năm 1973, Bộ tổng tham mưu ngụy vạch các kế hoạch “Hùng Vương 2” “Trần ngập lãnh thổ” để lấn chiếm vùng giải phóng.

Trên địa bàn tỉnh Biên Hòa- Bà Rịa- Long Khánh, chúng tập trung lực lượng vũ trang thực hiện lấn chiếm nhằm xóa thế “da beo” trên các lộ giao thông. Các liên đội bảo an được nâng lên thành các tiểu đoàn cơ động. Sư đoàn bộ binh 18 là lực lượng chủ công hành quân lấn chiếm trên các trục lộ giao thông quan trọng.

Trên quốc lộ 1 đoạn Dầu Giây- Trảng Bom, sáng 28/1/1973 địch sử dụng 2 tiểu đoàn bảo an hành quân lấn chiếm, bất chấp thiện chí hòa bình của ta. Lực lượng vũ trang tại huyện Trảng Bom chiến đấu kiên cường, đánh trả quyết liệt giữ vững vùng giải phóng. Ngày hôm sau địch sử dụng cả ba tiểu đoàn thuộc chiến đoàn 43 sư 18 phối hợp với 1 chi đoàn, xe bọc thép cùng lực lượng bảo an, dân vệ tiếp tục lấn chiếm.

Địa bàn huyện Nhơn Trạch, du kích xã Phước An ngoan cường chiến đấu suốt ba ngày liền giữ vững vùng giải phóng.

Vùng Gia Ray- Xuân Lộc, địch sử dụng hai tiểu đoàn bảo an lần chiếm có phi pháo yểm trợ. Ở ấp Bảo Vinh A, thị xã Long Khánh địch dùng tiểu đoàn “Cọp đen” và đại đội bảo an đánh phá. Chúng dùng lựu đạn cay, chất độc bắn vào xóm ấp, gây thiệt hại cho đồng bào. Đến tháng 2/1973 chiến sự vẫn nổ ra quyết liệt. Trên vùng lộ 2 địch lần chiếm vùng giải phóng thuộc huyện Cao su, Châu Đức. Trên toàn tỉnh, địch mở 27 cuộc hành quân càn quét cấp tiểu đoàn, trung đoàn và 139 cuộc hành quân, giải tỏa, khai thông các quốc lộ 1, 15, 20... bất chấp Hiệp định Paris đã ký kết.

5.2. Chống địch lấn chiếm, bình định:

Sau Hiệp định Paris, trên chiến trường Biên Hòa – Bà Rịa – Long Khánh, địch phá hoại Hiệp Định, đưa quân càn quét vùng giải phóng của ta trước ngày 27 tháng 1 năm 1973. Tình hình diễn biến phức tạp.

Tháng 3/1973 Tỉnh ủy Biên Hòa, Bà Rịa- Long Khánh kiểm điểm, đánh giá tình hình sau hai tháng thi hành Hiệp định Paris, chỉ đạo đợt sinh hoạt chính trị vạch trần bản chất ngoan cố, hiếu chiến của kẻ thù, những âm mưu thủ đoạn xảo quyệt của chúng, từ đó phải nâng cao cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu chống địch lấn chiếm, vi phạm Hiệp định. Kết hợp với vũ trang phải tổ chức nhiều cuộc mít-tinh, biểu tình của quần chúng tố cáo âm mưu kéo dài chiến tranh của địch, đòi thi hành Hiệp định Paris.

Địch sử dụng nhiều thủ đoạn lấn chiếm đất, giải tỏa các trục lộ giao thông, đóng thêm đồn bót mới. Đồng thời phân loại từng hộ dân, khủng bố các gia đình cách mạng, tăng cường đánh phá vùng cao su, căn cứ của ta. Chúng tăng cường thực hiện các kế hoạch đánh phá phong tỏa hành lang, cửa khẩu của ta để triệt phá nguồn tiếp tế của ta. Tại xã Bàu Hàm, Hưng Lộc (Thống Nhất), xã Phước Thái (Long Thành) và huyện Định Quán... chúng triển khai sư đoàn 18, biệt kích luân phiên chốt giữ. Mùa mưa năm 1973, địch tăng cường lực lượng lấn chiếm khu vực: đường sắt Long Khánh, cao su vùng lộ 2.

Tại long Khánh địch tăng cường tiểu đoàn 64 biệt động quân và một tiểu đoàn bảo an từ Bình Dương lên khôi phục đường sắt. Trong hai tháng đại đội công binh tỉnh phối hợp đội biệt động, đội trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh, K8 Xuân Lộc phối hợp với du kích đánh 22 trận, diệt 176 tên địch, bắn cháy 5 đầu máy, 12 toa xe lửa, phá tan kế hoạch của địch.

Ở Long Thành, tên Hai Tấn nguyên Bí thư huyện ủy ra đầu hàng làm tay sai giặc, chỉ địch đánh phá rã 8 chi bộ mật trong toàn huyện, bắt đi 113 cán bộ trong đó có 16 đảng viên. Phong trào cách mạng tiếp tục gặp khó khăn.

Tháng 7 – 1973 Nghị quyết 21 Ban chấp hành Trung ương Đảng, Nghị quyết 12 của Trung ương Cục miền Nam (tháng 2 – 1974) nêu rõ: *Dù phát triển theo khả năng nào, con đường cách mạng miền Nam vẫn là con đường bạo lực cách mạng. Bất kể trong tình hình nào ta cũng phải nắm vững thời cơ, giữ vững đường lối chiến lược tiến công và chỉ đạo linh hoạt để đưa cách mạng miền Nam tiến lên... kiên quyết phản công, tiến công, giữ vững và phát triển thế chủ động về mọi mặt của ta, đánh bại cuộc hành quân lấn chiếm của địch...*

Huyện ủy Long Thành – Nhơn Trạch đã phát động phong trào: “*Tiêu diệt bình định áo đen*”, tập trung tấn công đánh phá bọn càn quét. Ngày 5/10 du kích xã Phước Thọ diệt 5 tên bình định và 2 phòng vệ dân sự khi chúng sục sạo ấp Cái Vạn. Du kích xã Khánh phục kích diệt bọn “*biệt kích thủ đô*” từ hướng Sài Gòn, bắn hỏng 6 xuống địch, diệt 37 tên, thu 32 súng. Đội đặc công thuộc trung đoàn 116 thuộc Bộ chỉ huy miền Nam đột nhập trường thiết giáp, thám báo ở Long Thành phá sập 2 dãy nhà kho với hàng trăm tấn bom đạn, diệt 2 trung đội địch.

Ở Nhơn Trạch, đội du kích thị trấn phục kích đánh đoàn bình định từ Phước An về diệt 6 tên, bắt sống 1 thiếu úy, thu 8 súng. Tại Phước Thái tiểu đoàn 2 thuộc trung đoàn 4, du kích bao vây đoàn bình định tại ấp Thái Thiện diệt 7 tên. Tại Phước Tân, đại đội 2 tiểu đoàn 240, phối hợp với bộ đội huyện tiến công đoàn xe ủi địch, bắt 3 xe, diệt 1 trung đội lính.

Ngày 3/12/1973 đoàn 10 Rừng Sác từ bàn đạp huyện Nhơn Trạch tiến công kho xăng Nhà Bè, phá hủy 72 bồn xăng trên hai trăm triệu lít và 1 tàu vận tải có sức chứa, 12 ngàn tấn dầu tại cảng.

Ngày 15/10/1973, Trung ương Cục miền Nam quyết định thành lập tỉnh Tân Phú - tỉnh căn cứ cách mạng - gồm huyện Phú Giáo, Tân Uyên (của tỉnh Thủ Dầu Một) và hai huyện Định Quán, Độc Lập. Đầu năm 1974 ta xây dựng được 60 cơ sở cách mạng, 39 nòng cốt, tạo nên những “*lõm*” chính trị ở các ấp: Bùi Chu, Bắc Hòa, Thanh Hóa, Ngũ Phúc, Tân Bắc, Kê Sặt... (Hố Nai). Chính những cơ sở này đã giúp ngành hậu cần Biên Hòa giải quyết vấn đề tài chính, lương thực, thực phẩm.

Sau khi bố trí lại chiến trường, Tỉnh ủy Biên Hòa, Long Khánh đề ra những chủ trương kế hoạch mùa khô 1973 – 1974 nhằm đánh địch thu hồi lại vùng giải phóng, đánh vào hậu cứ, kho tàng... làm suy yếu địch.

5.3. Chiến dịch lộ 2: Thu hồi và mở rộng vùng giải phóng:

Tháng 7/1974, quân và dân toàn tỉnh náo nức chuẩn bị cho mùa khô phản công, tiến công địch giành lại thế chủ động chiến trường. Trên địa bàn Biên Hòa, Long Khánh, Khu ủy, Bộ tư lệnh Quân khu miền Đông chủ trương mở chiến dịch

lộ 2 thu hồi vùng giải phóng bị địch lần chiếm, tiêu diệt 1 bộ phận quan trọng sinh lực địch, đẩy mạnh chiến tranh du kích ở vùng sâu, vùng tranh chấp, mở rộng quyền làm chủ cho nhân dân.

Về phía địch, chúng tăng cường lực lượng và tập trung đại bộ phận của sư đoàn 18 càn quét hai khu vực: Cây Gáo- Bàu Hàm thuộc tỉnh Biên Hòa và Long Đất, Xuyên Mộc thuộc tỉnh Bà Rịa – Long Khánh. Khu vực Bàu Hàm, Cây Gáo (Trảng Bom) địch tập trung hai tiểu đoàn thuộc chiến đoàn 48 (sư đoàn 18) đánh phá các cửa khẩu và căn cứ ta. Lực lượng vũ trang ta đánh trả quyết liệt, loại khỏi vòng chiến đấu trên 400 tên địch chặn đứng các cuộc hành quân càn quét của chúng.

Địch sử dụng hai chiến đoàn 43 và 48 thuộc sư đoàn 18 đánh chiếm hai xã Long Tân – Long Phước (Long Đất) với ý đồ “giăng bẫy” thu hút đơn vị chủ lực cấp quân khu ta để tiêu diệt. Quân khu 7 vừa chuẩn bị lực lượng cho chiến dịch lộ 2, vừa tăng viện cho Long Tân- Long Phước để giữ cho được vùng giải phóng, kèm chân quân chủ lực địch, thu hút sự chú ý của chúng trước khi chiến dịch lộ 2 mở màn.

Ngày 25/3/1974, trên địa bàn các huyện Thống Nhất, Vĩnh Cửu, Long Thành, Xuân Lộc... tiếng súng tiến công địch của các lực lượng vũ trang ta đồng loạt nổ ra làm cho địch vô cùng bối rối. Hai chiến đoàn địch 43 và 48 thuộc sư 18 nguy ở Long Tân – Long Phước (Bà Rịa) vội vã rút về Long Điền để chuẩn bị đối phó tình hình, các chiến đoàn bảo an cũng hoảng sợ rút khỏi mặt trận Long Tân.

Ngày 26/3/1974 chiến dịch lộ 2 mở màn. Sở chỉ huy chiến dịch lộ 2 đặt tại một cánh rừng cao su phía đông xã Cẩm Mỹ (Xuân Lộc). Kế hoạch được chuẩn bị trước chu đáo. Phương án 1, tiểu đoàn 18 đặc công đảm nhiệm tập kích chiếm đồn Kim Long, sau đó bàn giao trận địa lại cho trung đoàn 33 chốt giữ. Hai giờ sáng 26 tháng 3, tiểu đoàn 18 đặc công đang bí mật cắt hàng rào bãi mìn thì bị địch phát hiện. Tình thế buộc ta phải chuyển sang đánh “cường tập”, nên không phát huy được sức mạnh. Chiến sự xảy ra quyết liệt. Ta chiếm được một số vị trí quan trọng nhưng không chiếm được toàn bộ đồn Kim Long.

Bộ chỉ huy chiến dịch chuyển sang thực hiện phương án 2 vây ép, bức hàng, bức rút đồn địch. Ba ngày đầu ta vây ép không chặt, địch bổ sung- chi viện thêm, nên ta thay đổi phương án tác chiến: cắt đứt hai đầu, cô lập 2 tiểu đoàn bảo an 372 và 324 ở giữa. Thực hiện phương án này, một tiểu đoàn của trung đoàn 4 cùng du kích xã Cẩm Mỹ đánh chiếm các bót dân vệ, bảo an và chốt chặn hướng bắc Kim Long. Hai tiểu đoàn của trung đoàn 33 cùng bộ đội huyện Châu Đức chốt chặn

hướng nam Kim Long, một tiểu đoàn của trung đoàn 33 và 1 tiểu đoàn của trung đoàn 4 trực tiếp công kích điểm là đồn Kim Long và Tầm Bó.

Sau 07 ngày vây chặt, công kích mạnh ta chiếm được các đồn Mười Tượng, Bà Cùi, Rô Be. Tiêu diệt nhiều sinh lực địch, cô lập không cho chúng chi viện, ứng cứu. Chiến đoàn 43 và 48 sư 18 địch từ Long Đất về Long Khánh giải tỏa lộ 2 bị ta chặn đánh thiệt hại nặng.

Chiến dịch lộ 2 kết thúc, ta diệt 890 tên địch, bắt sống 37 tù binh, có 1 trung tá, 6 cấp úy, thu trên 200 súng và 20 máy thông tin, bắn cháy 17 máy bay và 16 xe tăng, giải phóng lộ 2, bức rút 12 đồn bót. Vùng giải phóng Bà Rịa- Long Khánh- Biên Hòa được nối liền.

Phối hợp với chiến dịch lộ 2, ở Biên Hòa, Tỉnh ủy tăng cường chỉ đạo đánh mạnh địch ở vùng ven thị xã đấu tranh chính trị được đẩy mạnh. Trên địa bàn huyện Long Thành, Nhơn Trạch lực lượng vũ trang huyện cùng du kích phá hủy 3 trạm ra đa địch ở Phú Hữu và Cát Lái, gài mìn chống địch ủi phá rừng, tập kích hàng loạt các trạm kiểm soát của địch để tạo điều kiện cho vận chuyển trên 1000 tấn lương thực ở các cửa khẩu đưa về hậu cứ an toàn.

Phát huy thắng lợi chiến dịch lộ 2, Bộ chỉ huy chiến dịch tiếp tục mở đợt hoạt động mùa mưa năm 1974, với yêu cầu: Giải phóng một số ấp nằm sâu trong vùng căn cứ Bà Rịa- Long Khánh, giải tán các khu “Dinh điền” của địch ở các khu vực phía Nam lộ 1 nhằm mở rộng địa bàn đứng chân, áp sát, uy hiếp thị xã Long Khánh từ hướng nam. Huyện ủy Xuân Lộc và Thị ủy Long Khánh tập trung lực lượng thực hiện các trận đánh nghi binh thu hút địch.

Ngày 18/5/1974, du kích ấp Nam Hà và trinh sát huyện đội cải trang tiên công địch khi chúng tổ chức đá bóng, diệt 76 tên địch, bắt sống ba tên, thu 44 súng và máy thông tin. Trên quốc lộ 1 du kích phối hợp huyện đội diệt 2 tua ở Bình Phú, giải tán 2 khu tập trung dân của địch. Phong trào du kích chiến tranh được đẩy mạnh.

Cũng thời điểm này, hướng Bến Cát (Thủ Dầu Một) bộ đội chủ lực Miền mở nhiều cuộc tiến công tiêu diệt một số đồn bót quan trọng của địch trên quốc lộ 13. Sư đoàn 18 nguy buộc phải tăng cường lực lượng. Chớp thời cơ, Bộ chỉ huy chiến dịch điều trung đoàn 4 từ lộ 2 lên lộ 1 cùng lực lượng vũ trang Xuân Lộc thực hiện “cao điểm tháng 5”. Đồng thời Bộ chỉ huy cũng điều tiểu đoàn 18 đặc công xuống hỗ trợ cho huyện Long Đất, vừa để căng kéo thu hút sự đối phó của địch. Giữa lúc địch bị căng kéo đối phó ở nhiều nơi thì ngày 24 tháng 5/1974 ta tiến công địch làm chủ đồn bót và giải phóng ấp Bảo Bình 2 làm chủ ấp Bảo Bình 1 được một ngày.

Ta tiếp tục vây ép áp Bảo Bình 3 bẻ gãy các cuộc phản kích của địch chi viện giải phóng được ấp 2 và ấp 3 xã Bảo Bình.

Đội biệt động, đội trinh sát vũ trang Long Khánh liên tục tập kích các căn cứ địch trong nội ô diệt 122 tên. Cơ sở nội tuyến của ta trong sư đoàn 18 nguy đặt mìn phá nổ tung 1 kho đạn diệt 27 tên địch.

Sau thắng lợi đợt hoạt động “cao điểm tháng 5”, Bộ chỉ huy chiến dịch chủ trương mở tiếp các đợt đánh địch trong suốt mùa mưa tạo điều kiện thuận lợi cho mùa khô 1974 – 1975 mà mục tiêu trọng điểm là quốc lộ 1 và địa bàn Xuân Lộc.

Từ mặt trận lộ 2 trung đoàn 33 được điều về đứng chân ở lộ 1. Đêm 10/6/1974, đặc công trung đoàn 33 đánh chiếm chốt ấp Bia diệt 1 trung đội địch; cùng du kích Xuân lộc phục kích trên quốc lộ 1 diệt gọn 2 đại đội địch trên đường hành quân giải tỏa thu 45 súng các loại.

Trước tình hình quốc lộ 1 bị uy hiếp, địch phải điều động chiến đoàn 8 sư đoàn 5 và tiểu đoàn 32 thuộc liên đoàn 7 biệt động đến giải tỏa lộ 1. Ta chiến đấu liên tục một tuần lễ, bẻ gãy hầu hết các đợt hành quân địch, diệt nhiều sinh lực, phá hủy nhiều phương tiện chiến tranh, phá bộ máy kèm kẹp của địch ở “khu dinh điền” An Lộc.

Quốc lộ 1 bị uy hiếp, địch tăng cường lực lượng liên đoàn biệt kích số 81 và các lực lượng bảo an liên tục lần chiếm vùng giải phóng. Ta phối hợp chiến đấu chặt chẽ, đánh lui địch, giữ vững vùng giải phóng Bảo Bình và nhiều vị trí then chốt trên quốc lộ 1 mở thêm 8 “lõm” giải phóng quanh vùng ven thị xã Long Khánh.

Địa bàn Biên Hòa đầu tháng 7/1974, cơ sở mật đã lãnh đạo hàng ngàn công nhân ở hãng giấy Cogido, hãng thép Vicasa, các nhà máy sản xuất xà bông, cá hộp... đấu tranh với địch phản đối cuộc bầu cử dân biểu; trên 2.000 quần chúng nhân dân ở Tam Hiệp- Tân Mai biểu tình chống bầu cử và đòi quyền dân sinh dân chủ. Phối hợp với các cuộc đấu tranh chính trị, ngày 10/8/1974 đại đội pháo binh Biên Hòa pháo kích phá hủy 5 máy bay F5 ở sân bay Biên Hòa. Đêm 26 tháng 8 đoàn đặc công 113 Miền tập kích trung tâm huấn luyện biệt kích Nước Trong (Long Thành) diệt 200 tên địch, trong đó có 2 trung tá, 3 thiếu tá. Trên các quốc lộ 15, 1, 20 và tỉnh 24, 17, 19... ta tiến công diệt nhiều xe và binh lính địch.

Tại thị xã Biên Hòa, đêm 7/10/1974 ba đồng chí đặc công thuộc đoàn 113 là: Thương, Thông, Thường xuất phát từ bến sông Tân Định (Vĩnh Cửu) dìm ngậm 700 kg thuốc nổ dưới sông để đánh cầu Mới (cầu Hóa An). Cầu Mới sập một nhịp ở giữa, làm cho địch hết sức hoang mang. Tiểu đoàn 9 đoàn đặc công 113 xây dựng ở rừng Bùng Bình xã Thiện Tân cách Biên Hòa 3 km về hướng Bắc một hệ thống

địa đạo dài 450 mét, diệt gọn 1 đại đội bảo an ở đồn Cây khô, du kích bộ đội huyện phá sập cầu Rạch Khô, tiến công địch ở bót cầu Rạch Đông.

Tại tỉnh Tân Phú, tháng 10/1974, Trung ương Cục miền Nam điều chỉnh lại chiến trường, cắt hai huyện Phú Giáo và Tân Uyên về tỉnh Thủ Dầu Một. Quân khu điều tiểu đoàn 18 đặc công, tiểu đoàn 2 trung đoàn 4 cùng 1 đại đội súng cao xạ thuộc tiểu đoàn 24 (quân khu) đánh mạnh địch ở lộ 20 mở rộng địa bàn bắc Định Quán. Tiểu đoàn 18 đặc công bí mật tập kích địch ở đồn Đa Kai xã Phương Lâm, loại khỏi vòng chiến đấu 78 tên, phá hủy hoàn toàn trận địa pháo của địch. Tiểu đoàn 2 phục kích chặn đánh lực lượng địch ứng cứu cho Đa Kai, diệt gọn một trung đội, thu 24 súng và 2 máy thông tin, chia cắt lộ 20 từ hướng Lâm Đồng, uy hiếp chi khu Định Quán, tạo thuận lợi cho giải phóng Định Quán trong chiến cuộc mùa khô 1974 – 1975.

Mùa khô 1973 – 1974 và mùa mưa 1974, ta tiến công địch liên tục giành thế chủ động chiến trường; phát triển được thế đứng chân trên các địa bàn trọng yếu - nổi thông hành lang từ chiến khu Đ xuống Biên hòa bà Rịa, Long Khánh; tiêu diệt nhiều sinh lực địch, phá rã bộ máy địch trên các vùng tranh chấp.

6. Tham gia chiến cuộc Mùa khô 1974-1975 giải phóng toàn tỉnh

6.1. Chiến dịch lộ 3 - Mở rộng địa bàn Đông Bắc Xuân Lộc:

Cục diện chiến trường miền Nam từ mùa khô 1974 – 1975 có nhiều thay đổi. Trên chiến trường miền Đông Nam bộ, địch mất 2.373 đồn bót. Vùng giải phóng mở rộng từ Lộc Ninh- Bình Long đến Bến Cát- Tây Ninh, Bà Rịa- Long Khánh- Biên Hòa- Sài Gòn.

Tháng 11/1974, Bộ Chỉ huy Miền ra quyết định thành lập sư đoàn 6 bộ binh trực thuộc quân khu 7 hoạt động phía bắc lộ 1. Đồng thời Bộ Chỉ huy Miền tổ chức lực lượng đặc công 429 lại thành sư đoàn 2 đặc công (thay Đoàn 27), gồm 7 trung đoàn đặc công đánh bộ, đặc công nước, 1 trung đoàn cơ động sâu xuống vùng ven đô, bao quanh Sài Gòn- Gia Định chuẩn bị cho phương án tổng công kích - tổng khởi nghĩa. Riêng phía đông có ba trung đoàn 10, 113, 116 vừa độc lập tác chiến, vừa phối thuộc cho địa phương.

Trong khi các lực lượng vũ trang địa phương tiến công địch dồn dập ở nhiều nơi thì rạng sáng ngày 24/12/1974, chiến dịch lộ 3 của quân khu bắt đầu mở màn. Hai trung đoàn bộ binh của sư đoàn 6 cùng lực lượng vũ trang địa phương tiến công làm chủ hai chi khu: Hoài Đức và Tánh Linh. Ta chặt đứt một “mắt xích” quan trọng trong hệ thống phòng thủ phía bắc Xuân Lộc uy hiếp thị xã Long Khánh từ hướng bắc.

Trước sức tiến công liên tục của ta, tiểu khu Long Khánh và Bộ tư lệnh sư đoàn 18 lo sợ tăng cường bố trí phòng thủ thị xã Long Khánh. Ngày 06/1/1975, ta giải phóng thị xã Phước Long. Bị mất một tỉnh ở phía bắc Sài Gòn mà vẫn không có sự “phản ứng thiết thực” nào của Mỹ, nguy quân, nguy quyền hoang mang lo sợ.

Ngày 17/3/1975, giai đoạn 2 của chiến dịch lộ 3 bắt đầu. Ta đồng loạt chiếm ngã ba Ông Đồn, núi Chứa Chan, đồi 52, với lối đánh hiệp đồng tác chiến chặt chẽ, giữa đặc công với bộ binh, sau 1 ngày chiến đấu ta đã diệt toàn bộ địch ở Đồi 52. Ngày 18/3, tiểu đoàn 9 trung đoàn 33 đã làm chủ yếu khu quân sự Gia Ray, giải phóng ấp Gia Ray và cắt đứt lộ 3. K8 Xuân Lộc và tiểu đoàn 3 trung đoàn 4 cùng lực lượng du kích tiến công địch ở các ấp: Suối Cát, Lều Xanh, Mai Thọ Bích, Bình Phú... ta hoàn toàn làm chủ cắt đứt đoạn quốc lộ 1 dài trên 5 km, diệt quân cứu viện. Tiểu khu Long Khánh đã điều 2 tiểu đoàn bảo an số 332 và 324 ứng cứu bị các lực lượng ta chặn đánh diệt 2 đại đội. Sau 4 ngày đêm chiến đấu (từ 17 đến 21 tháng 3) ta quét sạch địch ở các mục tiêu trọng điểm, giải phóng tỉnh lộ 3 từ Trà Tân đến ngã ba Ông Đồn, đến căn cứ 5 giáp Bình Thuận, làm chủ các xã ấp trên quốc lộ 1.

Ngày 17 đến 20/3, lực lượng vũ trang tỉnh Tân Phú kết hợp một bộ phận sư đoàn 7 đánh chiếm chi khu Định Quán, giải phóng quốc lộ 20 từ Lâm Đồng đến cầu La Ngà. Địch đang phải dốc toàn bộ lực lượng chống đỡ trên mặt trận tỉnh lộ 3, quốc lộ 1 và quốc lộ 20. Tranh thủ thời cơ thị ủy Long Khánh chủ trương: giải phóng 4 ấp phía bắc thị xã Long Khánh. Ta tiến công địch ở Bảo Vinh B rồi đến Bình Lộc, thứ tự phá từng “mắt xích” tiến tới dứt điểm toàn bộ. Cuối tháng 3/1975 các ấp Bình Lộc, Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn hoàn toàn giải phóng. Cửa ngõ phía bắc thị xã Long Khánh đã mở: Chuẩn bị cho sư đoàn 341 tiến công vào thị xã Long Khánh.

Để chuẩn bị cho cuộc tổng công kích, Bộ chỉ huy Miền tổ chức mặt trận cánh đông gồm 3 trung đoàn đặc công 10, 113, 116, 3 đơn vị biệt động, tiểu đoàn địa phương Thủ Đức do đồng chí Tổng Viêt Dương sư phó sư 2 làm chỉ huy trưởng, đồng chí Lê Bá Ước chính ủy. Đây là những đơn vị sẽ phối thuộc cho quân đoàn 4 và quân đoàn 2 có nhiệm vụ đánh chiếm các cây cầu, giữ cửa mở trong chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử.

6.2. Trận tấn công của quân giải phóng vào Chi khu Định Quán tháng 3/1975

Ngày 10/3/1975, Trung ương Cục và Bộ chỉ huy Miền Nam nhận định: địch sẽ sử dụng quốc lộ 20 phía nam Xuân Lộc để nối đường 21, chi viện cho Tây Nguyên. Chi khu Định Quán là điểm phòng thủ án ngữ đường 20. Quân giải phóng

cần đánh chiếm Chi khu quân sự này để làm chủ đường 20, phối hợp với các mặt trận khác mở đường tiến về Sài Gòn. Bộ Tư lệnh Quân đoàn 4 điều Sư đoàn 7 về hoạt động trên tuyến lộ 20, phối hợp với lực lượng địa phương Tân Phú tấn công địch trên địa bàn. Bộ Tư lệnh tiền phương Mặt trận đường 20 được thành lập, đóng căn cứ tại Suối Sơn (phía tây lộ 20).

Ngày 17/3, cuộc tiến công địch trên đường 20 bắt đầu. Quân giải phóng tấn công vào phân chi khu quân sự địch tại Phương Lâm, La Ngà, Núi Tràn, đồi Lãng Xi, Cao điểm 112 và chi khu Định Quán.



Đánh chiếm núi đá Ba Chồng tháng 3-1975

Cuộc chiến đấu diễn ra ác liệt trong thế giằng co. Đến cuối ngày, quân giải phóng chiếm được chi khu và cắm cờ giải phóng trên nóc sở chỉ huy địch. Từ chiến thắng bước đầu này, những ngày sau đó, quân giải phóng tấn công tiêu diệt địch ở các cụm cố thủ do chúng dựng nên. Toàn bộ Ban chỉ huy địch tại Chi khu Định Quán bị quân giải phóng bắt gọn. Hệ thống đồng bốt địch trên địa bàn Tân Phú, Định Quán tiếp tục bị bứt phá, lực lượng địch bị truy rút, bỏ chạy. Địa bàn Tân Phú được hoàn toàn giải phóng. Cửa ngõ của địch ở địa đầu Quân khu III của chúng bị

Về phía ta có: Quân đoàn 4 (thiếu Sư đoàn 9) tăng cường Sư đoàn bộ binh 6 thuộc Quân khu 7, ngoài ra còn một trung đoàn tăng, thiết giáp; một trung đoàn pháo binh, trung đoàn 95B (Sư đoàn bộ binh 325) và một đại đội xe tăng do Thiếu tướng Hoàng Cầm là Tư lệnh và Thiếu tướng Hoàng Thế Thiện là Chính ủy.

Đến cuối tháng 3/1975, bằng lực lượng tại chỗ, thị xã Long Khánh đã giải phóng ấp phía bắc thị xã: Bảo Vinh A, Bảo Vinh B, Suối Chồn, Bình Lộc. Trong lúc đó, bộ đội tỉnh, huyện tiến công giải phóng Suối Cát, ngã ba Ông Đồn đến Trà Tân 2 (lộ 3), đồn điền cao su Ông Quế, bực rút đồn Nam Hà, Mai Thọ Bích, tia Mã Trắng, bộ đội khi giải phóng Định Quán, làm chủ lộ 20.



Bộ đội ta kéo pháo vào mặt trận Xuân Lộc năm 1975

Từ ngày 04/4/1975, đội biệt động và trinh sát vũ trang thị xã Long Khánh đã bí mật dẫn đường cho trinh sát sư đoàn 1, sư đoàn 7 (quân đoàn 4) vượt qua các hàng rào, tua, chốt gác của địch vào thị xã điều nghiên, nắm tình hình và lên phương án tác chiến. Hàng ngàn lá cờ Mặt trận đã được Thị ủy Long Khánh chuyển vào cho các cơ sở bí mật bên trong. Truyền đơn binh vận được rải nhiều nơi đánh vào tư tưởng, làm rệu rã thêm tinh thần của binh lính ngụy.



Xuân Lộc ngày 03/4/1975

Sáng ngày 9/4/1975, chiến dịch Xuân lộc bắt đầu. Sau các loạt pháo bắn cấp tập vào những mục tiêu trong thị xã, các cánh quân của ta nổ súng tiến công trên hai hướng Đông bắc và Tây bắc. Chỉ sau một giờ chiến đấu, lực lượng cách mạng chiếm lĩnh trại biệt động quân, tinh đoàn bảo an, trụ sở tình báo CIA và cắm ngọn cờ “Quyết chiến quyết thắng” lên đỉnh cột cờ tiền sảnh lầu 1 của Toà Hành Chánh tỉnh Long Khánh.



Mặt trận Xuân Lộc- Long Khánh năm 1975

Trên hướng tây thị xã, sư đoàn 6 làm chủ lộ 1 từ đèo Mẹ bông con đến ấp Phan Bội Châu. Hướng Bắc, tiểu đoàn 445 và k8- bộ đội huyện đánh tan liên đoàn 936 bắt 117 tên. Từ 11 đến 13/4, ta bao vây Núi Thị, giải phóng các xã và đồn điền cao su: Hàng Gòn, Cẩm Mỹ, Suối Râm... mở rộng bàn đạp đứng chân cho các đơn vị bộ đội chủ lực.

Ngày 12/4/1975, địch cho máy bay oanh kích dữ dội xuống các vị trí trong nội ô thị xã Long Khánh và khu vực phía bắc chi khu Tân Phong. Lữ đoàn dù nguy số 1 được máy bay đổ xuống ngã ba Tân Phong phối hợp cùng sư đoàn 18 bên trong đánh ra để giải tỏa áp lực của quân ta.

Để tránh thiệt hại cho dân, bộ chỉ huy chiến dịch chỉ đạo tập trung hỏa lực mạnh, sử dụng pháo binh cấp tập diệt các cứ điểm quân sự bên trong thị xã, kéo địch ra ngoài thị xã từ công ngã ba Dầu Giây lên giáp với Lâm Đồng. Ngày 15/4/1975, sư đoàn 6 diệt gọn chiến đoàn 52 thuộc sư đoàn 18, giải phóng hoàn toàn lộ 20. Địch đưa bộ chỉ huy nhẹ quân đoàn 3 lên Trảng Bom để chỉ huy cuộc hành quân giải tỏa, nhưng các mũi ứng cứu của địch trên quốc lộ đều bị đập tan.



Di tích Tòa hành chánh Long Khánh

Liên tục trong các ngày từ 16-19/4, quân ta bắn hàng ngàn quả đạn pháo vào các mục tiêu quân sự của địch trong thị xã. Đảng viên, cơ sở cốt cán và quần chúng đã vận động làm tan ra hàng trăm binh lính địch.

Trong cơn tuyệt vọng, địch càng tỏ ra điên cuồng, chúng cho máy bay trút bom đạn vào thị xã và vùng ven (trong đó có hai quả bom hơi ngạt- CBU). Thế cùng, bọn đầu sỏ chỉ huy lập kế hoạch rút chạy. Ngày 18/4/1975, lữ đoàn dù số 1 nhận lệnh rút về phía nam chi khu Tân Phong để yểm trợ cho hướng rút chạy trên liên tỉnh lộ 2. Tướng Lê Minh Đảo, tư lệnh sư đoàn 178 ra lệnh “tùy nghi di tản”.



Quân giải phóng đánh chiếm sân bay Xuân Lộc và đập tan “tuyến phòng thủ thép” của địch ở Xuân Lộc vào sáng 21-4-1975, giải phóng hoàn toàn TX. Long Khánh

22 giờ ngày 20/4/1975, hơn 220 xe quân sự của địch chen nhau rút chạy về hướng lộ 2. Quân ta tổ chức chốt trận và tụy kích, bắt sống tên đại tá tình trưởng Phạm Văn Phúc. Rạng sáng 21/4/1975, tuyến phòng thủ cuối cùng của địch tại thị xã Long Khánh ở phía đông bắc Sài Gòn hoàn toàn bị phá vỡ, cửa ngõ tiến quân vào Sài Gòn của đại quân ta được mở. Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng. Thị xã Long Khánh hoàn toàn được giải phóng.

Ngay trong đêm 21/4, khi phòng tuyến Xuân Lộc hoàn toàn sụp đổ, tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã phải tuyên bố từ chức, tìm đường trốn chạy ra nước

ngoài. Cùng trong thời điểm này, bên kia bờ địa dương, tổng thống Mỹ cũng công khai nhìn nhận: “Cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc với Mỹ”.



Quân Giải phóng trên đường hành quân Xuân Lộc 1975

Chiến dịch Xuân Lộc toàn thắng khẳng định sự sáng suốt lựa chọn điểm yếu của địch; chỉ đạo mở chiến dịch tiến công có ý nghĩa quyết định toàn cuộc của Trung ương Đảng, Trung ương cục, Bộ Tư lệnh miền; giúp Trung ương hạ quyết tâm mở chiến dịch mang tên Bác Hồ- “chiến dịch Hồ Chí Minh” giải phóng hoàn toàn miền Nam. Đây là một điểm son chói lọi ghi đậm dấu ấn lịch sử trong cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc của nhân dân Long Khánh, Đồng Nai, là tài sản vô giá của quê hương, là niềm tự hào của thế hệ hôm nay và mai sau.



Quân Giải phóng hoàn toàn làm chủ chiến trường Xuân Lộc 1975

5.3. Tham gia chiến dịch Hồ Chí Minh, giải phóng hoàn toàn miền Nam và tỉnh Đồng Nai:

Ngày 23/4 Tổng thống Mỹ tuyên bố: “cuộc chiến tranh ở Việt Nam đã chấm dứt đối với người Mỹ...”. Ngày 28/4/1975, Dương Văn Minh lên làm tổng thống Việt Nam Cộng Hòa. Dịch và vùi 5 sư đoàn chủ lực tan rã từ miền Trung và Xuân Lộc về chốt giữ vòng cung: Biên Hòa- Long Bình- Tây Ninh- Long An.

Ở Biên Hòa, sư đoàn 18 sau khi tháo chạy khỏi Xuân Lộc, nhưng củng cố lại thành 3 chiến đoàn án ngữ quốc lộ 1. Tàn quân bảo an Xuân Lộc chạy về kết hợp với bảo an thị xã Biên Hòa thành 2 liên đoàn 933 và 318, cùng với lữ đoàn 468 thủy quân lục chiến án ngữ quốc lộ 15. Lữ đoàn 3 kỵ binh và lữ đoàn 258 thủy quân lục chiến chốt giữ khu vực Biên Hòa- Long Bình. Hai lữ đoàn dù đảm nhiệm giữ các cầu: Đồng Nai, Rạch Chiếc, cầu Gành, cầu Hóa An... và tuyến ngoại vi Sài Gòn.

Sau khi thất bại ở tuyến phòng thủ Xuân Lộc, binh lính quân đội Việt Nam cộng hòa rút chạy. Số quân theo hướng quốc lộ 1 trong tinh thần bần loạn, chưa

được bổ sung được tập hợp lại thành lập tuyến phòng thủ án ngữ đường số 1, số 15 để bảo vệ Biên Hòa- Sài Gòn trong những nỗ lực cuối cùng vào tháng 4.1975 của chính quyền Sài Gòn.

Biên Hòa cũng là cửa ngõ của đại quân ta vào Sài Gòn. Bộ tư lệnh miền nhận định: “*Thị xã Biên Hòa kết hợp với sân bay và Sở chỉ huy quân đoàn III có nhiều kiến trúc và công sự phức tạp. Địch sẽ dựa vào đây ra sức kháng cự, ngăn chặn ta tiến về Sài Gòn. Xuân Lộc mất rồi thì Biên Hòa là điểm quan trọng nhất ở hướng này. Đánh vào đây là ta đánh vào nơi cứng nhất trên tuyến ngăn chặn của địch*”.

Bộ Chính trị Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam quyết định mở chiến dịch Sài Gòn mang tên: **Chiến dịch Hồ Chí Minh**. Để chuẩn bị cho chiến dịch cuối cùng quét sạch quân thù, từ ngày 9/4/1975, đồng chí Phan Văn Trang, Bí thư Thành ủy Biên Hòa vào nội ô thành triển khai kế hoạch chuẩn bị phát động quần chúng nổi dậy, thành lập 10 ủy ban khởi nghĩa trong nội ngoại thành phố. Ngày 16/4/1975, Thành ủy Biên Hòa ra nghị quyết về “*Tổng công kích và nổi dậy ở thị xã Biên Hòa*”.

Ngày 26 tháng 4 năm 1975 chiến dịch lịch sử mang tên chủ tịch Hồ Chí Minh bắt đầu.

Tại Biên Hòa trận địa pháo tầm xa 130 ly ở Hiếu Liêm (chiến khu Đ) nã đạn dồn dập vào các căn cứ sân bay Biên Hòa, các sư đoàn bộ binh đồng loạt tấn công. Sư đoàn 6 tiến công yếu khu Trảng Bom. Sư đoàn 7 tiến công các căn cứ địch dọc lộ 1



Sơ đồ tác chiến chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử

đến Hồ Nai. Lực lượng vũ trang huyện Thống Nhất và nhân dân nổi dậy giải phóng toàn huyện vào ngày 27 – 4 – 1975.

Ngay từ 17 giờ ngày 26/4/1975, đạn pháo 130 ly của ta trùm lên căn cứ Nước Trong (Long Thành). Sư đoàn 304 Quân đoàn 2 đánh chiếm căn cứ Nước Trong. Sư đoàn 325 Quân đoàn 2 tiến vào chi khu Long Thành. Lực lượng vũ trang địa phương tiểu đoàn 240 Biên Hòa phối hợp với quân chủ lực đánh phân khu Phước Thiện.

Đêm 26 rạng 27/4/1974, 4 tiểu đoàn thuộc trung đoàn đặc công 116 đánh chiếm khu trung tâm tổng kho Long Bình, cụm bố phòng Bến Gỗ, tiến chiếm khu trung tâm tổng kho Long Bình, cụm bố phòng Bến Gỗ, tiến chiếm và chốt giữ cầu Đồng Nai. Đêm 27 rạng 28 tiểu đoàn 174 và tiểu đoàn 23 đánh chiếm cầu Hóa An (cầu mới), cầu Gành, cầu Rạch Cát...

Hai giờ sáng ngày 26/4, tiểu đoàn 9 trung đoàn đặc công 113 tập kích căn cứ thiết đoàn 15 tại Hóc Bà Thúc bắt sống tên chỉ huy. Sư đoàn 6 phát triển ra ga Long Lạc. Sư đoàn 6 cùng sư đoàn 7 tiến quân về Hồ Nai trước sự chống cự điên cuồng của địch.

Ngày 27/4, sư đoàn 6 và sư đoàn 7 Quân đoàn 4 quét sạch địch ở ngã ba Dầu Giây, trận địa pháo Sông Thao, làm chủ chi khu Trảng Bom, Bàu Cá; sư đoàn 325 Quân đoàn 2 làm chủ chi khu Long Thành. Ngày 27/4, những trận tiến công Trảng Bom, Biên Hòa đồng loạt bắt đầu. Pháo binh quân cách mạng pháo kích các mục tiêu địch tại Trung tâm Trảng Bom, Bàu Cá, ga Sông Mây, Suối Đĩa, Trà Cỏ, Hồ Nai (khu vực Trảng Bom) và sân bay căn cứ Long Bình (khu vực Biên Hòa) để mở cửa cho các cánh quân tạo thành các mũi vu hồi chia cắt, hiệp đồng tiêu diệt địch.

Ngày 28/4 hướng Biên Hòa sư đoàn 6, sư đoàn 7 đánh các cụm quân địch dọc theo quốc lộ 1 từ Suối Đĩa, Trà Cỏ và truy kích địch về căn cứ ở Hồ Nai. Tám giờ 30 phút trung tướng Nguyễn Văn Toàn tư lệnh quân đoàn 3 đến Long Bình giao nhiệm vụ “tử thủ” cho tướng Lê Minh Đảo tư lệnh sư đoàn 18 rồi lên máy bay chuồn thẳng. Các tướng tá trong Bộ tư lệnh quân đoàn 3 cũng cuốn gói chuồn về Sài Gòn. Sở chỉ huy quân đoàn 3 chỉ còn viên thiếu tá quản trị hành chánh quân đoàn tiếp tục “tử thủ”.

Sau một ngày tiến công, các chốt chặn của địch ở Trảng Bom bị tan rã. Sân bay quân sự Biên Hòa hoàn toàn bị tê liệt. Sư đoàn 6 ở lại cùng địa phương tiếp quản giữ sân bay Biên Hòa, kho Long Bình, quân đoàn III vào 10 giờ sáng ngày 30/4/1975. Bộ phận đoàn gồm 4 gồm xe tăng, pháo binh, bộ binh tiến về Sài Gòn tiếp quản dinh Độc Lập và các cơ quan đầu não của ngụy quyền.



Sân bay Biên Hòa bị ta đánh bom năm 1975

Tại khu kỹ nghệ Biên Hòa, ủy ban khởi nghĩa của Thành ủy Biên Hòa phát lệnh đánh địch. Cơ sở mật 17 nhà máy lãnh đạo tự vệ và công nhân nổi dậy. Cờ giải phóng được kéo lên ở trung tâm Sonadezi và các nhà máy. Đến chiều 29/4/1975 hầu hết các nhà máy trong khu kỹ nghệ Biên Hòa và một số ấp lân cận hoàn toàn giải phóng.

Chiều 29/4/1975 toàn bộ địch ở Long Thành bị quét sạch, sư đoàn 325 tập kết ở Long Thành- Nhơn Trạch bị quét sạch. Sáng 30/4/1975, trung đoàn đặc công 116 dẫn đường cho lữ đoàn tăng 203 hành quân vào đánh chiếm dinh Độc Lập. Sư đoàn 325 dùng xuồng, ghe máy... vượt sông tiến về Sài Gòn. 15 giờ, ngày 29/4/1975, tù nhân nhà tù Tân Hiệp nổi dậy phá khám ra quốc lộ I về hướng Trảng Bom. 6 giờ sáng ngày 30/4/1975, ngay khi hay tin tổng thống ngụy Dương Văn

Minh đầu hàng, quân đoàn 4 triển khai lực lượng tiến về Sài Gòn. Sư đoàn 6 tiếp quản sân bay Biên Hòa, tổng kho Long Bình.

6 giờ sáng ngày 30/4/1975, cờ Tổ quốc được treo lên Tòa hành chính tỉnh Biên Hòa thay cho cờ ba que. 10 giờ ngày 30/4/1975, ủy ban Quân quản thành phố Biên Hòa, trung đoàn 5 tiến vào tiếp quản Tòa Hành chính Biên Hòa trong tiếng reo hò, hoan hô của hàng ngàn quần chúng trong thành phố Biên Hòa.



Bộ đội chủ lực và lực lượng vũ trang tỉnh tiếp quản cơ quan hành chính Biên Hòa ngày 30-4-1975

Ngày 15/5/1975, Ủy ban Quân quản thành phố Biên Hòa tổ chức lễ mừng chiến thắng giải phóng miền Nam, giải phóng Biên Hòa. Trên 100.000 đồng bào các tầng lớp với xe hoa, cờ, khẩu hiệu... tham dự mít tinh trọng thể.



Người dân Biên Hòa chào đón quân giải phóng năm 1975

Lịch sử đã lập lại một cách kỳ diệu. Ba mươi năm trước (26/8/1945), nhân dân Biên Hòa đã chiếm Tòa bố giành chính quyền trong cách mạng tháng Tám. Ba mươi năm sau, một lần nữa quân dân Biên Hòa cầm cờ ở Tòa Hành Chánh, hoàn thành nhiệm vụ giải phóng quê hương, cùng cả nước bước vào kỷ nguyên độc lập thống nhất đất nước và đi lên xây dựng chủ nghĩa xã hội. Chiến dịch Hồ Chí Minh đánh dấu một nét son chói lọi trong lịch sử giải phóng của dân tộc, cho thấy sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam đồng thời đánh dấu một bước ngoặt vĩ đại của nhân dân Biên Hòa - Đồng Nai. Lần đầu tiên trong lịch sử hiện đại, đất nước ta không còn một bóng quân xâm lược. Thắng lợi to lớn mở ra một thời kỳ mới cho dân tộc và nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai: Thời kỳ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Chiến dịch Hồ Chí Minh là chiến dịch có những nét đặc sắc về tạo thời cơ, về cách đánh, về cường độ tiến công, về tác chiến hợp đồng quân binh, về mục tiêu, ý nghĩa của nó đối với phong trào giải phóng dân tộc, là biểu



Mít tinh mừng ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng 30/4/1975

tượng cốt cách của trí tuệ, văn hóa Việt Nam và của nghệ thuật quân sự Việt Nam, được thể hiện ở những khía cạnh sau: *Thứ nhất*, thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh là thắng lợi của lòng yêu nước, chí căm thù giặc với khí phách hiên ngang của một dân tộc anh hùng được soi sáng bởi chân lý thời đại Hồ Chí Minh “Không có gì quý hơn độc lập tự do”. *Thứ hai*, thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh là thắng lợi của trí tuệ Việt Nam, của tâm hồn, cốt cách và bản lĩnh văn hóa Việt Nam. *Thứ ba*, thắng lợi của chiến dịch Hồ Chí Minh là hiện thân của cuộc chiến chính nghĩa thắng phi nghĩa, một cuộc chiến tranh mà cái đẹp, cái cao thượng, cái anh hùng thắng cái xấu, cái ác, cái thấp hèn.



15-5-1975 – mít tinh diễu hành mừng Chiến thắng tại Sài Gòn. Ảnh: Françoise Demulder



Quang cảnh buổi lễ kỷ niệm Quốc Khánh đầu tiên sau ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng tại Biên Hòa (2-9-1976).

**** Cảm nhận của bản thân về truyền thống đấu tranh cách mạng của nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai:***

Hơn nữa thế kỷ qua, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, Đảng bộ và nhân dân các dân tộc ở Đồng Nai đã một lòng đi theo Đảng, chiến đấu kiên cường; giành được nhiều thắng lợi vẻ vang góp phần xứng đáng cùng toàn dân viết lên những trang sử vàng chói lọi: cách mạng Tháng Tám thành công, kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ thắng lợi, đã và đang tiến hành xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp. Trên mảnh đất miền đông gian lao mà anh dũng này đã sản sinh ra hàng nghìn, hàng vạn cán bộ, chiến sĩ, đồng bào đồng chí kiên trung bất khuất, một lòng một dạ chiến đấu hy sinh vì độc lập tự do của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân mà tên tuổi của họ đã đi vào lịch sử hào hùng của dân tộc như một nét son sáng ngời. Cùng với sự phát triển của các phong trào cách mạng, Đảng bộ Đồng Nai ngày càng lớn mạnh và trưởng thành. Trải qua muôn vàn gian khổ, hy sinh, tổ chức Đảng vẫn tồn tại giữa lòng dân, lãnh đạo nhân dân đấu tranh cách mạng và giành hết thắng lợi này đến thắng lợi khác. Những thành quả đó là kết tinh của bao xương máu, mồ hôi, nước mắt của nhiều thế hệ đồng bào, đồng chí và đã trở thành truyền thống hào hùng, là tài sản vô giá của địa phương.

Với cách mạng, Đồng Nai là nơi sớm hình thành giai cấp công nhân, đông đảo là công nhân cao su cùn với nông dân lao động là lực lượng nòng cốt của cách mạng. Trong hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ xâm lược, Đồng Nai luôn là một trong những trung tâm cách mạng với hệ thống căn cứ liên hoàn, nơi đứng chân chỉ đạo của Khu ủy miền Đông, Xứ ủy Nam bộ, Trung ương Cục; là địa bàn quan trọng đứng chân của quân chủ lực ta tiêu diệt sinh lực và phương tiện chiến tranh Mỹ ngụy, là một hành lang, đầu cầu tiếp nhận hàng chi viện từ hậu phương miền Bắc cho miền Đông. Đây cũng là nơi diễn ra trận quyết chiến đập tan tuyến phòng thủ phía đông Sài Gòn của địch, tạo điều kiện cho chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Lật lại từng trang sử hào hùng , ta có thể thấy trong cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (1945-1954), phong trào kháng chiến của Đảng bộ và quân dân Biên Hòa đã không ngừng phát triển theo quy luật phát triển của cả nước: từ không đến có, từ quy mô nhỏ đến quy mô lớn, không ngừng phát triển lực lượng, phong trào du kích chiến tranh. Trước kẻ thù lớn mạnh cả về kinh tế, quốc phòng, về thủ đoạn xâm lược, Đảng bộ và quân dân Biên Hòa đã phát huy truyền thống yêu nước, tinh thần tự lực tự cường, sáng tạo trong đấu tranh, giữ vững địa bàn, huy động được sức người của phát triển phong trào du kích chiến tranh toàn dân, toàn diện đánh thực dân Pháp xâm lược. Rõ ràng truyền thống yêu nước, tinh thần đoàn kết toàn dân là một động lực vô cùng to lớn, khi được khơi gợi, sẽ tạo thành sức mạnh thúc đẩy mọi tầng lớp nhân dân sẵn sàng chiến đấu hy sinh vì lý tưởng cách mạng cao cả: lớp lớp thanh niên, học sinh xếp bút nghiên lên đường chiến đấu; nông dân tay cày tay súng chiế đấu giữ làng, nuôi quân; công nhân tham gia chiến đấu...

Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai lại đứng trước những thử thách lớn của cuộc chiến tranh ác liệt do Mỹ- ngụy và tay sai ở miền Nam gây ra. Đây chính là sự đối đầu trực tiếp giữa quân xâm lược có tiềm lực quốc phòng, bộ máy tay sai có trang bị và phương tiện chiến tranh tối tân với Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai, những với lòng yêu nước nồng nàn, căm thù giặc sâu sắc, với ý chí quyết tâm chiến đấu vì độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Ở mỗi giai đoạn chiến tranh, chiến trường miền Đông Nam bộ đều diễn ra ác liệt với nhiều tổn thất hy sinh, nhưng ở đó cũng thể hiện rõ nét tư tưởng tiến công, quan điểm bạo lực cách mạng và tính linh hoạt sáng tạo của Đảng bộ và quân dân Đồng Nai. Vận dụng nhuần nhuyễn việc kết hợp hai lực lượng vũ trang chủ lực với bộ đội địa phương, dân quân du kích, kết hợp đấu tranh vũ trang với đấu tranh

chính trị, binh vận, tạo thành thế trận chiến tranh nhân dân đánh bại các kế hoạch bình định, lập ấp chiến lược của địch.

Thắng lợi thống nhất nước nhà còn là do truyền thống đoàn kết toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, chịu đựng mọi gian khổ, hy sinh, một lòng chiến đấu đến thắng lợi hoàn toàn. Trong chống Mỹ cứu nước, du kẻ thù thực hiện khủng bố trắng, thực hiện tố cộng, không ít cán bộ, đảng viên, người yêu nước đã ngã xuống, nhưng chiến sĩ cộng sản và đồng bào yêu nước dù trải qua biết bao nhà lao, những cực hình tra tấn tàn bạo của kẻ thù, vẫn kiên gan vì cách mạng. Chính niềm tin vào Đảng, vào chủ tịch Hồ Chí Minh kính yêu, vào mục tiêu giải phóng dân tộc chính là sức mạnh để làm nên: “miền Đông gian lao mà anh dũng”. Tất cả đã đi vào sử sách như một biểu tượng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

Ngày nay, trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Đồng Nai được xác định là tỉnh trọng điểm kinh tế phía Nam. Với tính năng động trong kinh tế, với truyền thống “miền Đông gian lao mà anh dũng” trong chiến đấu, ngày nay Đồng Nai đang trở thành một trong những lá cờ đầu của công cuộc xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội. Truyền thống kháng chiến, đấu tranh cách mạng vì sự nghiệp giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước mãi mãi là nguồn động viên, là sức mạnh để Đảng bộ và nhân dân Biên Hòa Đồng Nai phấn đấu vươn lên hoàn thành nhiệm vụ, cùng cả nước xây dựng một nước Việt Nam ngày càng giàu đẹp, dân chủ, văn minh. Chúng tôi may mắn được sinh ra và lớn lên khi đất nước không còn chiến tranh, được hưởng những điều hạnh phúc nhất của những công dân tự do của một đất nước độc lập, dân chủ và văn minh. Để tiếp bước cha ông viết lên những trang sử vàng của dân tộc trong thời đại số, chúng ta phải xây dựng cho mình bản lĩnh kiên định vững vàng, năng lực chuyên môn; tuyệt đối tin vào sự lãnh đạo của Đảng, lý tưởng Bác Hồ; cảnh giác với những âm mưu hoạt động phá hoại của các thế lực thù địch bởi công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, bảo vệ chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ vẫn còn dài và tiềm ẩn nhiều khó khăn bất trắc. Chúng ta hãy là những chiến sĩ cộng sản kiên trung, Đảng viên gương mẫu, năng động và sáng tạo trong công tác và chiến đấu để không phụ lòng công chiến đấu và hy sinh của các bậc tiền nhân của vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai bất khuất, thành đồng; thực hiện tốt công tác khắc phục hậu quả chiến tranh và phòng trào đền ơn đáp nghĩa, uống nước nhớ nguồn để xoa dịu bớt nỗi đau của những gia đình thương binh, liệt sỹ đã có công trong suốt 2 cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc.



Đoàn Thanh niên – CAT Đồng Nai thăm và tặng quà Mẹ Việt Nam Anh Hùng ở huyện Nhơn Trạch



Câu 2:

I. Những tập quán, tín ngưỡng dân gian của người dân Biên Hòa- Đồng Nai

1. Lễ thức và tập quán trong một vòng đời người

1.1. Việc sinh, dưỡng

Vòng đời người được tính từ khi “đậu thai” trong bụng mẹ cho đến khi “mãn tang”. Bắt đầu là chuyện “dưỡng thai”. Khi có biểu hiện “đậu thai” người phụ nữ có mang phải kiêng giữ và được

Về ăn uống, phải kiêng cử: Không ăn cua để tránh đẻ ngang, không ăn tôm để tránh đẻ con, lưng còng, ăn cá không được trở xương để bào thai khỏi động; không ăn sò, ốc, hến để con không dãi nhớt, không ăn trái cây sinh đôi để tránh đẻ song thai, không ăn chuối già để kiêng kỵ chuyện tục tằn, không ăn những thứ dị hình dị dạng để con khỏi khuyết tật, tránh ăn nhiều gia vị để con cái hiền lành; một số người còn kiêng ăn trầu cau và những loại trái "gai góc" (như sầu riêng, chôm chôm, măng cầu) để việc sinh nở được "tron tru". Ngược lại người phụ nữ có mang được động viên ăn nhiều muối để con cái có tình cảm mặn mà, ăn nhiều trứng để "mẹ tròn con vuông". **Việc cử động** cũng nhiều điều kiêng giữ: Không được chửi mắng hoặc cười nói lớn tiếng, không được đến những nơi thờ cúng, không được bước qua mương hoặc nhảy qua hào, không được chui qua sào (dây) phơi quần áo; không được ngủ trưa quá buổi, không được đứng lâu ở ngã ba đường hoặc bên, ngã ba sông; không được dắt hoặc đuổi theo trâu, đi xuống ghe không được chèo hoặc ngồi mũi... Ngược lại, người phụ nữ có mang luôn phải có việc làm, cử động chân tay nhẹ nhàng để sinh nở được dễ dàng. **Việc giao tiếp** thường phải kiêng gặp người nóng nảy, nặng vía, tính khí li lợm hoặc đã có nhiều lần sinh nở không thành. Việc "dưỡng thai" được xem trọng, **việc sinh nở** còn quan trọng hơn. Giai đoạn "dưỡng thai" gắn với mẹ ruột, mẹ chồng, việc sinh nở gắn với vai trò của các "**mụ vườn**". Mỗi làng thường có một bà mụ lo việc sinh đẻ cho cộng đồng; mụ thường được học tập kinh nghiệm ở các mụ tiền bối và tự tích lũy thêm kinh nghiệm, biết đỡ đẻ, làm thuốc và cúng bái. Có những mụ giàu kinh nghiệm (như mụ Bảy Mạnh ở cù lao Phố, mụ Hồng ở Phước Thiện chẳng hạn) nắm sừa được thai, đoán định chính xác cả giới tính của thai nhi. Sinh con đầu lòng thường ở nhà mẹ ruột, lần sinh thứ hai mới ở nhà chồng "**con so nhà mẹ, con rạ nhà chồng**". Khoảng một tháng trước khi sinh, bà mụ tiến hành lễ đầu tiên, gọi là **lễ đơm lễ**, bà mụ khấn "**Mười hai Mụ Bà mười ba Đức Thầy**" phù hộ độ trì cho mẹ tròn con vuông. Những bà mụ dày dặn kinh nghiệm thường khấn có vắn, có điệu. **Về mười hai Mụ Bà, mười ba Đức Thầy**, theo truyện dân gian phổ biến cả nước, mười hai. Bà Mụ

được Trời giao nhiệm vụ chọn đất tinh túy nặn thành con người nên mười hai Bà Mụ ứng với con số 12 tháng trong năm trở thành người mẹ sanh trong mem tin của cư dân Việt. Nhưng mười ba **Đức Thầy** là ai? Đúng ra là: "**Mười hai Mụ Bà và Ba Đức Thầy**". Ba Đức Thầy là **Tiên sư, Tổ sư và Thánh sư**, cùng lo việc "**giáo**", còn Mười hai Mụ Bà lo việc "**sinh**". Khi sản phụ **lâm bồn**, chỉ bà mụ và người trợ giúp (thường là mẹ ruột hoặc chị em ruột) ở lại với sản phụ. Huỳnh Tịnh Của giải thích: **Lâm bồn là đẻ**(45[1]). Người địa phương giải thích rằng, theo cách của người Hoa, sản phụ sinh con vào một cái chậu (bồn) bằng sành hay gỗ nên gọi là lâm bồn. Cách gọi khác là **vượt cạn**. "**Rún**" được cắt bằng miếng sành hay miếng tre nửa sắc cạnh. Nhau đưa trẻ được cẩn thận cho vào hũ sành hoặc nồi đất dày nắp kỹ, kín đáo chôn kỹ trong vườn nhà. Công việc thầm kín này có ý nghĩa gắn con người với mảnh đất quê hương "**chôn nhau cắt rún**" của mình.

Khoảng ba ngày sau khi sanh, bà mụ lại tiến hành **lễ móc miếng** với mục đích "**gọi ra**" làm sạch nước ối còn trong miệng đứa trẻ. Lại bày hương hoa và khăn gọi Mụ Bà, Đức Thầy nhưở lễ đơm lễ, nhưng lần này cúng trong chỗ "**nằm lửa**" của sản phụ. Thời gian **nằm lửa** của phụ nữ trong buồng kín gọi là **ở cũ**, thường kéo dài suốt một tháng, có thể dài hơn nếu người mẹ và đứa bé chưa đủ khoẻ. Theo Trịnh Hoài Đức, tục xưa "**sản phụ nằm trên giường, bên dưới để củi than đở ngày đêm không dứt, lại lấy nôi lửa để chặn hơ trên bụng mỗi ngày 1, 2 lần, ăn những vật cay mặn khô tảo, uống nước thì tùy theo hương tục, gia tục hoặc quen dùng thuốc Nam lấy rễ cây vằm nhỏ nấu nước uống thường. Khi đầy tháng ra ngoài thì dùng củ nghệ thoa đầy mình để ngăn gió....**".

Dấu hiệu của nhà có người **ở cũ** là đoạn củi đã tắt lửa trước cửa nhà, gọi là **vỏ lửa**. Vỏ lửa đầu đã cháy quay vào là sanh con trai, quay ra là sanh con gái. Tục này, Trịnh Hoài Đức giải thích: "**...để làm dấu hiệu ngăn đón những người có vía không tốt: Như bị sấm nạn không nuôi con được, bệnh huyết vưng (xây xẩm), bệnh nhi chằm (tục gọi là máu nhà con) và có hung tán v.v... đều không cho vào...**" Ngày đầy tháng được xem là ngày **đầy cũ**, không tính cũ theo vía "**Nam bảy nữ chín**" (nam ngày thứ bảy, nữ ngày thứ chín) nhưở Bắc bộ mà tính sứt ngày sinh "**gái sứt hai, trai sứt một**". Trong lễ đầy tháng, ông bà, người thân đến mừng cháu bằng quà tặng, lời chúc tốt đẹp hoặc thơ mừng. Tên khai sinh của đứa bé được chọn chính thức trong dịp này. Việc đặt tên cũng được chọn lọc, kiêng húy thánh thần, ông bà, người lớn tuổi như nhiều nơi khác. Quan trọng nhất của ngày đầy tháng là **lễ cúng mụ** nhằm tạ ơn Mụ Bà đã "**nặn ra đứa bé: mẹ tròn con vuông**". Lễ cúng mụ gồm nhang, đèn, hoa, trái cây, chè xôi, bộ đồ mã (gồm: áo, quần, khăn, hài bằng giấy; bánh gói, miếng trầu têm sẵn), mỗi vật cúng đều tròn con số 12 ứng với

12 bà mụ. Lại có thêm 3 chén chè, 3 đĩa xôi hoặc bộ ba các món khác dành cho 3 Đức Thầy. Ngày đưa bé tròn năm, có **lễ thôi nôi**, Trịnh Hoài Đức gọi là **lễ tối bàn, lễ tối tối**. Lễ thôi nôi đơn giản hơn lễ đầy tháng, cũng khăn vái ông bà, cúng mụ bằng chè xôi. Nhà khá giả có thể có tiệc mừng: Mừng con trai hoặc mừng con đầu lòng. Khác với lễ đầy tháng, lễ thôi nôi có trò **thử nghề**, nói theo người Hoa là **thí nghệ**; tức bày ra các vật dụng: Gương, lược, kim, chỉ, đũa, muống... (nếu là con gái); bút, giấy, đàn, cờ... (nếu là con trai) cho trẻ tự chọn. Người ta tin rằng, món nào đưa bé chạm đến đầu tiên sẽ ứng với nghề nghiệp thích hợp sau này. Bởi vậy, những món bày ra cho bé thường tránh: Dao, búa, gươm, giáo... để không vướng vào nghiệp binh đao.

Sau ngày đầy tháng và tròn năm, việc nuôi dưỡng đứa bé nhẹ nhàng hơn nhưng vẫn phải thường trực những việc kiêng kỵ và cầu cúng theo thông lệ. Ngày xưa, nhiều gia đình giữ lệ cúng mụ 3 tháng một lần cho đến khi đứa bé **tròn một con giáp (12 tuổi)**. Trẻ từ đầy tháng đến 12 tuổi vẫn còn trong vòng bảo trợ của Mụ Bà, Đức Thầy. Ra khỏi nhà phải quệt lọ trên trán trẻ để Thổ Công khỏi nhầm, không được gọi tên thật của trẻ và kiêng đặt tên đẹp vì sợ ma quỷ biết mà chọc phá; trưa đúng Ngọ không được ra nắng, không giỡn nắng; nếu trẻ khóc đêm (gọi là dạ đề) phải lấy một chiếc cọc chuồng heo hoặc chuồng gà để dưới gầm giường, cho trẻ đeo vòng bằng cây dâu tằm để ngừa ma quỷ, có khi còn thỉnh bùa ở các thầy phù thủy hoặc các đình ông đeo cho trẻ (gọi là đeo **niệc**) để tránh ma tà. Những gia đình sùng tín còn đi gieo quẻ, xin lá số tử vi cho trẻ và hàng năm **cúng sao** vào ngày ứng với sao hộ mạng của đứa bé theo số tử vi bằng một lễ cúng đơn giản gồm nhang, đèn, vàng mã là chủ yếu. Gặp trẻ ốm yếu khó nuôi, người xưa có tục "**gởi nuôi**" hoặc "**đem bỏ**" bằng cách hẹn ngầm với người thân vào ngày giờ nhất định, người mẹ ãm con đến "**gởi**" hoặc "**bỏ**" một nơi nào đó, người thân đến "**nhận**" hoặc "**lượm**" về nuôi. Thay đổi bảo mẫu như thế, người ta tin rằng đứa trẻ sẽ vui lòng "**ở lại**" với đời. Trường hợp đứa trẻ gặp biến cố đột ngột như té ngã hay sợ hãi một điều gì đó mà thần sắc thất thường, người ta cho rằng trẻ đã bị "lạc vía" hoặc "cướp vía" bèn có **lễ hú vía** bằng cách đem nhang, đèn, một đĩa gạo muối, một trứng vịt xẻ làm 3 cúng ở đầu đường hoặc ngã ba đường khấn Thổ Công, cô hồn nhờ gọi vía về. Khi được **lưỡi tằm sét** của thiên lôi đánh quỉ cấm vào đất (thật ra, đó là những riu đá dễ tìm thấy ở nhiều nơi trên đất Đồng Nai), người ta thường mài vào mảnh ghè bẻ cho trẻ con uống để ma quỷ phải tránh. Nếu cướp được **lưỡi ông tiêu** ở các lễ cúng chợ, cúng cô hồn, đem lưỡi ấy bọc vải đeo vào cổ cho trẻ hoặc lót trong gối ngủ, đứa trẻ sẽ gặp điều tốt lành. Đến mười hai tuổi, tức đã vượt qua giai đoạn đầu mùa và các dịch bệnh hiểm nghèo khác, gia chủ mừng vui cúng lễ "**tròn con giáp**"

bằng gà, vịt hay đầu heo khăn vái tạ ơn ông bà, Thổ Công, Thổ Địa, mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy đã phù hộ độ trì cho đứa bé thật sự trở thành người. Từ đây, đứa trẻ mới được xem là "còn", là thành viên chính thức của gia đình. Do tri thức khoa học phát triển, hiện nay danh mục những điều kiêng giữ và những lễ cầu cúng trong việc sinh dưỡng trẻ ngày càng thu gọn theo hướng lược bỏ những điều lạc hậu, nặng nề mê tín đồng thời vận dụng kinh nghiệm dân gian trong kho tàng tri thức y học của nhân dân.

1.2. Hôn nhân

Quan niệm về hôn nhân không khe khắt, chỉ những nhà gia thế mới tính chuyện môn đương (đăng) hộ đối, còn lại số đông trong dân dã vốn ít phân biệt giàu - nghèo, chủ - tớ, sang - hèn, chuyện hôn nhân thường chọn lựa theo tiêu chuẩn "*vừa đôi phải lứa*", không cùng trục hệ và "*được tuổi*". Trường hợp chênh lệch tuổi giữa trai gái, người ta dễ dàng chấp nhận sự "lệch chuẩn": "*Gái hơn hai, trai hơn một*". Việc tìm hiểu giữa trai gái cũng được tự do, phóng khoáng; ít có chuyện ràng buộc phải tìm hiểu người cùng làng. Làng Việt ở Đồng Nai có cơ cấu mở, thường gồm nhiều họ, đa nguồn gốc, nhiều người làng khác đến phụ canh. Thanh niên nam nữ được dịp giao tiếp rộng cho nên việc tìm hiểu cũng trong mối quan hệ rộng và trong vòng kiểm soát nói lỏng của gia đình. Trai gái tìm hiểu khi thuận lòng nhau, về thưa với ba má để gia đình nhà trai "*bước tới*". Tục xưa, người Đồng Nai theo tập tục Trung Hoa, thực hiện đủ sáu lễ: Nạp thái, vấn danh, nạp kiết, nạp tỳ, thỉnh kỳ, thân nghinh. Theo thời gian, các lễ thức cưới xin phức tạp giảm dần. Theo Lương Văn Lựu(49[5]), một đám cưới bình thường của cư dân Việt thường được chú trọng các lễ: *Lễ hỏi, lễ biếu (xêu), lễ xuất giá* (cô gái khăn cáo ông bà, cha mẹ sáng mai về nhà chồng), *lễ rước dâu, lễ lại mặt*. Gần đây, lễ thức còn đơn giản hơn, chủ yếu là *lễ hỏi* và *lễ cưới*. Có nơi thêm *lễ thăm nhà*, còn gọi là *lễ chạm ngõ* trước lễ hỏi. Trước ngày cưới 8 ngày, có nơi còn làm *lễ khai bát nhật* (lập hôn ước, khai tên tuổi, sức khỏe của trai gái). Lễ này xuất hiện từ khi thực dân Pháp cầm quyền.

Trong lễ hỏi, nhà trai chọn ngày lành tháng tốt, cậy mai dong đến nhà gái để đặt vấn đề xin *cưới*. *Mai dong* là người cao tuổi (ông mai, cũng có thể là bà mai) có uy tín, có duyên ăn nói trong họ, trong làng. Lễ vật ăn hỏi dạng đơn giản nhất gồm: Một đôi đèn, một cặp trà, một cặp rượu, hai quả bánh, một đôi bông tai... Tục xưa, nhất thiết phải có một búp sen to bằng giấy, hai người khiêng. Búp sen treo ở gian chính để chứng tỏ nhà đang có con gái đã đính hôn. Trường hợp hỏi hôn, đàng gái sẽ nêu lý do, trả của (lễ vật) cho đàng trai, nhất thiết là trả cho được búp sen ấy. Việc trả của sau lễ hỏi khi hôn nhân không thành, có nơi giữ tục của Trung bộ, nếu

nguyên nhân từ phía chàng trai, lễ vật coi như mất; nếu nguyên nhân từ phía chàng gái, của một phải trả hai, cho nên dân gian có câu:

"Trai chê vợ của đồ xuống sông, gái hôi chồng của một đèn hai".

Sau lễ hỏi, trai gái được xem là vợ chồng chưa cưới. Trường hợp có đại tang, việc cưới xin vẫn có thể được tiếp tục nếu đã được tang chủ cho phép **xả tang** ngay khi sắp cử hành lễ động quan. Hoặc sớm hơn thì có thể chuyển ngày cưới trước khi có đại tang gọi là **cưới chạy tang**. **Lễ cưới** được họ hàng, làng xóm cùng chăm lo. Trai lo việc dựng cổng, trang trí bàn ghế; gái lo việc làm bánh, bếp núc. Chăm lo phụ giúp cho lễ cưới là niềm vui và trách nhiệm của cộng đồng. Đôi vợ chồng mới cưới được chăm lo **cảm thấy hãnh diện, ấm cúng và có trách nhiệm với nhau hơn trong cuộc sống**. Chàng trai đến nhà gái được tiếp đón bằng tràng pháo giòn giã và có người đón tận ngõ, khi vào nhà có người **"rước dù", "rước quả"**. Nhà gái đã bố trí sẵn, thành phần chính gồm: ông (bà) mai, cha mẹ, đại diện họ hàng được mời vào nơi bàn chính đối diện với bàn thờ tổ tiên. Chàng trai được ngồi vào vị trí, đầu hiệu là chiếc bình bông trên bàn thờ. Bình bông thường đặt theo hướng **"đông bình, tây quả"**. Đông theo cách của thợ mộc là hướng của cây đòn dông trên nóc nhà, tức bên trái, hay nói cách khác: **"Nam tả nữ hữu"**. Lễ vật bày ra, ông (bà) mai tuyên bố lý do, nêu lễ vật. Lời nói khéo léo thường dẫn dắt lễ vật đi liền với ý nghĩa luân lý, mỹ tục. Nhà gái nhận lễ (có lại quả như lễ hỏi). Chủ gia thắp ba cây nhang khấn vái ông bà báo việc hôm nay gả con gái lấy chồng. Cô dâu được mời ra trong trang phục cổ truyền có dâu phụ đi kèm. **Lễ lên đèn** được thực hiện trang trọng; ông (hoặc bà) mai cầm đôi đèn từ lễ vật của nhà trai đốt cho cháy cùng một lúc, khấn vái:

*Thần đăng chứng giám
Thọ lưỡng tánh nhứt gia
Ông tu la, bà tu tiên
Ông tu hiền, bà tu đức
Ông giúp sức, bà giúp công
Ông Tư hồng, bà Nguyệt lão
Se dây cầm sắt, kết chặt vợ chồng
Sống bách liên giai lão.*

Rồi, mỗi tay cầm một cây đèn cùng chuyển cho đại diện nhà trai, nhà gái; tay trái chuyển cho nhà trai, tay phải chuyển cho nhà gái. Đèn được trình trọng thay vào chân đèn ở bàn thờ tổ tiên. Hai họ nhìn vào đôi đèn ấy mà đoán định hạnh phúc của cô dâu chú rể: Đèn cháy thẳng ngọn, cùng sáng như nhau thì hòa hợp, bình đẳng; ngọn bên nào cháy nhiều hơn thì bên đó sẽ lấn lướt. Bởi vậy, việc chọn đèn,

lên đèn trong đám cưới được thực hiện rất cẩn trọng. Đến khi đoàn đưa dâu ra khỏi nhà, ông mai luôn là người đi ra sau cùng để **tự tay tắt đôi đèn** bằng cách bóp bằng hai ngón tay hoặc chụp tắt bằng hai đồng xu sao cho sự tắt cũng cùng lúc như sự cháy. Đoàn người đưa dâu gồm đại diện họ hàng, cơ cấu cũng **đi lẻ về chẵn**. Người mẹ không đưa dâu, thường cài vào áo cưới của con gái một chiếc kim băng hoặc một cái lông nhím hay móc tai, gọi là để **trừ tà**, nhưng lời dặn thực là để **sử dụng trong lúc bất trắc** đêm tân hôn.

Về nhà trai, lễ thức cũng khấn vái ông bà, lễ ra mắt họ hàng đơn giản như ở nhà gái. Xong lễ là nhập tiệc. Trong tiệc, kiêng việc đổ vỡ; nên người địa phương có câu:

Ai làm chén bể cơm rơi

Dĩa nghiêng cá đổ rã rời đôi ta.

Ba ngày sau, cô dâu chú rể mang một mâm trầu rượu, một cặp vịt sống về lại nhà gái cảm ơn ba má và làm lễ lạy ông Táo gọi là **phản bái** hoặc là **lễ lại mặt**. Ngày xưa, trong lễ phản bái, chú rể thường mang về nhà vợ một cái đầu heo cúng ông bà, nếu đầu heo **bị cắt mất tai** (một hoặc hai) thì đó là dấu hiệu chú rể muốn bảo rằng: Cô dâu không còn trinh trắng trước khi động phòng. Đó cũng là nỗi si nhục của gia đình nhà gái. Tục này vắng bóng đã lâu. Gần đây, quan niệm về "**tiền dâm hậu thú**" không nặng nề như nhiều nơi khác.

1.3. Việc tang

Vì quan niệm "chết" là điều ắt phải và cái chết luôn được cộng đồng chăm sóc chu đáo cho nên đa phần cư dân Việt chấp nhận "chết" một cách thanh thản, nhiều khi có sự chuẩn bị trước chu đáo. Chỗ "yên nghỉ" chọn sẵn, có khi xây mộ trước gọi là **kim tĩnh**; hòm được đóng gỗ tốt dành sẵn gọi là **cỗ sự**. Nếu không phải là "bất đắc kỳ tử" (chết đột ngột), dù đang ở đâu, vì lý do gì, cái chết được mong muốn luôn là cái chết ở quê nhà. Khi gia đình có người vừa trút hơi thở cuối cùng, việc đầu tiên là phải "**hú vía**", đến khi không còn hy vọng, mới tắm rửa cho xác chết gọi là "**mộc dục**". Sau đó, người chết được đặt trong buồng hoặc nhà dưới, bỏ vào miệng ba hột gạo (có nơi bỏ thêm một đồng tiền xu) gọi là **phạn hàm**, rồi đắp mặt, đốt nhang trên đầu nằm. Trường hợp chết bệnh, thường đặt trên bụng một nải chuối sứ gọi là để **hút tà khí**.

Khi báo tang xong, gia chủ nhờ người coi tuổi, coi ngày giờ để phân xếp việc tang lễ. Giờ tắm liệm được chọn là giờ tốt, có tính đến thời gian hội đủ mặt người thân thích. Trước khi chưa tắm liệm, chó, mèo trong nhà được nhốt lại, có người luôn canh xác để không con vật gì có thể vượt ngang qua. Tục này gắn với hàng loạt truyện **quỷ nhập tràng** lưu truyền ở địa phương. Những gương kiếng tranh

tượng Phật trong nhà phải che (dán) lại bằng vải (giấy) đỏ có dấu vôi trắng, nhiều nơi còn quay mặt tượng Phật về bên phải. Giờ **tâm liệm**, hội đủ mặt những người thân không kỵ tuổi. Xác được liệm bằng vải trắng dài 3 mét bó theo cách một dọc năm ngang (**đại liệm**) hoặc ba ngang (**tiểu liệm**). Hòm được chọn theo hạng nhất, hạng nhì, hạng ba tùy theo chất lượng gỗ. Tốt nhất là chiếc hòm bằng gỗ trai rất nặng hoặc gỗ hương thơm lừng. Nắp hòm bằng một nửa thân cây đặc ruột mặt hình bán nguyệt vừa khít với thân hòm bằng ba mảnh ván. Như thế hài hòa với sự vuông tròn của trời đất. Hòm được đặt giữa nhà (nếu nhà có người cao niên hơn còn sống thì chiếc hòm đặt lệch sang một bên để tỏ ý khiêm nhường), kê quay đầu ra ngoài với ý nghĩa **luôn nhớ về nhà**, phân biệt với cách của người Hoa: Quay đầu vào trong để **một đi không trở lại**.

Lễ thành phục được xem là lễ chính thức của việc tang. Tang chủ thường thỉnh thầy chùa hành lễ, trước năm 1945 còn có thầy pháp cũng tham gia cầu cúng lễ tang. Trong lễ thành phục, người thân quì trước quan tài nghe thầy cúng đọc kinh và phát khăn tang. Theo Lương Văn Lựu(50[6]), việc để tang rất khuôn phép; đồ tang may sẵn bằng vải trắng, không nhất thiết phải xô gai như trước kia, nhưng phải phù hợp với đối tượng. Con trưởng nam mặc **áo trăm thôi** may lộn mí ra ngoài, lưng áo có miếng vải thêm gọi là **phụ phiến** với ý nghĩa công thêm sự đau xót, lưng thắt 2 vòng dây rơm hoặc dây chuối, mũ vành bằng bẹ chuối, di dép rơm. Những người con khác mặc áo vải trắng rộng có **thích vai** (hai miếng vải dính ở hai vai), bịt khăn trắng bỏ mỗi ra sau ót, con gái thì mũ nhọn bằng vải thô thông xuống che mặt. Con rể và các cháu trai mặc áo trắng đội **mũ mấn**, những người thân khác quần khăn trắng. Nếu người mẹ chết trước thì đồ tang mẹ được may vén lại hết thấy. Gậy tang có độ dài đến ngang tim nhằm nâng đỡ trái tim đau, đầu trên để tròn, đầu chạm đất gọi vuông cho ứng với trời tròn, đất vuông. Gậy tang cha bằng tre mang ý nghĩa cương trực, gậy tang mẹ bằng gỗ vòng để khắc sâu ân đức.

Sau lễ thành phục là **lễ phúng điếu** của họ hàng, xóm làng. Sui gia phúng viếng với cung cách và lễ vật long trọng: Khăn đóng, áo dài, mâm trầu rượu, trái cây, cặp đèn trắng, ba cây nhang đại, thường có thêm 1 bức trướng. Các tổ chức hội làng cũng cử đại diện đến viếng. Như làng Bến Gỗ có tất cả 10 hội(51[7]). Theo cách xưa, nam lạy kiểu "hung phục", nữ lạy kiểu ngồi bệt; đủ lễ là 4 lạy, giữa hai lạy có xá hai xá và cuối cùng xá ba xá. Người nhà lạy trả hai lạy sau.

Khi tiến hành lễ phúng viếng ở nhà, thanh niên trong làng đã chuẩn bị **đào huyệt** hoặc sửa kim tinh; đại diện tang chủ **cúng Thổ Địa** bằng một đĩa tam sên: Trứng, cua, thịt luộc với rượu trắng và nhang đèn. Thông thường, nơi yên nghỉ đã được chọn trước trong vườn nhà để quần tụ với ông bà, người nghèo thì có thể táng

ở **thổ mộ** (công thổ) hoặc **đất chùa**. Đến ngày giờ tốt đã định, bắt đầu **lễ động quan**. Việc động quan do **đạo tì** đảm nhiệm. Đạo tì gồm những thanh niên, trai tráng trong làng mặc đồng phục thao tác theo lệnh của người chỉ huy (**nhun quan**). Trong làng Việt xưa cũng như nay, thường có tổ chức lo việc tang của cộng đồng trên nguyên tắc tự nguyện, làm việc nghĩa, tùy theo đáp ơn hảo tâm của tang gia. Làng Bến Gỗ còn giữ được tập tục xưa, người ta tham gia vào hội **chơi hội**, có đóng góp tự nguyện. Hội tang có trách nhiệm giúp đỡ tang gia những khâu khó khăn: Tẩm liệm, tổ chức tiếp khách, đào huyệt và quan trọng nhất là đạo tì tham gia an táng. Hình thức này được cải biến thành hội bảo thọ ngày nay ở nông thôn. Nếu người chết thuộc diện ông - bà, cha - mẹ, chồng - vợ của người có tham gia hội đình, miếu, các hội đình, miếu đưa trống đến cử lễ và bô lão hội ấy thực hiện nghi thức **Bái quan hầu** khi động quan. Số lượng trống chiêng của đình, miếu và lượt bái quan hầu cử lễ tùy theo số hội mà người chết có thân nhân tham gia, càng nhiều càng danh dự cho gia đình. Khiêng quan tài động quan là cả một nghệ thuật. Gia chủ thường để trên quan tài một ly rượu đầy đặt trên tờ giấy bạc với dụng ý là khiêng cho thăng bằng sẽ được thưởng. Thủ thuật của những nhun quan có kinh nghiệm là: lót dưới ly rượu một tờ giấy vàng bạc để thấm rượu tràn ly hoặc nhanh tay nhỏ vào ly rượu một giọt sáp đèn cầy. Gặp những quan tài bằng gỗ trai quá nặng, đặt sát nền gạch thử thách đạo tì; đạo tì khéo léo chêm vào đáy quan tài những đồng bạc trắng, khoảng ba đồng bạc trắng chồng lên là đủ lòn ngón tay nhấc được quan tài.

Quan tài vừa chuyển động, người nhà đập tan siêu hoặc niêu đất cho tiếng kêu to để đánh thức và xua ma quỷ. Thay vì đập siêu, niêu, người Hoa đốt pháo. Đúng theo lời xưa, trước khi vào khiêng quan tài, nhun quan cầm đuốc múa lửa ngoài sân, đạo tì ngâm tẩm múa theo. Người xưa giải thích tục này nhằm diễn lại tích Chàng Lía hiếu thảo (nhân vật cổ tích ở Bình Định) về **cuóp quan tài** mẹ đưa lên núi chôn để báo hiếu. Tại một số nơi hiện còn tục **cuóp quan tài** gắn với **hò đưa linh** và tục **nằm đường trả hiếu**. Đám tang giàu có theo lời xưa, còn có tục **đánh động phá hoàng** diễn tích thầy trò Tam Tạng mở đường đi thỉnh kinh ở chùa cầu siêu hoặc mở đường đưa vong hồn người chết về Tây phương cực lạc. Có gia đình còn tổ chức hát tuồng trước khi hạ huyệt; ở Quảng Nam - Đà Nẵng có hát tuồng trong lễ tang, nhưng ở Đồng Nai chỉ hát tuồng lúc hạ huyệt với số người hạn chế từ 5 đến 7 người.

Lễ mở cửa mã được thực hiện trong buổi sáng ngày thứ ba tính từ ngày an táng. Tang gia mặc tang phục, mang lễ vật đến bày cúng nơi mộ, mời thầy cúng hành lễ. Lễ vật gồm: 3 ống tre đựng gạo, nước, muối bịt đầu bằng vải trắng cấm

trước mộ, đó là thức ăn, món uống của người chết. Một cái thang bằng tàu chuối (nam 9 nấc, nữ 7 nấc) đặt trước mộ để vong linh người chết leo lên "cõi trời". Một con gà con được cột chân vào ngọn cây mía. Khi hành lễ, thầy cúng cầm mõ đi đầu vừa đi vừa tụng kinh, một người trong nhà cầm cây mía kéo con gà đi theo thầy cúng ba vòng. Về chuyện con gà và cây mía, chưa tìm được lời giải thích thỏa đáng. Theo Trịnh Hoài Đức, tục cúng tổ tiên cây mía có đủ cả gốc ngọn lá để làm gậy chống đi khi già yếu.

Nếu gia đình sùng đạo Phật, sau lễ mở cửa mả là các **lễ cúng thất**, còn gọi là **làm tuần**, mỗi thất cách nhau 7 ngày: Lễ cúng tại nhà hoặc tại chùa. Đến thất thứ 7 (chung thất), có thể mở

đàn chay theo lễ thức của Phật giáo. Những nhà khá giả còn lập **đàn chay ứng phú**, một loại nghi lễ của Phật giáo múa hát dâng lễ rất nghệ thuật. Sau lễ chung thất, gia chủ vẫn phải cúng cơm ngày hai bữa cho đến lễ 100 ngày, gọi là **lễ tốt khốc**; đúng một năm sau cúng giỗ đầu gọi là **tiểu tường**; lần giỗ thứ hai gọi là **đại tường**, còn gọi là **lễ xả tang**, vì trong ngày này, đồ tang được đem đốt, có khi còn đốt với đồ mã. Sau lễ đại tường, coi như là xong việc tang. Từ đó, người nhà cúng giỗ hàng năm.

Tại Đồng Nai xưa, không có tục cải táng. Gần đây, do đất đai khó khăn, nhiều biến động; lại do điều kiện làm ăn xa; nhiều người bốc mộ, hỏa táng, cho di cốt vào hũ sành đậy nắp kín gởi ở chùa với ý nghĩ rằng: vong linh người chết sẽ nương cửa Phật, được ổn định, được nhang khói ngày đêm. Trong vòng đời người, còn có những tập quán khác: lễ thọ đối với người cao tuổi, lễ khao đối với người hiển vinh... Những sinh hoạt như trên thường theo thông lệ chung...

2. Thờ cúng trong nhà.

Đối với cư dân Việt Nam, "**sống có nhà, thác có mồ**". Ngôi nhà không chỉ là nơi trú nắng mưa, còn là trú sở của tổ tiên và thần linh.

2.1. Thờ cúng ông bà

Thờ cúng ông bà trong gia đình - một tín ngưỡng đồng thời là bản sắc văn hóa của người Việt, được cư dân Đồng Nai gìn giữ, lưu truyền từ thời mở cõi cho đến nay. Thờ cúng ông bà là cách người Việt thể hiện tấm lòng kính trọng, biết ơn đối với cha mẹ, ông bà, tổ tiên. Phong tục này đã kết nối các lớp cư dân Đồng Nai từ bao đời nay, lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia... đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên.

Căn nhà dù nhỏ vẫn dành nơi trang trọng nhất (gian chính) thờ ông, bà. Theo Lương Văn Lựu, trước đây người địa phương thờ 3,4 đời; đến đời thứ 5 trở lên nếu có thần chủ phải đem chôn gọi là "**Ngũ đại mai thần chủ**" (năm đời thì chôn thần

chủ). Ông bà từ đời thứ tư trở lên được thờ chung, phối hưởng ở bàn thờ chính trong nhà hoặc bàn thờ họ ở nhà từ đường.

Ở Đồng Nai, từ sau Cách mạng tháng Tám 1945, ít thấy có nhà thờ họ riêng biệt; phổ biến là bàn thờ họ trong nhà từ đường do con trai lớn hoặc con trai út dòng trưởng đảm nhiệm, nếu không con trai thì con gái thực hiện. Những hộ không phải là nhà từ đường cũng thường có bàn thờ ông bà (thờ vọng hoặc thờ tượng trưng) ở bàn thờ giữa gian chính. Bàn thờ cha mẹ bên trái, thờ ông bà nội (ngoại)



bên phải. Những người khuất mặt khác như anh, chị, em, con được thờ một góc trong nhà. Người mới chết (dù là cha mẹ, ông bà) được thờ riêng cho đến khi xả tang mới được thỉnh lư hương, di ảnh, vào bàn thờ chung.

Cách bày trí bàn thờ không khác mấy so với phong tục phổ biến, ngày càng có phần đơn giản hơn nhưng không kém vẻ trang nghiêm. Bàn thờ họ thường có hai lớp: Lớp trong là *bàn giỗ* để bày đồ cúng, lớp ngoài là *tủ thờ* để bày đồ thờ gồm: *Cặp*

chân đèn tượng trưng cho nhật nguyệt quang minh; *bát nhang*, *khay trầu rượu* tượng trưng cho sự vuông tròn của trời đất. *Lư hương* tròn như là thái cực; "*bình bông*" ở bên trái và "*chò quả tử*" ở bên phải (đông bình tây quả), một *giá gương* ghi họ hoặc một chữ nho biểu niệm như: *Phước, Thọ, Khang, Đức*... Những nhà khá giả bày đồ thờ bằng đồng theo bộ *tam sự* (3 món: chân đèn, lư hương, bình bông), *ngũ sự* (5 món, gồm: tam sự có thêm cặp hạc - rùa và hộp trầu), *thất sự* (7 món, gồm: ngũ sự có thêm hai món khác). Tủ thờ, vật thờ bằng gỗ, thường được chạm cẩn xà cừ tinh xảo, đồ đồng luôn giữ bóng, đồ gốm sứ càng cổ càng quý giá. Thờ phụng ông bà không chỉ ở bàn thờ mà còn thể hiện ở việc bài trí *hoành phi*, *liễn đối* trong nhà. Nhà khá giả của cư dân Việt xưa thường có hoành phi treo cao ở giữa nhà với các đại tự (chữ nho) ý nghĩa thâm thúy.

Hoành phi, liễn đối trong nhà cư dân Việt không phải chỉ để trang trí mà trong đó kết tinh tinh thần, ý chí, truyền thống của ông bà để lại được con cháu trân trọng giữ gìn và lấy đó làm nền tảng cho sinh hoạt gia đình.

Cúng giỗ gắn với thờ phụng, việc thờ càng trang nghiêm, việc cúng càng trang trọng. Hai hình thức cúng chủ yếu: **Cúng hàng ngày và cúng giỗ**. Hàng ngày, con cháu thay nước cúng, đốt nhang, lên đèn, xá trước bàn thờ ông bà. Mỗi khi đi xa về hoặc chuẩn bị làm việc hệ trọng, người Đồng Nai cũng có thói quen đốt nhang khấn cáo ông bà. Việc cúng giỗ không khác so với miền Bắc, miền Trung. Lòng thành với cha mẹ, ông bà như nhau, lễ thức cũng giống nhau. Cúng giỗ cha mẹ được chuẩn bị kỹ hơn cúng giỗ ông bà. Giỗ ở nhà từ đường long trọng hơn ở tại gia. Cũng như phong tục phổ biến, sau ngày chết: 49 ngày **cúng thất**, 100 ngày **cúng tiểu tường**, 12 tháng **cúng giáp năm**, 24 tháng **cúng đại tường**, 27 tháng **cúng xả tang**; năm thứ ba trở đi gọi là **giỗ thường niên**, cúng trước ngày giỗ chính gọi là **cúng tiên thường** (thường là cúng chay), **ngày giỗ chính** cúng mặn. Việc thờ, thờ đến 3, 4 đời nhưng cúng giỗ có thể cúng đến đời thứ 5, thứ 7 nếu con cháu còn nhớ ngày chính xác. Như một gia đình họ Nguyễn ở Hòa Hưng còn cúng giỗ 16 vị thuộc 7 đời. Ngoài cúng giỗ ông bà cha mẹ, gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai còn cúng giỗ những người khuất mặt khác như: anh, chị, chồng (vợ), cô, dì chú, bác, ông bà, cha mẹ vợ... nếu không có người trực hệ phụng thờ. Thậm chí, cúng giỗ cả người hàng xóm đơn độc hoặc sui gia như gia đình ông Nguyễn Văn Dèo ở xã Phú Hội (huyện Nhơn Trạch). Ngày giỗ được tính theo âm lịch. Trong ngày giỗ, nhất là giỗ ông bà nội ngoại; cha mẹ, anh em, con cháu họp mặt, góp công sức chung lo bữa giỗ. Đây là dịp họp gia đình, nhắc nhở người chết và trao đổi việc nhà việc họ. Người trong họ không đến dự được có thể gửi đồ cúng đến cúng gọi là **gửi giỗ**.

Cũng có thể cúng tại gia cùng lúc với giỗ chính ở từ đường gọi là **cúng vọng**. Đồ cúng tùy theo phong tục của gia đình, thường đủ các món: Kho, xào, nướng, canh, rau, bánh, trái cây, giai khát. Thường chuẩn bị ít nhất là 3 **mâm cúng**: Một mâm cúng bày ở bàn thờ người được cúng, một mâm bày ở bàn giữa nhà cho các vị phối hưởng, một mâm **đất đai âm trạch** (có nơi gọi đất đai nhơn trạch) cho những người khuất mặt hữu danh vô vị, hữu vị vô danh.

Trong nhiều thức cúng, một số gia đình còn giữ tục "**luôn phải cúng một món gì đó**" gắn với sở thích hoặc đặc điểm của ông bà, gọi là **cúng lễ**. Có gia đình cúng khoai mì, rau chày, cháo cá ám, ốc luộc... vì các món này vốn được ông bà ưa thích hoặc nhờ nó mà vượt khó khăn. Nhiều khi qua món cúng lễ mà họ hàng nhận ra nhau. Cách dọn mâm, khấn mời, dự tiệc giỗ đều thể hiện **không khí chung vui, hòa hợp, bình đẳng, có tính nhân bản mang phong cách cởi mở, phóng khoáng của Nam bộ**.

Thờ cúng ông bà trong gia đình là truyền thống đẹp của cư dân Việt được thể hiện thống nhất trong cả nước. Cư dân Việt ở Đồng Nai lưu truyền, gìn giữ tục thờ cúng ông bà như gia bảo, có khuynh hướng đơn sơ, giản tiện hơn nhưng vẫn giữ được ý nghĩa của nó. Ấy là: Lòng tôn kính, biết ơn, kế thừa công đức tổ tiên; và sự cảm hóa giáo dục con cháu "uống nước nhớ nguồn", "ăn trái nhớ kẻ trồng cây". Tục thờ cúng ông bà đã kết dính các lớp cư dân Việt ở Đồng Nai với nhau: Lớp trước lớp sau, vùng này vùng khác, làng này làng nọ, tôn giáo này tôn giáo kia...; các Phật tử và giáo dân (Cao Đài, Hòa Hảo, Thiên Chúa giáo) đều coi việc thờ cúng ông bà là phận sự hiển nhiên.

2.2. Thờ thần độ mạng

Trong gia đình cư dân Việt ở Đồng Nai, ngoài việc thờ cúng ông bà để nhớ nguồn cội, còn thờ **thần độ mạng** để được phù trợ, che chở. Thần độ mạng cho đàn ông phổ biến là **Quan Công** (Quan Thánh Đế quân), độ mạng cho đàn bà phổ biến là các **mẫu** còn gọi là **mẹ sanh, mẹ độ**.

Quan công là tên gọi dân gian của Quan Vân Trường, một nhân vật lịch sử đời Tam Quốc, còn được gọi là Quan Thánh Đế quân, Quan Vũ, Xích Đế. Có lẽ tục thờ Quan Công đến Đồng Nai theo con đường nhập cư của lớp người Hoa đến sớm, nó nhanh chóng được Việt hóa, và hiện trở thành phổ biến, khó phân định nguồn gốc Hoa, Việt. Vía ông ngày 4 tháng 6 âm lịch, cúng đơn giản bằng nhang, đèn, hoa, trái; có thể cúng mặn hoặc cúng chay, **kiêng cúng thịt gà và hoa mồng (mào) gà**; cũng **kiêng ăn thịt trâu, thịt chó**. Tục thờ Quan Công độ mạng không phải là biểu hiện của sự sùng bái cá nhân mà là "**biểu tượng của tinh thần trọng nhân nghĩa, trung tín, hoạn nạn có nhau, bản cùng không biến tâm, giàu sang không đổi chí trong mọi hoàn cảnh vẫn một dạ chẳng hai lòng**". Tuy nhiên, trong khi tín ngưỡng thờ Quan công ở Trung Quốc chỉ tôn vinh 4 đức tính: trung, nghĩa, tín, dũng thì ở Đồng Nai cũng như Nam bộ tôn vinh ông đến 5 đức tính (thêm đức tính trí).

Tục xưa thường thờ Quan công bằng một bức dán giấy đỏ viết chữ Nho "Quan Thánh đế quân"; sau này thì phổ biến loại tranh thờ vẽ trên kính, gồm 2 loại: tranh 3 ông (Quan công mặc giáp phục ngồi giữa, tay vuốt râu hoặc cầm kinh Xuân Thu - một trong Ngũ kinh của Trung Quốc; phía sau bên trái có Quan Bình giữ ấn, bên phải có Châu Thương cầm thanh long đao đứng hầu); tranh 5 ông, tức tranh thờ Ngũ Công Vương Phật (có thêm Trương Tiên - tức Linh ứng Trương tôn Đại đế Thất khúc Dục thánh Thiên tôn chuyên phù trợ sản phụ và trẻ sơ sinh, cầm cung và Vương Thiên Quân, tức là Thiên lôi, cầm giản).

Thờ Bà (thờ mẫu): Trang thờ Bà thường bằng gỗ như một khám nhỏ treo cao ở bên phải gian chính, có khi Bà được thờ chung cùng Quan Công và Thích Ca hoặc Táo quân trong khám ở sau bàn thờ giữa. Trang thờ Bà được bày trí giản đơn gồm 1 bức tranh tượng (hoặc giấy hồng đơn đề tên Bà) bình bông, nhang, đèn, nước trong. Cúng Bà cũng rất đơn giản: nhang, đèn, nước trong, bánh, trái cây. Bà cũng được mời phối hưởng trong các lễ cúng giỗ, nhưng không bày đồ mặn. Bà độ mạng được gọi nôm na là **mẹ sanh mẹ độ**; đó là các nữ thần quen thuộc trong tín ngưỡng dân gian của cư dân Việt ở Nam bộ; tùy theo hăng tâm của người phụ nữ mà chọn nữ thần độ mạng cho mình. Các Bà độ mạng được thờ trong gia đình gồm một trong số: **Mẹ Thai Sanh, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương; Chúa Xứ nương nương, Linh Sơn Thánh mẫu; Thiên Hậu, Cửu Thiên Huyền Nữ, Địa mẫu, Quan Âm Bồ tát...** Do các mẹ sanh mẹ độ đa dạng cho nên ngày cúng, ngày vía cũng không thống nhất, tùy theo từng gia đình, thông thường là các ngày rằm hoặc ngày cuối tháng âm lịch hoặc ngày vía. Tranh tượng thờ Bà cũng vậy. Trước đây, thường thờ bằng tờ hồng đơn ghi tên Bà, hiện nay đang phổ biến tranh thờ Bà trong khuôn gỗ lồng kiếng. Tục thờ Bà độ mạng phản ánh tín ngưỡng thờ nữ thần của Nam bộ; trong đó đan xen, tích hợp nhiều lớp văn hóa, có sự dung hợp các nữ thần gốc Hoa, gốc Chăm, Việt trong niềm tin rộng mở của người địa phương.

2.3. Thờ cúng các bản gia

Thần bản gia được hiểu là các vị thần bảo hộ cho gia đình trong một phạm vi đất đai giới hạn và trách nhiệm khá rõ ràng.

Ông Địa - Thổ Công: Một dạng thần Đất (tức Thổ Công), thường được thờ ở khám thờ dưới đất phía bên trái bàn thờ chính, vật thờ gồm nhang, đèn, nước, và cốt tượng với nét mặt vui tính, bụng phệ, vú to thể hiện sự sung mãn, tính nữ. Đó là biểu tượng của sự thịnh vượng và sinh sản. Ngày vía của ông Địa chưa được giải thích đầy đủ, cư dân Việt ở Đồng Nai giữ lệ cúng ông Địa vào ngày mùng mười của 5 tháng đầu năm từ tháng giêng đến tháng năm âm lịch.

Thần Tài: Thường được thờ chung một khám thờ với ông Địa hình thành một bộ ông Địa -Thần Tài. Ông Địa bảo hộ về đất đai, Thần Tài bảo hộ việc sinh lợi.

Táo quân: Là vị thần bảo trợ việc bếp núc, có danh hiệu là Đông trù tư mệnh Táo phủ thần quân, Định phúc Táo quân, còn được gọi là Ông Đầu Rau hoặc Vua Bếp, có chuyện kể về Vua Bếp giải thích hiện tượng hai ông một bà; bà người vẫn là một, được thờ ở kệ thờ (hoặc khám) trong bếp hoặc ở gian chính thờ ở bếp gọi là

Táo Bếp, thuần gốc dân dã. Táo thờ ở gian chính gọi là Táo Phật. Người xưa quan niệm chỉ có Táo Phật mới về trời trong ngày 23 tháng chạp, nên có câu:

*Hăm ba Táo Phật về trời
Táo Bếp ở lại đội nồi cả năm*

Canh ba, giờ Tý ngày 23 tháng chạp, ông Táo được đưa về trời "*cờ bay ngựa chạy*". Tục xưa còn có đốt vàng mã gồm mũ cánh chuồn, áo dài đen, và đôi hia để ông Táo có lễ phục chầu trời. Đặc biệt là không có quần dài bởi Táo quân mặc *quần lửng* (quần đùi dài đến gối) theo kiểu của người Nam bộ. Lễ cúng tiễn Táo quân có nhang đèn, xôi, chè, trái cây và không thể thiếu đĩa *mứt thèo lèo*. Lời khấn tiễn Táo quân giản dị (trước kia còn có văn khấn) ngụ ý mong Táo quân về Trời báo cáo việc nhà trong năm qua và xin Trời gia ân cho năm mới làm ăn khấm khá, gia đình thịnh vượng. 23 tháng chạp tiễn đi, 30 đón về cùng với ông bà dự Tết. Táo Phật được tiễn đi nhưng Táo Bếp vẫn gắn với "lửa củi" hàng ngày. Cư dân Việt ở Đồng Nai có tục, sau khi đưa ông Táo về trời, trong ngày 23 tháng chạp, lật ông đầu rau giữa đục lỗ rồi gánh cả ba đem đồ ở gốc cây to trong vườn, thay vào đó là 3 ông đầu rau khác. Khi bếp lò được dùng phổ biến, việc thay bếp lò cũng được thực hiện như thay ông đầu rau.

Táo quân không có cốt tượng để thờ, chỉ thờ bằng bức dán giấy hồng đơn có ghi chú nhỏ "*Định phúc Táo quân*", hàng năm tờ giấy được thay mới trước khi đón Táo về ăn Tết cùng ông bà. Táo quân được cúng nhang, đèn, hoa, trái, nước trong vào những ngày rằm, ba mươi, mùng một hàng tháng; còn được mời phối hưởng trong các bữa giỗ.

Ngũ phương Ngũ thổ long thần: Thường thể hiện trong khánh thờ dưới đất có bài vị ghi chữ nho: Ngũ phương Ngũ thổ long thần, Tiên hậu địa chủ tài thần, **hiều khi còn có** cốt tượng ông Địa - Thần Tài.

Bàn trời: Là hình thức thờ cúng phổ biến, được dựng ở sân nhà, bằng cây hoặc xây gạch cao ngang tầm người, không có mái che, thường gồm 2 tầng: tầng trên thờ Thiên Hoàng, tầng dưới thờ Thổ Kỳ; đó là một kiểu thờ cân đối hài hòa trời - đất, trong - ngoài, trên - dưới của người địa phương. Có người lại giải thích đó là tàn tích "cây vũ trụ" của người bản địa nhằm nối liền cõi người với cõi trời.

2.4. Thờ khác

Ngoài ra, một số gia đình ở Biên Hòa - Đồng Nai còn thờ những đối tượng khác. **Thờ Tổ nghiệp** còn gọi là thờ Tiên sư, Thánh sư, Nghệ sư... những người thầy đã truyền nghề cho đời sau. Tổ nghề thuốc, nghề gốm, nghề đúc đồng... còn được nhiều gia đình thờ nhưng lai lịch thường không rõ ràng. Những gia đình sùng đạo có trang thờ *các vị thần có nguồn gốc từ tôn giáo* hợp với lòng tin của gia

đình. Gia đình Thiên Chúa giáo đương nhiên có tượng thờ Chúa Jêsu và Mẹ Maria trong nhà, ngoài ra còn có tượng ảnh thờ Thánh bôn mạng của gia chủ. Các gia đình theo đạo Phật hoặc không tôn giáo cũng thường có ảnh tượng Phật, phổ biến Quan âm Bồ tát. Người Biên Hòa – Đồng Nai, Việt cũng như Hoa có những phương thuật để trấn giữ cửa nhà: *Một tấm gương vẽ hình bát quái hoặc gương trong trước cửa ngụ ý ma quỷ trông thấy phải sợ mà không vào, treo tượng ảnh ông Tử vi, để ngăn chặn tà ma thâm nhập: dán ở cửa mảnh bùa Bát quái và ảnh thần Hổ cũng để ngăn trừ ma quỷ...* Tấm bùa bát quái vẽ "Tứ tung ngũ hoành" có ảnh thần Hổ được thay mới hàng năm vào ngày mùng 3 Tết.

Việc thờ cúng trong nhà đã trở thành thông tục của người Biên Hòa - Đồng Nai. Người ta nghĩ rằng: mái nhà không chỉ để ở mà còn là nơi con người giao hòa với ông bà, tổ tiên, trời đất, thánh thần; nơi ấy con người được che chở, bảo vệ, được truyền thừa sức mạnh, và ân đức của lớp người trước đem lại cho lớp người sau. Và cũng ở nơi con người có bổn phận phải tri ân các bậc ông bà, thánh thần và sửa mình sống sao cho xứng đáng. Bởi vậy, việc thờ cúng trong nhà được xem trọng như việc tạo ra căn nhà. Đây là nét văn hóa rất đặc sắc của người Việt nói chung và người Đồng Nai nói riêng.

3. Những lễ thức gia đình trong năm.

3.1. Tết

Tết là lễ tiết quan trọng trong năm của cư dân Việt đánh dấu một điều gì đó hệ trọng trong đời sống tinh thần của công chúng. Người Biên Hòa - Đồng Nai lưu tâm đến các Tết phổ biến: *Tết Nguyên Đán, Tết Đoan Ngọ và Tết Trung thu.*

Tết Nguyên Đán là lễ tiết quan trọng nhất trong năm, là ngày hội bắt đầu năm mới. Không khí Tết được khởi đầu từ ngày 23 tháng chạp, tức là ngày *đưa ông Táo* về trời. Sau ngày đưa ông Táo là ngày *chạp mả*. Chạp mả là việc thăm, sửa sang phần mộ của ông bà, tổ tiên: Ngày cụ thể tùy theo sự ấn định của từng họ, từng gia đình, thường là trong tháng chạp, trước ngày 25. Đến ngày quy định của gia đình, người trong họ, trong nhà hội về; đàn ông lo việc làm cỏ, sửa sang phần mộ, đàn bà lo việc bếp núc. Trong tục chạp mả, có một quy ước truyền đời: Khi làm cỏ, sửa sang xong một cái mả, người ta *đánh dấu bằng một cục đá (hoặc hòn đá), đặt lên tờ giấy vàng bạc ở nắm mả để biết mả đã có chủ*. Sau ngày 25, nếu thấy ở khu vực ấy còn mả chưa đánh dấu, tức mả vô chủ thì người ta huy động người trong nhà đến đốt nhang, làm cỏ, cốt không để một mả nào "hoang vắng, lạnh lùng" trong những ngày Tết.

Ngày 25 tháng chạp, dân làng thường dọn một bữa cúng đạm bạc gọi là tiễn ông bà, thần thánh đi thăm viếng họ hàng, người thân đầu đó. Ấy cũng là ngày quan chức trong làng khép ấn, thợ thầy được nghỉ việc.

Những ngày cuối tháng chạp là những ngày bận rộn: Hàng quán sửa soạn để vào phiên chợ Tết (28 đến 30 tháng chạp), thanh toán các khoản nợ nần, làm nốt các công việc đang dở dang, gửi quà biếu Tết đến thầy học, sui gia, họ hàng thân thuộc. Ngày 30 tháng chạp, mọi nhà đều soạn lễ cúng đón ông bà. Việc chung cúng ở bàn thờ luôn thể hiện sự *tươi mới, lâu bền, sung túc* cho nên, hoa: thường có hoa mai (may mắn), vạn thọ (sống lâu); trái: thường có mâm ngũ quả gồm *sung* (sung túc), *dừa* (vừa), *đu đủ* (đủ), *xoài* (sài, tiêu xài), *mãng cầu* (thỏa mãn điều cầu mong)... Dưa hầu được chọn chung phải là dưa ruột đỏ thắm. Nếu ngày Tết dưa không đỏ gia đình sẽ kém may mắn, cho nên các phiên chợ Tết thường có tục "*bói dưa*". Đặc biệt, trên bàn thờ ông bà, thường có một gói *đường phối, đường phèn, bánh tổ, bánh nổ* đặt trên trái dưa có dán giấy đỏ. Tục này có lẽ để tưởng nhớ xứ sở Trung bộ.

Lễ cúng *đón ông bà* thịnh soạn như một bữa giỗ. Tục xưa, còn có gia đình gánh thức cúng (rất nhiều bánh trái, giấy vàng bạc) cúng đón ông bà tận ngõ. Trong ngày 30 (nếu tháng thiếu thì ngày 29), mọi nhà ở trước cửa lớn đều dựng một cây tre, trên buộc cái giỏ bằng tre, trong giỏ đựng trầu, cau, vôi; ở bên giỏ có treo giấy vàng bạc, gọi là "*lên nêu*". Cây nêu được dựng như thế cho đến mùng 7 thì hạ. Việc đòi nợ để sau ngày hạ nêu.

Lễ giao thừa có ý nghĩa thiêng liêng nhất trong các ngày Tết. Đó là lễ "*tống cựu nghênh tân*" đúng vào lúc năm cũ bước qua năm mới. Người miền Bắc và người Hoa gọi là lễ Trừ tịch, người Đồng Nai gọi nôm na là lễ đón giao thừa. Đúng vào phút giao thừa, con vật nào lên tiếng trước người ta tin rằng tính khí của con vật ấy chi phối cả năm mới. Lễ giao thừa, gia chủ lên đèn sáng trong sáng ngoài, mở toang các cửa lớn nhỏ, đốt nhang khấn cúng; vãn cúng ngắn gọn, nêu rõ năm tháng, họ tên gia chủ, kể tên các phẩm vật cúng, khấn các vị hành binh hành khiển mới và các vị Thổ Địa, Táo quân, Thần độ mạng, ông bà... phù hộ cho toàn gia năm mới tăng phúc, tăng thọ, an khang thịnh vượng. Cư dân Việt tin rằng mỗi năm có một vị hành binh, hành khiển và một vị phán quan coi việc nhân gian, hết năm thì thần nọ bàn giao cho thần kia. Cho nên, người ta cúng Tết để tiễn ông cũ và đón ông mới; ví dụ, năm Bính Tý, các vị hành khiển hành binh đương niên là: *Châu Vương hành khiển, Thiên Tôn hành binh, Lý Tào phán quan*. Tết năm Sửu, các vị này sẽ bàn giao cho: *Triệu Vương hành khiển, Tam Thập Lục Thương hành binh, Khúc Tào phán quan*. Cứ vậy đến tròn một con giáp, bắt đầu trở lại từ năm Tý.

Ngày mông một thực sự là ngày của năm mới. Trẻ con mặc đồ mới, làm tuổi người lớn, được lì xì tiền lẻ trong bao đỏ. Phải là tiền lẻ để có thể sinh sôi thành chẵn. Tục **xông đất** cũng được thực hiện như phong tục phổ biến. Người nào vía tốt đi xông đất người khác được mừng đón. Người nào tự thấy mình xui xẻo, nhiều rủi ro hoặc không hợp thì tránh xông nhà người khác. Từ mông một đến mông ba, người ta kiêng đổ rác, không dùng giếng nước, mạch nước, không động trong vườn, không nghỉ qua đêm ở nhà người khác. Người xưa giữ lễ nghĩa: "**mông một Tết nhà, mông hai Tết (nhà) vợ, mông ba Tết thầy**". Từ khi rước ông bà cho đến hết ngày mông ba, mỗi ngày (mâm cúng ông bà hai lần, phụng sự chutát như lúc ông bà còn sống.

Mông ba: (có nhà cúng mông bốn) là ngày **Tết vườn, Tết chuồng**. Các loại cây cối, chuồng heo, chuồng gà, chuồng bò đều được dán vàng bạc hoặc giấy đỏ. Gia chủ soạn một mâm cỗ gồm: gà trống luộc để nguyên con, bánh tét, hoa, trái cây, rượu, khăn cúng Thổ Công, Thổ Kỳ, Thổ Địa, Thổ Chủ phù hộ cho vườn đất, gia cầm, súc được sung mãn, sinh sôi nảy nở ra tiền của. Con trâu là đầu cơ nghiệp nên được chăm sóc kỹ nhất. Trâu được cỏ mới, được cấn một lát bánh tét; trâu đực uống một chén rượu, trâu cái uống trà; sừng được dán vàng bạc; trẻ chăn trâu được chủ lì xì nhiều tiền và bộ quần áo mới.

Tết là ngày vui chơi, nhất là đối với thanh niên, trẻ em. Các trò chơi gồm: Đốt pháo (ngày nay đã bỏ), đánh đu tiên, đá gà, múa lân, lắc bầu cua, xuất hành, hái lộc... Đó là những trò vui vẻ được người Đồng Nai ưa thích nhất.

Ngày mông bốn cúng **đưa ông bà**. Lễ vật cúng như lúc đón. Theo tục cổ, người phụ nữ gánh thức cúng và vàng mã đưa ông bà đến ngõ, có khi đến tận mã, cúng và "hóa vàng" ở đấy. Một số gia đình cúng ông bà bằng **cháo cá ám**, dạng cháo nấu bằng cá lóc để nguyên vẩy để tưởng nhớ thuở sơ khai của gia đình. Mông bảy có **lễ hạ nêu**. Vì sao hạ nêu vào ngày mông 7, người địa phương không giải thích được, cứ theo tục cổ truyền và xem đó là dấu hiệu chấm dứt Tết Nguyên Đán. Lễ hạ nêu đơn giản, lễ vật như cúng giỗ. Sau hạ nêu mọi người bắt đầu công việc năm mới của mình, người làm nghề nông thì "động cuốc cày", thợ rừng thì khai sơn, học trò thì khai bút, thương nhân thì đi buôn lấy ngày.

Tết giữa năm: Ngày mông 5 tháng 5 cũng được xem là một ngày Tết, người Đồng Nai gọi là **Tết giữa năm**, nhiều người gọi là Tết Đoan Ngọ. Nguồn gốc ý nghĩa của Tết Đoan Ngọ đã có nhiều ý kiến khác nhau. Loại ý kiến cho rằng Tết Đoan Ngọ nhằm kỷ niệm ngày mất của Khuất Nguyên. Ở Đồng Nai, ý nghĩa của ngày Tết giữa năm được xác định rõ, đây là thời điểm xong mùa cấy, vào mùa hoa trái, cây cối vạn vật đều chuyển mình trong mùa mưa, côn trùng sinh sôi nảy nở gây

nhieu bệnh cho cây, cho người. Vào ngày này, người địa phương tổ chức ngày Tết mừng đón mùa vụ mới đồng thời cầu cúng mong cho mưa thuận gió hòa, tránh được bệnh tật. Bởi vậy, sinh hoạt trong Tết Đoan Ngọ xoay quanh hai ý nghĩa quan trọng: Đón mùa vụ và phòng chống bệnh.

Ngày Tết giữa năm, ở Đồng Nai hoa trái sớm đã có, đang độ tươi ngon nhất trong năm. Người địa phương chọn hoa trái đầu mùa chung cúng ông bà gồm những: Bưởi, chuối, sầu riêng, dâu, măng cụt, mít tố nữ.. Ngày mùng 5 tháng 5, có thể cúng chay hoặc cúng mặn. Ngày này, người ta thường cúng vịt vì theo quan niệm dân gian, vịt gắn liền với sự sinh sản. Nhiều gia đình lại cúng món cháo cá ám như ngày Tết. Ngày Tết giữa năm có nhiều tục lạ, cốt là để thúc giục cây trái đâm hoa kết quả và ngăn ngừa bệnh tật. Đáng chú ý là tục "*khảo cây*"; những cây nào đến tuổi mà chưa ra trái ngày này gia chủ đem rựa ra rừ rừ dòichặt, hoặc giả chặt một vài nhát để người vợ trong nhà chạy ra van xin, như thế năm sau cây sẽ ra quả. *Tết giữa năm thực ra ngày Tết giao mùa, ở đó con người cùng vạn vật sửamình để bước vào cuộc vận hành của mùa mưa giàu sản vật nhưng cũng đầy chướng khí.*

Tết Trung thu theo tên gọi là ngày Tết giữa mùa thu lúc trăng sáng nhất trong tháng (rằm) và trong năm (ngày của sao Thái âm). Nhiều người giải thích nguồn gốc của Tết Trung thu bằng tích truyện vua Duệ Tôn đòi Đường đi chơi ở cung trăng; các tục thi, rước đèn, cỗbánh, trông trăng đều do đây mà ra(57[13]). Ở Đồng Nai, Tết Trung thu thực là ngày Tết củatrẻ con. Phổ biến là trò rước đèn, rước cỗ bánh theo lối của người Hoa. Người lớn chuẩn bị cỗ bánh (bánh trung thu) và lồng đèn bày sẵn để trẻ con rong rần đến rước, vừa đi vừa hát các bài đồng dao vui vẻ. Có nơi, trẻ con trong xóm họp thành đám, tổ chức múa lân, cũng có ông Địa dẫn đường, cũng nhảy múa diễn trò như lân của người lớn. Mặc dù mang hình thức của người Hoa, nhưng cốt lõi của Tết Trung thu vẫn lấp lánh ý nghĩa lễ tiết cổ truyền của cư dân Việt cổ. Trong tâm thức dân gian, rằm tháng tám là tháng của cốm mới, của lúa mùa đong sữa, của sự non tơ chớm trưởng thành ở vạn vật ứng với lứa tuổi nhi đồng của xã hội loài người. Chăm sóc trẻ con là lễ thức mừng đón, cầu mong sự trưởng thành đang trong dạng mới kết tinh. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, có thể nhận ra ý nghĩa cốt lõi ấy qua các tục cúng cơm rượ, làm mạch nha, cúng lúa trở đòng đòng....

3.2. Những ngày rằm

Ngoài rằm tháng tám là Tết Trung thu, có ba ngày rằm quan trọng được người Biên Hòa - Đồng Nai thực hiện lễ thức cầu cúng đặc biệt; **đó là rằm tháng giêng, rằm tháng bảy, rằm tháng mười.**

Rằm tháng giêng là ngày rằm đầu tiên của các ngày rằm trong năm, dân gian tin là ngày Phật giáng nên tổ chức lễ trọng, lễ hội ở chùa và lễ cúng ở gia đình; "**lễ Phật quanh năm không bằng rằm tháng giêng**". Cũng có cách giải thích rằm tháng giêng theo sách vở của người Hoa nên còn gọi rằm tháng giêng là Tết Thượng Nguyên, Tết Trạng Nguyên, Tết Nguyên Tiêu... nhưng dân gian Đồng Nai thiên về ngày lễ đậm tính dân gian của Phật giáo.

Rằm tháng bảy là rằm "**xá tội vong ân**" gắn với tích truyện Mục Kiền Liên và Lễ Vu lan của Phật giáo. Dân gian tin rằng, ngày này vong nhân ở địa ngục được xá tội, các gia đình ở dương thế làm cỗ bàn cúng ông bà, thể hiện sự tha thứ, xóa tội đối với mọi lỗi lầm ở cõi âm cũng như cõi dương.

Rằm tháng mười nhằm vào lúc mùa vụ "**com mới**", các đình làng chuẩn bị cúng Kỳ yên. Rằm tháng mười ở Nam bộ nói chung, ở Đồng Nai nói riêng có ý nghĩa như Tết com mới của một số vùng thuộc đồng bằng Bắc bộ, nhưng nghi thức theo Phật giáo, lễ cúng như rằm tháng giêng, rằm tháng bảy.

Vào những ngày rằm tháng giêng, tháng bảy, tháng mười, các chùa mở hội lễ Phật, cúng cầu siêu, có thể có chay đàn ứng phú. Ngoài việc dự lễ chùa, người địa phương còn có lễ cúng tại gia, cúng Phật, vào ngày 15 bằng lễ chay và cúng thí cô hồn vào ngày 16 bằng lễ mặn. Đáng chú ý là **lễ cúng thí**. Lễ cúng thí nhằm cầu siêu và thí của cho thập loại cô hồn mang ý nghĩa nhân văn. Lễ cúng thí luôn có món **bánh cúng, bánh cấp**.

Với tục cầu siêu, cúng thí, các lễ cúng rằm của cư dân Việt Đồng Nai thể hiện lòng nhân đạo qua nghĩa cử "**chăm lo cho người khác**" mang đậm sắc thái dân tộc và màu sắc Phật giáo. Chính vì vậy, nó được phổ biến và có sức sống lâu dài.

Ngoài những ngày Tết, ngày rằm, người Biên Hòa - Đồng Nai còn có những lễ thức cúng vía vào những ngày vía trọng trong năm. Như ngày mùng 8 tháng 5 cúng sao hội; cúng vía trời đất; cúng vía Ngâu, vía Bà như rằm tháng giêng: Linh Sơn Thánh Mẫu; 19 tháng 2 và 19 tháng 6: Quan âm Bồ tát; 24 tháng 4: Bà Chúa Xứ; mùng 5 tháng 5: Bà Ngũ hành; mùng 9 tháng 9: Cửu Thiên Huyền Nữ và các loại cúng khác như cúng Tá thổ (cúng mượn đất)...

4. Những tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội

Con người gắn bó với gia đình, gia đình không thể tách rời cộng đồng xã hội. Cư dân Việt ở Đồng Nai do "tứ chiếng" hợp lại, gặp cảnh "xứ sở lạ lùng", "chim kêu vượn hú càng có nhu cầu hợp quần, nương tựa, tương trợ nhau trong đời sống; từ đó hình thành tập quán, tín ngưỡng gắn với cộng đồng xã hội; phổ biến là những sinh hoạt xoay quanh cái đình, cái miếu.

4.1. Đình và lễ hội cúng đình

4.1.1. Đặc điểm và quá trình hình thành

Do đặc điểm hình thành cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai, đình thần ở Đồng Nai ra đời muộn, tuổi đời còn ngắn, không có lai lịch giàu thành tích như đình ở miền Bắc, miền Trung. Nhưng so với vùng đồng bằng Nam bộ, đình ở Đồng Nai thuộc dạng đình hình sớm. Gọi là hình thành sớm ở đất Nam Bộ nhưng đình thần ở Đồng Nai không phải bắt nguồn từ đình trạm như xứ Bắc, cũng không phải được tái hiện theo "*nguyên mẫu*" được mang theo trong hành trang di cư. Có lẽ, ý niệm về "*cái đình*" của cổ hương chưa được hiện thực hóa ngay khi lập làng, lập ấp ở Đồng Nai, mà bắt đầu từ cái miếu, một trú sở của thần thánh nói chung phù hợp với qui mô của *làng* và tài lực của *người* thời khai phá. Bằng chứng rất rõ là cho đến nay, dân gian vẫn chưa thuận miệng với tên gọi "đình", thậm chí biến đình mới trùng tu vẫn còn giữ nguyên Hán tự là "*cổ miếu*" như: Bình Xương cổ miếu, Cẩm Vinh cổ miếu, Vinh Thị cổ miếu... Gia Định thành thông chí của Trịnh Hoài Đức kể rõ các di tích ở trấn Biên Hòa nhưng vẫn không thấy nêu tên một đình nào. Các bộ lão địa phương cho biết từ lúc triều đình Huế yêu cầu kê khai thần tích đình làng để xin sắc phong thì tên gọi "đình" mới xuất hiện trong văn tự rồi quen dần trong khẩu ngữ. Như vậy, trong thực tế, người địa phương phân biệt đình, đền, miếu chưa rạch ròi; về nguyên sơ của cái đình rõ nét.

Quá trình lập làng ở Đồng Nai với mô hình "*thôn - ấp*" là chủ yếu làng ban đầu rất nhỏ nhưng phát triển rất nhanh, phân lập không chùng, tổ chức hành chính nhiều biến đổi, do đó "thân phận" của cái đình cũng thăng trầm, phân bố không đều, làng cũ đình miếu dày đặc, làng mới thưa thớt. Thành phố Biên Hòa có 34 đình ở 26 phường xã, nhưng các huyện:

Xuân Lộc, Tân Phú, Định Quán thưa thớt vài đình nhỏ. Có xã hơn mười cái đình (xã Tân Bình, huyện Vĩnh Cửu: 12 đình; xã Hiệp Hòa, thành phố Biên Hòa: 11 đình), có nơi hai xã chung một cái đình (phường Quyết Thắng và phường Thống Nhất chung đình Phước Lư).

Hầu hết đình làng ở Đồng Nai đã qua nhiều lần trùng tu. Thuở sơ khai, do không chế của triều đình nên nhà cửa, nơi thờ phượng của dân Nam bộ có giàu lắm cũng không được lợp ngói; bởi vậy, đình miếu thấy đều quy mô nhỏ, lợp lá, trường hợp lợp ngói âm dương rất hiếm. Từ thế kỷ 19, đình miếu được phép trùng tu, mở rộng quy mô. Những đình còn giữ được kiến trúc cổ nhất như đình Phú Mỹ (Phú Hội), đình An Hòa (Bến Gỗ)... cũng từ giai đoạn này.

Đình, miếu, chợ, chùa là trung tâm văn hóa của người địa phương cho nên thường được xây dựng gần nhau ở khu đông dân cư, nơi cao ráo, có phong cảnh đẹp, có chòm cổ thụ vừa mát

vừa oai linh. Phần lớn đình cổ gần sông và quay hướng ra sông, đình trẻ hơn lập ở gần lộ và quay hướng ra lộ; hướng đình không lệ thuộc theo hướng Nam và kiêng hướng Bắc.

Kiến trúc đình ở Đồng Nai thường theo kiểu *nhà rường tứ trụ* bằng vật liệu tốt khai thác từ địa phương và bàn tay thợ đá, thợ gỗ, thợ gốm của Biên Hòa xưa, tạo cho đình vẻ đẹp đậm đà mang sắc thái địa phương. Đình Tân Lân ở Biên Hòa, đình An Hòa ở Long Thành đình Phú Mỹ ở Nhơn Trạch được xem là những đình sắc nét của Đồng Nai. Việc bố trí trong đình cũng như các đình khác ở Nam bộ, *chánh điện* có khám thờ Thành Hoàng bốn cảnh, hai bên là *Tả ban, Hữu ban*; phía trước là hai dãy các bàn thờ các chư vị phối tự như: *Bạch mã Thái giám, Nhạc sư, Tiên sư*... Trước mặt bàn thờ Thành Hoàng là bàn *La Liệt* để bày lễ vật cúng; tiếp đó là bàn Hội đồng. Tiếp theo *bàn Hội đồng* là *bàn Chánh bái*, hai bên bàn Chánh bái là *Tả hữu bồi tế*. Đối diện với chánh điện là Võ ca có mái che nổi hoặc không nổi với gian chính; nếu không Võ ca thì cũng là khoảng sân rộng để có thể dựng rạp hát. Bên trái, bên phải, mặt trước đình thường có *bàn thờ thần Nông, thần Hồ, Rái Cá*...

Nhà hậu (sau đình) có gian thờ: *Tiên sư, Tiên hiền, Hậu hiền, Tiên đại hương chức, Hậu đại hương chức*... Liên mái với nhà hậu là nhà khói dùng làm nơi nấu nướng chuẩn bị cỗ cúng. Bộ cục trong đình cơ bản là giống nhau, nhưng tùy theo các đối tượng thờ cúng trong đình mà các bàn cúng thờ vị này hay vị kia.

Khi triều Nguyễn sắc phong Thành Hoàng để kéo đình làng vào hệ chính thống thì đình ở Đồng Nai trở thành cơ sở nằm giữa hai thiết chế: *Chính thống và dân gian*, nhưng nghiêng về phần tín ngưỡng dân gian hơn. Một mặt, về hình thức, đình ở Đồng Nai tuân thủ những chuẩn mực nghiêm ngặt theo điển lệ, mặt khác về mục đích tín ngưỡng nó mở rộng các sinh hoạt dân gian, thể hiện tính đa chức năng: Vừa là trụ sở của Thành Hoàng và nhiều vị thần khác, vừa là công sở hành chánh của làng, đồng thời là nhà hát, tụ điểm văn hóa của địa phương. Sinh hoạt đình dung nạp cả hệ thống thần linh của ba miền; của Phật giáo, người Hoa, người bản địa; dung nạp cả các hoạt động văn hóa thể thao từ múa lân, cờ người, võ thuật đến xây chầu, đại bội, hát bội, hát bóng rối; thậm chí cả ca nhạc tài tử. Nhiều đình ở Đồng Nai xưa gần như mở cửa quanh năm, có đình không cần đến cửa.

4.1.2. Những vị thần được phụng thờ

Cũng như đặc điểm chung của Nam bộ, đình ở Biên Hòa - Đồng Nai "*thờ hàng chục, có khi đến ba bốn chục vị thần, gồm có Thành Hoàng, Phúc Thần, Thần Linh và những danh nhân sanh tiền có công xây dựng, kiến thiết địa phương... rất phức tạp*". Việc kê danh sách cho đầy đủ các vị thần đã được thờ

trong đình ở Đồng Nai đã khó, việc phân loại càng khó. Huỳnh Ngọc Trảng và các đồng tác giả xét về nguồn gốc, tạm thời chia các vị thần ở thần điện Nam bộ làm hai nhóm:

+ Nhóm 1: Thành Hoàng và Phúc Thần do những người đi khai hoang đem từ quê hương cũ vào thờ.

+ Nhóm 2: Những vị thần linh theo tín ngưỡng dân gian.

Xét về cơ cấu, lại chia thành ba nhóm khác:

+ Tập hợp các thần linh thuộc đối tượng tín ngưỡng chính thống của đình.

+ Tập hợp các vị tiền bối hữu công của làng như: Tiên hiền, Hậu hiền, các anh hùng liệt sĩ, các tổ nghề: Tiên sư, Tổ hát bội, Tổ nhạc lễ.

+ Tập hợp các vị thần thuộc tín ngưỡng dân gian truyền thống.

Cũng có thể phân loại bằng cách dựa theo hệ thống các vị được thờ hiển thị (có bàn thờ tại đình) và các vị chỉ được gọi mời trong văn cúng. Ở Biên Hòa - Đồng Nai, bài trí thờ trong đình thường đơn giản hơn, có khánh, bàn, miếu thờ khoảng 10 đến 13 vị, nhưng văn cúng còn gọi mời nhiều vị khác như đình Cẩm Vinh chẳng hạn, mời gọi hơn 20 danh thần.

Đáng lưu ý ở Đồng Nai là tục **thờ vọng Quốc tổ và các anh hùng dân tộc**. Cư dân Việt tuy xa quê hương nhưng không rời cội nguồn, tâm thức luôn hướng về Quốc tổ. Đình, đền Quốc tổ ra đời tuy muộn nhưng sớm trở thành trung tâm văn hóa ở địa phương, thu hút niềm tin của các lớp người. Đền Hùng Vương ở Biên Hòa (xây dựng năm 1960), do giáo dân Thiên Chúa giáo lập và phụng thờ, trong điện thờ tượng Hùng Vương thứ 18, có bàn thờ Bác Hồ như vị Hùng Vương thứ 19. Ngày lễ hội 10/3 âm lịch rất đông người trong và ngoài tỉnh đến dự tưởng niệm. Trước bàn thờ Quốc tổ Hùng Vương có đủ thành phần già trẻ, gái trai, giáo dân, phật tử, cán bộ cách mạng. Đây là biểu hiện vừa cổ truyền vừa hiện đại của truyền thống đại đoàn kết toàn dân và nghĩa đồng bào ở người Việt Nam. Đền thờ Hùng Vương ở Tân Phú, Long Khánh cũng có ý nghĩa tương tự. Lạc Long Quân - Âu Cơ cũng được thờ như Quốc tổ ở nhiều nơi, cách thờ cúng đơn giản nhưng đầy ý nghĩa; điện thờ ở Dầu Giây, huyện Thống Nhất thờ 100 chiếc đũa và văn cúng bằng thơ song thất lục bát có ý nghĩa như một lời tự giáo huấn.

Các anh hùng dân tộc: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tri Phương; các danh nhân có công với vùng đất Đồng Nai: Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên và những nghĩa sĩ chống Pháp: Trương Định, Nguyễn Đức ứng, Đoàn Văn Cự... cũng được phụng thờ như Thành Hoàng của làng. Tục thờ Bác Hồ ở đình cũng là biểu hiện đáng chú ý. Tượng ảnh Bác Hồ thường được thờ ở bàn Hội đồng hay vị trí của Tiên sư hậu điện, hoặc lập bàn thờ Bác ở chính điện mỗi khi tiến hành cúng Kỳ yên. Đình

Phú Mỹ (xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch) đã ngâm thờ Bác Hồ bằng 3 bức hoành phi (chữ Hán) qua mắt được kẻ địch:

*Hồ nhiên nhi thiên
Chí vọng thâm ân
Minh hoài hậu đức*

4.1.3. Lễ hội cúng đình

Lễ hội cúng đình thể hiện phần hồn của đình ở Nam bộ, phần lễ trội hơn phần hội. Do phôi tự thờ nhiều vị thần trong đình, cho nên lịch lễ dày đặc lễ cúng quanh năm, có thể chia thành hai loại: **Tạp tế** và **cúng kỳ yên**.

Tạp tế là các lễ nhỏ vào các lễ tiết và ngày vía thánh thần trong năm, cúng chứ không tế, và không mở hội, thường là do các **huương chức**, **hội tề** hoặc **Ban tế tự** dâng cúng lễ vật rất đơn giản và lời khấn ngắn gọn. Không cần nghi thức và bài bản quy định. Các đình không nhất thiết giữ đúng lệ theo lịch lễ tiết nhất định mà tùy theo Ban quý tế của từng đình mà thủ lễ, thêm hoặc bớt ngày cúng; có đình cúng đầy đủ các ngày sóc, vọng; lễ Thượng điền, Hạ điền; cúng cô hồn, liệt sĩ; cúng mặn hoặc cả chay lẫn mặn...

Lễ Kỳ yên là lễ chính của đình gọi là lễ vía thần, nhưng thực là lễ hội nông nghiệp để cầu an: Cầu cho quốc thái dân an, phong điều vũ thuận. Mỗi đình định ngày cúng Kỳ yên riêng, phổ biến là trong 3 tháng đầu năm hoặc 3 tháng cuối năm âm lịch. **Nghi thức** cúng lễ Kỳ yên ở đình làng Nam bộ tuân theo điển lệ của triều đình nên trình tự cúng tế của các đình căn bản giống nhau. Sách "Gia Định thành thông chí" của Trịnh Hoài Đức có ghi văn tắt về lễ cúng Kỳ yên của đình làng xưa, xét đến nay, không khác mấy: Lễ hội thường diễn ra trong 3 ngày, gồm có 3 lễ chính: **Túc yết**, **Đàn cả (Đoàn cả)**, **Tiền hiền - Hậu hiền**. Những nghi lễ khác như: **Rước sắc thần**, **Xây châu- đại bội**, **Đưa khách (Tổng phong)**... là những lễ thức phụng sự trong 3 lễ chính.

Trong lễ Kỳ yên, có sự quy định khá nghiêm ngặt về **thành phần nhân sự** tham gia tế tự. Nếu các lễ cúng nhỏ tạp tế có thể do ông từ thực hiện thì việc tế tự trong lễ Kỳ yên do Ban Tế tự đảm trách với sự phân công cụ thể và chuẩn bị chu đáo. Những người trong Ban Tế tự được tuyển chọn, phân công phải là người cao niên, có uy tín, có đạo đức, gia đình "tròn trịa" cuộc sống lành mạnh, như thế mới "hài lòng" thần linh. Thành phần tham gia tế tự gồm: **Chánh niệm huương** (1 vị danh dự nhất, thường do Kế hào hoặc Trưởng ban Tế tự phụ trách); **Chánh bái** (1 vị, chủ tế); Bồi bái (2 vị, thủ lễ ở 2 bàn cạnh Chánh bái); **Đông hiền** và **Tây hiền** (2 vị, thủ lễ ở Tả ban, Hữu ban); **Chấp sự viên** (4 vị, nhiệm vụ đánh trống lộng, trống lớn, chiêng, mõ); **Thị lập** (4 vị, đứng bên các bàn chính điện và tả hữu); **Thầy**

Lễ(điều khiển chương trình, đọc văn cúng); **Học trò lễ** (lễ sinh, ít nhất 3 cặp: 2 cặp bung đèn,đài; 1 cặp cúc cung xướng lễ); **Đào thai** (2 đến 4 cặp, đi sau lễ sinh, quạt và hát); **Ban nhạc** (đầy đủ là 11 người, chơi 11 loại nhạc cụ cổ truyền; thường là 4 hoặc 5 người chơi trống,kèn, não bạt...); **Lính hầu** (4 kép hát bội mặc võ phục đứng hầu); **Thủ từ** (túc trực bàn thần để gõ chuông, xếp lễ vào bàn)... Mỗi vị đều mặc lễ phục cổ truyền theo quy định, nhất nhất làm phận sự một cách trang trọng.

Lễ vật dâng cúng các bàn thần gồm: hoa, trái, nhang, đèn và các món cúng mặn: thịt luộc,rau, mắm, muối, các món xào, kho... ở bàn La liệt, tế thần luôn phải có món **xôi** và **thịt sống**. Xôi thực ra là cơm nếp được chọn nếp ngon nhất, nấu khéo nhất, đơm đẹp nhất để tế thần. Xôi tế thần **không có đậu** (để tinh nguyên); thường là mâm xôi được rước từ nhà Chánh bái hoặc nhà người danh giá nhất làng. Xôi cúng ở các bàn khác có thể có đậu. Lúc chuẩn bị xôi cúng đình, gia đình không được "**lộn xộn**", tránh đứng che bóng mặt trời rọi vào mâm xôi; khi đưa hoặc rước xôi đến đình, không được bung, gánh mà là **kiêng, đội**, để trân trọng, không ô uế. Người địa phương tin rằng, mâm (dĩa) xôi của mình càng ngon, đơm khéo thì càng được thần phù trợ. Những mâm xôi khéo được chọn càng để gần bàn thần, chủ nhân của nó càng vui, càng nhiều hy vọng.

Thịt sống nhằm để thần hưởng sự tinh nguyên từ lòng thành. Làng nghèo lắm mới cúng thịt sống không đủ bộ (thu gọn còn đầu, móng, đuôi gọi là **thủ vĩ**). Thường thì heo tế phải nguyên con được cạo sạch lông để ở bàn La liệt, tư thế quỳ hướng đầu về phía bàn thần, người địa phương gọi là **heo chong**. Trước kia, người ta chọn heo **đen tuyền**, lý do chưa rõ, có người giải thích đó là heo bản địa, thuần giống, chưa lai tạp. Nay, hiếm heo đen, được chọn heo trắng nhưng **ky heo lang**. Làng giàu có thể cúng theo tục cổ. Heo tế phải qua lễ tinh sanh.

Lễ tinh sanh còn gọi là **lễ thỉnh sanh** thường thực hiện vào lúc 0 giờ đêm Túc Yết nhằm mục đích trình thần vật cúng tinh nguyên (con heo còn sống không bệnh). Bởi vậy, heo được chọn mua cẩn thận, chăm sóc kỹ, được trói kiêng vào trước bàn thờ thần chộc chokêu to. Heo kêu to là "thần vui", heo không kêu hoặc kêu nhỏ là điềm xấu. Lễ tinh sanh được cử hành long trọng: Có khởi chinh cổ, lễ sinh bung đèn, nhạc sinh cử nhạc, Chánh nhiệm hương hành lễ rửa mặt, quỳ lạy; Chánh bái cùng Bồi tế thứ tự lạy thần rồi mới khaidao. Những giọt huyết đầu tiên của heo được hứng vào chén, cạo bỏ vào chén thêm nhúm lông, bịt chén bằng giấy vàng bạc đem cúng bàn thần gọi là **mao huyết**. Sau khi cúng, maohuyết được đem chôn ở gốc cây lớn nhất gần đình (gọi là **ế mao huyết**) mong cho sự sinh sôi của đất. Những đình có thờ Phi vận tướng quân Nguyễn Phục thì kiêng (hèm) **giết heo tại bàn thần**, chỉ dứ dao vào cổ rồi đưa đi nơi khác. Tục này ngầm ý tránh cảnh "**đâm**

chém" như thần Nguyễn Phục đã thọ nạn. Ngoài thịt sống, bàn La liệt tế thần còn có những món cúng khác, thường có *rau luộc - mắm nêm*; đình có đông người Hoa đến cúng có thể có heo quay. Đình thờ Võ Tánh ở Phước Tỉnh kiêng cúng *thịt quay* để tránh nghĩ đến cảnh chết cháy; có đình kiêng cúng *heo thiến* để không phạm đến đời riêng của đức ông Lê Văn Duyệt.

Lễ Túc Yết là lễ trực ra mắt thần trước khi vào lễ chính thức; thường tiến hành trước ngày Đền cả, bắt đầu vào buổi sáng hoặc buổi chiều tùy theo lệ mỗi đình. Nghi thức lễ Túc Yết theo bài bản có sẵn, mọi đình đều làm theo.

Lễ Đền cả do người địa phương đọc trại âm từ *Đoàn cả* mà ra, được tiến hành ngày thứ hai của lễ hội; giờ hành lễ khi xưa thường bắt đầu vào lúc 0 giờ (giao hòa âm dương); những đình làng gần với sông nước thì chọn giờ con nước sớm (nước đầy vào buổi sớm); nay thì chọn giờ thuận lợi trong ban ngày. Nghi thức lễ Đền cả thực hiện như lễ Túc Yết, chỉ khác ở chỗ lễ sinh xướng: "*Tạ thần*" thay cho "*Nghinh thần*" khi hành lễ tấn tước.

Lễ Tiên hiền - Hậu hiền nhằm tạ ơn các vị "Tiên hiền khai khẩn, Hậu hiền khai cơ" và các bậc có công với làng, với đình. Tục xưa, lễ thường diễn ra trong ngày thứ ba (sau Đền cả), nay thường thu gọn trong ngày, sau lễ Đền cả vài giờ. Nghi thức đơn giản hơn lễ Túc Yết, nhưng không kém phần long trọng.

Ngoài ra, một số đình còn tiến hành các nghi lễ khác như cúng *Cô hồn* (đình Bình Hòa), lễ *Thỉnh sắc, Hồi sắc* (đình Cẩm Vinh, đình Thành Hưng), lễ *Tổng phong* còn gọi là lễ *Đuăkhách* (đình Long Thọ, đình Nguyễn Tri Phương)... *Lễ cúng Cô hồn* theo nghi thức Phật giáo, thực hiện giữa lễ Đền cả và lễ Tiên hiền - Hậu hiền hoặc trong đêm sau lễ Túc Yết. Lễ thường có cúng thí thực, đốt ông Tiêu, phát chẩn gạo, muối. *Lễ Thỉnh sắc* hoặc lễ *An vị sắc thần* thực hiện trước lễ Túc Yết, và *Đưa sắc* (nếu có lễ rước sắc) sau khi kết thúc hội đình. *Lễ Tổng phong* nhằm mục đích tổng ôn dịch đuổi tà khí ra khỏi làng, thực hiện sau khi vãn châu đại hội. Trước kia lễ Tổng phong thường được tổ chức ở *nhà vuông (nhà võ)* của làng vào tháng hai âm lịch, nay đưa vào nhập với lễ Kỳ yên ở đình; lễ vật bày ở sân gồm: thịt luộc xôi gạo, mắm, vàng mã, có sự tham gia hành lễ của thầy pháp hoặc thầy chùa; sau khi đốt vãn cúng và vàng mã, lễ vật được đặt lên bè chuối hình thuyền có hình nhân binh tướng đứng hầu, đưa ra sông thả trôi. Trẻ mục đồng (con cháu thần Nông) được quyền vớt, ăn những thức ăn trên bè ấy. Trong lễ cúng đình, không quên dọn lễ vật cúng ở miếu nhỏ bên ngoài. Đặc biệt, ở bàn thần Nông thường có khoai *thịt nọng* (vuông thị ở cở heo), và xôi bánh; cúng xong để cho trẻ *mục đồng giành nhau*; nếu trẻ mục đồng không giành hoặc cuộc giành giật không giành co thì là điềm xấu.

Lễ xây châu - đại bội - hát tuồng được thực hiện sau lễ Đoàn cả. Lễ này không thuộc lịch lễ hàng năm, thường là đáo lệ 3 năm một lần, hoặc vào những năm làng có sự vui hệ trọng (như trúng mùa, được sắc phong...).

4.2. Miếu và lễ hội cúng bà

Ở Đồng Nai, miếu đa dạng và số lượng nhiều hơn đình. Đình gắn với cộng đồng làng thềmiếu gắn với đình, chùa, cụm dân cư, vườn nhà của gia đình, hương lộ, hương thôn; nhân vật chính là mẫu.

Những năm 1960, Lương Văn Lựu ghi nhận: *"Ngoài đình làng: Nhân dân trong ấp thường dựng lên những "Thổ Chủ" (miếu nhỏ), dưới cội đa hoặc cây to bóng mát, trên đường vắng, hay trong góc vườn để thờ Thổ Địa hay bà Chúa Tiên, Chúa Xứ, Liễu Hạnh và tùy theo ngày kỷ niệm của mỗi vị mà hành cúng hàng năm một cách thành kính*). Xét về hình thức, miếu ở Đồng Nai có mấy dạng chính:

- **Miếu độc lập ở làng xã**: Gắn với cụm dân cư trong làng ấp. Quy mô hơn các dạng miếu, thờ "thánh thần", những làng, xã chưa có đình đều có lập miếu; dạng miếu này như là tiền thân của cái đình.

- **Miếu ở đình, chùa**: Là những miếu nhỏ ở khuôn viên đình, chùa; thường ở phía trước, thờ các vị **Thổ thần, Sơn thần (thần Hồ), Thánh mẫu, chiến sĩ trận vong**.

- **Miếu ở đất vườn**: Gắn với các khu đất vườn, đất rẫy, đất ruộng của gia đình, thường thờ **Bà và thần Đất**; người địa phương còn gọi là **Thổ Chủ**.

- **Miếu lễ ven đường**: Miếu do bá tánh lập lên ở ven đường, ven sông, hoặc dưới bóng cây, gò đất cảm thấy là linh thiêng thờ Thổ thần hoặc cô hồn không nơi nương tựa. Đa phần là **miếu cô hồn**. Xét về đối tượng thờ cúng, nhận thấy thần điện của miếu đa tạp hơn đình, chùa. Có thể phân thành các dạng chính:

- **Thờ vong hồn linh ứng**: Những người chết "bất đắc kỳ tử" đều được tin là linh ứng, thường được thờ. Trong đó, các anh hùng, liệt sĩ hữu danh hoặc vô danh, có công hoặc có nhân cách cao được người địa phương thờ trang trọng nhất (như miếu Bình Hòa lập từ 1837 thờ 7 vị công thần chết trận trong binh biến Lê Văn Khôi, miếu cô hồn ở Dốc Sỏi (Bình Hòa) thờ 9 nghĩa sĩ trại Lâm Trung chống Pháp bị hành quyết...).

- **Thờ các phúc thần**: Thần Hồ, Rái Cá, Mãng Xà vương... là những linh vật giáng hạ hung cũng được thờ ở đình miếu và được đãi lễ như là phúc thần, dạng này không nhiều, có sự tích hợp nhiều yếu tố, như miếu thờ Rái Cá ở Hòa Quới (Cù lao Phố), đã hội nhập vào bàn thờ Lang lại đại tướng quân, miếu thờ rắn (Mãng xà vương) ở Mỹ Lộc (Tân Uyên) đã đổi dạng thành thờ Ngũ Hành; miếu thờ thần Hồ

thì còn ít nhiều ở các đình, các làng còn đậm nét vùng sơn cước. Phổ biến là các miếu thờ **thần Đất** dưới dạng **Thổ Chủ, Thổ thần** hoặc **Ông Tà**.

- **Thánh mẫu**: Đa phần miếu ở làng, ấp cũng như đình đều có thờ Thánh mẫu, người địa phương quen gọi là **thờ Bà**. Các Thánh mẫu đã thâm nhập sâu vào đình, chùa, gia đình; lại chiếm lĩnh hầu hết thần diện của các miếu, chứng tỏ **tín ngưỡng thờ nữ thần** "sâu rễ bền gốc" trong tâm linh của cư dân Việt ở Đồng Nai.

Tục thờ cúng nữ thần gắn liền với cư dân Việt ở Đồng Nai từ buổi đầu mở đất, đồng hành với quá trình phát triển của xã hội, có sự tích hợp nguồn gốc nhập cư và nguồn gốc bản địa; có sự phát triển từ rời rạc vươn lên mang tính **"đạo thờ mẫu"** rồi lại địa phương hóa các mẫu được phụng thờ. Ở đầu thế kỷ XIX, Trịnh Hoài Đức đã chú ý đến đặc điểm này của đất Gia Định - Đồng Nai: **"...Nhiều người trung dũng khí tiết, trọng nghĩa khinh tài, dù hàng phụ nữ cũng thế, có nhiều giai nhân mỹ nữ, mà trong hạng người giàu sang, trường thọ khôn khéo cũng có xuất hiện tên tuổi của giới phụ nữ. Họ hay chuộng đạo Phật, tin việc đồng bóng, kính trọng nữ thần, như: Bà Chúa Ngọc, bà Chúa Động (quen gọi người phụ nhân tôn quý bằng bà), bà Hỏa tinh, bà Thủy Long, và Cô Hồng, Cô Hạnh... "**

Khảo sát miếu Bà ở Đồng Nai, Bà được thờ là một tập hợp các nữ thần có nguồn gốc và "lý lịch" khác nhau, được thờ cúng ở miếu tùy theo tâm niệm của mỗi nơi:

- **Bà âu Cơ**: Bà mẹ "thủy tổ" của dân tộc, theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá muộn, được lập miếu thờ vọng gắn với thờ Quốc tổ ở vùng đất mới khai phá sau 1954, thờ cúng đơn giản, lễ cúng chính vào ngày 10/3 âm lịch.

- **Bà Ngũ Hành**: Được thờ phổ biến nhất, đó là 5 vị nữ thần ứng với: **Kim Đức thánh phi, Mộc Đức thánh phi, Thủy Đức thánh phi, Hỏa Đức thánh phi, Thổ Đức thánh phi**. Năm bà Ngũ Hành chỉ là ý niệm chung về các vị nữ thần có thiên chức phù trợ cho việc sản sinh và phát triển; không có thần tích cụ thể; ngày vía chính là 5/5 âm lịch. Ở những vùng nhiều hỏa hoạn, đông người Hoa, nhiều khi **Bà Hỏa (Hỏa Đức thánh phi)** được thờ riêng một miếu.

- **Liễu Hạnh Công chúa**: Nữ thần quen thuộc của cư dân Việt ở đồng bằng Bắc bộ, một thành viên trong Tứ Phủ được thờ ở miếu Bà dưới chân núi Gia Lào (thuộc địa bàn huyện Xuân Lộc), được cúng vía vào ngày rằm tháng 3 âm lịch.

- **Bà Chúa thượng ngàn**: Một nữ thần của cư dân đồng bằng Bắc bộ, của Tam Tòa, Tứ Phủ theo cư dân Việt vào Đồng Nai khá sớm, còn dấu vết được thờ ở nhiều nơi, dần dần bị lấn khuất trong hào quang của các Bà Ngũ Hành, chỉ còn rải rác một vài miếu thờ, như miếu thờ trong khuôn viên đình Thành Hưng (Biên Hòa). Bà được phối hưởng trong lễ cúng đình, không còn cúng ngày vía riêng.

- **Chúa Ngọc nương nương, Chúa Tiên nương nương:** Là biến thể của Thiên Y A Na Diên Ngọc Phi, mẹ xứ sở Po Inur Nagar của người Chăm; vừa được xem là thần độ mạng cho phụ nữ tại gia, vừa là thần nữ phù trợ cho cộng đồng. Lễ cúng vào ngày 3 tháng 3 (âm lịch) và các ngày rằm lớn.

- **Chúa Xứ nương nương, Linh sơn Thánh mẫu:** Cũng cùng một gốc với Chúa Ngọc, Chúa Tiên nhưng có trú sở, lai lịch và thần tích riêng. Chúa Xứ được giải thích có nguồn gốc ở Châu Đốc, điện thờ chính ở núi Sam (Châu Đốc, An Giang). Linh Sơn Thánh mẫu cũng vậy, tục gọi là Bà Đen, điện thờ chính ở núi Bà Đen (Tây Ninh).

- **Thiên Hậu Thánh mẫu:** Có nơi còn thờ với tự hiệu là Thiên Phi nương nương (như miếu ở đình An Hòa). Đây là vị nữ thần của người Hoa, họ Lâm gốc Phúc Kiến, được người Hoa đưa vào Nam bộ, hòa nhập với thần thánh địa phương trở thành một trong những vị thần bản địa. Vía Bà Thiên Hậu ngày 23/3 âm lịch.

- **Cửu Thiên Huyền Nữ:** Vị thần mang ý niệm chung, người ta tin rằng Bà là nữ thần quyền uy tối cao, cai quản cả chín tầng trời. Cửu Thiên Huyền Nữ là vị thần độ mạng phụ nữ, đồng thời là vị thần khai sáng, dạy cho con người biết làm nhà hai mái, biết làm mộc, đóng thuyền; Lộ Ban, Lộ Bốc, thờ Bà làm thầy. Bà được thờ trong miếu khắp nơi, vía Bà ngày 9/9 trùng với ngày Trùng Cửu của người Hoa.

- **Mẹ Thai sanh:** Nguồn gốc là Kim Hoa Thánh mẫu của người Hoa, vị thần trông nom về việc sinh nở. Người Đồng Nai thờ Mẹ Thai sanh - với quan niệm là "mười hai Mụ Bà và ba Đức Thầy".

- **Thủy Long Thần nữ:** Gốc là một thần giếng, dần dần được quan niệm là một thần cai quản sông nước, gọi chung là bà Thủy. Trong quan niệm dân gian hiện nay, bà Thủy bao hàm cả chức phận của Hà Bá và có thể cũng là Thủy Đức thánh phi trong bộ Ngũ Hành, cho nên ngày vía cũng là ngày 5/5 âm lịch.

- **Quan âm Bồ tát:** Vừa là Phật bà vừa là thần nữ. Người địa phương quan niệm Quan âm có họ hàng với các nữ thần, cùng chức năng cứu khổ, cứu nạn nhất là cứu nạn trên biển. Cho nên, Quan âm được kéo ra khỏi chùa, gắn với các miếu, nhiều khi cũng được cúng đờm như các nữ thần khác hoặc phối tự ở các miếu lẻ.

- **Các nữ thần bản địa:** Vừa dung nạp những vị nữ thần nhập cư người Biên Hòa - Đồng Nai vừa có xu hướng gởi gắm niềm tin của mình ở những nữ thần tuy không giàu thần tích nhưng gắn bó với mảnh đất mình đang sinh sống. **Thị Vãi**, một thôn nữ có tính cách khác thường, giàu lòng thương người được người địa phương yêu mến lập miếu thờ, và tên miếu gắn liền với tên núi ở Long Thành - Bà Rịa. **Cô bóng Hiên** chuyên việc bói toán nhưng thực lòng, khảng khái, được người địa phương tin phục, lập miếu thờ ở Thiện Tân (Vĩnh Cửu), Ngày vía Cô 15 tháng 2

âm lịch. Cô **Lê Thị Hồng**, một trinh nữ, chết trôi có tấm lòng yêu đất yêu biển Long Hải được ngư dân Long Hải thờ phụng ở Dinh Cô. Vía Cô ngày 10 tháng 12 âm lịch. Trịnh Hoài Đức có nhắc đến **Cô Hồng, Cô Các** trong Gia Định thành thông chí nhưng kết quả điền dã chưa tìm được cơ sở thờ cúng các Cô này ở Đồng Nai, chỉ thấy có tên gọi trong văn cúng.

Việc bài trí điện thờ hết sức đơn giản, gồm bát nhang, bình bông, chén nước, chân đèn; những ngày cúng thì: nước trong, bông tươi nhang thơm, đèn sáng; lễ vật cúng có thêm bánh, trái, xôi, chè, thịt, thường là thịt vịt hoặc heo thu gọn thành thủ vĩ. Nhiều nơi vật thờ còn có thêm: gương, lược, trâm cài, quạt và một vài món trang sức khác của nữ giới. Những miếu độc lập thường có thêm Tả ban, Hữu ban; Nhị vị công tử, Nhị vị công nương, Cậu Chài, Cậu Quới. Có miếu đầy đủ bàn thờ chư vị như: Tiên sư, Thành Hoàng, thần Hồ, thần Nông, Chúa Tiên, Quan âm Bồ tát như miếu Ngũ Hành ở Cái Vạn (huyện Nhơn Trạch). Vì là thờ nữ thần, cho nên án thờ dù nhỏ vẫn thường được trang hoàng sắc sỡ, có lộng che, rèm phủ. Câu đối xuất hiện nhiều nhất ở miếu Bà:

*Vạn cổ đào hoa chiêu Thánh nữ
Thiên thu vân tập hội Thần tiên.*

Về tượng thờ các Bà, trước kia rất ít miếu có cốt tượng, thường thờ đơn giản bằng chữ Hán vẽ trên tường hay dán trong khám thờ như: Ngũ Hành nương nương, Chúa Ngọc nương nương, Chúa Xứ nương nương; gần đây phát triển thờ cốt tượng bằng thạch cao, xi măng, gồm hoặc vẽ tranh lộng kiếng với lối sản xuất "hàng loạt" cho nên các Bà đều đồng dạng, trang phục lộng lẫy như nhau, chỉ khác ở tên gọi dành cho Bà này hay Bà kia. Riêng Bà Ngũ Hành là dễ nhận ra nhất với bộ cốt tượng đủ 5 bà trong 5 sắc áo khác nhau: Xanh, đỏ, tím, vàng, lục với quan niệm cổ truyền rằng hành thổ màu vàng là trung tâm nên ngồi giữa.

Lễ hội cúng Bà ở mỗi miếu một khác, tùy vào ngày vía của mỗi Bà. Những ngày sóc, vọng, ngày Tết, ngày vía đất, các miếu Bà được mở cửa cúng một lễ nhỏ bằng nhang, đèn, bông, bánh trái. Ngày vía mới là lễ chính. Có nơi cúng thường niên như nhau, có nơi đáo lệ 2, 3 năm một lần. Lễ cúng Vía Bà thường vào ban đêm (thuộc âm), do Ban tế tự của làng đứng cúng hoặc có khi do tổ chức Hội mẫu ở địa phương làm chủ lễ. Miếu thuộc hệ dân dân nên nghi thức cúng Bà không đóng khung theo khuôn phép điển lệ; cởi mở, sinh động hơn cúng đình. Tuy nhiên, nhiều địa phương vẫn áp dụng nghi thức cúng đình trong cúng miếu.

Lễ vật cúng đơn giản, không nhất thiết phải heo sống, heo đen, xôi tinh khiết, cũng không nhiều kiêng kỵ như cúng đình; bình thường thì: heo quay, heo luộc,

mâm xôi, đèn nhang, vàng bạc, bánh trái; có thể cúng vịt; nghèo hơn thì cúng gà, xôi chè, heo thu gọn thành thủvĩ, vịt quay... nói chung là tùy tâm, tùy sức. Dân làng thành tâm dâng cúng hoa, mâm vàngbạc, đồ trang sức.. đều được, miễn là lòng thành.Đêm trước ngày vía, có nơi áo lễ hai ba năm hoặc năm năm một lần tiến hành **lễ thay áo cho Bà như lễ mộc dục** phổ biến. Khi tiến hành lễ này, Chánh bái, Bồi tế lên nhang đènkhấn vái xin phép Bà, rồi lui ra. Các phụ nữ "sạch mình" đã chuẩn bị sẵn nước thơm (nướclá sả, hương nhu, bông buri), dùng khăn sạch nhúng nước thơm lau khắp tượng Bà; khănlau xong, vắt trả nước ra thau khác, cứ như thế cho đến khi sạch rồi thay cho Bà áo mới. Áo cũ và khăn lau không được dùng vào việc khác, sau phải đốt.

Một số miếu lại có tục nghênh ông ở đình về dự trước khi hành lễ chính; nghênh ông bằngkiệu có lỗ bộ, dàn nhạc, Lễ sinh và Chánh tế, Bồi tế đi hầu. Lễ đón ở đình, lễ xong phải đưa về. Riêng lễ hội chùa Bà Thiên Hậu ở Thủ Dầu Một và ở Bửu Long thì thực hiệntheo nghi thức của Đạo giáo, với nhiều nghi thức phức tạp; có đám rước Bà đi thăm đìnhtrước ngày lễ chính, có lễ phóng đăng, cúng thí, hát bội, đặc biệt có **lễ bắc cầu** ngầm ý đónBà từ biển vào. Lễ bắc cầu vào lúc 0 giờ, đêm đầu tiên của lễ hội. Cầu là một tấm vải đờng khoảng 0,6 mét, nối dài từ hương án bên ngoài sân vào chính điện. Cách khoảng 15mét; trên tấm cầu đồ rắc đầy hoa giấy, vàng bạc. Ba vị pháp sư tụng kinh cầu đón, lúc ngờiở bàn lễ, lúc đi vòng quanh như đón Bà; Khi Bà đã vào chính điện thì "**cầu**" được cuộn lạitrên trọng để trước án thờ. Lễ cúng Bà dịp tháng 3 năm 1995 ở chùa Thiên Hậu

(BửuLong), là lễ hội kéo dài 3 ngày do các pháp sư chuyên nghiệp cùng với dàn nhạc lễ chuyên trách thực hiện với một hệ thống tiết mục nghi lễ nhiều đến mức đa tạp. theo Ban tế tự, tổng chi phí



Lễ hầu đồng tại đền Thủy Lâm Động (huyện Định Quán)

cho lễ hội hơn 100 triệu trong đó 20 triệu chi phí cho nhóm pháp sư trong 3 ngày hành lễ.

Lễ cúng Bà Thiên Hậu như đã nêu là một hiện tượng riêng biệt, đáng suy nghĩ. Thông thường ở các miếu khác nghi thức hành lễ giản dị; dân đã hơn. Dự phần vào lễ hội cúng Bà phổ biến là *Hát bóng rối, Chạp Địa - Nàng*; đôi khi còn có hát bội, múa lân.



Miếu thờ Tam vị tổ sư (còn gọi là miếu Bà Thiên Hậu, phường Bửu Long, TP.Biên Hòa) do người Hoa lập cách đây mất trăm năm

Các nữ thần được thờ tại miếu ở Đồng Nai phần lớn có nguồn gốc nữ thânbiển, đánh dấu một hội ức gắn với chặng đường gian lao hình thành các cộng đồng cư dân Việt ở Đồng Nai. Với một tập hợp nữ thần phức hệ như thế, Đồng Nai như là **điểm hội tụ** đồng thời cũng là **noi khuếch tán** các hệ tín ngưỡng thờ nữ thần củamiền Bắc, miền Trung, miền Tây, người Hoa và bản địa. Tục thờ cúng nữ thần cũng cho thấy, cư dân Việt ở địa phương ít nhất cũng tìm được biểu tượng có ý nghĩa nhân bản hơn tư tưởng Nho giáo vốn xem thường phụ nữ.

Tập quán, tín ngưỡng của các dân tộc bản địa có nhiều nét khác cư dân Việt, Hoa. NgườiChâu Mạ thờ thần *Yang Nâu* tối cao, cúng *Yang Bri* (thần rừng) vào mùa săn bắn; cúng *Yang Hiu* (thần nhà) cầu cho gia đình bình yên; quan trọng nhất là lễ cúng *Yang Bonom*(thần núi) và *Yang Koi* (thần lúa) với sinh hoạt cổ truyền của cộng đồng. Người Mạ không coi trọng trình tiết, trai gái Mạ tự do tìm hiểu kết

bạn, con cô con cậu có thể kết hôn; đám hỏi, đám cưới có già làng làm mai dong; sau cưới chú rể ở bên nhà gái, sau đó mới ra riêng; luật tục truyền khẩu "*nđrih*" được thực hiện nghiêm, tội ngoại tình, chửa hoang bị phạt nặng. Khi có người chết, người làng làm lễ cúng Yang Bri xin cây đực làm hòm; hòm đưa vào nhà dài qua cửa lớn; xua để lâu ngày mới chôn, người chết được chia của; *thầy chang* cúng tế theo nghi thức cổ, làng có đám tang kiêng cử đi rừng 7 ngày; sau ba năm có *lễ bômả* như phong tục các dân tộc Tây Nguyên.

Người Stiêng, Châu Ro có tập quán, tín ngưỡng tương tự người Châu Ma, khác nhau ở tiết và tiếng nói, giống nhau ở quan niệm cổ truyền của cư dân cùng địa bàn cư trú Nam Trường Sơn.

II. Một hoạt động tập quán, tín ngưỡng dân gian gắn với cộng đồng xã hội mà bản thân từng biết, tham gia

Trong những tập quán, tín ngưỡng dân gian đặc sắc của người dân Biên Hòa- Đồng Nai, tôi có ấn tượng sâu sắc đến tục "*Thờ vọng Quốc tổ và các anh hùng dân tộc*". Đây là một nét đẹp văn hóa truyền thống từ bao đời nay của người dân Biên Hòa- Đồng Nai: tôn sư trọng đạo, biết ơn các bậc tiền nhân có công khai phá, xây dựng và phát triển vùng đất Đồng Nai nói riêng và nước Việt Nam nói chung như: Quốc tổ Hùng Vương, Chủ tịch Hồ Chí Minh, các anh hùng dân tộc: Trần Hưng Đạo, Nguyễn Tri Phương; Nguyễn Hữu Cảnh, Trần Thượng Xuyên, Trương Định, Nguyễn Đức Ứng, Đoàn Văn Cự, Trịnh Hoài Đức, Huỳnh Văn Nghệ... được thờ cúng trang nghiêm ở các đền, thờ, văn miếu trên địa bàn tỉnh. Nhưng ở đây tôi đặc biệt quan tâm đến các hoạt động thờ cúng Chủ tịch Hồ Chí Minh và những giá trị tinh thần cao quý mà Người đã ngự trị trong lòng trong cộng đồng nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai.

*Tổ Hùng Vương cơ nghiệp trường tồn
Hồ Chủ tịch công huân bất hủ
Thành đồng Tổ quốc mãi mãi vẻ vang
Hào khí Đồng Nai đời đời rực rỡ.*

Thủ tướng Phạm Văn Đồng từng nói: *Dân tộc Việt Nam có truyền thống tốt đẹp không phải quốc gia nào cũng có được là biết tôn kính, thờ cúng tổ tiên uống nước nhớ nguồn.* Dù đi đâu, ở đâu, làm gì... tấm lòng người Việt luôn hướng về cội nguồn. Tâm niệm về con Hồng cháu Lạc liền mạch chảy suốt qua bao vùng, miền, bao thế hệ. Ấy là nhân tố tạo nên sức mạnh tinh thần bất diệt, tạo nên truyền thống đoàn kết dân tộc, tình nghĩa đồng bào, và trở thành lực lượng vật chất đánh bại các

muu toan xâm lược chia cắt đất nước ta, dân tộc ta. Dần dần nó đã trở thành một ý thức hệ được hun đúc trong từng người và cả cộng đồng. Vua Hùng đã hiển nhiên tồn tại và ngự trị trên bình diện ý thức tâm linh của người Việt và đã trở thành điểm hội tụ của tinh thần đại đoàn kết dân tộc Việt Nam.

Nếu như vua Hùng có công lớn trong việc khai lập nhà nước Văn Lang- Đại Việt, việc thờ cúng Quốc tổ Hùng Vương là nét đẹp văn hóa tốt đời đẹp đạo của người dân Đồng Nai, luôn nhớ ơn công đức của các Vua Hùng, là truyền thống lâu đời của cả dân tộc. Thì việc thờ cúng Chủ tịch Hồ Chí Minh là một nét mới trong tập quán, văn hóa, tín ngưỡng của người dân Biên Hòa- Đồng Nai nói riêng và Việt Nam nói chung. Việc lập bàn thờ Bác trong điện thờ Hùng Vương là hiện tượng đặc sắc biểu hiện truyền thống “*Uống nước nhớ nguồn*” của nhân dân ta. Trong tâm niệm của người Biên Hòa, Quốc tổ Hùng Vương có công dựng nước; Bác Hồ là người có công dẫn đường, mở lối, lãnh đạo toàn dân đấu tranh chống ngoại xâm, xây dựng và phát triển đất nước. Công lao và đức độ của Bác Hồ xứng đáng được nhân dân đời đời tưởng nhớ như tưởng nhớ Quốc tổ. Do đó tôi đặc biệt ấn

Bác là một nhân vật lịch sử- văn hóa mang cốt cách cao quý; một danh nhân văn hóa mà cả thế giới đều trân trọng, nể phục; một lãnh tụ kiệt xuất kiên trung trăm năm có một. Không nơi đâu trên thế giới này lại có một quốc gia đắm chìm trong chiến tranh, hoạn lạc, khổ đau như đất nước Việt Nam: nghìn năm phong kiến Bắc thuộc, trăm năm nô lệ lầm than dưới ách đô hộ, thống trị của Thực dân Pháp, Đế quốc Mỹ. Nhiều sĩ phu yêu nước đã đứng lên đấu tranh giành chính quyền nhưng đều thất bại, duy chỉ có Người Thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành đã tìm đúng con đường lãnh đạo nhân dân giải phóng đất nước và ngày 02/9/1945 lịch sử, Bác đã đọc tuyên bản ngôn độc lập tuyên bố với cả thế giới về việc khai sinh nước Việt Nam độc lập, chủ quyền.

Người Việt Nam đội trời đạp đất, sống đau thương tủi nhục sao đành!

Dân Đồng Nai vũng chí bèn gan, dẫu chém giết tù đầy há sợ?

Lừa anh hùng: dập tắt lại bùng lên

Vận Tổ quốc: mờ đi rồi lại tỏ

Mở đường cứu nước, Hồ Chí Minh như vầng nhật sáng ngời

Hết dạ vì dân, Đảng Cộng sản giương ngọn cờ giác ngộ

Năm Bốn lăm lịch sử, bão căm hờn rung chuyển cả non sông

Ngày Tháng Tám mùa thu, sóng cách mạng trào lên như bão vũ

Ngàn năm phá ách cường quyền

Một buổi dựng nền dân chủ

Dưới ánh sáng của lý tưởng cộng sản, nhân dân Việt Nam nói chung và đồng bào Biên Hòa-Đồng Nai đã quyết tử cho tổ quốc quyết sinh, bao tâm gương anh dũng hy sinh đã tiếp bước máu lửa, nhiệt huyết cho lớp lớp người lính bộ đội cụ Hồ xông pha vào biển lửa, đánh đuổi Pháp Mỹ, làm cho Ngụy nhào, giành lại chính quyền về tay nhân dân.

*Trên đất Đồng Nai, dưới trời Nam bộ
Đi trước về sau, đầu sóng ngọn gió
Trải bao nguy khôn, Đảng vẫn vững vàng
Gặp bước hiểm nghèo, dân càng gắn bó
Trí mưu: đánh bót diệt đồn
Anh dũng: trừ gian bảm trụ*

*Phá Xuân Lộc tan thành lũy thép: cực hoang mang Mỹ cút Ngụy nhào
Vào Sài Gòn rực rỡ cờ hoa: đại đoàn tụ trời xưa đất cũ
Quê hương giải phóng, đỉnh Long Sơn bát ngát mây bay
Ngày tháng thanh bình, dòng Phước thủy dạt dào sóng vỗ*

Công lao to lớn của Bác, người dân Đồng Nai không bao giờ quên. Tình cảm của Bác đối với nhân dân muôn đời không phai nhạt. Bác vẫn sống mãi, đẹp rạng ngời như vầng trăng dẫn đường giữa đêm đen tĩnh mịch, như mặt trời chân lý sáng qua tim, như ngọn lửa tràn đầy nhiệt huyết sưởi ấm những tâm hồn giá lạnh. Mỗi người dân Biên Hòa- Đồng Nai đều lưu giữ hình ảnh Bác một cách trang trọng trong tim, tâm tưởng vừa thân thương như một vị cố nhân, vừa tôn sùng kính trọng như một vị khai quốc công thần, một lãnh tụ vĩ đại.

Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, miền Nam- mảnh đất “đi trước về sau” kiên cường đánh giặc suốt mấy chục năm trường, từng chịu biết bao đau thương, gian khổ, Bác đã dành cho đồng bào miền Nam nói chung và người dân Biên Hòa-Đồng Nai những tình cảm thiêng liêng cao quý nhất: “*Miền Nam luôn ở trái tim tôi*”

*“Bác nhớ miền Nam nỗi nhớ nhà
Miền nam mong Bác nỗi mong cha” (Tố Hữu)*

Người dân Đồng Nai coi Bác Hồ là biểu tượng tinh thần không phải bắt nguồn từ mệnh lệnh, quyền uy mà xuất phát từ tấm lòng. Trước hết là tấm lòng của Bác. Sự quan tâm đồng cảm của Người khiến cho người Đồng Nai xúc động và từ đó khơi dậy những động lực tinh thần. Khi xa Tổ quốc, người vẫn thấu hiểu hoàn cảnh của phụ làm muối ở Bà Rịa, cảm thông, chia sẻ “*nỗi khổ nhục của người phụ nữ bán xứ*”. Trong thư gửi các cháu thiếu niên nhi đồng cả nước, bác viết những dòng thư chất chứa bao nỗi niềm “*Bác thương các cháu lắm. Bác hứa với các cháu*

rằng: đến ngày đánh đuổi hết giặc Pháp, kháng chiến thành công thì Bác cùng Chính phủ và các đoàn thể cũng cố gắng làm cho các cháu đều được no ấm, đều được vui chơi, đều được học hành, đều được vui sướng”.

Hay trong tác phẩm Bản án chế độ Thực dân Pháp, Nguyễn Ái Quốc đã vạch rõ sự mỉa dân một cách lộ bịch của chính quyền thuộc địa Pháp về sự kiện “Những ngày hội ở Biên Hoà” khi chúng tổ chức khánh thành “Đài kỷ niệm người Việt trận vong” ngày 21/3/1923. Đây là bản cáo trạng hùng hồn, lên án chế độ thực dân tàn bạo, chà đạp lên một dân tộc. Những quốc gia, dân tộc và cả những số phận bị áp bức ấy chỉ còn một con đường duy nhất là vùng lên tự giải phóng. Không phải ngẫu nhiên mà ngày 1/5/1930 lá cờ đỏ búa liềm xuất hiện ngạo nghễ tung bay tại đây. Rồi mười lăm năm sau, hàng vạn người dân Biên Hoà, đội ngũ chỉnh tề, tầm vong vật nhọn, cờ đỏ sao vàng rầm rập đi ngang qua Đài kỷ niệm để đón chào nền độc lập tự do vào mùa thu tháng 8/1945 lịch sử. Mùa xuân năm 1975, Đài kỷ niệm lại chứng kiến đoàn quân chiến thắng hùng hậu với xe tăng, trọng pháo tiến vào Biên Hoà, hoàn thành chiến dịch Hồ Chí Minh tại Đồng Nai.



Đêm 31/10/1964, quân dân Đồng Nai lập chiến công vang dội ở sân bay Biên Hòa, mười hai ngày sau, Bác có bài viết và thơ chung vui đăng báo Nhân Dân:

... Uy danh lừng lẫy khắp năm châu
Đạn cối tuôn cho Mỹ bể đầu
Thành đồng trống thẳng lay Lầu trắng
Điện Biên Mỹ chẳng phải chờ lâu

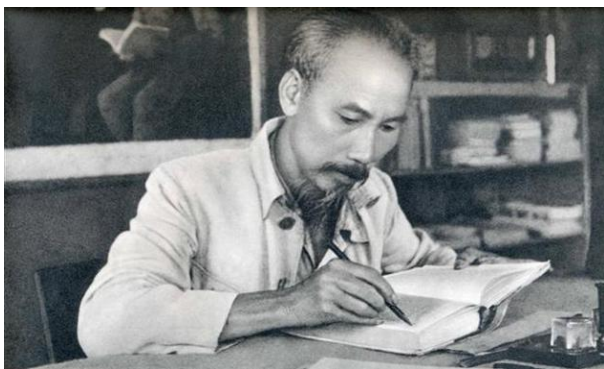
Những nghĩa cử ấy chứng tỏ Bác Hồ vẫn luôn bên cạnh người Đồng Nai, rất gần gũi và cụ thể; trái tim Người hoà nhập cùng niềm vui, nỗi lo của đồng bào. Tấm lòng của một lãnh tụ như vậy được nhân dân Đồng Nai trân trọng và sẵn sàng đền đáp. Khó mà phân biệt rạch ròi thái độ của người dân Đồng Nai đối với Bác Hồ; một mặt là sự tận hiến về vật chất theo lệnh của lãnh tụ để giải phóng dân tộc, một mặt là sự “*nap vào*” những năng lượng tinh thần để xác lập niềm tin và những chuẩn mực giá trị mới trong đời sống tinh thần của mình; một bên là tư duy duy lý, một bên là tín ngưỡng dân gian. Hai mặt thúc đẩy, bồi đắp cho nhau thành sức mạnh lớn hơn khả năng hiện có. Bác Hồ đã từng khẳng định chân lý: “*Đồng bào Nam bộ là dân nước Việt Nam. Sông có thể cạn, núi có thể mòn, song chân lý đó không bao giờ thay đổi*” hay “*Dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành lấy độc lập*”. Lời của Bác là ý chí sắt đá của Đảng, quyết tâm của cả dân tộc; động viên quân và dân cả nước giữ vững ý chí, quyết tâm, nêu cao tinh thần tự lực, tự cường để chiến thắng quân xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Chính vì lẽ đó, mong mỗi và tin tưởng sẽ có ngày Bắc-Nam sum họp một nhà, mà triệu triệu quân dân miền Nam đã dưng cảm hy sinh quên mình chiến



Mô hình tra tấn ở Nhà lao Tân Hiệp, Biên Hòa

đấu giành độc lập thống nhất tổ quốc; đồng thời tỏ tấm lòng tri ân, yêu quý Bác. Chính bởi một lòng tin yêu vào Hồ Chủ tịch mà biết bao thế hệ cựu tù binh cộng sản chẳng may sa vào tay giặc, dù bị cực hình tra tấn vẫn một lòng tin vào Đảng, Bác Hồ, tin vào thắng lợi cuối cùng của sự nghiệp cách mạng Việt nam. Tại Nhà lao Tân Hiệp, chính quyền Mỹ- ngụy đã giam giữ những chiến sĩ cách mạng, đồng bào yêu nước và những người chống chế độ Ngô Đình Diệm ở miền Nam. Chúng dùng nhục hình tra tấn và cả thủ đoạn dụ dỗ, mua chuộc để lung lay ý chí, kêu người theo cách mạng ly khai, phản bội ý tưởng. Hình ảnh thiêng liêng và sâu nặng nghĩa tình, in đậm trong mỗi trái tim người cộng sản Việt Nam là hình ảnh Bác Hồ- vị Cha già kính yêu của dân tộc. Chính trong những lúc đứng trước những khó khăn thử thách quyết liệt, đối mặt với những đòn tra tấn dã man của kẻ thù, hình ảnh Bác càng trở nên thiêng liêng, gần gũi, rực sáng như vì sao dẫn đường, có sức mạnh cổ vũ, khích lệ lòng dũng cảm, sự hy sinh không tiếc máu xương cho sự nghiệp cách mạng của Đảng và ước mơ, hoài bão của Người. Dù sống trong ngục tù khắc nghiệt của kẻ thù, các cô chú vẫn phơi phới niềm tin vào thắng lợi. Di tích lịch sử Nhà Lao Tân Hiệp vẫn còn đó, đánh dấu sự nổi dậy, quyết tâm thoát khỏi nhà tù đế quốc Mỹ, trở về với Đảng với nhân dân để tiếp tục chiến đấu giải phóng dân tộc của những chiến sĩ cộng sản chân chính.



Sinh thời Bác luôn cánh cánh một nỗi lo nhân dân Miền Nam chưa được giải phóng, Bắc- Nam chưa về một nhà; thương nhân dân miền Nam còn khó khăn, khổ sở. Lo cùng nỗi lo của dân tộc, dù Bắc- Nam xa cách nhưng Bác luôn theo dõi sát sao những chiến công của quân dân miền Nam nói chung và nhân dân

Biên Hòa- Đồng Nai nói riêng. Mỗi trận chiến, mỗi chiến dịch đều có sự chỉ đạo sáng suốt của Bác. Nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai quyết tâm lập thành tích, chiến công nối tiếp chiến công là sự đền đáp tấm lòng vô bờ bến của Bác. Với chiến thắng cầu Bà Kiên ngày 19/3/1967 Chủ tịch Hồ Chí Minh ký sắc lệnh thành lập binh chủng đặc công và không quên tặng 4 câu thơ để khích lệ tinh thần Binh chủng Đặc công:

*“Đặc biệt tinh nhuệ
Anh dũng tuyệt vời
Mưu trí táo bạo
Đánh hiểm thắng lớn”*

Do không có điều kiện giao tiếp với Bác, nhất là trong hai cuộc kháng chiến, hình ảnh Bác Hồ tồn tại trong lòng người Đồng Nai chủ yếu qua lòng tin và trí tưởng tượng. Từ một số bức ảnh hiếm hoi trên báo, trên tin phiếu, từ lời kể của một ít người may mắn được gặp Bác, nhân dân Đồng Nai hình dung Bác Hồ là một “ông già tiên” với những đặc điểm ngoại hình đẹp nhất và đức tính hoàn hảo nhất. Thói quen thần thánh hóa nhân vật anh hùng của nhân dân đã dành cho Bác Hồ vẻ đẹp vừa “nhân tính” (ông già) vừa “thánh tính” (tiên), vừa thiêng liêng vừa gần gũi. Sách vở, tư liệu về Bác đến với người Đồng Nai chậm hơn con đường truyền khẩu. Những chuyện kể có thật về Bác được truyền khẩu, được nhân gian hóa, được óc tưởng tượng của người bình dân thêu dệt thành những chuyện kể, truyền thuyết khiến nhiều người thuộc lòng hình ảnh của Người từ việc ăn “cháo bẹ rau rừng” ở hang Pắc Pó đến thái độ ân cần đối với các anh hùng dũng sĩ và các cháu thiếu nhi miền Nam tập kết. Trong chiến khu hoặc ở vùng địch tạm chiếm, truyện kể về Bác Hồ luôn là một món quà quý báu. Khi kể chuyện về Bác cũng là khi người ta truyền cho nhau hơi ấm, sức mạnh và chí hướng theo con đường của Bác.

Nhân dân miền Nam nói chung, Đồng Nai nói riêng thường bị địch khủng bố, xuyên tạc, cách ly với Cộng sản cho nên thông tin lý luận về cách mạng, về đấu tranh giải phóng dân tộc... nhiều khi mơ hồ, không đầy đủ. Những lúc ấy, hình ảnh Bác Hồ trong tim thay cho tất cả. Người như có mặt ở khắp mọi tâm lòng, trong mọi phút mọi giây, trong ngục tù, giữa pháp trường, bên công sự, trên bãi pháo... Những bà mẹ anh hùng xã Phước An (huyện Nhơn Trạch) tiễn chồng con đi tòng quân, lý lẽ rất đơn giản: Đi theo Cụ Hồ là đi với cái đúng, không tiếc gì hết ! Một chiến sĩ du kích Chiến khu Đ bị lính Pháp mổ bụng vẫn không ly khai Cụ Hồ. Một em bé giao liên xã Lạc An (huyện Tân Uyên) bị bắn thả trôi sông tay vẫn ghì chặt ảnh Bác Hồ. Rất nhiều tấm gương hy sinh, trước khi trút hơi thở cuối cùng vẫn hô vang tên Bác. Ở xã Cẩm Mỹ (huyện Long Khánh) còn một con đường mòn fân gian gọi là đường Hồ Chí Minh bởi vì những chiến sĩ cách mạng qua con đường này đến bãi bắn thường gọi vang tên người: đồng chí Ngô Bá Cao – Bí thư Tỉnh ủy Biên Hòa bị kết án tử hình năm 1959, chuẩn bị lên máy chém bằng niềm tin mãnh liệt ở người:

*... Lời Bác còn đây dạ sắt son
Còn dân, còn Đảng còn nước non*

*Con vẫn bên Cha mãi mãi còn...
(Án tử hình nhớ Bác)*



Nhiều hình ảnh xả thân vì Tổ quốc, trung thành với lãnh tụ như thế kể ra không xiêm; đời nào, ở nơi đâu cũng có. Điều đáng lưu ý ở đây là hình ảnh của lãnh tụ Hồ Chí Minh đã trở thành động lực bên trong để thúc đẩy con người hành động. Thực tế hình ảnh Bác Hồ từ cuộc đời thực đã đi vào sinh hoạt văn hóa tín ngưỡng của người Đồng Nai một cách tự nhiên và sinh động. Chính ở đây mới thấy rõ nhất lòng dân đối với Bác Hồ.



Trong tâm thức người dân Biên Hòa- Đồng Nai, Bác là hiện thân của cái đúng, cái đẹp, cái cao quý. Bác luôn ở phía trước để vươn đến nhưng cũng luôn bên cạnh để chia sẻ, bày tỏ. Hình ảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh tồn tại trong lòng người Biên Hòa- Đồng Nai chủ yếu qua lòng tin và trí tưởng tượng. Bác vừa gieo ân đức

cho gia đình (được thờ trong nhà) vừa là cứu tinh của dân tộc (được thờ cúng ở cộng đồng). Sự xa cách về không gian khiến cho người Đồng Nai trân trọng, thành tín đối với bất cứ hiện vật gì liên quan đến Bác Hồ. Từ một số bức ảnh hiếm hoi trên báo, tin phiếu hay từ lời kể của một số ít người được gặp Bác đã hình thành trong tâm thức của người Biên Hòa- Đồng Nai. Chiếc đồng hồ Bác tặng đồng chí Lê Ngọc Bạch năm 1959 không chỉ là vật lưu niệm riêng của gia đình mà trở thành bảo vật của cộng đồng được rước vào lưu giữ trang trọng tại Nhà Bảo tàng Đồng Nai. Thơ chúc Tết của Bác được các cụ già chép cẩn thận đặt ở án thờ. Thiếp chúc Tết có in thơ Bác năm 1968 và ảnh Bác in trên báo từ năm 1949 được bác nông dân Nguyễn Văn Dục (xã Bình Lợi, huyện Vĩnh Cửu) cất giữ và xem đó quý hơn sinh mạng mình. Má Nguyễn thị Hậu (xã Phước An, huyện Nhơn Trạch) “thờ sớng CỤ HỒ” bằng một tờ tín phiếu có ảnh Bác. Tín phiếu cách mạng phát hành năm 1949 có in ảnh Bác được nhân dân Đồng Nai tin dùng, đến mức “Còn sợi râu CỤ HỒ cũng xài”.





Bàn thờ Bác trong nhà là hiện tượng phổ biến. Gia đình của người Việt ở Đồng Nai có tập quán thờ ông bà và những vị thần có liên quan đến bổn mạng của mình: Táo quân bảo trợ việc bếp núc, các nữ thần là mẹ Sanh mẹ Độ; ông Địa, Thần Tài phù trợ việc làm ăn... Từ khi Bác mất, nhiều gia đình có thêm bàn thờ Bác với ý nghĩa Bác vừa là Cha già, vừa là người đem lại hạnh phúc cho gia đình. Để tránh tai mất địch, bàn thờ thường đặt ở gian giữa nhà như là thờ tổ tiên, có



người dùng tín phiếu làm ảnh thờ như má Hậu – Phước An, có nhà viết tên Bác Hồ bằng chữ Hán vào bài vị để kín đáo đầu đó trên bàn thờ, đa phần thay hình ảnh, tên tuổi bằng chữ Phước (Hán tự) ngầm hiểu Bác Hồ bảo trợ cho phúc đức của mọi người. Gia đình của một số nguy quân

cũng thờ và hương khói cho Bác. Có một hiện tượng dễ thấy: nhiều tên dịch hồng hách, ngổ ngáo réo tên cả quan thầy của chúng ra chửi, nhưng không hề dám xúc phạm đến tên tuổi Bác Hồ; có kẻ cúi đầu trước bàn thờ truy điệu Bác một cách thành kính. Sau khi miền Nam giải phóng, việc thờ cúng Bác được công khai, ảnh Bác Hồ thường được treo trang trọng phía trên bàn thờ chính trong nhà.

Trong sinh hoạt cộng đồng, người Việt ở Đồng Nai có thờ cúng những người có công lớn, đem lại lợi ích thiết thực cho nhân dân. Những bậc tiền nhân có công khai phá đất Đồng Nai, những anh hùng, dũng sĩ có công đánh giặc, diệt thú dữ cũng được đưa vào thờ trong đình như: Đình Tân Lâm thờ đức ông Trần Thượng Xuyên; Đền thờ Nguyễn Hữu Cảnh... Với quan niệm như thế, Bác Hồ, vị cứu tinh của dân tộc rất xứng đáng được cộng đồng thờ cúng. Những năm chiến tranh, việc thờ cúng Bác Hồ ở cộng đồng khó khăn hơn ở gia đình. Nhưng một số đình, chùa vẫn kín đáo dành nơi trang trọng thờ Bác Hồ. Đình Long Thọ, miếu Cây Vạn (huyện Nhơn Trạch) thờ Bác Hồ dưới hình thức bàn thờ Tiên sư; Chùa Bửu Phong (Biên Hòa) thờ Bác tượng trưng ở bàn thờ hậu tổ; Đình Phú Mỹ (xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch) đã tạo 3 bức hoành phi ngậm hiệu tưởng niệm Bác Hồ với nội dung:

Hồ nhiên nhi thiên

Chí Vọng thâm ân

Minh hoài hậu đức

Ở đền thờ Hùng Vương, Bác Hồ được thờ ở tiền điện như là vị Hùng Vương thứ 19. Ngày lễ chính của đền này là 10-3 âm lịch (giỗ Tổ) và 19-5 dương lịch (sinh nhật Bác). Trong ngày lễ hội tại đền, trước bàn thờ Bác Hồ và Quốc tổ Hùng Vương có đủ thành phần: Đảng viên cộng sản, chính quyền địa phương, Phật giáo, giáo dân, có cả các chức sắc của Thiên Chúa giáo và Phật giáo... Ở đây, mối quan hệ đoàn kết toàn dân có chung hạt nhân là Quốc tổ, trong đó mặc nhiên Bác Hồ như là vị Quốc tổ thứ 19. Việc thờ phụng, lễ giỗ Bác Hồ của người Biên Hòa- Đồng Nai là sinh hoạt văn hóa tâm linh của cộng đồng được thực hiện với những nghi thức trang trọng, bày tỏ lòng thành kính đối với Bác.

Là một chiến sĩ Công an nhân dân, tôi may mắn nhiều lần được cùng đơn vị tham dự những buổi sinh hoạt chính trị, thấp nển tri ân các anh hùng liệt sỹ và dân hương Bác Hồ tại Văn Miếu Trấn Biên. Đây là một địa chỉ đỏ cho những chuyến về nguồn, ôn lại truyền thống vẻ vang của dân tộc, vừa là một địa điểm tham quan du lịch hấp dẫn. Văn Miếu Trấn Biên là công trình văn hóa tâm linh của cộng đồng để tôn vinh các vĩ nhân, danh nhân văn hóa tiêu biểu dưới hình thức tín ngưỡng dân gian truyền thống, tạo nên một thiết chế sinh hoạt phản ánh các giá trị văn hóa, giáo dục của vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai. Ngoài việc thờ phụng các danh nhân văn hóa- giáo dục xưa và nay, Văn Miếu Trấn Biên còn là nơi tổ chức lễ báo công, tuyên dương tài năng trên các lĩnh vực của cuộc sống. Từ khi khánh thành đến nay, Văn Miếu Trấn Biên là nơi thường xuyên diễn ra các lễ viếng các bậc tiền nhân, tổ chức tuyên dương, khen thưởng, báo công những thành tích đặc biệt trên các lĩnh vực mà Đảng bộ và nhân dân Đồng Nai đạt được, đặc biệt trên lĩnh vực văn hóa- giáo dục.



Chủ tịch Hồ Chí Minh, anh hùng giải phóng dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới được thờ trang trọng tại *Gian giữa Nhà Đại Bái- Văn miếu Trấn Biên*. Nơi đặt tượng cùng hương án thờ Bác Hồ được đặt trên một bệ ghép bằng các đá tảng cốt cao so với nền cốt nhà là 600cm. Xung quanh bệ thờ có lan can tay vịn cũng bằng đá tảng đục. Lối lên bực ở giữa tiếp đến bát hương đại bằng đồng, sau đó là bộ hương án gỗ sơn son thiếp vàng. Tượng Bác Hồ bán thân đúc bằng đồng đặt trên bệ đá cao hơn hương án gỗ 200cm. Phía sau không gian thờ Hồ Chủ tịch là biểu tượng của mặt trống đồng Ngọc Lũ, biểu trưng của văn hóa Việt Nam. Toàn bộ biểu tượng mặt trống đồng được gò khắc bằng tôn đồng, đường kính 4.000cm có tầm cao hơn tượng Bác Hồ.

Trong số những sự kiện được tổ chức hằng năm tại Văn miếu Trấn Biên không thể không kể đến lễ tưởng niệm ngày mất của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Ngày 21/7 âm lịch hằng năm, Lãnh đạo tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận tổ quốc tỉnh Đồng Nai cùng đông đảo cán bộ chiến sĩ, các tầng lớp nhân dân, ban quý tế, ban trị sự, ban quản lý các đền trong toàn tỉnh lại tề tựu tại Văn Miếu Trấn Biên để dâng hương tưởng nhớ Bác Hồ. Lễ được thực hiện theo nghi thức tế lễ, dâng hương, dâng hoa, lễ vật theo nghi thức dân gian Nam bộ do ban quý tế các đình, đền tại TP.Biên Hòa thực hiện ngay tại Nhà Bái đường- nơi có gian thờ đặt tượng chân dung Bác.





Ngày 31/8/2018 (tức 21/7 âm lịch), tại Văn miếu Trấn Biên đã diễn ra lễ tưởng niệm 49 năm ngày mất Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong không khí trang nghiêm của buổi lễ, Đảng bộ, chính quyền, các chức sắc tôn giáo và nhân dân Biên Hòa-Đồng Nai đã dâng hương lên Đền thờ Bác, thể hiện lòng thành kính biết ơn vị Cha già của dân tộc, nhà cách mạng thiên tài trong sự nghiệp giải phóng dân tộc. Theo thông lệ, Ban Quý tế các đình trên địa bàn Thành phố Biên Hòa luân phiên thực hiện nghi thức tế lễ. Năm nay, Ban Quý tế đình Phước Tân (xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa) giữ vai trò chủ lễ. Trong chương trình buổi lễ, Ban tổ chức đã trao bằng tri ân, giấy chứng nhận cho ban quý tế các đình tham gia tổ chức lễ tưởng niệm. Lễ tưởng niệm 50 năm ngày mất của Chủ tịch Hồ Chí Minh năm 2019 sẽ do Ban quý tế Đình Tân Mai làm chủ lễ.

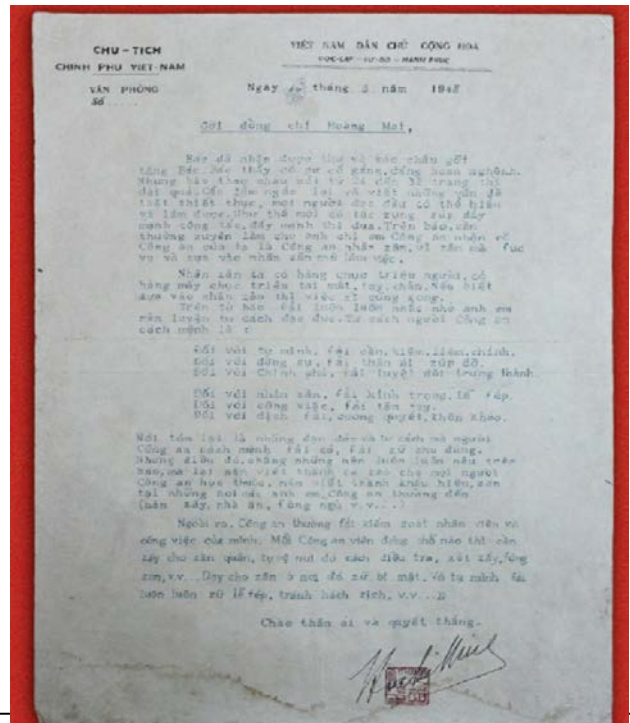
Ngày nay, hình ảnh Bác Hồ với gương mặt phúc hậu, vàng trán cao uy dũng, chòm râu và mái tóc bạc phơ thật gần gũi thân thương với lớp lớp thế hệ thiếu niên, nhi đồng trên cả nước. Mỗi lớp học đều treo ảnh Bác ở vị trí trang trọng, hằng ngày các cháu đọc to Năm điều Bác Hồ dạy nhân 20 năm Ngày thành lập Đội Thiếu niên tiền phong. “Năm điều Bác Hồ dạy” đã trở thành tiêu chuẩn đạo đức của trẻ em

Việt Nam phấn đấu, tu dưỡng rèn luyện để trở thành Châu ngoan Bác Hồ. Và nhớ như in lời Bác dạy: “*Tuổi nhỏ làm việc nhỏ. Tùy theo sức của mình: Để tham gia kháng chiến, để gìn giữ hòa bình*”. Hay “*Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang sánh vai với các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em*”. Biết bao thế hệ nhân dân Việt Nam vẫn gọi hai tiếng “Bác Hồ” thân thương; vẫn tin một niềm tin thắng lợi, tin vào Đảng, tin vào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dù Bác đã đi xa, nhưng trong trái tim của người dân Đồng Nai, Bác vẫn gần gũi hiện hữu, là tấm gương đạo đức sáng ngời.





Gần 50 năm kể từ ngày Bác mất, nhưng những lời Bác dạy vẫn còn nguyên giá trị trường tồn, như là kim chỉ nan cho mọi hoạt động, từ đó sống tốt hơn, đẹp hơn, có ích cho xã hội và nước nhà hơn. Cuộc đời hoạt động cách mạng của Chủ tịch Hồ Chí Minh là một kho tàng sống động, vô cùng phong phú; kiến thức uyên thâm của Bác về mọi vấn đề của đời sống chính trị- xã hội; những nhận xét, đánh giá và lời góp ý của Bác luôn chính xác, sâu sắc, toàn diện. Những giá trị to lớn của tư tưởng và tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh như “Trung với nước, hiếu với dân”, “yêu thương con người, sống có nghĩa có tình”; “cần, kiệm, liêm chính, chí công, vô tư”, “Nâng cao đạo đức cách mạng, quét sạch chủ nghĩa cá nhân”;



“Hết lòng hết sức phục vụ nhân dân”; “Xây dựng Đảng ta trong sạch, vững mạnh, đạo đức, văn minh...” được cả xã hội khẳng định đó là lý tưởng, khát vọng và là những phẩm chất đạo đức tiêu biểu mà mọi thế hệ thanh niên Việt Nam phải không ngừng tu dưỡng vươn lên. Những lời dạy của Bác là định hướng cơ bản, ngọn đuốc soi đường cho mọi hành động của cán bộ, Đảng viên, đồng thời là chuẩn mực về đạo đức, nhân cách mà mỗi cán bộ, Đảng viên và nhân dân phải rèn luyện, phấn đấu, thực hiện.

III. Vai trò, trách nhiệm của bản thân và xã hội trong việc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc:

Đồng Nai có vị trí hết sức quan trọng, là cửa ngõ phía đông thành phố Hồ Chí Minh, nối Nam Trung bộ, Nam Tây Nguyên với toàn bộ vùng Đông Nam bộ bởi các tuyến giao thông huyết mạch như Quốc lộ 1A, quốc lộ 51 và tuyến đường sắt Thống Nhất... Vì thế Đồng Nai được xem như là “bản lề chiến lược” giữa bốn vùng của các tỉnh phía Nam. Nó không chỉ có vai trò trọng yếu trong phát triển kinh tế mà còn có ý nghĩa đặc biệt về kinh tế kết hợp an ninh quốc phòng và môi trường của kinh tế trọng điểm phía Nam. Đây là một vùng đất đa dân tộc, đa tôn giáo, đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Nơi đây là điểm hội tụ các cộng đồng dân cư, giao lưu lịch sử - văn hóa và phát triển kinh tế liên tục trải qua các thời kỳ. Với vị trí địa lý chiến lược, sự ổn định chính trị, vững mạnh về quốc phòng- an ninh không chỉ có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội- văn hóa của tỉnh mà còn có ý nghĩa đối với vùng miền Đông Nam bộ cũng như cả nước. Đây cũng là thuận lợi để Đồng Nai phát triển kinh tế - xã hội trong thời gian qua; đồng thời cũng là thách thức tỉnh nhà phải đối mặt. Các thế lực thù địch tìm mọi cách móc nối với một số đối tượng cực đoan tiến hành rải tờ rơi, tán phát tài liệu phản động; lợi dụng tình hình đình công, lãn công, khiếu kiện đông người để tuyên truyền, kích động, chống đối, gây ảnh hưởng đến việc triển khai, thực hiện một số chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước tại địa phương, tác động nhiều chiều trong dư luận xã hội; gây ảnh hưởng không nhỏ đến công tác đảm bảo ANQG, ANCT trên địa bàn tỉnh

Là một người con của đất Đồng Nai, tôi không khỏi tự hào về vùng đất gian lao mà anh dũng này. Từ bậc khai sơn đi mở cõi như Đức Thượng Đăng thần Nguyễn Hữu Cảnh, đến những danh nhân văn hóa kiệt xuất, anh hùng lao động, lực lượng vũ trang đã đóng góp một phần không nhỏ vào sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh nhà. Từ những danh lam thắng cảnh đã đi vào trái tim và tâm tưởng của người dân Đồng Nai như một Nông Nại Đại Phố với biết bao thăng trầm của lịch

sử, một làng bưởi Tân Triều nổi tiếng khắp cả nước hay những làng nghề truyền thống một thời đã góp phần đưa xứ Đồng Nai phát triển hưng thịnh về mặt kinh tế - xã hội nhất xứ Đàng Trong- Đàng Ngoài; quân thể di tích Bửu Long, chiến khu Đ oai hùng, lừng lẫy một thời đã dần khẳng định vị thế của đất Đồng Nai trên bản đồ Việt Nam. Cư dân Đồng Nai có tinh thần đoàn kết, cần cù trong lao động và kiên cường trong công cuộc giải phóng dân tộc. Xuyên suốt lịch sử giải phóng dân tộc, quân và dân Đồng Nai đã anh dũng, kiên cường vượt qua mọi khó khăn, gian khổ tiến hành thắng lợi hai cuộc kháng chiến trường kỳ chống thực dân Pháp và Đế Quốc Mỹ xâm lược. Chặng đường đầy thử thách, gian nan nhưng rất hào hùng ấy đã thấm đượm biết bao sự hy sinh của nhiều thế hệ Đồng Nai, góp phần làm nên trang sử vàng của vùng đất “miền Đông gian lao mà anh dũng”. ***Để phát huy và bảo tồn bản sắc văn hóa dân tộc trong giai đoạn hiện nay”, tôi xin có một số ý kiến như sau:***

1. Cần xây dựng một chiến lược tổng thể trong xây dựng và phát triển nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc gắn với chiến lược phát triển kinh tế có tầm nhìn 30-50 năm. Từ đó, các tỉnh, thành, bộ, ngành, các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng những kế hoạch cụ thể thực hiện bao gồm tất cả các nội dung đã được xác định, trong đó cần nhấn mạnh việc xác định các giá trị văn hoá chung và giá trị văn hoá của vùng, miền, dân tộc. Việc làm này hết sức quan trọng giúp cho công tác tư tưởng, các cơ quan truyền thông, ngành giáo dục, văn hoá xác định những chuẩn trong hoạt động. Bề dày của văn hóa vùng và truyền thống cách mạng địa phương là niềm tự hào song cũng vừa là trách nhiệm của nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai. Vì Đồng Nai là một vùng đất mở lại là vùng kinh tế trọng điểm của cả nước luôn thu hút một bộ phận lớn dân cư từ nhiều vùng miền trên cả nước nên nơi đây có tính chất đa dạng về văn hóa, tín ngưỡng. Về mặt xã hội thì đặc điểm mở này tác động đến đời sống tinh thần chung của cộng đồng trước và sau khi hội nhập. Những yếu tố tích cực làm cho đời sống tinh thần xã hội Đồng Nai phong phú nhưng những yếu tố tiêu cực lại tạo nên những ảnh hưởng không nhỏ trong xã hội. Vì vậy, việc xây dựng một môi trường văn hóa lành mạnh nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa, dân tộc của địa phương, cần phải thực hiện thường xuyên và trên cơ sở tính chất, đặc điểm của địa bàn, của dân cư. Muốn có một môi trường văn hóa lành mạnh, trước hết phải có một môi trường xã hội lành mạnh, gia đình văn hóa đúng nghĩa. Môi trường văn hóa gắn liền với môi trường sinh hoạt và công tác của tập thể, cộng đồng, dân cư... Các ngành chức năng trong quản lý nhà nước cần củng cố, hoàn thiện những thiết chế văn hóa cơ sở (nhà văn hóa, phòng truyền thống, thư viện văn hóa, thư viện, câu lạc bộ...), khuyến khích các hình thức sinh

hoạt văn hóa theo hướng chủ động và tính tự quản của người dân dưới sự hướng dẫn của cơ quan chức năng. Chúng ta vừa “xây” dựng môi trường văn hóa đồng thời phải “chống” lại những hiện tượng, tệ nạn xã hội đi ngược lại văn hóa. Phương châm là “xây” phải đi đôi với “chống”; xây là biện pháp cơ bản và chống thì phải thực hiện triệt để, phải thực hiện đồng bộ thì mới có được kết quả cao.

2. Đồng Nai là tỉnh có nhiều tiềm năng, lợi thế, năng động, sáng tạo, luôn duy trì tốc độ tăng trưởng cao, kinh tế - xã hội phát triển, quốc phòng – an ninh ổn định, là điểm sáng về kinh tế - văn hóa - lịch sử trong khu vực. Trong giai đoạn hội nhập kinh tế quốc tế như hiện nay, chúng ta được kế thừa những tinh hoa văn hóa của nhân loại và thụ hưởng những thành tựu của khoa học kỹ thuật, công nghệ hiện đại; áp dụng hiệu quả vào thực tiễn cuộc sống, lao động và sản xuất. Tận dụng những thuận lợi đó, chúng ta cần cụ thể hóa việc kết nối song hành giữa mục tiêu phát triển kinh tế với bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá, thông qua các chương trình, mục tiêu phát triển gắn với lộ trình từng giai đoạn, nhằm hướng đến việc phát triển đồng đều giữa: kinh tế, văn hoá và môi trường. Đảm bảo trong mỗi chương trình hoạt động hàng năm của các địa phương có các mục tiêu thực hiện việc bảo tồn và phát huy những giá trị văn hoá cụ thể. Đồng thời cần tiếp tục xây dựng các quy định xử lý khi xảy ra mâu thuẫn giữa các lợi ích trái chiều nhau theo hướng ưu tiên bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa truyền thống dân tộc.

Đẩy mạnh xã hội hóa công tác bảo tồn và phát huy giá trị các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh. Việc bảo tồn và phát huy không chỉ là trách nhiệm của các cấp chính quyền, mà còn là trách nhiệm của toàn xã hội và mọi công dân. Tạo điều kiện mở rộng nguồn đầu tư khai thác về tiềm năng vật lực và tài lực của xã hội trong tham gia bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa- lịch sử của các thiết chế văn hóa theo phương châm nhà nước và dân cùng làm; đa dạng hóa các loại hình, hạng mục công trình được đầu tư chính chu về mặt hình ảnh và chất lượng; tập trung và khai thác sức mạnh đoàn kết của toàn dân cùng chung tay bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc trong tương lai; qua đó phát huy quyền làm chủ của nhân dân trong các hoạt động kiểm tra- giám sát các hoạt động của Đảng và nhà nước.

Cần chú trọng đầu tư, phát triển các di tích lịch sử- văn hóa trên những đặc tính lợi thế vốn có với những mô hình du lịch hấp dẫn, mới lạ; những khu trưng bày sản phẩm làng nghề truyền thống của địa phương, khu trò chơi dân gian, sinh hoạt văn hóa giới thiệu làng nghề; ca múa dân gian của các dân tộc trên địa bàn tỉnh; cải tạo cảnh quan thiên nhiên; kết hợp với những hạng mục công trình hiện đại theo định hướng: bảo tồn, tôn tạo các giá trị văn hóa – lịch sử nhằm hình thành loại hình

du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh có sức hấp dẫn cao; đồng thời lồng ghép hơi thở hiện đại, cách tân có chọn lọc để tạo tiêu điểm tầm nhìn cho toàn bộ khu di tích.

3. Trong diễn trình phát triển của một dân tộc, di sản văn hóa đóng một vai trò rất quan trọng vì nó là nguồn lực nội sinh cho quá trình tiếp biến, phát triển văn hóa. Di sản văn hóa tạo nên ký ức văn hóa của một dân tộc và chức năng của nó là tạo nên bức chân dung tự họa của dân tộc, yếu tố cơ bản tạo thành bản sắc văn hóa dân tộc. Đồng Nai là một trong những tỉnh phía Nam chứa đựng nhiều giá trị văn hóa- lịch sử. Về di sản vật thể, hiện nay Đồng Nai có nhiều di tích lịch sử được xếp hạng với đa dạng về loại hình: khảo cổ, lịch sử, kiến trúc, tín ngưỡng, lưu niệm danh nhân, truyền thống cách mạng... đã và đang được đầu tư kinh phí để trùng tu bảo tồn phục vụ nhu cầu tuyên truyền, giáo dục lịch sử cách mạng như: Chiến khu Đ, Nhà Xanh, Nhà lao Tân Hiệp, Trung ương Cục Miền Nam... Về di sản văn hóa phi vật thể như lễ hội, phong tục tập quán, các loại hình nghệ thuật hát, múa nhạc... được tổ chức ở các đền, chùa, cộng đồng dân tộc trên mảnh đất Đồng Nai được các cấp chính quyền quan tâm sưu tầm quản lý như: Di sản Hán- Nôm trong đình, chùa Biên Hòa; Lễ hội đâm trâu của người Mạ; Nghệ thuật hát, múa của người Châu Ro, Châu Mạ; Chuyện kể, loại hình hát kể các dân tộc thiểu số bản địa; Tín ngưỡng và lễ hội người Hoa...

Do nhiều yếu tố tác động, công tác bảo vệ và phát huy các di sản văn hóa chưa thật sự được quan tâm đúng mức. Nhiều di tích lịch sử còn quản lý thiếu chặt chẽ, tình trạng xuống cấp của các di tích chưa được trùng tu, tôn tạo kịp thời hoặc trùng tu chưa tương xứng, khoa học. Về di sản văn hóa phi vật thể, chúng ta chỉ mới bước đầu nghiên cứu, bảo tồn trong khi chúng đứng trước những nguy cơ mai một thật sự; những giá trị sưu tầm chỉ chiếm một phần khiêm tốn trong khối lượng lớn nguy cơ



mất đi vĩnh viễn. Mặt trái của nền kinh tế thị trường cũng là nguyên nhân làm cho các giá trị truyền thống đối mặt với những nguy cơ tha hóa vì khuynh hướng thương mại hóa, đầu cơ và lợi dụng văn hóa để trục lợi.

Bảo vệ các giá trị di sản văn hóa là một việc làm thiết thực nhưng chỉ dừng ở đó cũng chưa đủ. Vấn đề đặt ra là chúng ta phải làm sao để phát huy những giá trị trong đời sống hiện nay, phục vụ cho đời sống tinh thần của đại bộ phận quần chúng, biến những giá trị này thành động lực để phát triển đất nước. Để những giá trị di sản luôn sống, chúng ta không chỉ thực hiện công tác bảo tồn mà còn phải tuyên truyền, giáo dục về lịch sử - văn hóa, quảng bá giá trị di sản văn hóa bằng nhiều loại hình sáng tạo, phong phú, đa dạng đến mọi đối tượng. Chúng ta cần quan tâm đến việc đẩy mạnh giao lưu văn hóa với các địa phương trong và ngoài nước; chủ động giao lưu, giới thiệu những giá trị văn hóa đến bạn bè quốc tế song song với việc tiếp nhận những cái hay, cái đẹp, cái tiên tiến để bồi đắp cho nền văn hóa nước nhà để có chương trình, kế hoạch bảo tồn, tôn tạo và phát triển quy mô các di sản văn hóa; đồng thời kiên quyết ngăn chặn những ảnh hưởng tiêu cực, lai căn. Cần nâng cao hiệu quả của việc giao lưu hợp tác quốc tế trong phát triển các giá trị di sản văn hóa. Những kinh nghiệm trong cách quản lý, trùng tu các di tích lịch sử và nhân rộng phát triển di sản phi vật thể từ nước bạn là bài học quý giá để ta tiếp thu, học hỏi.

Thường xuyên tổ chức các buổi tọa đàm, hội thảo chuyên đề về công tác bảo tồn các di tích; các buổi triển lãm ảnh, tư liệu, hoặc các sản phẩm đặc sản văn hóa của địa phương; tổ chức các buổi giao lưu, giới thiệu về các di sản văn hóa phi vật thể của địa phương nhằm duy trì nét đẹp của từng nhóm đối tượng; quảng bá và định kỳ kiểm kê, đánh giá, phân loại, bảo tồn hiện vật kịp thời, hiệu quả.

4. Tiếp tục nâng cao hiệu quả công tác sưu tầm, bổ sung các tư liệu, hiện vật quý giá còn lưu lạc trong dân gian để nghiên cứu và làm phong phú thêm bộ sưu tập những sản vật văn hóa – lịch sử đã và đang được trưng bày tại Bảo tàng tỉnh Đồng Nai hoặc các Nhà truyền thống ở các di tích. Đồng thời các Ban quản lý tại các di tích cần phải làm tốt công tác bảo tồn các văn hóa vật thể và phi vật thể, bảo vệ kiến trúc, cảnh quan hiện hữu và nếu có trung tu, bảo dưỡng và phát triển thêm phải phù hợp, tương ứng với môi trường, cảnh quan, tập quán, tín ngưỡng của vùng miền, dân tộc nhưng vẫn giữ được bản sắc văn hóa dân tộc của địa phương.

Khi tổ chức các sự kiện văn hóa cần chọn lọc, hợp lý; đa dạng hóa hình thức tổ chức, tránh lãng phí dàn trải hoặc có những ý kiến trái chiều từ dư luận xã hội. Mục đích là hiệu quả mang lại chứ không phải số lượng nhiều nhưng chất lượng

không cao; thu hút được ngày càng nhiều sự quan tâm tích cực của đông đảo quần chúng nhân dân.

5. Cần tiếp tục tăng cường truyền thông, quảng bá hình ảnh các di sản văn hóa; phối hợp chặt chẽ với các sở, ban, ngành có liên quan trên toàn tỉnh; các đơn vị truyền thông và các công ty dịch vụ lữ hành triển khai các hoạt động tiếp thị, đặc biệt là quảng bá du lịch rộng rãi cho du khách trong nước và quốc tế. Chúng ta cần có chiến lược quảng bá hình ảnh một Đồng Nai đầy tiềm năng, giàu đẹp; qua đó, người dân và du khách hiểu hơn về truyền thống lịch sử hào hùng và nền văn hóa đậm đà bản sắc dân tộc. Nó còn là phương tiện hữu hình giới thiệu về hình ảnh Đồng Nai đến du khách trong và ngoài nước, tạo tiền đề cho các chiến lược phát triển du lịch góp phần tăng trưởng kinh tế - xã hội của tỉnh nhà.

Tích cực tuyên truyền giáo dục pháp luật cho người dân, giúp họ nâng cao ý thức, những hiểu biết về việc bảo tồn, phát huy những giá trị lịch sử- văn hóa của các di sản văn hóa hiện tồn trên địa bàn tỉnh; phát hiện, ngăn chặn kịp thời và có biện pháp xử lý nghiêm với những trường hợp cố tình phá hoại, xâm phạm các tư liệu, hạng mục công trình hoặc nói xấu, bôi nhọ các thiết chế văn hóa ấy. Khuyến khích, vận động người dân cùng tham gia vào hoạt động bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa dân tộc bằng những hoạt động cụ thể.

Hiện nay, khi đời sống vật chất đã đảm bảo ổn định, thì nhu cầu hưởng thụ về tinh thần rất được coi trọng. Người dân có thể tìm hiểu thông tin bằng nhiều hình thức như: qua truyền thông, báo chí, internet hoặc thực địa tùy thuộc vào nhu cầu, khả năng và tiềm lực kinh tế của bản thân. Vấn đề cần đặt ra là ta cần tạo sự khác biệt, đặc sắc để thu hút sự quan tâm, tìm hiểu của người dân đối với đến với loại hình du lịch văn hóa, lịch sử tại các di sản văn hóa; qua đó nâng cao nhận thức về vai trò và các giá trị văn hóa truyền thống của vùng đất Đồng Nai- gian lao mà anh dũng. Họ từ tò mò, yêu thích, ngưỡng mộ dần chuyển sang thái độ hăng hái, quyết tìm hiểu, đi để biết và học hỏi của mỗi cá nhân, đến việc lập nhóm cùng đi tham quan; từ đó kích cầu các loại hình du lịch sinh thái tại địa phương.

Chúng ta cần có chiến lược bảo tồn, phát triển văn hóa dân tộc toàn diện; kết hợp với triển khai các tuyến du lịch đặc thù đường bộ và đường thủy; kết nối giữa du lịch sinh thái tự nhiên với du lịch văn hóa truyền thống tại các địa chỉ đỏ cách mạng; du lịch sông nước dọc tuyến sông Đồng Nai; du lịch tâm linh, truyền thống cách mạng tại các địa chỉ đỏ; mở “Tuyến du lịch vàng” tham quan thành phố Biên Hòa và các sản phẩm du lịch với chủ đề “Truyền thống hiếu học”: Văn Miếu Trấn Biên, Bảo tàng Đồng Nai, Chiến Khu Đ...

Bên cạnh đó, chúng ta cần khai thác đa dạng các ấn phẩm, tạp chí, bưu thiếp, cẩm nang du lịch văn hóa địa phương và các làng nghề truyền thống để giới thiệu về văn hóa Đồng Nai được xuất bản, ấn hành quảng bá rộng rãi đến công chúng trong nước và quốc tế phù hợp với xu hướng phát triển du lịch hiện nay; gắn liền với khai thác di sản văn hóa. Một số địa phương trên cả nước như: Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Đà Nẵng, Nha Trang- Khánh Hòa, Cần Thơ, Quảng Ninh... đã làm rất tốt công tác quảng bá du lịch và nét đẹp văn hóa tại địa phương thông qua các ấn phẩm, tạp chí du lịch giới thiệu về tiềm năng du lịch, cảnh quang thiên nhiên, văn hóa ẩm thực, đặc sản làng nghề, tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc...; qua đó đã tạo hiệu ứng rất tốt trong công chúng trong và ngoài nước. Đó cũng là một kinh nghiệm quý mà chúng ta nên tiếp thu.

Tăng cường khả năng ứng dụng của các Trang Fanpage và cập nhật thường xuyên những thông tin mới về đặc sản văn hóa vùng miền tại Đồng Nai, những động thái tích cực của các cấp chính quyền trong việc bảo tồn và phát huy văn hóa của các di sản văn hóa; những phát hiện mới khám phá tại các địa chỉ đỏ; công tác sưu tầm, lưu trữ và quảng bá các tư liệu, hiện vật quý hiếm; đồng thời tiếp nhận các ý kiến phản hồi của nhân dân một cách cầu thị để hoàn thiện các dịch vụ du lịch và có cơ sở để đổi mới, phát huy....

6. Chú trọng đến công tác tổ chức, xây dựng bộ máy, tuyển chọn đội ngũ cán bộ giỏi chuyên môn nghiệp vụ, giỏi ngoại ngữ, tốt văn hóa giao tiếp, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ, năng lực và cái tâm vì sự nghiệp văn hóa. Song song với việc đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ hướng dẫn viên vừa hiểu biết sâu sắc về văn hóa- lịch sử đất Đồng Nai; vừa nắm vững kiến thức, nghiệp vụ bảo tàng để giúp cho khách tham quan khám phá được những giá trị văn hóa, lịch sử đặc sắc đang ẩn chứa trong các di sản văn hóa. Thường xuyên tạo điều kiện cho cán bộ tham gia các buổi hội thảo, tập huấn liên quan đến công tác bảo tồn các di sản văn hóa nhằm nâng cao nhận thức, kinh nghiệm và tiếp cận với những cách thức nghiên cứu, quản lý hiện đại khoa học, từ đó dần đổi mới cách nghĩ và làm việc của bản thân và tổ chức.

7. Việt Nam gia nhập WTO, đồng thời với việc tăng mức độ xung đột, giao lưu, tiếp biến giữa các giá trị văn hoá truyền thống với các giá trị văn hoá của các nước, các dân tộc khác trên thế giới, và cả với các tạp phẩm phi văn hoá khác. Do đó, việc bồi dưỡng các giá trị văn hoá cụ thể cho từng đối tượng trong xã hội cần có ngay các biện pháp quyết liệt. Điều này một mặt nhằm bảo tồn các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc, đồng thời xác định các giá trị văn hoá mới giúp cho người dân, nhất là thế hệ trẻ nâng cao nhận thức, tiếp nhận và chuyển hoá các giá trị văn

hoá, nâng tầm các giá trị văn hoá truyền thống, là cơ sở đấu tranh loại trừ các tạp phẩm phi văn hoá du nhập

8. Bên cạnh bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá các di tích đã được phát hiện, cần tiếp tục xây dựng, bảo tồn, trao truyền, vun đắp các giá trị mới đang hình thành và phát triển trong xã hội hiện nay cho thế hệ mai sau. Bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá hướng đến phát triển bền vững không những cần có sự kết hợp cả 3 yếu tố kinh tế, văn hoá và môi trường, mà còn phải phải cân nhắc đảm bảo sự bền vững của hiện tại và tương lai.

Sức lan tỏa ảnh hưởng của internet, mạng xã hội trong thời đại kỹ thuật số giúp cho giới trẻ có cơ hội tiếp xúc với thế giới bên ngoài, trau dồi vốn ngoại ngữ, kỹ năng sống; tiếp cận thông tin được cập nhật hóa liên tục; được hỗ trợ những tiện ích tiết kiệm được thời gian và tiền bạc. Tuy nhiên, hệ lụy của việc công nghệ hóa và hội nhập cũng để lại những hệ lụy khôn lường đáng báo động: giới trẻ dần sống khép kín, nghiện những trò chơi bạo lực, tha hóa về đạo đức, lối sống; tiếp nhận những luồng thông tin trái chiều không chính thống, chưa qua sàng lọc; tệ nạn xã hội gia tăng... Một số không nhỏ học sinh – sinh viên chưa chú tâm vào nhiệm vụ học tập của mình, sống theo chủ nghĩa cá nhân và vật chất, chưa thật sự quan tâm đến khả năng tư duy, nhận thức. Vấn đề cần đặt ra ở đây là các cấp lãnh đạo tỉnh không chỉ cần có những động thái tích cực hơn nữa trong công tác giáo dục đào tạo nhân tài mà còn ở việc đào tạo người vừa hồng vừa chuyên, có tư duy, nhận thức, có đức có tài, kỹ năng ứng xử xã hội tốt và am hiểu về lịch sử - văn hóa của địa phương. Có hiểu về nguồn gốc và văn hóa dân tộc thì mới biết trân trọng và gìn giữ, phát huy. Ngoài ra, gia đình, nhà trường và xã hội nên thường xuyên quan tâm, tuyên truyền, giáo dục cho thế hệ trẻ nhằm nâng cao nhận thức, niềm say mê, yêu thích, tìm tòi học hỏi về lịch sử - văn hóa của tỉnh nhà. Đó cũng là sự đóng góp không nhỏ trong việc xây dựng những giá trị sống tích cực của người Đồng Nai hiện đại, văn minh trong quá trình xây dựng và phát triển Đồng Nai theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phát triển bền vững.

Do đó việc bảo tồn các di sản văn hoá vật thể phải đi liền với phát huy các giá trị văn hoá phi vật thể để tiếp tục củng cố, trau dồi, vun đắp, trao truyền những giá trị sống của truyền thống văn hoá dân tộc. Tăng cường và bổ sung những kiến thức về các giá trị văn hoá truyền thống dân tộc trong các nội dung giảng dạy của nhà trường các cấp học, phù hợp đặc điểm tâm sinh lý với lứa tuổi học sinh, sinh viên, theo hướng “thấm thấu” một cách tự nhiên, đa dạng hoá các hình thức, không áp đặt nặng nề. Thường xuyên đổi mới phương thức giáo dục lịch sử qua các bài học đòi hỏi khả năng sáng tạo, nghiên cứu thực địa, sinh hoạt nhóm, thuyết trình;

giáo dục kỹ năng sống, giá trị sống cho học sinh để các em có định hướng trong sinh hoạt và học tập; phát huy những tiềm năng của bản thân. Tăng cường các buổi nói chuyện chuyên đề, thảo luận về bản sắc văn hóa, giá trị truyền thống của các dân tộc; hoặc tổ chức các chuyến tham quan về nguồn về các địa chỉ đỏ trên địa bàn tỉnh; tạo điều kiện để các cháu tham gia các hoạt động dâng hương, thắp nến tri ân, báo công hoặc tham gia sinh hoạt trong các lễ hội văn hóa đặc sắc; tổ chức các cuộc thi Hành trình di sản, Hội trại văn hóa rộng rãi trong Học sinh- Sinh viên giữa các trường trong toàn tỉnh, qua đó, các em sẽ nâng cao nhận thức về lịch sử và truyền thống hào hùng của đất Đồng Nai; giáo dục các em lòng yêu nước, yêu lịch sử dân tộc, khích lệ sự say mê học tập, tự rèn luyện vươn lên đạt thành tích cao trong học tập và có ý thức bảo tồn Di sản Văn hóa dân tộc.

Tổ chức tốt việc tuyên truyền, biểu dương gương “Người tốt, việc tốt” cũng như xây dựng và nhân gương điển hình tiên tiến trong toàn tỉnh về thực hiện công tác chuyên môn, phong trào thi đua, trong học tập và rèn luyện. Phát động rộng rãi hơn nữa và đa dạng hóa hình thức trong thực hiện cuộc vận động “Học tập và làm theo tấm gương, phẩm chất, đạo đức Hồ Chí Minh” trong toàn thể nhân dân nhằm xây dựng một xã hội văn hóa, chuẩn mực, tiến bộ trong thời đại mới.

9. Chúng ta cần đưa tiêu chí bảo vệ rừng, trồng rừng, bảo vệ tầng sinh quyển trở thành tiêu chí đánh giá mức độ, tầm văn hoá của mỗi quốc gia, dân tộc, địa phương. Bởi đa số các dân tộc thiểu số ở Đồng Nai đều gắn môi trường sống, sinh hoạt văn hoá, duy trì, trao truyền các giá trị văn hoá gắn với rừng. Do đó bảo vệ và mở rộng diện tích rừng là góp phần không nhỏ đến bảo tồn văn hoá truyền thống dân tộc.

10. Đề nghị trong thời gian tới, Tỉnh ủy và UBND tỉnh quan tâm và tạo điều kiện hơn nữa đến việc bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa- lịch sử của các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể trên địa bàn tỉnh; xem xét duyệt chi kinh phí các kế hoạch sửa chữa, tu bổ các di tích đã xuống cấp và xây dựng mới các công trình hạng mục thiết yếu, hiện đại phù hợp với nhu cầu và mục đích sử dụng của di tích nhằm chào đón kỷ niệm 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai.

11. Hiện nay, các thế lực thù địch vẫn đang ráo riết đẩy mạnh hoạt động “*Diễn biến hòa bình*” với những phương thức, thủ đoạn ngày càng thâm độc, xảo quyệt, nhằm xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng và chế độ xã hội chủ nghĩa của nước ta; tăng cường xuyên tạc Chủ nghĩa Mác- Lê nin, tư tưởng Hồ Chí Minh nhằm làm tan rã khối đoàn đại đoàn kết giữa Đảng với nhân dân... Thông qua các phương tiện truyền thông, các trang mạng xã hội các thế lực thù địch, phản động, cơ hội

chính trị để chống phá cách mạng nước ta, tạo dư luận, kích động đòi quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, cung cấp nhưng thông tin sai sự thật, xấu độc hại để làm người tiếp nhận có cái nhìn lệch lạc về lịch sử, xã hội và về chủ trương, đường lối của Đảng và lý tưởng Bác Hồ. Thông qua việc thiết lập các website, blog để tổ chức truyền tải thông tin xấu, độc nhằm: *Phá hoại tư tưởng, đời sống văn hóa tinh thần của các tầng lớp nhân dân; gây nhiễu loạn thông tin, làm phức tạp về chính trị xã hội; làm suy giảm niềm tin của nhân dân với Đảng, Nhà nước và chính quyền các cấp.* Chiêu bài chính chúng tập trung hướng vào là lợi dụng những sơ hở, thiếu sót trong quản lý kinh tế, văn hóa, xã hội; khai thác thông tin từ những vụ việc tiêu cực xảy ra trong đời sống để xuyên tạc, thổi phồng; lấy hiện tượng quy kết thành bản chất; đăng tải những thông tin thật, giả lẫn lộn, đưa ra cái gọi là “tài liệu chứng minh” để xuyên tạc vai trò lãnh đạo của Đảng, pháp luật của Nhà nước... Qua đó làm gia tăng các biểu hiện “tự chuyển biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và kích động xã hội nảy sinh quan điểm tùy tiện, phản biện vô nguyên tắc, phản đối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, kêu gọi từ bỏ Đảng; thúc đẩy lối sống thực dụng, tầm thâu tư duy văn hóa ngoại lai vào đời sống văn hóa, tinh thần của nhân dân (nhất là thế hệ trẻ) làm phai nhạt lý tưởng cách mạng, băng hoại đạo đức xã hội...

Vì vậy, công tác đấu tranh phòng, chống âm mưu, hoạt động “diễn biến hòa bình” của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa chính là nhiệm vụ của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng, phải được triển khai tích cực, thường xuyên và lâu dài. Trong đấu tranh phải kiên quyết, linh hoạt, chủ động, kết hợp giữa “xây” và “chống”, lấy “xây” làm chính. Chúng ta cần làm tốt công tác định hướng thông tin chính thống, chân thực, khách quan, kịp thời đến người dân nhằm tạo nền tảng tư tưởng xã hội tốt; nhanh chóng đập tan những thông tin trái chiều, sai sự thật gây hoang mang dư luận. Bên cạnh đó, cần tăng cường công tác quản lý, kiểm sát chặt chẽ nội dung thông tin trên các phương tiện truyền thông đại chúng, internet; kịp thời ngăn chặn, đề nghị gỡ bỏ những bài viết thiếu chính xác, sai lệch bản chất về những vấn đề văn hóa, chính trị, đạo đức, lối sống hoặc những thông tin giật gân, câu khách thiếu kiểm chứng.

Ngoài ra, chúng ta cần nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, chính trị, ngoại ngữ, tin học; nâng cao tinh thần cảnh giác trước những luận điệu xuyên tạc, bôi nhọ, kích động của các thế lực thù địch; sáng suốt, tiếp thu có chọn lọc các thông tin chính thống được cung cấp; đồng thời chủ động đấu tranh, phản bác các quan điểm, thông tin sai trái, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch chống phá Đảng, Nhà nước, chia rẽ khối đại đoàn kết dân tộc và những thông tin

thiếu tính xây dựng. Đó cũng là một cách thể hiện lòng yêu nước của một công dân gương mẫu, có tri thức, có văn hóa luôn bắt kịp xu hướng của thời đại, nhưng vẫn luôn giữ gìn bản sắc văn hóa của dân tộc: đoàn kết, yêu thương, giúp đỡ nhau cùng tiến bộ vì một mục đích chung là cùng nhau xây dựng một đất nước Việt Nam giàu đẹp đậm đà bản sắc văn hóa dân tộc. Nhắc đến đây tôi lại nhớ lời Bác dạy khi xưa: “Giữ gìn hòa bình là nhiệm vụ chung của toàn dân. Mỗi người dân Việt Nam là một chiến sĩ hăng hái đấu tranh cho hòa bình” hay “Nghĩa vụ của một người dân là phải yêu nước”. Yêu nước có nhiều cách để thể hiện, nhưng ta phải luôn tỉnh táo, sáng suốt không để bị lợi dụng, kích động do thiếu hiểu biết, thiếu thông tin kiểm chứng.

Là một sỹ quan an ninh, tôi luôn xác định việc học tập và thực hiện nghiêm túc 6 điều Bác Hồ dạy CAND là việc làm thường xuyên của bản thân trong suốt quá trình công tác. Vì vậy bản thân luôn đánh giá cao việc xây dựng đạo đức cách mạng, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư; trong công việc cũng như trong sinh hoạt luôn “Nói đi đôi với làm”. Bên cạnh đó, bản thân luôn ý thức rõ vai trò và trách nhiệm của chính mình trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa dân tộc; song song cùng với tập thể đơn vị quyết tâm chống các biểu hiện suy thoái về phẩm chất chính trị, đạo đức, lối sống, chống tham ô, tham nhũng, lãng phí, quan liêu nhằm làm trong sạch nội bộ và xây dựng đơn vị trong sạch, lành mạnh; nêu cao tinh thần cảnh giác trước những âm mưu của các thế lực thù địch; định hướng cho mình những giá trị sống tích cực; gương mẫu và giáo dục các thành viên trong gia đình giữ gìn đạo đức lối sống, xây dựng gia đình văn hoá.



Trong thời gian tới, bản thân và tập thể đơn vị tiếp tục thực hiện tốt cuộc vận động “Xây dựng phong cách người Công an nhân dân bản lĩnh, nhân văn, vì nhân dân phục vụ”; coi đây là một trong các giải pháp quan trọng nhằm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XII) của Đảng về “Tăng cường xây dựng, chỉnh

đồn Đảng; ngăn chặn đẩy lùi sự suy thoái về tư tưởng, chính trị, đạo đức lối sống, những biểu hiện “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ và Chỉ thị số 05-CT/TW ngày 15/5/2016 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh gắn với thực hiện Chỉ thị số 04/CT-BCA ngày 19/5/2018 của Bộ công an về đổi mới nâng cao chất lượng phong trào “Công an nhân dân học tập, thực hiện Sáu điều Bác Hồ dạy” trong tình hình mới. Tích cực cùng tập thể đơn vị tham gia các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, công tác xã hội từ thiện, dân vận tại các xã vùng sâu vùng xa trên địa bàn tỉnh nhằm góp phần xây dựng hình ảnh người cán bộ CAND đẹp trong mắt nhân dân.

Thông qua các phong trào, kết hợp với tuyên truyền vận động nhân dân tích cực tham gia phòng, chống tội phạm và tệ nạn xã hội bằng nhiều hình thức đa dạng phong phú; đặc biệt chú trọng ở những vùng tiềm ẩn nhiều nguy cơ bất ổn về chính trị như: vùng đồng bào dân tộc, thiểu số, tôn giáo, địa bàn có các khu công nghiệp tập trung, địa bàn trọng điểm về ANTT; từ đó nâng cao nhận thức của mọi người dân về ý thức chấp hành Hiến pháp, pháp luật; song song đó nhân dân có thể chủ động phòng ngừa, đấu tranh làm thất bại âm mưu, phương thức, thủ đoạn hoạt động của các thế lực thù địch, phòng ngừa “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa” trong nội bộ; phát huy tinh thần tố giác tội phạm giúp cơ quan công an đấu tranh ngăn chặn và triệt phá các loại tội phạm và các hành vi VPPL trên địa bàn.

Tăng cường công tác đối thoại, dân vận với các chức sắc tôn giáo, già làng trưởng bản của các vùng dân tộc thiểu số; qua đó có thể nắm bắt được tình hình, tư tưởng chính trị của các tôn giáo đối với những chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; kết hợp với vận động sự phối kết hợp của các đối tượng này để định hướng tư tưởng văn hóa cho người dân. Mỗi cán bộ, đảng viên trong Công an nhân dân cần có bản lĩnh



chính trị vững vàng, gần dân, hiểu dân, hướng dẫn và giúp đỡ cho dân, xây dựng được hình ảnh tốt đẹp trong lòng nhân dân để được dân tin yêu, dân thương dân nhớ, cảm phục; từ đó có ý thức chấp hành nghiêm Hiến pháp, pháp luật.

Tôi mong qua cuộc thi tìm hiểu này, chúng ta càng hiểu và thêm yêu những giá trị văn hóa- lịch sử mà 320 năm qua các bậc tiền nhân đã tạo dựng và lưu dấu ấn ở đất Đồng Nai này; đồng thời vận dụng tối đa vật lực và nhân lực của toàn xã hội phát huy những thành quả đó thành những nấc thang chói lọi trong sự nghiệp xây dựng và phát triển đất nước. Công cuộc giữ gìn và phát huy các giá trị văn hóa dân tộc của vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai không chỉ là nhiệm vụ của bất kỳ cá nhân nào mà đó là quyền và nghĩa vụ của cả tập thể xã hội, cần có sự đoàn kết một lòng của quân và dân Biên Hòa- Đồng Nai. Nhớ năm xưa, đạn bom khói lửa của thực dân Pháp và Đế quốc Mỹ không thể dập tắt được lòng yêu nước, khối đại



đoàn kết toàn dân của nhân dân Biên Hòa- Đồng Nai, bao tám gương anh dũng quyết tử cho tổ quốc quyết sinh đã nằm xuống mảnh đất anh hùng này vì nền độc lập chủ quyền cho thế hệ mai sau, thì chúng ta- thế hệ ngày nay cần phải nêu cao tinh thần trách nhiệm trong việc giữ gìn và phát huy những thành quả cha ông ta đã không tiếc máu xương giành được. Chúng ta hãy thể hiện lòng yêu nước đúng lúc, đúng nơi, đúng chỗ, thiết thực và hiệu quả: đó chính là hãy yêu và cảm nhận dòng máu Lạc Hồng chảy trong huyết quản; tự hào về truyền thống hào hùng bất khuất, thành đồng; ra sức giữ gìn và phát huy những giá trị văn hóa lịch sử của dân tộc; lấy tư tưởng Hồ Chí Minh làm kim chỉ nan cho mọi hành động; tuyệt đối tin tưởng sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam./.

LỜI KẾT

Qua 320 năm hình thành và phát triển, trải qua những bước thăng trầm của lịch sử từ lúc Đức Thượng Đẳng Thần Nguyễn Hữu Cảnh thiết lập nền hành chính tại vùng đất Biên Hòa – Đồng Nai; qua hai cuộc trường kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp và Đế Quốc Mỹ xâm lược, Đồng Nai đã tiến lên xây dựng và phát triển ngày càng hiện đại, văn minh và giàu đẹp như hiện nay. Đó là kết quả của sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh, sự góp công không nhỏ của những bậc tiền nhân, nhân tài trí thức trong cả nước; là bản lĩnh chính trị vững vàng, sự thấm nhuần đạo đức cách mạng, là tinh thần đoàn kết, phấn đấu hy sinh của quân và dân Đồng Nai; gắn với một nền văn hóa đặc sắc, đậm đà bản sắc dân tộc đã và đang được gìn giữ và phát huy. Vì vậy mỗi người dân Đồng Nai luôn tự hào về truyền thống, giá trị văn hóa – lịch sử của tỉnh nhà; thêm tin, thêm yêu và quyết tâm thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ tỉnh và chính quyền trong sự nghiệp xây dựng và phát triển tỉnh nhà một cách bền vững; đồng thời xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, thống nhất trong đa dạng của cộng đồng dân tộc Việt Nam... nhằm chào mừng kỷ niệm 320 năm hình thành và phát triển vùng đất Biên Hòa- Đồng Nai.

Qua bài thi này, tôi đã có dịp được cọ sát, thử sức mình trong một lĩnh vực mới mẻ; có cơ hội tìm hiểu và nghiên cứu nhiều tài liệu ở những lĩnh vực khác nhau; nâng cao nhận thức của bản thân trong học tập và công tác. Qua đây, tôi xin kính gửi lòng biết ơn sâu sắc đến Ban tổ chức Cuộc thi đã tạo cơ hội cho chúng tôi được tham gia một sân chơi bổ ích; Đảng ủy Công an tỉnh Đồng Nai, Cấp ủy Chi bộ PA06 đã có sự quan tâm sâu sát, chỉ đạo, tạo điều kiện thuận lợi để tôi sưu tầm tài liệu, thời gian hoàn tất bài thi.

Kính chúc Ban tổ chức, Ban Giám khảo sức khỏe; kính chúc Hội thi thành công tốt đẹp!

MỤC LỤC

1. Lời giới thiệu.....	trang 1
2. Câu 1.....	từ trang 2 đến trang 103
3. Câu 2.....	từ trang 104 đến trang 163
4. Lời kết.....	trang 164
5. Mục lục.....	trang 165
6. Tài liệu Tham khảo.....	trang 166

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Địa chí Đồng Nai (5 tập)
2. Văn hóa Đồng Nai
3. Biên Hòa – Đồng Nai 300 năm hình thành và phát triển
4. Đồng Nai – Từ mở cõi đến mở cửa
5. Đồng Nai – Di tích lịch sử, văn hóa
6. Hỏi đáp về Biên Hòa – Đồng Nai
7. Biên Hòa – Đồng Nai xưa và nay
8. Văn hóa văn vật Đồng Nai
9. Địa danh hành chính – văn hóa – lịch sử Đồng Nai
10. Biên Hòa xưa
11. Các Website:
 - <http://dost-dongnai.gov.vn>
 - <http://svhttdl-dongnai.gov.vn>
 - <http://tuyengiao.dost-dongnai.gov.vn>
 - <http://baodongnai.com.vn>